

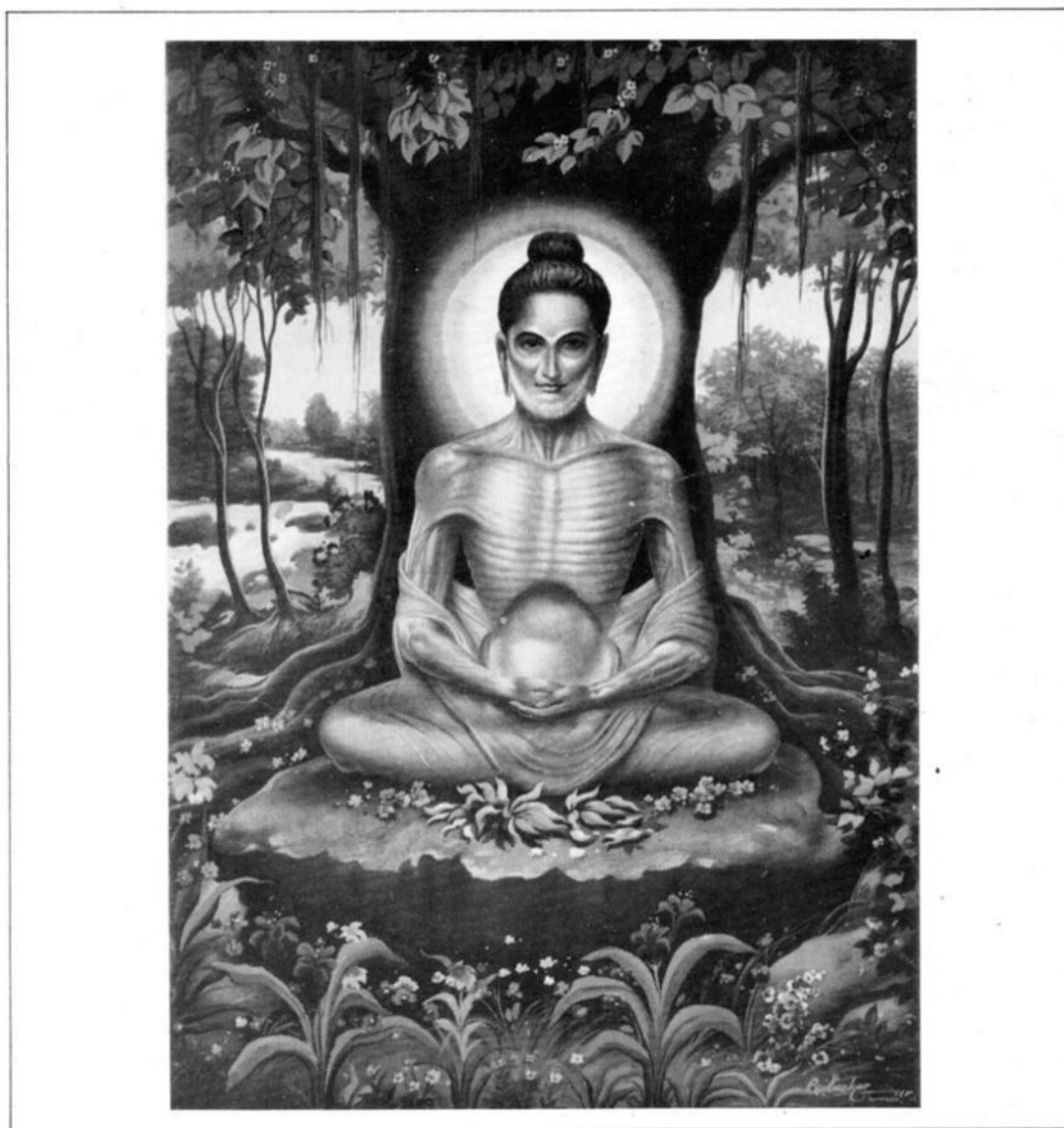
# VIÊN GIÁC



BỘ MỚI  
SỐ

**20** THÁNG TƯ NĂM 1984  
APRIL 1984

AUSGABE IN VIETNAMESEISCH UND DEUTSCH



TẠP CHÍ CỦA KIỀU BÀO VÀ PHẬT TỬ VIỆT NAM TẠI CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC  
ZEITSCHRIFT DER VIETNAMESEN UND VIETNAMESISCHEN BUDDHISTEN  
IN DER BUNDESREPUBLIK DEUTSCHLAND

Trong số này  
in dieser Ausgabe

Thư Tòa Soạn	Trang
Ý nghĩa việc An Cư	01
Thư so sánh triết lý	04
Biển Chân Tâm Diệu Minh	06
Quan điểm của Phật Giáo	09
Lá thư Tịnh Độ	11
Thiền Vị, Đạo Vị, Thi vị	13
Việt Nam Phong Sự	17
Quốc Sử tạp lục	20
Truyện Hùng Đạo Vương	23
Dịch Lý	27
Allgemeine Buddhalehre	30
Gefangener des Vietcong	33
Die ill. Geschichte Buddh.	37
Das Wunder, wach zu sein	40
Thơ	44
Nghiệp thức chiêu cảm	45
Đường không biên giới	49
Ngọn đèn	53
Kỷ niệm hồng	56
Hạnh phúc của Thi	59
Vụ án Thi Lộ	61
Trang GLGĐPT	68
Điểm sách	70
Gia Chánh Chay	74
Tin Tức	75
Phưởng Danh Quý Phật Tử	78



# Thư tòa soạn

Mùa Đông đã ra đi và mùa Xuân đã đến rồi. Vạn vật hoan ca, đang mừng mùa Xuân mới. Cây cối đang đâm chồi nảy lộc để đón Xuân sang, lòng người cũng hân hoan cùng với muôn loài và vũ trụ.

Trong tình thương yêu nhân loại của Đấng Từ Tôn, của các bậc Đại Giác và các vị Bồ Tát vì hạnh nguyện độ sanh, có lẽ các Ngài cũng vui khi thấy lòng người đang có mầm hy vọng vươn lên trong cuộc sống và có lẽ các Ngài sẽ hoan hỷ hơn khi nhân loại biết quay về nẻo thiện, gây nhântích đức trong đời này cũng như cho vị lai để có được một kết quả đẹp trong giòng đời trôi chuyển này.

Người Phật tử Việt Nam tại Tây Đức cũng trong niềm hy vọng ấy, nên đã, đương và sẽ phát nguyện tạo dựng một ngôi chùa cho xứng đáng là mái nhà chung cho mọi người, để có nơi chốn lễ bái nguyện cầu, hân huyên tâm sự trong lúc sống xa quê hương Tổ Quốc như ngày nay.

Ước nguyện thì bao la nhưng khả năng thì giới hạn, nên kính mong các bậc Thiện Hữu tri thức, các bậc Tôn Túc và quý vị Phật tử xa gần gia tâm ủng hộ và cầu nguyện để công việc đại sự trên chóng thành như nguyện ước. Cho đến nay chính quyền Tây Đức vẫn chưa có quyết định dứt khoát về việc giúp đỡ chùa ở phương diện nào, nên chưa thông báo đến đồng bào Phật tử được. Khi nào có tin tức rõ ràng, chúng tôi sẽ thông báo đến quý vị.

Nguyện cầu thế giới sớm thanh bình, dân tộc Việt không còn điều linh thống khổ nữa và lòng người muôn độ lại nở hoa và nguyện cầu cho ngôi chùa Viên Giác tại Tây Đức sẽ được thành tựu như ý nguyện.

VIÊN GIÁC

Chủ trương Thích Như Điển  
Herausgeber

Kỹ thuật Thị Chơn  
lay out

Cùng sự cộng tác của  
Mitwirkung der  
Hội Sinh viên và Kiều bào  
Phật tử Việt nam  
tại Cộng hòa Liên bang Đức  
Vereinigung d. vietn. buddh.  
Stud. u. Vietn. in d. BRD e.V.

Tòa soạn Pagode VIÊN GIÁC  
Redaktion  
Trung tâm Văn Hóa Phật Giáo VN  
Vietnam, buddh. Kulturzentrum

Eichkampstr 35a, 3000 Hannover 81  
Tel 0511. 864638

## AN CƯ KIẾT HẠ

THÍCH NHƯ ĐIỂN

Đã có nhiều vị hiểu rõ ý nghĩa của việc an cư kiết hạ; nhưng cũng có lắm người Phật tử chưa; nên hôm nay chúng tôi xin viết và nói sơ lược về ý nghĩa "AN CƯ KIẾT HẠ".

Khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế mỗi năm Ngài và đệ tử của Ngài đi d u phương hóa độ chỉ 9 tháng - 3 tháng còn lại, Đức Phật và Tăng chúng ở một nơi yên ổn - không di chuyển đi nơi khác, để t u hành và chuyên tâm vào việc hành t r ì giới luật cũng như thực tập thiền định. Ba tháng này bắt đầu từ rằm tháng 4 đến rằm tháng bảy âm lịch. Ba tháng ấy là mùa mưa của xứ Ấn, cơn trùng hay sinh s ả n nhiều, Đức Phật không muốn dẫm chân mình lên bao vạn sinh linh, nên Ngài chế r a phép an cư kiết hạ là vì lý do như trên.

Rồi từ đó Đạo Phật dần dà được t r uyền sang các nước khác ở phương Bắc và phương Nam Ấn Độ; chư Tăng vẫn một mực hành trì. Đối với những vị đã thọ giới Tỷ K h ệ o, nếu mỗi năm có an cư thì mới kể 1 tuổi đạo. Đối với các vị Tăng sĩ mới xuất gia hay thọ Sa Di, việc an cư cũng trở n ề n cần thiết, vì đó là cơ hội để học hỏi và tu trì. Các vị cư sĩ tại gia Bồ Tát hay ngũ giới cũng có thể theo hộ đạo và học hỏi để tiến tu đạo nghiệp.

Thông thường những Phật Học Viên, các Tổ Đình hoặc các chùa lớn tại Việt Nam mỗi năm đều tổ chức An cư kiết hạ như vậy. Các vị Tăng sĩ ở những chùa nhỏ, hay nh ữ nói không tổ chức được an cư cũng tự h ộ i về một nơi nào đó để nhập chúng an cư.

Theo đúng luật Phật chế, cứ 4 vị đã, thọ giới Tỷ Kheo trở lên có làm phép Yết Ma bạch Phật nhập hạ thì mới đúng phép an cư. Nếu không được 4 vị - 3 vị hay 2 vị hoặc 1 vị trở xuống cũng có thể làm phép kiết giới an cư; nhưng đó chỉ gọi là T ả m Niệm An Cư hoặc đối chúng an cư mà thôi.

Thường sau Đại Lễ Phật Đản - vào sáng sớm ngày 16 tháng 4, Tăng chúng vân tập n ớ i hậu tổ của chùa để nghe Thầy Trì Sự cáo bạch cùng các bậc tôn túc để làm phép Yết Ma cho việc An Cư kiết hạ. Chư Tăng lễ tổ và vân tập lên chánh điện.

Sau khi lễ Phật và làm lễ hòa hợp Tăng vị trụ trì, hay một vị Thượng Toạ lớn t u ổi đạo nhất đi làm phép kiết giới chung quanh vườn chùa (đất Già Lam) và những nơi quan trọng trong chùa, như giếng, nhà tr ụ - Đông Tây Nam Bắc, 4 hướng chung quanh c h ử a. Phép này cho biết là ranh giới của c h ư Tăng được ở và ngoài ranh giới này t h ì phải làm phép Yết Ma. Sau đó vị Trì Sự sẽ thông báo chương trình tu học t r 3 tháng để chư Tăng lãnh hội và lần lượt lễ Phật lễ Tổ lui về hậu đường.

Theo đúng phép an cư kiết hạ - vị Tăng sĩ an cư đầu là bậc Hòa Thượng, Thượng Toạ, Đại Đức Tăng, Đại Đức Ni, Thực Xoa Ma Ni, Sa Di, Sa Di Ni đi chẵn nửa phải ở trọn 90 ngày đêm trong đại giới đã làm p h ếp Yết Ma kiết giới - không đi ra khỏi vườn chùa mới hợp lệ. Nhưng nếu vị duyên s ư Phật pháp cần phải đi xa khỏi chùa m ộ t ngày một đêm nhân đến 40 ngày đêm c ứ ng được phép nhưng với điều kiện sau:

Vị nào đi khỏi nơi kiết giới một ngày một đêm thì có thể xin phép một vị Thượng Toạ lớn tuổi đạo nhất để đi, không có lỗi. Nếu từ 2 đêm đến 7 ngày 7 đêm phải có 4 vị Thượng Toạ đồng ý. Nếu từ 7 ngày đêm đến 40 ngày đêm phải được tất cả chúng tăng đồng ý. Nếu trong chúng có một người không đồng ý, việc ra đi không thành. Nếu đi quá 40 ngày đêm khỏi chỗ kiết giới xem n h ư việc an cư không thành và không có tuổi đạo.

Chương trình tu học hằng ngày rất nghiêm ngặt - Từ sáng sớm khoảng 4 giờ 30 phút thức dậy - tham thiền. 5 giờ công p h ư khuya, trì tụng thân chú Thủ Lăng Nghiêm-

Đến 7 giờ chấp tác - làm những công việc ngoài vườn và trong chùa. 8 giờ sáng dùng cháo. 9 giờ đến 11 giờ 30 phút và 15 giờ đến 17 giờ là giờ học tập kinh điển, giáo lý của chúng Sa Di, Sa Di Ni, hoặc Thúc Xoa Ma Ni hoặc Cư Sĩ. Nếu những vị đã thọ Tỳ Kheo và các bậc Tôn Túc Thượng Tọa khác dành thì giờ này để dịch kinh, dịch sách hoặc dạy Tăng chúng. 12 giờ trưa là giờ cúng quả đường, dùng cơm và đi kinh hành, sau đó xuống nghỉ trưa khoảng 1 tiếng đồng hồ để tiếp tục khóa học buổi chiều. 17 giờ 30 phút là giờ ở công phu chiều hay còn gọi là Thi Thức Cô Hôn - khoảng 18 giờ 30 phút là giờ ở dùng cháo. Đến 20 giờ có khóa lễ Tinh Đồ Tử 21 giờ đến 23 giờ là giờ học bài văn ôn bài. Trước khi đi ngủ tất cả Tăng chúng ngồi Thiền độ 30 phút.

Ngoài ra tối 14, 30 hoặc 29 tháng thiếu âm lịch đều có lễ Hông Danh Sám Hối. Sáng rằm và mồng một có lễ Chúc Tân, Thủ Ân và Tung Giới.

Vào các ngày thứ bảy và chủ nhật thường hay tổ chức Thọ Bát Quan Trai cho các Phật tử tại gia - một ngày một đêm 24 tiếng đồng hồ, học hạnh của người xuất gia để tạo nhân lành giải thoát.

Gần đến rằm tháng bảy có một lễ khá quan trọng gọi là lễ Tư Tư - nghĩa là lễ thọ nhận tuổi hạ và sám hối đối với bậc Tôn Túc bên trên hoặc ngang hàng. Lễ này nhằm kiểm điểm thành quả tu tập của vị Tăng sĩ trong 3 tháng an cư kiết hạ - có như thế mới thấy được những điểm hay và những điều nên tránh trong cuộc đời hành đạo của người Tăng sĩ.

Phật chế giới cho Tăng sĩ cũng như Cư Sĩ không ngoài mục đích là giữ gìn mỗi đạo cho có quy củ. Vì Đức Phật có dạy rằng: "Giới Luật là Thầy của tất cả - Giới Luật còn Phật pháp còn, Giới Luật mất, Phật pháp mất". Một vị Tăng sĩ không có giới đức, sống xa giới luật chẳng khác nào con hổ - loài chúa tể sơn lâm đã xa lìa khỏi núi. Vì thế mới có câu răn rằng: "Tăng ly chúng Tăng tăng, hổ ly sơn hổ bại".

Thế nhưng ai đã thọ giới và phạm giới, chính người ấy chịu, chứ không có ai chịu

thê được cho ai cả. Và cũng vì thế nên người nào thọ giới nào chỉ hành trì trong phạm vi của giới ấy - những giới cao hơn không được quyền biết đến - nếu chưa thọ giới. Ví dụ như vị cư sĩ không được quyền nghe giới của Sa Di. Vì Sa Di không được quyền nghe giới của vị Tỳ Kheo. Sự ràng buộc những người không ý thức được giá trị của giới luật sinh tâm kiêu mạn, khi thấy người khác không hành trì, hoặc hành trì sai - chính người không thọ giới đó dễ đưa vào nơi khổ nạn (và chính người không hành trì cũng thế) nên chư Phật và chư Tôn Chê r a điều đó rất nghiêm nhặt, nhằm ngăn chặn những người tâm không đoan chánh.

Cũng chính vì tâm niệm việc an cư và giữ giới quan trọng như thế nên năm nay (1984 sau Đại Lễ Phật Đản 2528 ngày 25, 26, 27/5 1984) chư Tăng chùa Viên Giác tại Tây Đức quyết định an cư kiết hạ để kiểm tra thân tâm, tu hành công đức - nhiên hậu mới có thể phục vụ đồng bào một cách đắc lực hơn.

Cũng chính vì thế - nên chúng tôi xin được yên tĩnh tu hành trong 3 tháng hạ, bỏ một công đức trong vô lượng công đức khác của người tu, xin được phép không nghe đi đến tận nơi - đầu là chuyện tối cần - trừ suốt 3 tháng an cư kiết hạ - có thể chỉ trả lời thư; nhưng rất giới hạn. Tuy nhiên quý vị cứ liên lạc về chùa. Vì ở đây sẽ có những vị cư sĩ hộ đạo, trả lời cho quý vị. Nếu chẳng may trong lúc chư Tăng an cư kiết hạ mà gặp người qua đời - chúng tôi cũng xin được phép không đi đưa đám. Nếu tang chủ muốn cầu siêu độ hoặc làm tuấn thất cho chư hương linh có thể về thăm chùa để chư Tăng làm lễ chú nguyện.

Thứ bảy và chủ nhật hàng tuần tại chùa Viên Giác đều tổ chức lễ Thọ Bát Quan Trai - quý vị Phật tử cư sĩ tại gia cố gắng dàn xếp việc nhà để về chùa tu tập công đức ấy thật vô lượng vô biên.

Nếu trong 3 tháng an cư kiết hạ ấy, có vị cư sĩ tại gia nào gia duyên không bị ràng buộc, có thể về chùa ở luôn trong 3, 2 hoặc 1 tháng tu tập và hộ đạo, giữ giới, trì trai v.v... chúng tôi cũng xin nhiệt liệt tán dương công đức.

Sau bao nhiêu năm làm việc cho đồng bào,

hay tu niệm cho chính mình thì đúng hơn - chúng tôi cần di dưỡng tinh thần trong thời gian tối thiểu là 3 tháng như thế. Kính mong các bậc Tôn Túc tử bi mẫn napa và đại xá cho những điều lầm lỗi. Kính đến quý vị Đạo Hữu và quý Phật tử gần xa một mối Đạo Tình thâm hậu và dấm mong rằng quý vị không phiền, không trách cứ Tăng bị khiếm diện trong các buổi lễ lễ c, cuối hay ma chay hoặc sự tham dự với các đoàn thể bạn trong những cuộc lễ lễ c, thuyết trình... Và để chư Tăng có đầy đủ điều kiện trong việc tu hành - Kính mong quý vị đân na thí chu tiếp tục hộ đạo tứ vật chất đến tinh thần như trước đây để mùa An Cư năm nay được thành công viên mãn.

Kính nguyện Đức Bốn Sư tử bi gia hộ cho đại nguyện của chúng con sớm đạt thành và nguyện cầu cho thế giới được hoà bình nhân sinh an lạc, vạn sự kiết tường như ý.

KÍNH NGUYỆN



Khánh Dần  
Xứ Phật

Ta qua xứ Phật ngày Khánh Dần  
Quy xuống nâng niu cát bãi Hằng  
Mơ dấu chân NGƯỜI bao thế kỷ  
Còn thơm mùi ĐẠO thuở tiên căn

Giòng Thiêng luân chuyển từ vô lượng  
Ta rót vào tim giọt Cam Lộ  
Dìm hết tử sanh vào đáy nước  
Cho hồn trẻ lại tuổi căn khô

Sắc không không sắc ta nào biết  
Trang trải lòng trên lớp Sóng thiêng  
Hãy gọi cho trong nghìn nghiệp dĩ  
Hãy tưới cho xanh những phước điền !

Ta qua xứ Phật ngày Khánh Dần  
Tìm lại nghìn xưa gót Phật Đà  
Nhắm mắt đưa hồn lên Linh Thứu  
Thấy chằng Tinh Độ giữa Ta Bà !...

★ Rishikesh PHẬT ĐÀN 83  
THỊ NGUYỆN

# Thử so sánh triết lý hành động của Thiền tông với Tịnh độ giáo

## THÍCH HẠNH TUẤN

(tiếp theo)

Trở về với thế giới tự Tâm Phật tánh của mình mà còn đem lại nhiều lợi lạc cho quần sanh một khi phép quán từ bi đã thuần thục. Với phép quán số tức giúp cho hành giả không vọng động tâm tưởng, thường an trú nội chơn tâm tịch diệt trở về với chân nghĩa của Thiền để đạt được trí tuệ. Một cách rõ ràng nhất, khi quán thân bất tịnh, nếu hành giả vào thì lâm để trừ c tiếp quán sát sự chuyển đổi của xác chết qua chín giai đoạn, từ thanh ú tởng, đến bạch cốt tởng, chắc chắn hành giả sẽ không còn ưa thích gì xác thân ngũ ấm giả tạo này nữa. Tâm niệm nhàm chán này như thể rất dễ cho hành giả nhập định. Sắc trần giờ đây chỉ còn như mộng huyễn, như quang năng có còn gì tác động đến tâm lý của hành giả.

Với Tịnh độ cũng có những phép quán để giúp cho hành giả trụ tâm khi niệm Phật như phép quán tướng niệm Phật, quán cõi tịnh độ, có Ý chánh trang nghiêm. Chính vì những uế trước phiền muộn ở cõi ta bà đang xa lìa, cho nên hành giả tu theo phép niệm Phật để được vắng sanh như bản nguyên của Đức Phật A Di Đà. Trong cái thế giới ta bà đầy đau khổ này từ khi hậu cho đến hoàn cảnh chung quanh không có gì là an vui cả, nó luôn luôn bức bách và nung nấu con người trong tâm thức khổ. Vì vậy Đức Phật đã hiện thị thế giới cực lạc có mọi điều kiện an vui để cho chúng sanh tu niệm mà được thác sanh về đó. Lối tu hành duy nhất để được vắng sanh là niệm danh hiệu của Đức Phật A Di Đà đến giai đoạn nhất tâm bất loạn. Nhưng vì sự mê mờ phóng túng của xác thân, sự phân duyên của tâm trí, hành giả khó mà định tâm một chỗ. Cho nên trong kinh Vô Lượng Thọ Đức Phật có dạy 16 phép quán - Quán tướng y, báo chánh báo trang nghiêm của thế giới cực lạc. Đây là phương tiện để cho hành giả duyên tâm ý mình vào một đối tượng mà đối

tượng đó chính là cảnh thanh tịnh giới a i thoát đẹp đẽ của thế giới cực lạc. Cứ quán tưởng lâu ngày như thế tâm sẽ được chuyển nhất một chỗ. Đến lúc lâm chung chắc chắn sẽ được vắng sanh. Hay ngay trong đời này, trong một chiều hướng cao hơn, khi hành giả đã thuần thục được 16 phép quán này có thể xem tư tánh mình là tịnh độ mà ngài Văn Thê Châu Hoảng đã diễn tả trong Di Đà Sở Sao.

Ngoài ra hai tông phái còn có một đối tượng tưởng cao đó là quán tưởng Thật Tướng với lối quán tưởng tam muội. Thay vì nương trên một đối tượng để quán sát tâm tịnh như Bát chú tam muội, nhất hạnh Tam muội (Lãng Nghiệm tam muội) để thấy tâm ta không ngoài tất cả, tất cả đều nằm trong tâm ta. Thiền còn dạy phép quán từ tâm ta là Thật tướng bình đẳng với tất cả các pháp, tất cả các pháp bình đẳng không ngoài tự tâm chúng ta. Theo phép quán thật tướng của thiền thì bất cứ lúc nào hành giả cũng phải nhìn vào tự tâm tự tánh của mình, mỗi ý niệm tâm tư luôn luôn hài hòa với tự tánh của mình Tâm và Phật không hai.

Tất cả những phép quán của Thiền và Tịnh cuối cùng đều trở về chân tâm tự tánh Niết Bàn hằng còn. Chính sự gặp gỡ trong lối quán tưởng đã tạo cho chúng ta một cảm thông về sự nỗ lực của hành giả của mỗi tông phái. Dĩ nhiên sự nỗ lực này sẽ nhắm đến một đối tượng, chúng ta sẽ tìm hiểu những nỗ lực đó qua ý nghĩa tự lực và tha lực.

Đời sống là một sự tranh đấu không ngừng để đạt được những mục đích như ý, con người phải nỗ lực. Kết quả này là do tự thân của mỗi chúng ta tự đem lại hay từ ngoài mà vào? Vì thế trong quá trình phấn đấu để tự tôn của kiếp người đã nảy sinh nhiều ý hướng. Cũng có những nỗ lực của chính bản thân đã không đem lại kết quả như mong

muốn, cho nên cuối cùng có sự mặc khải ở một đấng thần linh hay mặc khải cho một thường đế. Sự kiện này đã là tôn chỉ của nhiều tôn giáo trên thế giới. Còn đối với Phật giáo trong ý nghĩa này thì thế nào? Có chủ trương mặc khải nơi đấng giáo chủ của mình hay không? Chúng ta cũng nên tìm hiểu ý nghĩa này qua triết lý hòa nh động của hai tông phái Thiên và Tịnh độ.

Như phần triết lý chủ yếu của thiên mà chúng tôi đã có dịp đề cập ở trên, chúng ta thấy Thiên hoàn toàn nhằm vào ý chí tự nỗ lực để đạt đến đích, ngay cả đến vấn đề kinh điển cũng không dùng (Bất lập văn tự giáo ngoại biệt truyền, trực chỉ nhơn tâm kiến tánh thành Phật). Như vậy đã cố gắng nỗ lực để khai thác bản tâm Phật tánh của mình mà không nhờ cậy vào một sự mặc khải của một thần linh nào, ngay cả đến Đức Phật. Thiên chủ trương khai triển khả năng con người đến tột độ, đến nơi đã không bao giờ muốn lý luận về Phật. Cho nên Văn Môn đã không ngại ngừng gì khi trả lời cho 1 thầy Tăng hỏi về Phật là gì - Cẩn thị quyết (Que cắt khô) "Văn Môn nhân Tăng vấn như hà thị Phật? Văn Môn Văn: Cẩn thị quyết (Vô môn quan tác 12).

Đáng lẽ một đệ tử của Phật luôn luôn ca tụng tên tuổi của thầy mình để được tể độ. Thay vào đó họ lại xưng tụng chữ "VÔ", chữ Vô một thứ triết lý phi lý đã ăn sâu tận xương tủy của Thiên sự mãi cho đến lúc bừng sáng chứng ngộ. Ở đây Thiên giống với chủ trương tự lực của Phật giáo nguyên thủy: "Phải tự mình thấp xuống lên mà đi".

Khác với Thiên, Tịnh độ khi thực hiện lời niêm Phật để cầu vãng sanh lên thế giới cực lạc của Đức Phật A Di Đà. Hình thức này hoàn toàn mặc khải ở sức tiếp dẫn của Đức Phật A Di Đà, hay đúng hơn là để hòa nhập với nguyện vọng thiết tha trong thế nguyện của mình. Ngài nguyện rằng: "Sa này nếu có chúng sanh nào xưng danh ngài mà không được vãng sinh, ngài thế không thành chánh Giác". Qua đây chúng ta thấy Tịnh độ hoàn toàn chủ trương tha lực. Tuy nhiên hiện chúng ta chịu khó đặt lại vấn đề một chút thì tự lực và tha lực không có gì tương phản nhau. Khi một hành giả niêm Phật để được vãng sinh cực lạc, điều kiện tiên quyết phải đòi hỏi nơi hành giả một nỗ lực ghe gớm mới có thể gạn lọc tâm trí để

đưa đến chỗ nhất tâm bất loạn. Nếu không có sự nỗ lực của tự thân thì không thể đạt đến trạng thái nhất tâm được. Vì vậy trong ý nghĩa tha lực này đã hàm chứa ý nghĩa tự lực. Còn Thiên tông cũng thế, đã chủ trương tha lực nhưng hành giả tự tập đến giai đoạn chín mùi của Tâm thức mà không có sự khai ngộ của thầy, thì chưa hội đủ nhân duyên để cho tâm trí bừng sáng. Người đệ tử bấy giờ ví như con gà nằm trong vỏ sấp nở đến thời kỳ cũng phải nhờ sự khai ngộ của gà mẹ, sự khai ngộ cũng đúng lúc đúng thời

Chánh Pháp nhãn tạng thật tướng vô tướng vi diệu pháp môn hôm nay trên núi Linh Thủy nếu không có Đức Phật cầm hoa đưa lên giữa chúng hội thì Ca Diếp cũng không có duyên để được truyền thừa. Như thế, sự khai ngộ của vị thầy ở đây không kém phần quan trọng. Cái tự lực của Thiên sẽ không thành tựu nếu không có tha lực. Chúng tôi xin mượn lời của Tiên sư Kimura Taiken trong Đại Thừa Phật Giáo Tứ Tướng Luận Chủng nói về ý nghĩa tự lực tha lực để kết thúc phần này. "... Và theo chỗ tôi hiểu thì về ý nghĩa tôn giáo, cái gọi là tự lực tha lực chẳng qua là sự bất đồng trên văn tự hoặc khái niệm, chứ về bản chất thật ra không có sự khu biệt nào cả. Trong tự bao hàm có tha và ngược lại trong tha bao hàm có tự. Nhưng vì quá câu nệ về danh tướng cho nên chia ra có tự có tha...".

#### E.- KẾT

Chúng ta cũng không cần luận giải dài dòng quanh co, nếu chúng ta có trực giác nhìn thẳng vào phần triết lý chủ yếu của Thiên và Tịnh. Trong khi Thiên chủ trương trực chỉ nhơn tâm để Kiến tánh thành Phật và Tịnh chủ trương Tự tánh Di Đà duy tâm tịnh độ. Hai lời diển dịch này của hai tông phái đã nói lên được sự thông nhất triết lý, chỉ khác nhau là khác trên văn tự danh tướng. Một bên gọi là tự tánh, một bên gọi là nhân tâm, cả hai cùng một thể. Do đó, trng khi khai triển giáo lý để đưa vào đời sống lợi tu tập, Thiên và Tịnh có khác sau cùng cũng trở lại gặp nhau ở điểm chung đó, hay nói bao quát là cùng chung ở dưới mái nhà Phật giáo, cho dù luật tông hay mật tông và các tông phái khác cũng thế. Cả Mười tông đều khởi đi từ một dòng rồi cũng đều trở về với biên ca của Phật Pháp. Do đó qua phân tích tìm hiểu giữa Thiên và Tịnh đã có sự gặp nhau tự nhiên như thế, chúng ta

# Biến Chân Tâm Diệu Minh

## TẠI SAO KHỞI VỌNG ?

TINH LIÊN NGHIÊM XUÂN HỒNG

(tiếp theo)

Do đó, chưa hiểu nổi cái kỳ diệu của Diệu tâm này, cũng như chưa thể thấy rõ được cái bí ẩn của sự khởi vọng. Vì khởi vọng là ở nơi tốt bờ mé, ở sự khởi lên của cái mầm Vô minh cực kỳ vi tế, mà đạo nhãn của các ông chưa nhìn nổi.

Từ trước đến nay, các ông thường chăm chú nghĩ rằng: có những phiền não cùng vô minh (chỉ mắt), cần phải gột cho sạch. Và do công phu siêng năng lau chùi gột rửa ấy, nên vô minh ngày càng tiêu trừ, và Tâm ngày càng sáng tỏ, ngày càng trở thành Minh.

Nhưng đó là một kiến chấp sai lầm lớn. Vì nếu quả thực cái Tâm đó cần phải lau chùi thì mới Minh ra được, thì làm sao mà giải thích nổi cái bí ẩn của kiếp sống và của pháp giới này?!... Nếu Tâm đó là do lau chùi mới có được, nghĩa là trước không có, thì chẳng hóa ra Tâm cũng là pháp nhân duyên hay sao, cũng rút vào vòng nhân quả hay sao?! Nếu thế thì Chư Phật Thế Tôn nhiều như vi trần cũng chẳng còn lý do gì để hiện hữu, và pháp giới này cũng chẳng còn chút gì là huyền nhiệm lạ lùng nữa?! Và nếu các ông chỉ suy nghĩ sâu hơn một chút, thì sẽ thấy rằng pháp giới này chẳng thể là gì khác, mà chỉ có thể gọi là kỳ diệu lạ lùng...

Bởi thế, nên các ông cần phải học, và ghi tâm khắc cốt lời này: cái Tâm ấy nó vốn DIỆU VÔN MINH. Nó là bất khả thuyết, không thể nghĩ bàn. Nó vốn trong sáng tốt đẹp, chẳng cần phải ai lau chùi hết, và hào quang của nó, thì đạo nhãn của các ông chưa chịu đựng nổi. Nó lại vô cùng kỳ diệu

vì có thể làm LÓE lên mọi cảnh giới... Vô minh cũng khởi lên tự nó, và tuy có khởi, nhưng vô minh vốn không có thực thể, nên vẫn phải nương vào Diệu tâm. Và chỉ có Tâm này mới là Thật thể, mới là Thật tướng thôi...

Đó là lời dạy của Ngài về Diệu tâm, cho những bậc Thanh văn.

- Sau đó chừng ít trang, Phật lại dạy về sự Khởi vọng. Dạy bằng một câu chuyện có thực xảy ra trong thành Thất La Phiệt, câu chuyện của chàng Diên Nhã Đạt Đa.

Chuyện của anh chàng này cũng hơi tương tự như chuyện chàng Narcisse trong thần thoại Hy Lạp, đam mê cái dung nhan Tổng Ngọc của mình, nên hay ra đứng bờ suối, soi bóng mình xuống giếng nước. Nhưng câu chuyện của Diên Nhã rõ rệt và thâm sâu hơn.

Lời Phật kể sơ sài như sau: "Này Phú lâu na! Như trong thành Thất La Phiệt này, có anh Diên Nhã Đạt Đa, buổi sớm lấy gương soi mặt, bỗng nhiên ưa cái đầu trong gương, cụp lông mày con mắt có thể thấy được... Rồi giận trách cái đầu mình, sao lại không biết nhìn thấy mặt mày, cho là giống yêu quái, rồi không cố gì phát cuồng bỏ chạy... Ý ông nghĩ sao? Người đó vì nguyên nhân gì mà phát cuồng bỏ chạy?!..."

Thiên nghĩ có thể phân tích lời dạy trên như sau:

a) - Buổi sớm lấy gương soi mặt: anh chàng Diên Nhã nếu cứ tiếp tục hiện hữu một cách hồn nhiên thì không sao cả. Nhưng một buổi sớm, bỗng Mông niệm muốn CHIẾU SOI cái bản mặt mình trong GƯƠNG... Tức là mông niệm muốn TỰ CHIẾU SOI, muốn ngắm nghía cái bản mặt của mình, và như thế là tự tạo một tâm



lăng kính lúu ngại, và làm LÓE lên (miroi - tement) một HƯ ANH.

Đó là sự khởi vọng uyên nguyên, là niềm mê mờ vô thủy, muốn tự chiếu soi, muốn tự ngắm nghĩa mình.

Cũng tương tự như Tâm chúng sanh, bông quên mình là trong sáng tốt bụng, viên mãn nhiệm màu, diệu dụng vô cùng, rồi móng niềm muốn chiếu soi, muốn ngắm nghĩa. Nhưng chiếu soi cái gì, vì ngoài Tâm ra chẳng có gì khác?! Nên đành quay lại chiếu soi chính mình, và làm LÓE lên đủ mọi thứ hư ảnh tức là cảnh giới... Trong sự khởi vọng này, Tâm chúng sanh tự lừa dối cái viên mãn nhiệm màu tức là Diệu, và chỉ giữ lại được một chút Hư minh của cái Minh, để tiếp tục le lói chiếu soi.

b) - Nhưng không phải chỉ có thế... Khi hư ảnh lóe lên trong gương rồi, thì Diễm nhã lại bồi thêm một lớp vọng thứ 2 nữa. Là vì anh ta nhìn thấy cái mặt trong gương, nhưng lại không nhận ra rằng cái bản mặt đó chính là mình, mà cứ tưởng là của 1 kẻ khác.

Đó là lớp vọng thứ 2.

Cũng tương tự như Tâm chúng sanh, khi tự chiếu soi và làm lóe lên đủ mọi hư ảnh cảnh giới rồi, lại vẫn tiếp tục mê, không nhận ra rằng những cảnh giới ấy đều là do tâm thức mình xoay vần miên viễn rồi tạo dựng nên. Và cứ tưởng rằng cảnh giới là có thực, và biệt lập với mình?!

c) - Rồi lại thấy cái mặt mũi trong gương thật là phương phi đẹp đẽ, và khởi tâm ƯA THÍCH cái mặt đó.

Đó là lớp vọng thứ 3.

Cũng tương tự như Tâm chúng sanh trở thành đắm nhiễm, ưa thích say mê những cảnh giới huyền diệu, rồi trôi lăn chạy theo chúng, ngày càng xa Chân tâm.

d) - Đã đắm say mê mết cái mặt mũi trong gương rồi, nên Diễm nhã lại khởi thêm nhiều mê vọng chẳng chít nữa: bỗng nghĩ rằng cái mặt trong gương có đâu hẳn hoi, vậy chắc là mình cũng có đâu... Nhưng ủa! nếu mình nọ lại không trông thấy mặt mình? Hay làm mình mất đâu? Hay đâu mình là ma quái?!... Rồi bỗng nhiên phát cuồng, chạy khắp phố phường la lối để kiếm cái đâu?!... Trong khi cái đâu vẫn lửng lơ ở trên cần cõ...  
Đó là những lớp vọng chồng chất chẳng chít.

Cũng tương tự như Tâm chúng sanh, khi đã lạc bước vào mê đồ ảo phô của Vọng rồi,

thì mỗi cất chân nhấc tay, mỗi lời nói, mỗi tâm niệm... đều chỉ là đi từ vọng đến vọng. Khiến cho lăng xăng chạy Đông chạy Tây lên xuống xuống không ngừng trong các neo luân hồi, lúc nào cũng mơ màng la lối, muốn tìm kiếm cái Tự ngã hay cái Tâm của mình. Mà không biết rằng Tâm ấy vẫn SỜ SỜ ra đó và không có 1 sát na nào mà mình khệ nệ tựa vào nó, không sử dụng đến cái trượng lực của nó...

Sau khi kể câu chuyện Diễm nhã, Phật dạy: "Này Phú Lâu Na! Ấy cái Mê vọng nó là như vậy. Nó tương tự như một cơn mê say, mê t giặc chiêm bao. Một cơn mê say thì làm sao có nguyên nhân được?! Vì nếu có nguyên nhân, thì lại không còn là mê say...".

Cũng tương tự như trong Đạo Đức Kinh, ngài Lão Tử nói rằng: "Trong cái vòng Hư vô đó bỗng DO HẾT DO HOANG... rồi Nhất sanh Nhị Nhị sanh Tam... mà sanh ra các vật...". Nhưng Lão Tử chưa chỉ rõ được rằng cái vòng Hư vô đó chính là cái Tâm mê vọng của chúng sanh.

Hoặc như bên Bà La Môn giáo nói rằng: "Vũ trụ này chỉ là một giấc chiêm bao của đấng Phạm Thiên...". Lời nói này, tuy hàm chứa nhiều chân lý, nhưng lời nhìn còn sắc mùi thế tục, và nhiều thiên trọng nhân ảnh hóa. Và lại, nếu đấng Sáng Tạo Phạm Thiên mà còn nằm chiêm bao, thì đâu còn có thể gọi là đấng Tự tại được nữa?! Một đấng Đại Tự tại không hề bao giờ nằm chiêm bao. Tỷ dụ như Phật, là Bậc đã gột sạch mọi lớp mê vọng, nên tuyệt nhiên không bao giờ chiêm bao mộng mị...

Điểm "mê vọng không nguyên nhân" này, là điểm không thể nghi bàn của mọi bản thể luận (ontologie). Nó tương tự như một thứ khe hở uyên nguyên (hiatus hay fissure originelle) của mọi bản thể luận, một thứ định đề (postulat) khó thể miêu tả được, mà chúng ta phải chấp nhận. Khe hở uyên nguyên, vì chuyên từ lãnh vực Vọng thức sai biệt lên chỗ tốt bờ mé, để bước sang bình diện Vô sai biệt. Nên nhà Phật nói: Pháp nhị như thị. Và tuy nó là một cơn mê say, nhưng nó lại H A NG KHỎI trong tâm chúng sanh. Vì hằng khi nên bất tư nghi...

- Rồi sau đó chừng vài chục trang, Phật lại dạy thêm 2 câu kệ:

Tự tâm TRỞ LẠI chấp Tự tâm,  
Không phải huyền, trở thành Pháp Huyền  
Ý nghĩa câu này rõ rệt là: Tự tâm ấy trở

tại TỰ CHIẾU SOI, nên làm LŨE lên vô lượng cảnh giới. Biên Tâm vốn không phải huyền, nhưng vì mê vọng, đã làm lŨE lên những cảnh giới huyền hiện không cùng không tận...

Thế là Tâm đã chuyển hiện thành Thức, rồi bỏ cái Tram nhiên vô tướng mạo, để mở cuộc hành trình đi vào con đường hiện tượng học (processus phénoménologique), vào cái Niêu vào Vô lượng.

Chương 3 kế tiếp, sẽ trình bày về cái Vòng Huyền Hiện này của THỨC BIẾN.

(Trích tập Lăng Nghiêm ảnh hiện)

TỈNH LIÊN  
NGHIEM XUÂN HỒNG



*tiếp theo trang 5*

không lấy gì làm ngạc nhiên. Cho đến ngày nay tiếng niệm Phật đã trở nên thông dụng trong chốn thiền môn. Thay vì nhà sư phải nỗ lực để duy trì một công án thì bây giờ là tiếng niệm "Nam Mô A Di Đà Phật" tuyệt diệu thay.

Ba căn gai, Que cứt khô, Cây tùng trước sân Vô, Vô, Vô... không còn là một công án của Thiền nữa. Theo thời gian tiếng niệm Phật có sức hấp dẫn kỳ lạ, khiến cho tất cả mọi người trong chúng ta mang danh là kẻ hậu môn của dòng thiền vẫn không thấy hồ thẹn khi niệm Phật. Đang sống chết với danh hiệu của Đức Phật A Di Đà. Nếu cho rằng Thiền tồn tại song song với Tịnh thì cũng không có gì quá đáng hay trái lại. Tịnh đang chiếm ưu thế mạnh nhất, cả hai đều hổng tưởng tồn tại.

Mãi kia một nọ khi nhắm mắt buông tay, chúng ta sung sướng được Đức Phật A Di Đà Đức Quán Thế Âm, Đấng Đại Thế Chí, Chư Thánh chúng mỉm cười phóng hào quang mà tiếp dẫn chúng ta vậy.

Hết

## THƠ

### VỀ BẾN



*Tỉnh thức dậy trong bình minh chuyển động  
Sáng tỏ dần với mạch sống bao la  
Mảnh trăng yên còn tỏ dầy Ngân Hà  
In rõ bóng cỏ hoa dần tỉnh giấc*

*Tỉnh thức dậy trong bầu trời bình lặng  
Và tiếng chim tô điểm bản hoan ca  
Rộn cõi lòng mạn mạch nở muôn hoa  
Mở tất cả cửa trời ôm vũ trụ*

*Say sưa đối những âm vang nhạc vũ  
Chim từng bừng chào đón ánh bình minh  
Hàng cây xanh vẫn lặng đứng in hình  
Dẫn sáng tỏ giữa không trung ảo mộng*

*Hồn ai đó đang dâng tràn nhịp sống  
Đang lắng lắng hòa vũ rộn trời hoa  
Nhưng cứ sao vẫn tịch tĩnh an hòa  
Chân đạp đất ! Đối trời cao mây rộng !*

*Và ý mới ngang nhiên vào mạch sống  
Hòa tan trong bất động vạn nơi nao  
Kìa, bản thể, một khối ngời cao ngạo  
Tròn tự trắng hiện hữu tự bao giờ ...*

*Tỉnh thức dậy một bình minh lặng gió  
Lặng sóng cồn giữa nhân thế ưu lo  
Như xưa kia trở lại với con đò  
Cưỡi ... tỉnh mộng trầm luân, về bến Giác*

.....  
*Mặc khách trở về nơi bến hoa  
Để ai dăm mãi cõi ta bà  
Phân tranh cao thấp ham mộng huyền  
Lỡ chuyển đồ ngang - bóng xế tà ...*

Tại HANNUT BỈ QUỐC  
(Couvent des Pères SAINTE CROIX)  
THÍCH NỮ TRÍ TÁNH

# Quan điểm của Phật Giáo

## PIYADASSI MAHÀ THERA



PHẠM KIM KHÁNH trích dịch từ quyển *The Buddha's Ancient Path*

(tiếp theo)

Một đặc điểm khác nữa là phương pháp mà Đức Phật đã áp dụng để truyền dạy Giáo Pháp (Dhamma). Đức Phật không đồng ý với những vị đạo sư có "giáo lý bí truyền". Ngài nói: "Bí truyền là biểu hiệu của một giáo lý sai lầm". Ngồi lờ cùng Đại Đức Ananda, vị thị giả thân tín, Đức Bốn Sĩ dạy "Này Ananda, Như Lai đã truyền dạy Giáo Pháp mà không có bất luận phân biệt nào về giáo lý công truyền và giáo lý bí truyền bởi vì đối với Giáo Pháp, này Ananda, Như Lai không bao giờ có bàn tay nắm lại của vị đạo sư còn giấu hàng tín đồ vài kiến thức chính yếu nào". (Digha Nikāya, Trưởng A Hàm, 16). Ngài tuyên bố Giáo Pháp (Dhamma) tự do và đồng đều cho tất cả, không giữ lại điều gì và không bao giờ muốn rút tỉa nơi hàng môn đồ một đức tin mù quáng và phục tùng, vào bản thân Ngài và vào giáo lý mà Ngài truyền dạy. Ngài đặt trọng tâm vào sự khảo sát sáng suốt và quán xét phân biệt. Trong một bài kinh mà về sau được gọi rất đúng là "Hiền Chủ Đầu Tiên Về Tự Do Tư Tưởng" Ngài mạnh mẽ khuyến khích người Kālāma với những lời lẽ quả quyết, không thể nhầm lẫn. Bài kinh nói trên, tựa đề Kālāma Sutta, đại khái như sau:

Kesaputta là một thị trấn nhỏ nằm trong vương quốc Kosala. Dân cư trong thị trấn này được gọi là Kālāma. Khi dân chúng ở Kesaputta nghe tin Đức Thế Tôn vào thành phố mình thì tự hội đến xin được Ngài hướng dẫn. Họ bạch với Đức Thế Tôn: "Bạch Hóa Đức Thế Tôn, có những vị đạo sĩ ẩn dật và những vị Bà La Môn đến truyền giáo tại thành Kesaputta. Khi thuyết giảng giáo lý của mình thì những vị ấy trình bày đầy đủ và rõ ràng, còn khi đề cập đến quan điểm của những vị khác thì các Ngài

bóp méo, chê xấu và khiển trách. Rồi đề nghị các vị kia cũng vậy, nói tốt cho mình và chê bai người khác. Bạch Hóa Đức Thế Tôn, vì lẽ ấy chúng con nghi ngờ và hoang mang không biết nên nghe theo vị nào và không nên nghe vị nào".

"Đúng vậy, hỡi người Kālāma, các con nghi ngờ là phải. Khi vấn đề khả nghi thì sự ngờ vực tự nhiên phát sinh. Này hỡi người Kālāma, các con không nên nhẹ dạ nghe theo những lời rêu rao đồn đại, báo cáo, hay tập tục cổ truyền, hay những lời nghe đi lập lại, hay những gì đã được ghi chép trong kinh điển tôn giáo, hay chỉ lập luận suy diễn suông, hay những hình dáng khả kính bề ngoài, hay sau khi suy tư và chấp nhận một vài lý thuyết, hay những gì hình như có thể có thật, hay sau khi suy nghĩ rằng "vị này là thầy ta". Nhưng, này hỡi người Kālāma, khi tự các con biết chắc chắn rằng "những điều này là bất thiện, đáng bị khiển trách, không đem lại lợi ích", chùng ấy đúng vậy, con hãy bác bỏ.

"Và sau khi các con tự biết chắc chắn rằng, "những điều này là thiện, không bị khiển trách, và đem lại lợi ích", chùng ấy các con hãy tận lực gia công thực hành và ảnh hưởng trong những điều ấy".

Lúc bấy giờ Đức Phật hỏi những người Kālāma:

- Bấy giờ, này hỡi người Kālāma, các con nghĩ thế nào, khi tham, sân, si phát sinh đến một người, điều ấy có lợi hay có hại cho người ấy? Tham, sân, si ấy có đáng bị khiển trách không?

- Bạch Hóa Đức Thế Tôn, điều ấy có hại cho người kia. Tham, sân, si ấy đáng bị khiển trách.

- Bấy giờ, các con nghĩ thế nào, hỡi người Kālāma, khi không tham, không sân, không si phát sinh đến một người, điều ấy có lợi

hay có hại cho người ấy? Không tham, không sân, không si, không ái, không bị khiến, trách không?

- Bạch Hóa Đức Thế Tôn, điều ấy có lỗi cho người kia. Tính không tham, không sân, không si, không ái, không bị khiến, trách.

- Như vậy, này hỏi người Kālāma, bây giờ ở lời tuyên ngôn của Như Lai đến các con là "Chớ nên nghe dạ nghe theo... khi từ các con biết chắc chắn rằng những điều này là thiện, không đáng bị khiển trách và đem lại lợi ích, chúng ấy, đúng vậy, các con hãy tận lực gia công thực hành và ấn náo trng những điều ấy". Đó là lý do tại sao Như Lai tuyên ngôn như vậy.

(Anguttara Nikāya, Tăng Nhứt A Hàm, i, 188, sutta 65. Xem Tăng Nhứt A Hàm, i, sutta 66 và Tăng Nhứt A Hàm, ii, Bhaddiya sutta 193

Sĩ kiện vội vã chấp nhận và tin tưởng qua thật không nằm trong tinh thần của Phật Giáo. Và chúng ta có thể nhận thức, điểm này xuyên qua cuộc đàm, thoại giữa Đức Thế Tôn và một số các đệ tử Ngài:

- Nếu bây giờ, biết và chấp giữ, tin lấy điều này, các con có nói chẳng rằng, chúng ta tôn kính Đức Bốn Sĩ. Vì quý trọng Ngài chúng ta phải kính trọng những lời dạy của Ngài?"

- Bạch Hóa Đức Thế Tôn, các con không nói như vậy.

- Này chư đệ tử, điều nào mà các con công nhận, có phải chẳng vì chính từ các con đã nhận thức rõ ràng, thấy, và nắm vững điều ấy không?

- Đúng vậy, Bạch Hóa Đức Thế Tôn.

(Majjhima Nikāya, Trung A Hàm, 47)

Đúng với thái độ hoàn toàn chân chính để khảo sát và tìm chân lý ấy, trong một khái luận về luân lý học Phật Giáo có dạy rằng, "Cũng như người thông minh sáng suốt thử vàng bằng cách hồ nóng lên, cắt ra và cọ sát trên hòn đá (loại đá dùng để thử vàng cùng thế ấy, quý vị chấp nhận lời của tôi sau khi quan sát tận tường chỗ không phải vì nên kính tôi" (Jñānasāra-samuccaya, 31).

Phật Giáo không hề lôi kéo và cưỡng bách ai và cũng không bao giờ đòi hỏi người tín đồ phải nhắm mắt tin càng. Trước tiên người có bần tính hay nghi ngờ sẽ lấy làm thỏa thích mà nghe rằng Phật Giáo luôn luôn kêu gọi nên quan sát, quán xét nghiên cứu. Từ đầu đến cuối Phật Giáo luôn luôn được mở rộng cho tất cả những ai có mắt muốn thấy và có tâm trí để hiểu biết.

Một lần nọ, lúc ấy Đức Phật ngự tại rừng xoài, ở Nālandā. Upāli, nguyên là một tín đồ nhiệt thành của Nigantha Nataputta (Giáo chủ phái Jaina Mahāvira, một trong sáu đạo sư thời Đức Phật. Để hiểu thêm về vấn đề này xin xem bài kinh Sāmannaphala Sutta, Dighā Nikāya, Trường A Hàm, 2) đến viếng Đức Phật với mục đích duy nhất là tranh luận và làm cho Đức Phật phải chịu đuối lý. Đề tài là lý nghiệp báo mà cả hai Phật Giáo và giáo phái Jaina đều dạy, mặc dầu có một vài quan điểm dị đồng. Sau cuộc đối thoại rất thân thiện Upāli được Đức Phật thuyết phục hoàn toàn, nhìn nhận quan điểm của Đức Phật là chân chính và sẵn sàng quy y, trở thành đệ tử tại gia (upāsaka thiện nam) của Đức Phật. Tuy nhiên, Đức Thế Tôn cảnh cáo Upāli: "Này ông cử sĩ, trước khi chấp nhận điều nào là chân lý hãy quan sát đầy đủ và tận tường. Một người có danh tiếng như ông phải quan sát đầy đủ và tận tường trước, khi chấp nhận điều nào là chân lý". Nghe Đức Phật cảnh cáo như vậy Upāli lại càng vui mừng thỏa thích và xin quy y Phật, Pháp, Tăng, Tam Bảo. (Majjhima Nikāya, Trung A Hàm, Upāli-sutta

Mẫu chuyện trên giải thích rằng Đức Thế Tôn không chú trọng về việc tranh đấu ở tín đồ, ngoại trừ khi đường sự tự mình cảm hóa — một bài học mà các nhà truyền giáo nên học.

(còn tiếp)





(Bỉ nhân rất tin pháp môn Tịnh độ, đã quyết định phụng hành, nhưng với hai chữ "nguyên, hạnh" còn phải nhờ dạy bảo. "Nguyên cùng hạnh nên đi riêng hay chung vẫn để này lâu nay tôi vẫn hằng thắc mắc Xin chia hai phương diện để luận:

1/- Nếu nguyên và hạnh riêng, thì t r ước khi niệm Phật phải phát nguyện cầu sanh, như đọc bài văn trong nghi thức Thậpniệm của ngài Từ Vân chẳng hạn, rồi sau m ở i niệm Và, khi niệm Phật phải làm sao c h o ngoài tâm không Phật, ngoài Phật không tâm, tâm và miệng như một, cứ như thế mà niệm mãi, tuyệt chẳng có ý nguyện cầu sanh. Y theo phương pháp này mà niệm thì sanh về thượng phẩm. Đây là căn cứ theo lời c ú a ngài Triệt Ngô thiên sư.

2/- Nếu nguyên và hạnh chung, là trong khi niệm kiêm cả nguyện, thì tiếng cùng t ã m phải tha thiết như trẻ thơ té xuống nước cầu cứu với mẹ. Đây là lời của ngài Ngọc Phong thiên sư. Lại, Kiên Mật đại sư cũng bảo: "Sáu chữ hồng danh, trong mỗi niệm dù tâm ưa chán", cùng với thuyết của n g ã i Ngọc Phong vẫn đồng.

So hai phương diện trên đây, thuyết t h ú nhứt dường như thiếu sự khẩn thiết trong khi niệm Phật. Ngẫu Ich đại sư đã bảo: "Cầu sanh Tịnh độ toàn nhờ nơi tín n g u yên, thiếu hai điều kiện này, dù niệm đến gió thổi không vào, mưa rơi chẳng lọt, chắc như tường đồng vách sắt, cũng không được vắng sanh". Thế thì nếu theo thuyết thứ nhứt, e khi niệm đến một lòng không loạn, c ứ n g

# Lá thơ Tịnh Độ

ÃN QUANG ĐẠI SƯ

thơ đáp một cư sĩ  
(Phụ nguyên thơ)

chưa đứng vững. Như theo thuyết thứ hai, thì trong khi niệm Phật nơi tâm còn giữ chủ nguyên, sợ rằng dù lòng không l o an, cũng khó được thuần nhứt. Gân đây, sư ViVi ở Hàng Châu cũng tỏ sự lo ngại về v i ệ c "nguyên hạnh chẳng thể kiêm, chẳng thể kh ế kiêm" như tôi.

Với hai thuyết trên, kẻ mạt học tôi t ã m này chưa biết giải quyết thế nào? Tưởng rằng bậc cao hiền chắc có lời luận x á c đáng, xin vì người sau chỉ rõ bến bờ).

Pháp môn Tịnh độ lấy tín, nguyện, hạnh làm tông, như cái dảnh có 3 chân, thiếu một tất không đứng vững. Các hạ siêng tu t i n h nghiệp, với chữ "tín" đã quyết định không còn nghi, đến như "nguyên, hạnh", thì t ờ h ớ có sự chấp kia đây dôi dãi, nên không thể suốt thông dung hội. Vì thế, nói pháp viên diệu không ngại bóng tự sanh nhiều điều chướng ngại, khiến cho ánh trăng sáng muôn vầng của ngài Triệt Ngô, Kiên Mật, Ngẫu Ich chỉ như một sợi tơ trước mắt mà thành ra cách phân. Thật cũng đáng tiếc lắm!

Người chọn niệm Phật, trong khi niệm vẫn đây đủ ba món tín, nguyện, hạnh. Như con nhớ mẹ, lúc cảm thương kêu gọi, quyết chẳng khi nào có tâm niệm không tin và kh ế nguyện thấy bóng tử thân. Thế thì còn hỏi c h i "nguyên, hạnh chung hay riêng", còn nói chi "có nguyện tâm khó thuần nhứt" và "chẳng thể kiêm chẳng thể không kiêm". Ấy là kh ế việc mà thêm việc đó! Xem lời các hạ và

luận điệu của vị tăng kia, dường như cả 2 đều chưa thiết thật hành trì trong c á u niệm Phật, không khác nào người chưa cất bước đi, đã vội nghĩ ngợi đến cánh tương lúc về nhà. Thế nên, với những pháp ngữ đối trị sự phân biệt của cô nhân, trở lại càng thêm phân biệt! Thứ hỏi: "ngoài tâm không Phật, ngoài Phật không tâm", chẳng k h á n thiết mà được như thế ư? Không tin nguyện mà được như thế ư? Lời của hai ngài Triệt Ngộ, Kiên Mật tuy có khác, song thật ra ý nghĩa vẫn giúp đỡ thành tựu lẫn nhau, các hạ lại nhận lầm "nguyện hạnh chung, riêng có thể gọi là thiếu con mắt trách p h á p đó! Đến như lời của Ngẫu Ích đại sư hình là môn pháp được để đối trị hạng người nương tựa Thiên tông, niệm đức Di Đà tự tánh, canh Tịnh độ duy tâm, không tu đúng theo tông chỉ của môn niệm Phật, chỉ cầu được một lòng không loạn làm mức c u ô i cùng. Ấy là việc ngoài tông Tịnh độ, sao các hạ lại dẫn ra so sánh với điểm t í n nguyện đầy đủ của sự chân tu, khiến c h o dường lối lẫn lộn như thế?

Trên đây là ước về lý mà nói chung, n ề u ước về sự, thì phát nguyện nên ở vào khoảng sớm, tối, khi niệm Phật xong. Lúc ấy hoặc dùng bài văn "Tịnh Độ", như có, d ù thời giờ, nên đọc bài Tịnh độ văn của Ngài Liên Trì. Bài này lời ý đều đầy đủ, d ứ ng dấu các bài văn Tịnh độ xưa nay. Nên biết đọc nguyện văn là y theo văn mà thật tâm phát nguyện, không phải đọc qua một lần là phát nguyện đâu! Trừ lúc phát nguyện sớm và tối, trong tất cả thời khác chỉ h ết lòng khẩn thiết niệm Phật mà thôi.

## THƠ ĐÁP CƯ SĨ

### trần huệ siêu

Được thơ, biết cư sĩ lòng mộ đạo t h â m thiết, tôi rất vui mừng! Nhưng vì duyên sự quá nhiều, thêm phải gấp giáo định lại bố An sĩ toàn thơ, nên sự phúc đáp có p h ần chậm trễ.

Tâm tham, giận, mê, người người đều có, song nếu biết đó là bình thị thế lực của, n ó cũng không đến nỗi lấy lừng. Vì như kẻ trộm

vào nhà nếu chủ nhân nhận lầm là n g ười nhà, tất nhiên tài vật đều bị nó lấy hết. Như gia chủ biết đó là kẻ trộm, đuổi ngay liền tức khắc, thì trong nhà yên ổn, c ù a cái mới được bảo toàn, Cổ Đức nói: "Không sợ niệm khởi sớm, chỉ lo giác ngộ chậm". Tham, giận, mê dù có nổi lên, giác ngộ được tâm ấy liền tiêu diệt. Trái lại, nếu a n nhiên xem nó như người trong nhà, thì có khác nào nhân giác làm con, bảo sao tiền của không bị hao mất?

Niệm Phật không thể khẩn thiết, vì chẳng biết cội Ta Bà khổ lụy, miền Cực Lạc a n vui. Phải nghĩ rằng: "Thân người khó được trung quốc khó sanh, pháp Phật khó nghe, môn Tịnh độ lại càng khó gặp. Hiện thời, nếu ta không chí tâm niệm Phật, một khi vô thường đến, nhứt định sẽ theo nghiệp ác nặng nề trong đời này hoặc kiếp trước mà đoạ vào ba đường dữ, chịu sự khổ lâu dài, biết chừng nào mới được thoát ly?" Thường nghĩ như thế, sẽ tự tỉnh ngộ, tha thiết". Và phải tưởng đến sự khổ nơi địa ngục mà phát tâm Bồ đề. Bồ đề tâm là lòng lợi mình lợi người. Khi phát tâm này, như d ỗ máy cộ gắn diên, có năng lực rất mạnh mẽ mau lẹ, sự tiêu nghiệp chướng thêm phước huệ, nh ữ càn lạnh công đức bình thường không thể sánh kịp.

Bị cảnh xoay chuyển là do công tu h ữ càn can cốt, nên khi trong lòng có sự g i â n mừng, nét xấu, đẹp liền hiện ra nơi m ắ t. Nếu chánh niệm nhiều, tự nhiên tất cả phiền não đều giảm nhẹ. Cho nên, người ch ớ n t u tuy ở cảnh trần lao, hằng tinh chuyên rèn luyện, khiến cho nghiệp tập lần lần tiêu diệt. Ấy mới là công phụ thiết thật, và như thế tâm sẽ được tự chủ, thoát khỏi sự chi phối do hoàn cảnh bên ngoài.

Người tại gia không theo chúng, sự t ự n g niệm đều tùy mình, hoặc ngồi, đứng, quỳ, đi nhiều quanh đều được, không nên chấp dính một lối nào. Nếu chấp dính, người sẽ dễ học tâm khó tương ứng. Nên chậm chước theo sức khoẻ, công phu của mình, lựa điều thích hợp mà làm, mới có lợi ích. Cứ theo lệ thông thường, thì trước nên đi nhiều quanh, k ế đó ngồi, rồi sau quỳ. Như đi nhiều và quỳ thấy mỏi nhọc, nên ngồi niệm, ngồi lâu sanh hôn trầm, thì đi nhiều quanh bản Phật hoặc đứng niệm, đợi khi hôn trầm tan mới t r ờ lại ngồi. Khi niệm nên coi theo đồng h ồ định thời, đứng lần chuỗi, vì lần chuỗi khó đứng tâm. (còn tiếp)

# THIỆN VỊ, ĐẠO VỊ, THI VỊ trong Văn chương Việt nam

## Đông Hồ

(tiếp theo)

Bắt đầu, đoạn tả cảnh Bích Câu:  
Thành Tây có cảnh Bích Câu  
Cỏ hoa góp lại một bầu xinh sao  
Đua chen thu cúc xuân đào  
Lộ phun lửa hạ mai chào gió đông  
Xanh xanh dây liễu ngàn thông  
Cỏ lan lối mực, rêu phong dấu tiêu  
Một vùng non nước quỳnh dao  
Phất phơ gió trúc dập diu mưa hoa.  
Khắp soi trong cõi ba nghìn  
Yên hà riêng nửa lâm tuyền chia đôi  
Thú vui bốn bạn thêm vui  
Khắp trong bể thánh đủ ngoài rừng tao...

Đoạn tả cảnh hội chùa:  
Ngọc hồ có đám chay tăng  
Nức nở cảnh Phật tưng bừng hội xuân  
Dập diu tài tử giai nhân  
Ngón ngang mã tích xa trần thiếu ai  
Thượng xuân, Sinh cũng dạo chơi  
Thơ lưng lưng tú rượu với vơi bầu  
Mạng xem cây phạm thú mầu  
Vùng kim ô đã gác dấu non tề  
Tiệc thối ai nẩy cùng về  
Gió chiều lay bóng hoa lê la đã  
Bên cầu dân lũ năm ba  
Thần tiên trước mắt ai là kẻ hay  
Sinh vừa tựa liễu nướng cây  
Lá hồng đâu đã thổi bay lại gần...

Đoạn Tú Uyên gặp tiên nữ, và hai đàng đối thoại:  
Thấy người trước cửa tam quan  
Theo sau ba bảy con hoàn nhờn nhờn  
Lạ lùng con mắt người thơ  
Hoa còn phong nhụy trắng vừa tròn gương.

Khách rằng: trong hội vô già  
Cửa không ngàn giác đây là tử bi...

Giọng kiêu nghe lọt bên tai  
Đã gần bể sắc khôn với sóng tình  
Thưa rằng chút phận thứ sinh

Đèn từ soi đến tâm thành với nao  
Kỳ viện nữ hẹp hòi sao  
Mở đường phương tiện chút nào được chăng?

Tiên nữ từ chối vì không muốn nói chuyện  
bướm ong ở nơi thiên trai thanh khiết:  
Bè từ có hẹp chi ai  
Đốc đem thuyền giác độ người bên mé  
Ngán cho bên cõi bỏ để  
Phải đường ong bướm đi về đây sao...

Tú Uyên năn nỉ khẩn cầu:  
Rằng: đây lần xuống mé tân  
Tiến duyên xin để kim thân tu đến  
Ba sinh chưa vẹn mười nguyên  
Nhờ tay kim tướng đưa duyên xích thẳng  
Gây linh mượn phép cao tăng  
Phá thành sâu khổ cho bằng mới cam...

Rồi tiên nữ biến mất:  
Người còn gọi gió cột mây  
Gót tiên khách đã trở giày làm tỉnh  
Ngóng theo đến Quảng Văn Đình  
Bóng trăng trông đã trên cành lướt qua  
Ch lòng nhắn liễu thăm hoa  
Biết đâu sắc sắc vẫn là không không  
Thoát thối lần bóng ngàn thông  
Hương trầm còn thoảng cánh hồng đã khơi

Đọc các đoạn trích dẫn đó, chúng ta thấy vẽ  
ra trước mắt những hình ảnh như hư n h ư  
thực, nửa chân nửa mộng chập chờn.

Viết đến đây, tôi nhớ lại một chuyện vui  
vui ngây ngộ. Lúc tuổi học trò, đang thời say  
đắm, say đắm nghĩa lý văn chương và say đắm  
danh lam thắng cảnh. Đọc truyện Tứ Thúc đọc  
truyện Bích Câu, lòng tôi cứ đinh ninh h ề  
đến hội chùa thì thế nào cũng gặp được nhữ  
ngàn tiên đẹp giáng trần. Tôi đã có lúc say  
mê Hội chùa. Hội chùa nào tôi cũng đến chơi,  
lòng những ước mơ mộng có lúc mình được  
là Tú Uyên, tìm ở đó một mối duyên kỳ ngộ.

Hiện nay, hội chùa có rất thũng và có rất nhiều; không biết các cậu thủ sinh bây giờ có những mở đờ ngày thờ và nên thờ đồ nũa hay không.

Truyện Bích Câu thì phải đời đến lúc có hội chùa mới tìm gặp mỗi duyên tiên kỳ ngộ. Truyện Phan Trần thì bạo dạn hơn và phạm tục hơn. Tác giả Phan Trần đã lấy trọn cảnh thiên môn làm bối cảnh cho duyên gặp gỡ giữa Phan Sinh và Diệu Thuởng. Trọn vẹn tác phẩm trữ tình này, được bao bọc nuôi dưỡng trong cảnh vật thiên phòg trai giới, nhắc cho chúng ta nhớ rằng: Một vài nét nên thờ thì biết bao thì vị, mà khi đã rậm rạp chỉ li thì hạ ra ph h iên tạp tục trần. Thiên vị đã mất mà thì vị cũng không còn nữa.

Kể từ đầu, tôi đã nhắc nhiều đến truyện ngâm khúc, truyện diên ca; còn một truyện, có lẽ độc giả lấy làm lạ sao mà chũlathây tôi đã động tới. Tôi bỏ quên hay là tôi đã dành phần đặc biệt cho bài này.

Xưa nay, nói đến văn chương Việt Nam, mọi nhà phê bình đều bằng lòng công nhận Truyện Kiều là áng văn kiệt tác. Gĩlarững văn học, tác phẩm của Nguyễn Du đột ngột, vđốt lên như một ngọn cỏ phong độc tú. Chẳng những trên phương diện văn học nghệ thuật, trên phương diện nhân sinh, xã hội, mà đến nay xét trên phương diện triết lý Phật giáo, cũng cho chúng ta thấy tác giả Tố Như Nguyễn Tiên Diên quả thật là một nhà thơ thiên tài bách luyện.

Xưa nay, mọi người đều biết Truyện Kiều là một chuyện phong tình, nhân vật chủ động trong truyện là một cô gái trang hoa, nhg điều làm cho chúng ta ngạc nhiên là Nguyễn Du đã xây dựng tác phẩm của mình trên nền triết lý giải dị phổ thông của Phật giáo. Đành rằng cốt chuyện là sẵn của Thanh Tâm Tài Nhân đời Minh, những yếu tố chính phải là có ngời bút tài tình của nhà thơ Hà Tĩnh. Và các truyện Nôm của ta như H o a Tiên, Nhị Độ Mai, Phan Trần, Lâm Tuyền Kỳ Ngộ chẳng hạn, chuyện nào không là cốt chuyện Tàu, những vị tác giả các truyện đó không sánh kịp Tố Như mà Truyện Kiều vượt bậc.

Những mà thôi, vấn đề đó không thuộc vào bài này. Ở đây, chúng ta trở lại đề tài mà thũng thực mùi thiên và mùi đạo, đấp hàng phật tử cảnh vườn Lâm Thúy lan truyện cho

đến dòng nước Tiên Đường. Chúng ta không cần bàn rộng đến thuyết nhân quả, nghiệp "karma" của nhà Phật mà Nguyễn Du đã áp dụng chứng minh trong truyện, dù nó hay là không đúng, mà chỉ biết rằng nhân vật chánh của tác giả là Nàng Thúy Kiều đã sống trong nếp tin tưởng đó. Bất kỳ lúc nào nàng Kiều cũng thấy mình bị bao vây bằng một vòng lưới tức khiên, nghiệp chướng, không thoát được; rồi cũng nhờ dựa vào nhân quả nghiệp duyên đó mà sống, mặc dầu sống trong kiếp yên hoa luân lạc.

Nàng Kiều không phải sống với Kim Trọng, không phải sống với Thúc Sinh, Tú Hải mà thực sự thì nàng đã sống với hai nhân vật do học thuyết nhà Phật tạo nên: Một là hồn ma Đạm Tiên, hai là sư bà Giác Duyên. Ở đời nàng Kiều cứ y như gặp lúc khó khăn, không giải quyết được, thì có hai nhân vật đó xuất hiện, về nẻo chỉ đường, vạch cho một lối thoát. Hồn ma Đạm Tiên đã xuất hiện ba lần trong đời nàng Kiều: Một lần, bữa chiều ngày Thanh Minh, bắt đầu đến trước bà tên nàng vào số đoan trường:

Âu đành qua kiếp nhân duyên,  
Cùng người một hội một thuyền dâu xa.  
Một lần thứ hai, đến để ngăn không cho nàng chết, khi liêu mạng, với Tú Bà, bắt nàng phải sống để trả cho hết tiền căn nghiệp báo: Rỉ rằng nhân quả dở dang,  
Đã toan trốn nợ đoan trường được sao.  
Và một lần thứ ba, đến để giữ số cho nàng. Đoan trường số rút tên ra,  
Đoan trường thơ phải đón mà trả nhau.

Còn sư bà Giác Duyên, cũng ba lần đến với nàng: Một lần đầu, cho nàng nương nấu ở Chiêu An am khi nàng lỡ bước xảy với; lần thứ hai, ở doanh trại tướng quân Tú Hải để chứng kiến hậu quả của ân của oán, và cũng để thông báo trước lời tiên định của Tam Hợp đạo cô; rồi lần thứ ba, cứu vớt nàng ra khỏi trầm luân, sông nước Tiên Đường, để cho nạn xưa trút sạch.

Độc giả chắc không trách tôi kể lể dài dòng. Vì có nêu rõ như vậy, mới thấy cả một thiên tình sử thì vị của Nguyễn Du lúc nào cũng chứa chan thiên vị.

Tôi không vũ đoan và cũng không lập di. Ngay bắt đầu chỗ Hội Đạm Thanh trong tiết Thanh Minh, để dọn cho việc Thúy Kiều tiếp xúc với hồn ma Đạm Tiên, tác giả đã bắt



nhân vật của mình nhìn, khác với mắt nhìn của khách du xuân "đỏ lá tìm hoa". Trong cảnh "cỏ non xanh rợn chân trời, cành lê trắng điểm" mà lại xen vào trong đó cảnh "râu râu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh". Trg cảnh rợn rợn từng bừng "ngựa xe như nước áo quần như nêm" mà lại xen vào đó cảnh "năm đất xè xè, vắng tanh hương k h ôi". Tiếp theo, là cảnh chiều tà bóng xế, âm khí nặng nề:

Kiều rằng những đấng tài hoa  
Thác là thế phách còn là tinh anh  
Đã hay tình lại gặp tình  
Cho xem ắt thấy hiển linh bấy giờ  
Một lời nói chưa kịp thưa  
Phút đầu ngọn gió cuốn cờ đến ngay  
Ạo ào đỏ lộc rung cây  
Ở trong đường có hương bay ít nhiều  
Đề chừng ngọn cỏ lần theo  
Dấu giày từng bước in rêu rành rành  
Mặt nhìn ai nấy đều kinh  
Nàng rằng này thật tinh thành chàng xa  
Hữu tình ta lại gặp ta  
Chớ nề u hiển mới là chi em.



Đọc đoạn văn vừa trích dẫn đó, có phải đúng là chúng ta đang thấy cảnh u ám bí thu thể lương thâm đạm của ngày lễ Vu Lan:

Tiết tháng bảy mưa dầm sùi sụt  
Toát hơi may lạnh ngắt xương khô  
Não lòng thấy cảnh chiều thu  
Ngàn lau nhuộm bạc giếng ngọc rụng vàng  
Đường bạch dương bóng chiều man mác  
Ngọn dương lê lác đặc sương xa  
Lòng nào lòng chẳng xót xa  
Cối dương còn thế nửa là cối âm  
Trong trường dạ tối tâm trời đất  
Có khôn thiêng phảng phất u minh  
Thương thay thập loại chúng sinh  
Phách đôn hôn chiếc linh đình quê người  
Hương khói đã không nơi nương tựa  
Phận mồ cối lán lừa đêm đen  
Còn chi ai khó ai hèn  
Còn chi mà nói ai hiền ai ngu.

Mấy câu trong bài Chiêu Hồn trên đó cũng của tác giả Đoàn Trường Tân Thanh, đã ăn ra đây so sánh nghe thú, đã có khác gì nhau với đoạn văn trước mà Đoàn Tiên. Bắt đầu Truyện Kiều, trong những điểm văn chương và tâm lý mâu thuẫn, chúng ta đã thấy có mùi thiên, mùi đạo. Rồi thì từ đó về sau, hay còn bao nhiêu lần nữa, chúng ta thử theo bước thi sĩ Tố Như đi vào cảnh chùa chiền.

Văn Truyện Kiều thật là đột ngột, đang giữa tiết tháng ba quang đãng, bỗng có cảnh thộ bày sương sa cỏ úy, sụt sùi, ngay trong vườn nhà họ Hoan ác nghiệt, danh đã chua ngoa, bỗng xuất hiện cảnh bác ái tử bi của Quan Âm Các:

Sấn Quan Âm Các vườn ta  
Có cây trăm thước có hoa bốn mùa  
Có cỏ thụ có sơn hồ  
Cho nàng ra đó giữa chùa chép kinh.

Đó cũng là một cách Hoan Thử giam lỏng nàng Kiều, bắt nàng và Thúc Sinh phải thụt thụt chịu đựng trong cảnh: Gác kinh việc sách đôi nơi  
Trong gang tấc lại gặp mười quan san.

Nhưng mặc dầu là bị giam cầm đó, mà cảnh nh ngục tù kia, êm đềm mát mẻ biết chừng nào. Ngoài phong cảnh thiên nhiên, cỏ thụ sơn hồ Hoan Thử đã lo liệu thật là chu đáo: Tầng tầng trời mới bình minh  
Hương hoa ngũ cúng sấm sanh lễ thường  
Đưa nàng đến trước Phật đường  
Tam qui ngũ giới cho nàng xuất gia  
Ảo xanh đôi lấy cà sa  
Pháp danh lại đổi tên ra Trạc Tuyên  
Sớm khuya tính đủ dầu đèn  
Xuân Thu cắt sẵn hai tên hương trà.

Giữa chùa chép kinh trong cảnh thanh nhàn đó, lại thêm có cả hai cô tiểu hầu hạ hương trà khuya sớm, thì dầu trong cảnh "qua n phòng then nhất khóa mau" nữa, ai mà không muốn tu cho trốt, hương chi là nàng Kiều đang giữa lúc chân chương: Nàng từ lánh gót vườn hoa  
Đường gần rừng tía đường xa bụi hồng  
Nhân duyên đâu lại còn mong  
Khỏi điều then phận tử hồng thì thôi  
Phật tiên thăm lập sâu vùi  
Ngày pho thủ tự đêm nôi tâm hương  
Cho hay giọt nước cảnh đường  
Lừa lòng tưới tắt mọi đường trần duyên.

Tất chúng ta lầy lằm lạp, tại sao mà H oạn Thư lại phải phục vụ người tình địch của nàng chu tất đến như vậy, trong khi s ả n quyền sinh sát trong tay. Chắc cô n g. nghi rằng phải tạo nên ngoại cảnh đó mới đánh bẫy được chàng Thúc và cô Kiều, cho 2 đảng đều không lưu tâm e ngại, lập lũng thừa ư a. Để đến một hôm, nàng thư vắng nhà, quảnhiên cả Thúc Lang và Trạc Tuyên đều mắc vào bẫy của nàng giulông:

Tiểu thư phải buổi vẫn an lại nhà

tức thì

Thừa cơ Sinh mới lên ra  
Xăm xăm đến chốn vườn hoa với Nàng.

Tôi thì nghi khác. Hoạn Thư bấy giờ đã ở người cơn ghen tức. Chẳng những đến lúc đó cơn ghen tức mới nguôi, mà chắc rằng đã ở người từ khi:

Giọt đồng canh đã điếm ba  
Tiểu thư nhìn mắt đường đã cam tâm  
Lòng riêng tập tễnh mừng thầm  
Vui này đã bỏ đau ngấm xưa nay.

Và cũng đã động lòng trắc ẩn từ khi:  
Cúi đầu quì trước sân hoa  
Thân cung nàng mới dăng qua một tờ  
Diện tiền trình với tiểu thơ  
Thoắt xem đường có ngẩn ngơ chút tình  
Liên tay trao lại Thúc Sinh  
Rằng: tài nên trọng mà tình nên thương  
Vĩ chàng có số giàu sang  
Giá này đâu đúc nhà vàng cũng nên  
Bề trần chìm nổi thuyền quyên  
Hữu tài thương nổi vô duyên lạ đời.

Thì việc Hoạn Thư hậu đãi Thúy Kiều ở Quan Âm Các là do mối từ tâm, Phật t ỉ nh vốn sẵn có của lòng người. Điều suy luận của tôi đã có chứng minh.  
Sau khi nghe hai đảng kể lễ:  
Rành rành kể tóc chân tơ  
Mấy lời nghe hết đã dư tỏ tường  
Bao nhiêu đoạn khổ tình thương  
Nổi ông vất vả nổi nàng thờ than.

cho đến khi "chấn tai Nàng mới rẽ h o a bước vào". Đầu biết rằng:  
Đổi quanh sinh mới liệu lời  
Tìm hoa quá bước xem người chép kinh.

mà nàng vẫn cười cười nói nói ngọt ngào. Đó là Nàng cười nói ngọt ngào thẳng thắn và Nàng cũng đã thẳng thắn thương t h ức tài nghệ của cô Kiều:

Khen rằng bút pháp đa tình  
So vào với thiếp Lan Đình nào thua  
Tiếc thay lưu lạc giang hồ  
Nghìn vàng thực cũng nên mua lấy tài.

Chúng ta sẽ thấy hành động phát xuất do Phật tính xui nên đó là Hoạn Thư đã gây một cái nhân rất tốt cho mình. Chúng ta xem đến hồi báo ân báo oán. Giữ cảnh:  
Quần trung gương lớn giáo dài  
Vệ trong thị lập cơ ngoài song phi  
Sẵn sàng tế chính uy nghi  
Bác đồng chặt đất, tinh kỳ rợp sân.

Chắc chắn rằng bao nhiêu oán hờn, oán khốc bao nhiêu đau đớn ề chề mà nàng Kiều chịu đựng trong mười mấy năm trời đều do đó trút tất cả lên đầu một người:  
Dưới cờ gương tuốt nắp ra  
Chánh danh thử phạm tên là Hoạn Thư.

Chỉ nghe một tiếng chào của nàng Kiều cũng đủ cho chúng ta đoán được nỗi căm hờn tức tối dâng lên tới độ trong lòng Nàng:

Thoắt trông Nàng đã chào thưa  
"Tiểu thư cũng có bây giờ ở đây!"

Tiếng chào đó quả là tiếng phán quyết cuối cùng rồi. "Bây giờ ở đây!" Trời ơi! Nghe mà khiếp đảm kinh hồn. Và trước khi tuyên án, nàng Kiều cũng đã tuyên bố cho Thúc Sinh biết số phận của vợ chàng, để cho c h à ng khỏi trách:  
Vợ chàng quí quái tình ma  
Phen này kẻ cắp bà già gặp nhau  
Kiến bò miệng chén chưa lâu  
Mưu sâu cũng trả nghĩa sâu cho vừa.

"Trả nghĩa" cho "mưu sâu". Thiết là g h ề gớm! Tánh mạng của Hoạn Thư thật không có cách nào đảm bảo cho an toàn, sau bao nhiêu lời nghiên rằng tuyên bố đó. Ấy thế mà, khi nghe Hoạn Thư nhắc đến câu:  
Nghĩ cho khi Các chép kinh

thì tức khắc:  
Truyền quân lệnh xuống trường tiênthangay

Thật là có ai dám ngờ, bản ân của Hoạn Thư được xử nhẹ nhõm để dăng khoan hồng để n như thế.

Chúng ta đã thấy chưa. Cái nhân lành mà Hoạn Thư gieo ở Quan Âm Các là để chonàng hái được cái quả tốt ở cửa viên môn l ù c bấy giờ đó.



# Việt Nam phong sử

Nguyễn Văn Mại - Bản dịch của Tạ Quang Phát - Học giả Mạc Khách sưu lục

(kỳ 19)  
CHƯƠNG 67

*Ai lên Phố (2) Cát Đại Đồng,  
Hỏi thăm cô Tú có chồng hay chưa?  
Có chồng năm ngoái năm xưa,  
Năm nay chồng vắng như chưa có chồng.*

Thơ phong sử này thuộc tỷ.  
Phố Cát Đại Đồng thuộc tỉnh Tuyên Quang.

CHƯƠNG 68

*Kéo quân qua cửa Hùng Quan,  
Chim muôn tiếng hót, hoa ngàn thức đưa.  
Nhớ ai ngơ ngẩn, ngẩn ngơ,  
Nhớ ai ai nhớ, bây giờ nhớ ai?*

Thơ phong sử này thuộc phú mà tỷ.  
Cửa Hùng Quan thuộc tỉnh Tuyên Quang.  
Vũ Văn Uyên, người ở Ba Đông huyện Gia Lộc  
hùng dũng khác phàm, trong thời vua Lê  
Chiêu Tông vì việc giết người phải chạy  
trốn vào Đại Đồng rồi ứng mộ từng chinh  
lập được chiến công, được thăng T u y ê n  
Quang Đô Tổng-binh-sứ.

Lúc Mạc Đăng Dung soạn ngôi nhà Lê, Vũ Văn  
Uyên chiếm cứ thành Tuyên Quang chống lại  
họ Mạc.

Vũ Văn Uyên mất, em là Vũ Mật thống lãnh quân  
đội trấn thủ Tuyên Quang, gặp lúc ấy vua  
Lê Anh Tông sai Trịnh Kiểm từ núi Thiên  
Quan đưa quân ra Tuyên Quang đánh giặc  
Mạc. Vũ Mật giúp binh và tải lương cho  
Trịnh Kiểm, cùng với Thái Thú trấn tướng ở

Lạng Sơn làm thế giúp đỡ nhau, vì có công  
được phong Gia Quốc Công và được chattruyền  
con nối đời đời giữ chức Trấn Thủ thành  
Tuyên Quang.

Đường lúc ấy Nguyễn Mạc tung hoành, mười b a  
thửa tuyên (tỉnh) đều không thuộc về nhà  
Lê nữa, vậy mà hai anh em họ Vũ một m i nh  
lại có thể hùng tâm nghĩa cử trấn thủ một  
phương, không quên ơn vua cũ, cho nên có lời  
hát này.

Thiên trên (Ai lên Phố Cát... ) giả thác  
lời dò hỏi vợ, lấy việc nhớ chồng ám c h i  
việc nhớ vua.

Thiên dưới (Kéo quân ra cửa Hùng Quan...)  
đề cao rạng rỡ việc quân và ẩn ngụ ý nhớ  
vua. Lòng trung nghĩa đã tràn ra ngoài lời  
nói.

Nhân dân ở Tuyên Quang thật đáng bìa danh

CHƯƠNG 69

*Bên sông thanh vắng một mình,  
Có ông ngư phủ biết tình mà thôi.*

Thơ phong sử này thuộc phú.  
Lúc nhà Mạc soạn ngôi nhà Lê, vua Lê ở  
tránh nơi hành tại An Trường, có mở rache  
khoa để chọn lấy kẻ sĩ.

Lúc đó có Nguyễn Nghị, người làng Phúc Thọ  
huyện Đông Sơn, ra ứng cử, đi thuyền qua  
sông Lỗ Hiến (tại huyện Lôi Dương tỉnh Thanh

Hóa) ban đêm nghe ngư phủ (người đánh cá) hát lên câu này.

Khi vào trường thi, trường quan ra đề thơ Quốc Tử (quốc=nước, tử=con). Sĩ tử t r o n g trường đều làm bài về Quốc Tử Giám (trường Đại học của triều đình ở kinh đô).

Riêng Nguyễn Nghi nhớ lời hát của ông chài, làm bài về ngày con nước (thủy triều nhật) có câu:

*Giang hồ tịch mịch vô nhân vấn,  
Duy hữu ngư ông thức đắc tình.*

江湖寂裏無人問  
惟有漁翁識得情

Dịch nghĩa

*Sông hồ tịch mịch không ai hỏi,  
Chỉ có ngư ông thấu nỗi tình.*

Trường quan duyệt phê là câu thần.

Đến khi yết bảng kết quả, Nguyễn Nghi đỗ đệ nhất giáp đệ nhị danh, và được ông. đời gọi Ngư ca giáp đệ (đỗ khoa nhờ câu hát của ông chài) (1).

## CHƯƠNG 70

*Chờ khinh chùa Tích không thờ,  
Mà đem xôi oản cúng nhờ gốc cây.*

Thơ phong sử này thuộc tỳ. Chùa, chùa Phật. Xôi oản, lễ vật cúng Phật. Gốc cây, cây ở bên chùa.

Nhà Ngụy Mạc soạn ngôi nhà Lê. Trịnh Kiểm lập Lê Trang Tông (1533-1548) lên làm vua để tiêu diệt nhà Mạc phục hưng nhà Lê, truyền đến đời vua Lê Trung Tông (1548-1556), Trịnh Kiểm lấy chức Thái sư coi việc chính trong nước, mọi việc đều do bàn tay của Trịnh Kiểm quyết định cả.

Vua Lê Trung Tông không có con nối ngôi, Trịnh Kiểm nghi nan lương lư việc làm vua mới sai sứ giả đến hỏi Trịnh quốc công Nguyễn bính Khiêm. Trịnh quốc công bảo: "Năm nay mất mùa, làm ruộng thường d ù ng giống lúa cũ".

Cụ lại bảo đến chùa Yên Sơn, sai tăng quét dọn đốt hương ngấm ngấm tỏ ý bảo: "Th Phật thì được ăn oản".

Vả lại lúc ấy vua Lê thì yếu, họ Trịnh thì mạnh. Sĩ phu triều nhà Lê đều đến Phủ liêu họ Trịnh, phần nhiều hứa theo người c ó

quyền thế mà nương cây vào nhà họ Trịnh để mong được phú quý.

Câu phong dao này dùng chùa Tích sánh với vua Lê, dùng gốc cây ví với họ Trịnh, răn bảo chớ thấy vua Lê yếu mà dựa theo họ Trịnh.

Này, thiên hạ là thiên hạ của nhà Lê. Áo mào của họ Trịnh là của nhà Lê làm nỡ mày nở mắt chó. Nhà Lê sống thì họ Trịnh còn. Nhà Lê tiêu thì họ Trịnh mất. Huống chi trước đây công đức đuổi trừ quân Minh còn có bia đá kỷ niệm ở sông núi Lam Hồ n g. Vãn nhà Lê tuy suy yếu ở nửa chừng, nhưng quyền của vua thì tự tại, phận làm tôi thì lo lắng ngóng trông, tôi dân giúp đỡ tôn phò vua làm đạo nghĩa, phải sùng bái vua, thành kính với hưởng hóa khải chúc vua để cả thiên hạ chung một vua và cùng v ớ i thiên hạ tôn kính vua, nhưng không đ ư ợc dòm ngó mong muốn những điều trái phận. Ý tứ của nhà thơ sâu xa thay!

## CHƯƠNG 71

*Thế gian đồn trá cho mình,  
Oan ơi hỡi ỨC, vốn tình mình không!*

Thơ phong sử này thuộc phú.

Thái tử Duy Vi, con của vua Lê Hiến Tông, tính người cương trực quyết đoán, thường giận quyền thần (chúa Trịnh) lấn vượt mà uất hận, có chí giành lại quyền cương.

Trịnh Sâm không ưa Thái tử, bèn cùng hoạn quan Phạm Huy Đình âm mưu phê Thái tử n h ệ không có lợi gì để buộc tội, mới vu khống cho Thái tử thông dâm với cung nhân, đem cáo trạng tâu lên vua Lê Hiến Tông x i n bắt Thái tử trói lại bỏ vào ngục.

Thái tử nghe biến, mới vào ở nơi điện của vua cha. Phạm Huy Đình đem binh vào t i m bắt.

Thái tử tự biết không thoát khỏi, bèn r a cho trói. Đình dẫn Thái tử đến phủ chúa. Trịnh Sâm bảo phải cởi mào để chờ t ộ i. Thái tử không chịu, bảo: "Phế lập là việc xưa nay của nhà này. Tội của ta không cần có nữa, (mày cứ giết đi) đã có sứ xanh ngàn thu còn đây".

Trịnh Sâm cho thắt cổ giết Thái tử.

Ngày thọ hình của Thái tử, ban ngày mà tối tăm, trăm họ đều cho là oan ức.

Câu phụng dao nẩy than thờ nổi vô tội của Thái tử.

Đời truyền rằng con trưởng của Trịnh Sâm tên Khải không được Trịnh Sâm yêu thương. Trịnh Sâm đã hại Thái tử, về sau lại sinh ra Trịnh Cán. Trịnh Cán cố gắng mạo giồng in như Thái tử Lê Duy Vi, lúc ngồi thưởng lặc đầu, được Trịnh Sâm cúng lăm. Mẹ của Trịnh Cán là Tuyên phi Đặng thị Huệ phê Khải lập Cán lên ngôi Chúa, đúng là đố n đóc việc sớm suy vong của họ Trịnh đây. Oan oan tương báo, làm sao biết được con heo ở Bối Khâu chẳng phải Bành Sinh đầu thai ra?

## CHƯƠNG 72

Ăn quả nhớ kẻ trồng cây,  
Nào ai vun quén cho mày dặng ăn?

Thơ phong sự nầy thuộc tỷ, nói về v i ệ c chuyên quyền của họ Trịnh.

Theo Việt sử, sau thời Trung Hưng của vua Lê Trang Tông, họ Trịnh đời đời nắm giữ quyền chúa, uy phúc do ở mình họ Trịnh. Vua Lê Anh Tông bị Trịnh Tùng giết. Vua Lê Kinh Tông cũng bị Trịnh Tùng hại. Trịnh Tráng nối theo, phế vua Lê Duy P h ư ơng. Trịnh Cương nối theo ép vua Lê Y T ô n g nhường ngôi. Thái tử Lê Duy Vi bị Trịnh Sâm cho thắt cổ giết chết.

Nhân dân thấy những việc ấy mới nghiên rằng than oán mà không dám nói thẳng ra, mới lấy việc ăn quả (trái) và sánh ví.

Nói ăn quả phải nhớ người đã trồng cây, lại đến nỗi rút hái ba bốn lần mà không đoái đến thì có thể nhẫn tâm hay sao? Nói Chúa Trịnh thật là vô nhân đạo.

Lão làm vườn tưởng rằng cũng không v u i mà có đứa giữ vườn ấy.

(2) Sách chép sai ra Khố Cát.

(1) Thế thì chương nầy là một câu vu v ơ mà một ông chài nào đó đã hát lên trong đêm khuya đã ám ảnh Nguyễn Nghi v làm cho ông mất trí hiểu chữ quốc tử là con nước thủy triều. Và các trưởng quan khoa ấy đã trông gà hoá quốc, đã cho đồ đệ nhất giáp đệ nhị danh 1 sĩ tử làm bài lạc đề. Vậy chuyện nầy là chuyện trào phúng không có thật.

(còn tiếp)

## tiếp theo trang 16

Câu :

Nghi cho khi Các chép kinh

của Hoạn Thư và câu :

Truyền quân lệnh xuống tướng tiên thang  
của Thúy Kiều, quả là hai câu hàm súc bao nhiêu đạo vị, trác tuyệt, bao nhiêu thi vị thâm trầm, nếu không phải là tay thi h ầ o trác tuyệt thâm trầm thì không làm sao mà sáng tạo cho nên.

Tôi đã đưa độc giả vào văn cảnh Quan Âm Các hồi lâu một chút, cho nên chúng t a không đủ thì giờ ghé lại thăm am Chiêu Ân với sư trưởng Giác Duyên, cùng với tấp tháo đường đã chia hai nước biển với mây vàng. Và cũng nghi khi đã nói đến Truyện Kiều đầy đủ, đủ tiêu biểu cho loại truyện diễn ca rồi, tôi thấy thôi không c ấ n trích dẫn tác phẩm khác.

Nhưng tôi phải nhắc đến một tác phẩm do một Hoà Thượng viết về thời cuối Lê. Đó là quyển Sơ Kính Tân Trang của Phó Chiêu thiên sư, tức là Chiêu Lý Phạm Thái. Tác giả là một thiên sư lãng mạn, từ n h i ền bản thân tác phẩm phải là một thiên Phật truyện nên thơ và đầy đủ Phật pháp, Phật sự hơn hết. Một vài dòng không đủ để cập tôi xin phép bỏ qua.

Ngoài những văn chương trường, thiên, hãy còn biết bao thi văn khác chưa chan mùi đạo, mùi thiên.

(còn tiếp)





# QUỐC SỬ TẠP LỤC

## 3. QUỐC HIỆU NƯỚC TA

### Từ An Nam đến Đại nam

#### Bầu Cầm

Học giả Mặc Khách sưu lục

(tiếp theo)

Về sự kiện này, chúng ta nên tin theo sử ta hay sử Trung Hoa? Tôi xin trả lời dứt khoát rằng: chúng ta nên theo sử Trung Hoa, nhất là liệt truyện của Lữ Đại và Lục Dận trong Ngô Chí là một bộ chính sử chép về nước Ngô đời Tam Quốc (Lữ Đại và Lục Dận là người nước Ngô). Dù Lữ Hùng có làm An Nam tướng quân năm 264, thì trước đó, Lữ Đại (năm 220) và Lục Dận (năm 248) đã giữ chức ấy rồi.

Có lẽ các sử gia nước ta đã lầm lẫn chức An Nam tướng quân của Lữ Đại và Lục Dận với chức Nam Trung tướng quân của Lữ Hùng chăng? Nam Trung tướng quân nghĩa là "vị tướng quân ở đất Giao Nam". Nhà Ngụy đã phong cho Lữ Hùng chức đó thật hợp lý, vì Lữ Hùng vốn là một viên quan lại đã nổi lên làm phản, giết chủ tướng là thái thú Tôn Tư của Ngô, rồi quay sang hàng Ngụy và xin được thay Tôn Tư làm thái thú Giao Châu (8). Khác với Lữ Hùng, Lữ Đại và Lục Dận đã đến Giao Châu trong lúc ở đây có biến loạn và đã dẹp yên giặc giã, đem lại sự thanh bình trong châu quận. Bởi vậy, Lữ Đại và Lục Dận mới được phong chức An Nam tướng quân, nghĩa là "vị tướng quân của đất Giao Nam yên ổn" hay là "vị tư ở ng quân đã bình định cõi Giao Nam".

Nguyễn Văn Tố, sau khi dựa vào những tài liệu trong Khâm định Việt sử thông giám cương mục, Đại Việt sử ký tiền biên và Đại

Việt sử ký toàn thư (đã dẫn ở trước) để chứng minh danh xưng An Nam có từ năm Lữ Hùng làm thái thú Giao Chỉ, đã kết luận rằng: "Tuy hai chữ ấy là một tên quan, mà chức quan ấy chưa làm gì ở nước ta, nhưng tìm cội gốc nên cho hai chữ "An Nam" có từ năm 264". (9).

Nay theo liệt truyện Lữ Đại và Lục Dận trong Ngô Chí, chúng ta nên đính chính lại thuyết của Nguyễn Văn Tố và cho hai chữ An Nam đã có trước thời Lữ Hùng. Những danh xưng An Nam không tốt đẹp gì đối với nước ta, vì nó đã ghi lại những sự kiện lịch sử nhục nhã trong thời dân tộc ta ở dưới ách đô hộ của Trung quốc.

(3)  
Khâm Định Việt sử, tiền biên, quyển 3, tờ 10 a-11a, chép: 甲申 (吳孫皓元興元年魏咸熙元年) 魏七月晏復分交州之地置廣州是歲吳割南海蒼梧潯林三郡立廣州治番禺交趾九真日南合浦為交州治龍編交廣之分始此 [...] 魏以呂興為安南將軍都督交州諸軍事以南中監軍霍弋遠領交州刺史便宜選用長史戈表發各 (一作樂各) 為交州太守率牙門董元王象等將兵助興太至興為功曹李統所殺各亦死。

= Giáp thân (Ngô Tôn Hạo, Nguyễn Hùng nguyên niên), thu thất nguyệt, Ngô phục phân Giao-

Châu chi địa, trị Quang Châu. Thị tuế Ngô cát Nam hải, Thương ngô, Uất lâm tam quận, lập Quảng châu, trị Phiên ngung (ngũ); Giao chi, Cửu chân, Nhật nam, Hợp phố vi Giao châu trị Long biên. Giao Quảng chi phân t h ủy thứ (...). Ngụy di Lữ Hưng vi An Nam tướng quân, đô đốc Giao châu chư quân sự; di Nam trung giám quân Hoắc Dục đạo lĩnh Giao châu thứ sử, đặc di tiên nghi tuyên dung trưởng lại; Dục biểu Thoán Cốc (nhất tá c Phần Cốc) vi Giao chi thái thú, suất nh a môn Đông Nguyên, Vương Tổ đẳng, tướng binh trợ Hưng, vi chí, Hưng vi công tào Lý Thông sở sát, Cốc diệt tử = Năm Giáp thân (hiệu Nguyên hưng thứ nhất của Tôn Hạo nhà Ngô hiệu Hàm hy thứ nhất của nhà Ngụy), m ù a thu, tháng 7, nhà Ngô lại chia đất c h a u Giao, đặt làm châu Quảng. Năm đó, nhà N g ô cắt ba quận Nam hải, thương ngô và Uất lâm lập ra châu Quảng, đặt châu trị tại Phiên ngung; các quận Giao chi, Cửu chân, Nhật nam và Hợp phố làm châu Giao, đặt châu trị tại Long biên. Sự phân chia giữa Giao và Quảng bắt đầu từ đây (...). Nhà Ngụy dùng Lữ Hưng làm An Nam tướng quân, coi hết m o i việc quân ở châu Giao, cho chức Nam trung giám quân Hoắc Dục ở xa mà lĩnh thứ s ở châu Giao và được tiên nghi tuyên dụ ng các trưởng lại. Hoắc Dục dâng biểu xin cho Thoán Cốc (hoặc Phần Cốc) làm thái thú Giao chi, cho bọn nha tướng là Đông Nguyên và Vương Tổ đem quân đến giúp Lữ Hưng, nhưng chưa đến nơi, Hưng đã bị công tào Lý Thông giết, Thoán Cốc cũng chết". Đại Việt sử ký tiền biên, ngoại kỷ, quyển 4, tờ 7a, c ữ n g chép như vậy. Đại Việt sử ký toàn t h ư , ngoại kỷ, quyển 4, tờ 4b, chép có hơi khác bởi câu này:

時吳已附于晉晉以呂輿為安南將軍都督交州諸軍事。

= Thời Ngô đã phụ vụ Tấn, Tấn di Lữ Hưng vi An Nam tướng quân, đô đốc Giao châu chư quân sự = Lúc đó, nhà Ngô đã phụ thuộc nhà Tấn, nhà Tấn dùng Lữ Hưng làm An Nam tướng quân, coi cả các việc quân ở Giao châu". Toàn thư đã chép sai, vì nhà Tấn kể n h a Ngụy từ năm 265, còn nhà Ngô đến năm 280 mới diệt vong.

(4) Tam quốc chí 三國志, Ngô chí 吳志, quyển 15, tờ 6b-7a, chép về Lữ Đại có đoạn như sau: "延康元年代步騭為交州刺史到州高涼賊鍾

錢博乞降岱因承制以博為高涼西郡都尉又  
 怛林表賊攻圍郡縣岱討破之是時桂陽漢陽  
 賊王金合眾於南海界上首孔為零旌又詔岱討之  
 生縛金送詣都新首獲生凡萬餘人比安南將軍封都  
 鄉侯

Diên Khang nguyên niên, Đại Bộ Chất v i Giao châu thứ sử. Đáo châu, Cao lương tặc súy Tiên Bác nhất hàng. Đại nhân thừa chế di Bác vi Cao lương Tây quận đô úy. H ự u Uất lâm di tặc công vi quận huyện, Đại thảo phá chi. Thị thời Quế dương Trinh dĩ tặc Vương Kim hợp chúng ở Nam hải g i ới thượng thủ loạn vi hai. Quyền hự chiểu Đại thảo chi, sinh phục Kim tổng nghệ đô trâm thủ, hoạch sinh phạm vạn dư nhân. Thiên An Nam tướng quân, phong đô hương hầu = Năm Diên Khang thứ 1 (220) Lữ Đại thay Bộ Chất làm thứ sử Giao châu. Lúc Lữ Đại đến Giao châu, thì người đầu sỏ bọn giặc Cao Lương là Tiên Bác xin hàng. Nhân đó, Lữ Đại thừa lệnh trên dùng Tiên Bác làm đô úy C a o lương Tây quận. Lại bọn giặc rợ ở Uất lâm vây đánh quận huyện; Lữ Đại đánh phá được bọn ấy. Lúc bấy giờ tên giặc ở huyện Trinh dương quân Quế dương là Vương Kim tự hợp bọn nó ở biên giới Nam Hải làm loạn gây nên tai hại. Tôn Quyền ra lệnh cho Lữ Đại đến đánh bọn giặc ấy, bắt trói Vương Kim đưa về kinh đô chém đầu, và bắt sống được hơn một vạn người. Do đó, Lữ Đại được thiên chức An Nam tướng quân và được phong tước đô hương hầu". Đối chiếu với LỮ SĨ B Ắ C NG

呂士朋, Bắc thuộc thời kỳ lịch Việt Nam  
 北秦時期的越南, Hương cảng, Trung văn đại học Tân Á nghiên cứu sở xuất bản, 1964, tr. 59. - Tam quốc chí 三國志, Ngô chí 吳志, quyển 16, tờ 10a, chép về Lục Dân có đoạn như sau: "赤烏十一年交陞九真夷賊攻沒城邑交部播(騷)動以胤為交州刺史安南校尉胤入南界喻以恩信務崇招納[...]  
 交域清泰就加安南將軍。

= Xích ô thập nhất niên, Giao chi Cửu chân di tặc công một thành ấp, Giao bộ ta động di Dân vi Giao châu thứ sử, An Nam hiệu úy Dân nhập Nam giới, dụ di ân tín, vụ s ở ng chiểu nạp (...). Giao vực thanh thái, tưu gia An Nam tướng quân = Năm Xích ô thứ 11 (248), giặc rợ ở Giao chi, Cửu chân đã á nh lấy thành ấp, dân Giao châu chấn động. Ngô Chúa dùng Lục Dân làm Giao châu thứ sử,

An Nam hiệu úy; Dân vào đất Giao nam, lấy điều ân tín mà hiệu dụ dân chúng và chiêu nạp những kẻ hiền tài(...) Khi cõi bờ Giao châu đã được yên ổn, nhà Ngô bèn gia cho Dân chức An Nam tướng quân". Vậy là trước lúc được gia chức An Nam tướng quân, Dân đã làm chức An Nam hiệu úy; hai chức ấy đều có chữ An Nam.

An Nam chí nguyện 安南志原, hiệu bản của Pháp quốc Viễn Đông Học viện, Hà nội, IDEO, 1932, quyển 2, tr. 152, chép rằng: "陸魯名胤字恭宗 [...] 吳赤烏十一年交陸九真賊攻沒城邑以魯為交州刺史入界誘以恩信務衆招納意以財物賤衆及民莫不稽顙交州清泰由安南將軍封郡亭侯

= Lục Duệ, danh Dân, tự Cung tông(...) Ngô Xích ô thập nhất niên, Giao chỉ Cửu chân tặc công một thành ấp; đi Duệ vi Giao châu thứ sử; nhập giới, dụ dĩ ân tín, vụ s ử n g chiêu nạp, di dĩ tài vật, tặc chúng cấp dân mạc bất khê tâng. Giao châu thanh thái. Do An Nam tướng quân phong Đô Đĩnh Hầu = Lục Duệ, tên Dân, tên chữ là Cung tông(...) Năm Xích ô thứ 11 đời Ngô, giặc ở Giao c h i, Cửu chân đánh lấy thành ấp. Nhà Ngô dùng Duệ làm Giao châu thứ sử. Duệ đến nơi, lấy điều ân tín mà dụ dỗ dân chúng và chiêu nạp những người có tài năng, lại đem c ả của cải cho họ; bọn giặc và nhân dân đều cúi đầu phục mệnh. Giao châu được t h an h bình. Duệ do chức An Nam tướng quân được phong tước Đô Đĩnh Hầu". An Nam chí lược

安南志略, hiệu bản của Viện Đ ạ i học Huế, 1961, phần chữ Hán, quyển 7, trang 90, cũng chép như thế.

(5) Khâm Định Việt sử, tiền biên, quyển 3, tờ 8 b-9a, chép:

.....戊趙姬聚衆攻掠郡縣  
刺史陸胤擊平之。

= Mậu thìn (Ngô Xích ô thập nhất niên, Hán Diên hy thập nhất niên, Ngụy Chính t h ủy cửu niên), Cửu chân Triệu Âu tự chúng công lược quận huyện; thứ sử Lục Dân kích bình chi = Năm Mậu thìn (hiệu Xích ô thứ 11 của nhà Ngô, hiệu Diên hy thứ 11 của nhà Hán, hiệu Chính thủy thứ 9 của nhà Ngụy) Triệu Âu ở Cửu chân họp nhiều người lại rồi kéo đi đánh cướp quận huyện; thứ sử Lục D ệ n đánh dẹp yên giặc ấy". Đó là phần cương, còn đây là phần mục:

九真復攻陷城邑州郡擾動吳主以衡陽

督軍都尉陸胤為刺史兼校尉胤入境諭  
以恩信降者三萬餘家州境復清九真郡  
女子趙姬聚衆攻掠郡縣胤擊平之。

= Cửu chân phục công hãm thành ấp; c h â u quân tao động. Ngô chủ dĩ Hành đường ấ ố c quân đồ úy Lục Dân vi thứ sử kiêm hiệu úy Dân nhập cảnh, dụ dĩ ân tín, hàng giả t a m vạn dư gia, châu cảnh phục thanh. Cửu chân quân nữ tử Triệu Âu, tự chúng công l ự ợ c quận huyện, Dân kích bình chi = Người Cửu chân lại đánh phá thành ấp, làm cho c h â u quân chấn động. Ngô chúa cho Hành đường ấ ố c quân đồ úy Lục Dân làm thứ sử kiêm hiệu úy Dân vào Giao châu, lấy điều ân nghĩa v à thành tín để hiệu dụ dân chúng, có hơn ba vạn nhà quy hàng; do đó, trong châu l ạ i thanh bình như cũ. Người con gái ở Cửu chân là Triệu Âu tự họp nhiều người kéo đi đánh phá quận huyện; Dân đánh dẹp yên giặc ấy". Đại Việt sử ký toàn thư (ngoại kỷ, quyển 4, tờ 3b-4a) và Đại Việt sử ký tiền b i ê n (ngoại kỷ, quyển 4, tờ 6ab) cũng chép như vậy và tuyệt nhiên không nói tới chức "An Nam tướng quân" của Lục Dân.

(6) Khâm Định Việt sử, tiền biên, quyển 3, tờ 10 a-11a; Đại Việt sử ký toàn thư, ngoại kỷ, quyển 4, tờ 4b; Đại Việt sử ký tiền biên, ngoại kỷ, quyển 4, tờ 7a.

(7) Tam quốc chí, Ngụy chí, quyển 4, tờ 27b, đã ghi rõ chức tước của Lữ Hưng như thế này: "都督交州諸軍事南中大將軍封定安縣侯

= Đô đốc Giao châu chư quân sự, Nam trung đại tướng quân, phong Định an huyện hầu".

(8) Khâm Định Việt sử, tiền biên, quyển 3, tờ 9b "癸未(吳永安六年漢熒興元年魏景元四年)夏五月交趾郡吏呂興殺其太守孫  
請以郡降于魏

= Quý vị (Ngô Vĩnh an lục niên, Hán V i ê m hưng nguyên niên, Ngụy Cảnh nguyên tử niên) hạ ngũ nguyệt, Giao chỉ quận lại Lữ H ư ng sát kỳ thái thú Tôn Tư, dĩ ư ận hàng v u Ngụy = Năm quý vị (263, hiệu Vĩnh an thứ 6 của nhà Ngô, hiệu Viêm Hưng thứ nhất của nhà



# TRUYỆN HƯNG ĐẠO VƯƠNG



Lê Văn Phúc và Phan Kế Bính soạn. In lần đầu tiên tại Đông Kinh ấn quán Hà Nội năm 1914.

Học giả Mạc Khách sưu lục

## HỒI THỨ MƯỜI TÁM

Phụ lục các bài văn tán  
Bài văn tán Hưng Đạo đại vương

Bậc thần thánh danh cao trong cõi,  
Một chữ trung thọ với giang sơn.  
Tài kiêm Gia Cát, Phần Dương,  
Chặng qua trong tâm cương tướng suy ra.  
Cõi Nam từ Đông Á về trước,  
Biết bao người đẹp nước yên dân.  
Song mà kiên kiên vương thân,  
Muốn người có một đức Trần Thái sư.  
Vốn dòng dõi kim chi ngọc điệp,  
Đủ kinh luân khang tể tài cao.  
Sơ sinh diễm ứng chiêm bao,  
Thanh y giáng thể trời trao anh hùng.  
Chỉ dă ngựa, tình thông thao lược,  
Khoác áo rồng bí chước Trần Kiêu.  
Gặp cơn quốc bộ hiểm nghèo,  
Khang khang vẫn giữ một điều tận trung.  
Kìa giặc Đát rudi rong vó ngựa,  
Trái bả phen dạn võ trủng quan.  
Buồn khi chim gáy hoa tàn,  
Phất phơ cờ thụy mây ngàn rũng thông.  
Có kẻ giớ ra lòng Vệ Luật,  
Có người xoay ra mặt Bang Xương.  
Trời Nam còn có chủ tướng,  
Nhị tâm đã thấy những phương bạc đen.  
Đang khi ấy cầm quyền thống ngự,  
Một Thái sư gìn giữ phong cương.  
Vì mà bắt chước Kinh Dương,  
Bắc vương đã chấp, Nam vương khó gì?  
Ghét những truyền thừa nguy mã quốc,

Gác ngoài tai những chước hàng Nguyên.  
Đầu còn thì da vẫn bên,  
Dạ nầy Sắt Đát chữ in chưa lò.  
Mũi gậy rút, rỏ ta vô nhi.  
Tở hịch treo, khuyên kẻ đồng cứu.  
Túc gan với đứa thiên kiêu,  
Thì đem dạ sắt mà liễu tay lang.  
Khi chước dặt thương giang phóng phiệt,  
Khi kẻ bày binh trượng đại doanh.  
Có khi dủ giặc lui binh,  
Giống chông dấy nước để rình thuyền qua.  
Chỉ địch khải, bóng tà kéo lại,  
Người tiếm cứu, tay trái đều day.  
Mấy phen rộng chọi tuyết bay,  
Người để cờ nghĩa, người bày mưu trung.  
Người đan kị, nhày xông cuống trận,  
Người chích thuyền, chèo sẵn cuống lan.  
Ây ai đánh vỡ thuyền lương?  
Ây ai Hàm Tử, Chương Dương đua tài?  
Ngựa đá cũng bỏ hời chiến trận,  
Nước triều cũng nổi giận ba đào.  
Gió mây theo ngọn cờ đào,  
Thân, nhân hiệp tán giặc nào chẳng tan?  
Người Hoan nạn xa ngàn dặm trút,  
Chàng Đò kia liễu một thân tàn.  
Còn như Ô Mã, Sâm Đoàn,  
Bá Linh, Cơ Ngọc vào đoàn tù đầy.  
Lặng gió ái cơ cây lại tốt,  
Đặt âu vàng non nước đều yên.  
Ngẫm cơ liệu địch sao thiêng,  
Ngày xưa hai chữ "tặc nhân" không ngoa.  
Quân ta mạnh chẳng qua nhẽ thẳng,  
Việc nước xong bởi gắng lòng trinh.  
Hiến phù dưới khuyết cáo thành,  
Đến ân sơn hải chút tình quyền ai.  
Trên thánh để giáng bài ngọc dụ,  
Chiếu đình thần làm số quân công.  
Tùy công lớn nhỏ gia phong,  
Thái sư tên ở đầu dòng gác Yên.

Phong vương tước gia thêm chữ Đại,  
 Đến sinh tử ngự lại đề bia.  
 Thiên đình trích dã mãn kỳ,  
 Ta tử số tấu dan trì một phong.  
 Đưa xe hạc gió trong giảng đàm,  
 Ngày hai mươi tháng tám giờ lành.  
 Muôn năm Vạn Kiếp miếu đình,  
 Độ dân là Phật, hiển linh là Thần.  
 Còn nhật nguyệt trung thành còn giải,  
 Còn phong đình nghĩa khái còn vang.  
 Tướng chi là giống phạm Nhan,  
 Thác chưa biết xấu còn làm nhớp gương.  
 Nào những lũ ma vương, lệ quỷ,  
 Nào những loài mộc sủy, thạch tinh.  
 Liếc trông dã khiếp uy linh,  
 Lộ cây kiếm thu, lộ hình đao san.  
 Cho biết đứng thần tiên xuất thế,  
 Khắp vùng trời chính khí hao nhiên.  
 Ở đời giúp nước an biên,  
 Qui thân thì vẫn hiển nhiên như còn.  
 Tiếng khư bạo, gươm mòn vẫn sắc,  
 Uy trử hung, chiếu rách còn thiêng.  
 Tinh trung ứng hộ Nam thiên,  
 Ất là quốc thái dân yên đời đời.

Bài văn tán bốn vị Vương Tử  
 Về phượng tốt, võ mao cũng tốt,  
 Tính lân nhân, sừng gót cũng nhân.  
 Xưa nay con thánh cháu thần,  
 Khuôn trời lại đúc thánh thần như in.  
 Thừa Trần để gậy nên bàn thạch,  
 Trong tôn thần nhiều bức ảnh hiền.  
 Thái sư khôn ngoại cầm quyền,  
 Việt mao chống với giặc Nguyên mấy lần?  
 Việc nhà nước muôn phần gian đại,  
 Nghĩa chí thân đành phải ra tay.  
 Hoàng thiên chứng dạ thảo ngay,  
 Lại sinh thánh tử để thay việc ngoài.  
 Tử thánh tử bậc tài văn võ,  
 Cũng ngang tay tam lược, lục thao.  
 Khi ngọc lũng, kinh đảo tâm nổi,  
 Lũ giặc trời quyết chém chằng dong.  
 Con quan tướng, nổi dòng quan tướng,  
 Chữ tướng môn hữu tướng xưa nay.  
 Khuôn nhà luyện tập những ngày,  
 Cửu cung, Bát quái trong tay dã nhòng.  
 So vào bậc đồ long không kém,  
 Có như ai học kiếm không nên.  
 Trông với bề ngọc chưa êm,  
 Đã ngày mài sắt, lại đêm gỏi đồng.  
 Nghi mình cũng là dòng đế trử,  
 Nặng đôi vai quân phụ ái ân.  
 Sao cho quét sạch Hồ trần,  
 Đến ơn sơn hải vài phần chút nao.  
 Sá chi lũ xôn xao ong kiến,

Đề nhọc người dã chiến, duy trử.  
 Răn mình trong đám chính trử,  
 Thư sinh mà trưởng thiên phụ mới kỳ!  
 Khi vãng linh truy tùy thánh giá,  
 Khi đón đường giết phá Nguyên binh.  
 Khi ngày phục nỏ rừng xanh,  
 Khi đêm bạt trại tiêu binh Thoát Hoan.  
 Khi chém tướng xông ngang trên trận,  
 Khi ghim thuyền chèo sâu tràng giang.  
 Đã khi thu phục An bang,  
 Lại khi đánh vỡ thuyền lương Vân đồn.  
 Ấy là bậc hoàng tôn, vương tử,  
 Mà cũng liêu xuất tử nhập sinh.  
 Cho nên mãnh tướng hùng binh,  
 Ai ai cũng nức lòng thành căn vương.  
 Thơ ai đọc: "Giang sơn hoành sáo?"  
 Cờ ai đề chữ: "Báo quốc ân?"  
 Hai bên văn võ tướng quân,  
 Cũng đều nhất đức nhất tâm khác gì?  
 Kia những đứa Nguyên binh tham bạo,  
 Trông ngon cờ phải tháo cho mau.  
 Lưỡi gươm liếc sạch lâu lâu,  
 Tan, Nùng y cứu một mẫu xanh xanh.  
 Thương tướng vịnh: "Thái bình chí lực".  
 Thương hoàng khen: "Nhớ sức gia nhân".  
 Ân phụ tử, nghĩa quân thân,  
 Gặp khi bán dưng thuân thân rở ra.  
 Vì tự thể mới là cung chức,  
 Hưng sư nầy ấy thực đồng bào.  
 Nhà nghiêm đang lúc phiên lao,  
 Khinh cửu người vẫn ra vào thánh thơi.  
 Công bình tặc ghi nơi Yên các,  
 Sắc phong vương sau trước vinh hoa.  
 Mưa ơn về cả một nhà,  
 Linh thung một gốc, lệ hoa bốn cành.  
 Truyền Hoàng Việt sử xanh còn đó,  
 Sông Bạch Đằng nước đỏ bấy lâu.  
 Võ công tiếng để nghìn thâu,  
 Trời Nam đóng vũng kim âu sơn hà.  
 Thanh bảo kiếm trử tà phụ chính,  
 Cảnh linh phù cứu bệnh phù nguy.  
 Những người khải nguyện việc chi,  
 Cầu danh, cầu tự khắc kỷ ứng ngay.  
 Đến Vạn Dực hưng bay gió đức,  
 Cửa bể Đông sóng rức uy linh.  
 Muôn dân ai cũng ngưỡng chiêm,  
 Phần hương đỉnh lễ một niềm qui y.

Bài văn tán hai vị Vương nữ  
 Năm trăm năm vừa kỷ sinh thánh,  
 Sông Hoàng Hà nhập nhánh gương trong.  
 Triều Trần đang thua hứng long,  
 Vua tôi cả nước, mây rồng duyên ứa,  
 Trời sinh đức Thái sư giúp trị,  
 Giá nguyện thân lại vị ý thân.

Trong triều nẩy mực cảm cân,  
 Ngoài biên thiết viết mây lân sửa sang.  
 Một sân dấp cảnh vàng lá ngọc,  
 Dòng kỉ lân, chi' giốc liên sinh.  
 Một nhà trung đỉnh trâm anh,  
 Đông a sáng vẽ, bắc đỉnh thêm xuân.  
 Tiên Bồng đảo vui trần bay xuống,  
 Phật Quan Âm cũng giáng chân thân.  
 Mơ màng giấc quế đêm xuân,  
 Sao sa diêm ứng thánh thân thác sinh.  
 Hoa sau trước đôi cảnh chia nở,  
 Đóa hai đường hơn hờ chiêu xuân.  
 Dầu dài các, vẽ thanh tân,  
 Song song ngọc đức, vàng cân khác thưởng.  
 Tư trời lai đoan trang minh mẫn,  
 Việc khuê môn giảng sẵn gia đình.  
 Nữ tài bằng bậc khoa danh,  
 Quyên vàng sách ngọc tập tành trong cung.  
 Buổi vương phu bề rộng vắng chiếu,  
 Lĩnh kiếm cờ tiên tiêu giác Nguyên.  
 Trâm thoa đối với cung tên,  
 Giúp trong khôn nội chu tuyên đảm đang.  
 So Nương tử nhà Đường thừa trước,  
 Hào hùng trong khuê các nhường ai?  
 Nền nhân cửa tướng khác với,  
 Năm mây có chiếu trên trời truyền trao.  
 Đức thánh nữ tuyên vào cung cấm,  
 Quan lục cung dầm thắm thiên hương.  
 Giúp trong trị nước yên bang,  
 Chu mười tối, có Ấp Khương mới vừa.  
 Đức nghĩa nữ duyên ưa quyên quý,  
 Tước Phu nhân Diên sủng ngôi cao.  
 Bìa non ghi tạc huân lao,  
 Bõ ràng chung đỉnh, giới giáo mốc mĩa.  
 Khôn đức đều ven bề trính thực,  
 Giá đã dành kim ốc nhường ai?  
 Phòng tiêu sớm đội ơn trời,  
 Trâm anh nếp cũ, lâu dài nền xưa.  
 Trên tử diện sớm trưa châu chức,  
 Áo cam bào sức nức danh hương.  
 Thâm nghiêm lâu Hán, cung Đương,  
 Kia triều dượng với phần hương khác nào.



Bài văn tán PHẠM ĐIÊN SÚY THƯỢNG TƯỚNG  
 QUAN  
 Buổi trời đất xây nên thêm thái,  
 Trên thánh quân dưỡi lại hiển thần.  
 Tao phùng long hổ' phong vân,  
 Ngoài biên trong nước kinh luân có người.  
 Hoàng Trần thừa thay trời ngự thể,  
 Vững âu vàng kế' kế' thừa thừa.  
 Võ công qua vượt nghìn xưa,  
 Sóng Đãng tâm ngạc quét trừ' sạch trong.  
 Thiên tử mới khoan lòng cán thực,  
 Thượng phụ vừa nghi sứt ượng đùng.  
 Cơ trời sâu sắc khôn lường,  
 Lại gây ngoại hoạn, đề' cubhng quân tâm.  
 Khói lang chột âm thâm ngoài ải,  
 Chiêm, Lào quẹn phong mải thói xưa.  
 Ấy ai chém tường giết cỏ?  
 Nổi thơm thượng phụ bấy giờ chưa ai.  
 Đối có loạn sinh tãi dẹp loạn,  
 Sá chi bản Lý Quang, A' Phu.  
 Hải dương nẩy đất Đương phù,  
 Địa hình ngũ ma, ngũ phủ tú' chung.  
 Mach Văn Khúc hồi long cổ' tổ,  
 Cảnh hữu sa bạch hồ' chiến kỉ.  
 Đất thiêng sinh bậc anh kì,  
 Kén tài thượng tướng trời kia đã dành.  
 Gánh non sông, thu hoành nhất sáo,  
 Thét hùm beo, khí tảo thiên quân.  
 Tài cao ngu bốn câu thân,  
 Tôn, Ngổ, Lý, Đổ' võ văn gồm tãi.  
 Mặt số tốt biết ai quốc sĩ,  
 Mũi kim qua chạm về Tô công.  
 Lãng ngôi chàng chút đồng dong,  
 Mặc ai xe ngựa ruổi rong trên đống.  
 Đứng thượng phụ có gương Đức Tháo,  
 Cõi tướng người dong mao hiên ngang.  
 Hỏi ra tài học phi thượng,  
 Đã thông kinh sử, lai tướng lược thao.  
 Dinh Vạn Kiếp áo trao Hàn tử,  
 Lôi Thượng hồng xe ngựa Tế Khương.  
 Quán sanh êm khúc loạn hoàng,  
 Trong quân Nương tử chủ tướng có người.  
 Lương sủng hải yêu tài bảo chướng,  
 Cửa tư' vân kén tướng can thành.  
 Từ khi đánh phá Nguyên binh,  
 Lĩnh quân Đức thánh tuân hành nam cương.  
 Y kỹ luật, cờ giường trông giống,  
 Chính uy dung, đại rộng cứu' khinh.  
 Tràng an thiên tử tri danh,  
 Trao tướng ấn, tới biên thành đồng binh.  
 Hồ' thánh giá thân chinh Lao khâu,  
 Cứu' thân vương phá thâu trùng vi.  
 Trúc can lâm liệt ra uy,  
 Dự' muôn tuân tướng xô về' một tay.  
 Cơ đại tướng tuyết bay sao ruổi,

Sông Tràng Long kinh nổi sóng êm.  
 Tiếp thư hai thứ dâng lên,  
 Cổ cương đem lại thôn kim sơn hà.  
 Chiêu ngọc bệ khen tay kham bát,  
 Trái ba triệu gánh vác gian lao.  
 Nam lân phủ ấn vinh bao,  
 Tiên phong Diên sụy đư vào sủng chương.

Bài văn tán các quan văn võ bộ hạ  
 Trên ngọc điện chín lần mây phủ,  
 Cối Việt Nam địa tú chung linh.  
 Trấn triều dang thua thanh bình,  
 Nửa nghìn năm, gặp hội lành minh lương.  
 Đức vương phụ thiên hoàng diên phái,  
 Ngọc phổ trong dòng dõi thân minh.  
 Thứ xem tạo hóa hữu tình,  
 Bệ non đức cá tú linh một nhà.  
 Cửa vóng mâu gió hòa mưa thuy,  
 Mộng Thanh bào tiên tử giáng sinh.  
 Tài văn võ, đức thông minh,  
 Biên cương thành vững, triều đình cột cao.  
 Nghe Nguyên khấu tàu vào cửa bể,  
 Tờ hịch trong chín bệ ban ra.  
 Khâm truyền hoàng thúc hưng qua,  
 Thánh vương trao lệnh ấn cờ Nguyên hung.  
 Bên vương tử quốc công tiết độ,  
 Bệ tiếp tùy phò mã thượng công.  
 Vinh lâm là tướng tiên phong,  
 Tả Yết, hữu Dã hai ông chu toàn.  
 Môn khách những Phùng Hoan, Mao Toại,  
 Văn giúp mưu, võ lai giúp uy.  
 Ba quân vâng lệnh chi huy,  
 Gia thân gia nghĩa chủ tri phen này.  
 Đã được kẻ chém cây, khoan ván,  
 Lại sai người bán đan buồng tên.  
 Hoàng thân quốc thích quý quyền,  
 Giúp uy cũng giân giác Nguyên quật cường  
 Khấp miếu dưỡng lương ban văn võ,  
 Liệt quan quân đội ngũ chu doanh.  
 Đều cùng khâm mệnh để đình,  
 Đồng cử một niềm tiến chinh cõi ngoài.  
 Thấy Mã Nhi chôn nơi bụng cá,  
 Xác Bá Linh ba ngã chia phanh.  
 Sơn hà rửa sạch hội tanh,  
 Tiếng ca lừng lẫy quân thanh khai hoàn.  
 Trên bệ ngọc long nhan hơn hơ,  
 Nhạc Thiếu tâu tiệc mở thưởng công.  
 Vương, công, hầu, tướng vinh phong,  
 Nổi danh hai nước anh hùng nộp uy.  
 Hải nhạc đã thu về chính khí,  
 Đền Đức sơn tụy tụy tinh anh.

H Ề T

tiếp thư trang 22

Hán, hiệu Cảnh nguyên thứ 4 của nhà Ngụy) mùa hạ, tháng 5, viên quân lại quận Giao Chỉ là Lữ Hưng giết thái thú Tôn Tư rồi đem quân hàng nhà Ngụy". Đại Việt sử ký tiền biên (ngoại kỷ, quyển 4, tờ 6b) và Hoàng Việt giáp tý niên biểu (quyển thượng, tr 193) cũng chép như vậy. Đại Việt sử ký toàn thư, ngoại kỷ, quyển 4, tờ 4a, chép có khác bởi câu này: "

呂興殺請及詢(荀)而請太守於晉。

= Lữ Hưng sát Tư cập Tuân nhi thỉnh thái thú ư Tân = Lữ Hưng giết Tôn Tư và Đãng Tuân rồi xin chức thái thú nơi nhà Tấn". Như thế là lầm, vì Tam quốc chí, Ngô chí, quyển 3, tờ 9a, đã chép khá rõ ràng như sau "永安六年五月交阯郡吏呂興等反殺太守孫請[荀]呂興殺孫請使使如魏請太守。

= Vĩnh an lục niên ngũ nguyệt, Giao Chỉ quận lại Lữ Hưng dâng phản, sát thái thú Tôn Tư (...). Lữ Hưng ký sát Tôn Tư, sử sử như Ngụy thỉnh thái thú = Năm Vĩnh an thứ 6, tháng 5, quận lại quận Giao Chỉ là bọn Lữ Hưng làm phản, giết thái thú Tôn Tư (...). Sau khi đã giết Tôn Tư, Lữ Hưng sai sứ sang nhà Ngụy để xin lĩnh chức thái thú".

(9) NGUYỄN VĂN TỐ, Sử ta so với sử Tàu, trong tuần báo Thanh Nghị, năm thứ 3, số 68, ngày 3.6.1944, trang 17.

(còn tiếp)



# Dịch lý

## Sào Nam Phan Bội Châu

NẠI SƠN sao lục

(tiếp theo)

### HÀO TỬ VÀ TIỂU TƯỚNG

#### I.- SỢ LỤC, TÍNH NÊ BẤT THỰC, CỰU TÍNH VÔ CÂM.

Tuyên nghĩa sáu hào quẻ này, chỉ thủ tương bằng giếng, là có công nuôi được người, mà sợ đi nuôi được người là vì có nước mạch, nước mạch thường có hơi âm thuộc dương, nên trong quẻ phải lấy hào dương mà thí dụ bằng Tuyên, tuyên tức là nước mạch ngọt đã không nước mạch thời sao gọi bằng giếng được.

Hào sơ lục âm nhu mà ở dưới, bản chất hèn hạ, bản chất đã hèn hạ, trên lại không ng. dầu đất mình, thì không thể nào làm được công dụng nuôi người, tương như giếng khô nước mạch mà chỉ thấy những bùn, nên không ai tới mức nước ấy, giếng đã không ai tới mức nước ấy tức nhiên lâu ngày thì hèn hạ giếng bỏ, chẳng những người không ng. tới mà dầu loài cầm thú có khát chẳng nữa cũng không ng. tới làm gì. Hào tử này chỉ nói tới một hạng người hèn hạ, mà tính nê t lại dở bản không khác gì giống bùn, chính là một hạng người bỏ ở trong đời mà thôi.

Tượng viết: Tính nê bất thực, hạ dã; cựu tính vô cầm, thì xã dã.

Tính nê bất thực, là phẩm cách mình quá tỵ hạ vậy. Cựu tính vô cầm; là bị đời chế bỏ vậy.

Phụ chú.- Ở về đời tính, nếu đã thiệt tính rồi thì còn ai nhớ bỏ đâu. Nhưng sợ lục vì sao mà bất thực? Vì sao mà thời xã; cái đó chỉ nên tự trách bản thân sợ lục, sợ đã như giếng không nên giếng, còn ai dùng đến mình nữa đâu. Vậy nên chúng ta ở trong đời muốn cho đời quý trọng mình trước hết phải bồi dưỡng lấy nhân cách đức hạ n h mình, người ở đời chờ lo không ai biết đến

mình, mà chỉ lo làm sao cho xứng đáng được người đời biết đến. Như hào sơ lục này vẫn không tự cách khải tri, làm sao mong người tri mình.

#### 2.- CỬU NHỊ, TÍNH CỐC, THIỆC PHỤ, ỨNG TỆ LẬU

Công dụng của giếng là cốt đưa nước lên trên miệng giếng, mà lại cần người ở trên mức lên, vậy sau giếng mới có công dụng. Cửu Nhị tuy có tài dương cương, nhưng mà ở về hạ thế, trên không có người viện giúp đỡ cho mình, và lại người thân cận với mình là sơ lục lại là người vô dụng. Vậy nên không làm nổi việc nuôi người, tương như giếng ở trong hang, mạch nước tuy có chôn chạy ra, nhưng chỉ lách tách năm bảy giọt bắn vào trên lưng con Phụ, in như chum vai nứt vỡ mà nước chảy rỉ ra. Như thế thiệt là không công dụng, nói cho đúng thời chỉ giếng khô thành giếng mà thôi.

Tượng viết, tính cốc, thiệc phụ, vô dự dã. Cửu Nhị vẫn không đến nổi vô tài, nhưng ở trên không người ứng viện cho mình. Tỷ như Có chút ít nước mạch mà ở trên không có người kéo lên cho, thế là vô dự, nên hào tử nói, tính cốc thiệc phụ. (Vô dự, nghĩa là không người giúp mình).

Phụ chú.- Ở vào thời tính mà hang người như Sơ với Nhị, thấy là người vô công ười, nhưng nguyên nhân thời khác nhau. Sơ là tài bất kham dụng, nên hào tử nói rằng, tính nê. Nhị có tài nhưng khốn với hoàn cảnh, nên hào tử nói rằng: Tính Cốc.

Giếng mà bùn là đổ bỏ đi đã đành, chứ giếng mà ở hang thời còn có nước mạch, chẳng phải là tuyệt đối vô dụng, nên tượng tứ hào sơ nói Thị Xã, mà tượng tứ hào nhị thì nói rằng Vô dự, là có ý thương tiếc cho Nhị.

3.- CỬU TAM, TỈNH ĐIỆP BẤT THỰC, VI NGÃ TÂM TRẮC, KHẢ DỤNG CẤP, VƯƠNG MINH, TỈNH THU KY PHÚC

Cửu tam, bản chất dương cương, ở vào vị trí lại đứng vào ở trên địa vị nội quái, chính là một hạng người có tài dụng dơi, mà sẵn có tâm lòng bác ái, in như giếng mạch tốt, nước trong, đáng lẽ người ta múc nước ăn mới phải, mà ai dè địa vị còn ở hạ quái, in như nước giếng chưa múc lên trên thành ra chưa ai biết, chưa ai ăn đến nước giếng ấy. Vì thế, nên nổi những người đi đường ai có than thở cho giếng trong treo thế này mà không ai dùng tới. Ngã là chỉ vào Cửu Tam; tâm trắc nghĩa là trong lòng lấy làm đau đớn, người đi đường mà đau lòng là vì Cửu Tam có tài mà chưa gặp thời đó vậy.

Tuy nhiên, lẽ trong thiên hạ, đã sinh ra tài ở một thời, là cốt để làm việc hữu dụng cho đời ấy. Giếng đã trong sạch như Cửu Tam chắc người ta cũng dùng tới nước giếng ấy múc lên mà ăn. Hoặc có một ngày gặp bực Vương minh đức độ xuất hiện, lúc đó người trên dùng tài mà người dưới được hưởng, người dưới có tài thì người trên cũng được nhờ hai bên thấy đều có phúc khánh (Vương minh là vị vương có đức minh). Trái lại ai vương mà âm thì giếng này cũng chỉ bặt thực, mà thôi. Nói tóm lại, giếng nước trong là Cửu Tam, người dùng nước giếng là vị vương có đức minh.

Tượng viết: Tỉnh điệp bất thực, hành trắc dã, cầu vương minh, thụ phúc dã. Giếng trong sạch mà không có người dùng để ăn, cũng như trong xã hội có bực tài đức mà không ai dụng tới nơi, thiệt là một việc đáng đau đớn cho xã hội, nên đến nổi hành trắc. Hành trắc là người đi đường trông đến giếng mà tài ruột vì đời không có vị vương minh đức. Nếu có bậc vương minh, đại độ thì thiên hạ thấy thụ phúc. Hào từ này chú trọng ở chữ Tâm Trắc và chữ Vương Minh.

4.- LỤC TỬ, TỈNH THU, VÔ CỤU.

Thu là ghép gạch ở bờ giếng và lòng giếng làm cho nước giếng được trong sạch hơn. Lục tử tuy là bản chất âm nhu, nhưng thượng tiếp cửu ngũ là một bậc dương cương trung chính mà lại ở ngôi tôn, tư lại ở vị ở ách chính, nhờ thế lục của ngũ mà làm xong bốn phần của mình, Tượng như giếng nước, mạch chẳng được bao

lắm, mà trau dồi thấy ra tử tế không đến nổi tỉnh Nê như Sơ lục, tuy không công gì lớn, mà không tội lỗi.

Tượng viết, tỉnh thu vô cụu, tu tỉnh dã. Tỉnh thu mà được vô cụu, nghĩa là gì cũng này không công gì lớn, nhưng thượng hay tu lý, thời không đến nổi thành giếng bỏ theo như tài chất của lục tử được như thế là hay rồi.

5.- CỬU NGŨ, TỈNH LIỆT, HÂN TUYỀN THỰC.

Nước giếng quý nhất là trong veo là n h buyệt, mà lại múc lên được cho người ta ăn Cửu Ngũ, dương cương trung chính, tượng như mạch nước giếng rất trong. Nên nói rằng: Tỉnh liệt, liệt là trong veo lạnh buốt.

Ngũ lại ở vào thượng quái, đứng địa vị tôn; tượng như nước giếng múc lên trên mặt giếng mà người được ăn, nên lại nói: Hân Tuyền thực. Vì vậy ôn trạch được thấm nhuần khắp thiên hạ.

Tượng viết: Hân tuyền chi thực, trung chính dã.

Tỉnh đến Cửu Ngũ, mới có Hân tuyền thực, là vì Ngũ có đức Trung chính, đức của Ngũ chắc hơn hết ở thời Tỉnh, chính là một cái giếng rất tốt đó vậy.

6.- THƯỢNG LỤC, TỈNH THU, VẬT MẠC, HỮU PHU, NGUYÊN CÁT.

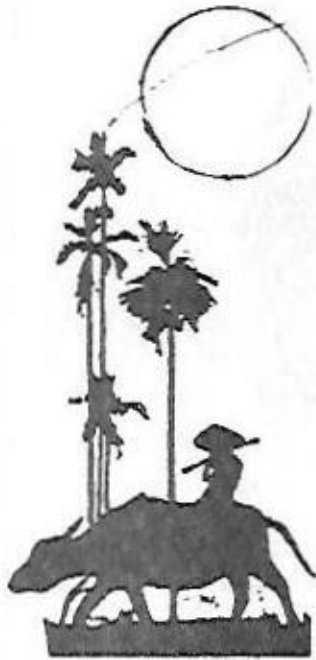
Công dụng của giếng là cốt đưa nước lên khỏi miệng giếng. Thượng lục ở trên hết hết quẻ, chính đứng với miệng giếng. Tỉnh đạo đến đó vừa hoàn thành, là nước giếng đã múc lên rồi, thời nên để cho tất cả thiên hạ đều dùng, chớ nên che trùm lại. Vật mạc là cầm chỉ che trùm lại.

Bởi vì cái giếng đó nên đưa làm của công mà không để làm của riêng một nhà, hề a i muốn múc thì tùy ý múc. Hiền nhân quân tử đem tài trí mình làm ích lợi cho thiên hạ cũng như thế, nên nói rằng: Tỉnh thu, Vật mạc.

Tuy vậy đã đành, nhưng công việc tế thấn dân, há phải một chốc một lát mà làm nên được đâu, tất phải làm mãi mãi mà không ngừng, in như cái giếng kia, mạch chảy mãi mãi mà không hết, người múc nước luôn mà không kiệt. Nên nói rằng: Hữu phu Nguyên cát. (Hữu phu: Hữu thượng không thay đổi. Nguyên cát: an lành, rộng lớn).

Hễ việc đời, làm lợi ích cho thiên hạ thời cứ làm mà chẳng bao giờ tiếc công riêng lợi, ấy là: Vật mạc, đã xuất lục nhậm lao,

*xem tiếp trang 52*



TA

## Cái Ta

Tặng TA

Cái TA là cái chi chi  
 Lãng xãng trật tự tồn ti nực cười !  
 Cái Ta lớn gấp muôn người  
 Trời cao đất rộng tuyệt vời khó dung !  
 Si mê, tham giận lấy lừng  
 Tự cao tự đại, tranh hùng tranh vương...

Rời ra một phút vô thường,  
 Về đâu TA hỏi, trăm đường mù tăm !

● THỊ NGUYỄN



## Bến mơ

Kính dâng QUAN THẾ ẨM THỊ HIỆN  
 Từ những nhớ nhung đầy tim thức  
 Ta viết cho người một bài thơ  
 Tâm thường như cỏ cây hoa lá  
 Vì ta không biết Sáo tử !

Những ngôn ngữ tuyệt vời nhất trên thế giới  
 Dù viết lên cũng không sao tả nổi  
 Những ngọn nguồn kỳ bí của trần tâm  
 Họa chăng ta chỉ nhìn người trong ký ức  
 Mong truyền giao những cảm nghĩ' âm thầm

Ôi đôi mắt ấy đã xâm nhập hồn ta !  
 Nụ cười ấy đã nẩy mầm trong cơ thể !  
 Ta biết trốn lánh phương nào  
 Bóng hình người bao la như vũ trụ !  
 Ta biết ngộ cùng ai  
 Ngoài những lời độc thoại ngu ngơ !

Người là ai ?  
 Người tử đâu hiển hiện ?  
 Mà Dung mạo như thiên vương tuyệt đỉnh  
 Mà mắt người như Sao !  
 Mà nụ cười như Cam lồ tịnh hạnh  
 Gọi hồn ta sạch những vết trần lao !

Ta biết tìm đâu ?  
 Ta biết làm sao !  
 Người chỉ đi về trong giấc mộng,  
 Mà hồn ta thì triển miên trng nổi nhớ ba đào !  
 Ngày và đêm qua đi như hơi thở  
 Giấc Nam Kha giật mình bờ ngợ  
 Ước gì ta đã chẳng gặp nhau.  
 Thì có đâu là nhưng là nhớ  
 Tình trần cõi Ta Bà  
 Là trói buộc thiên châu !

Dù là tình thiêng liêng  
 Hay yêu đường ủy mị  
 Cũng chỉ là ngoa ngụy ma vương !  
 Quanh quanh trong cõi vô thường  
 Xuống lên dấp dối sáu đường chuyển xoay !

Nhưng biết làm sao với quả tim này ?  
 Quả tim vô tình không phân biệt  
 Và trí huệ thì lu mờ từ vạn kiếp  
 Đã quen rồi với tù ngục trói trần !...

Ta khẩn cầu Quan Thế Âm Bồ Tát  
 Giọt nước cành dương  
 Gọi mát tim trần  
 Cứu người ra khỏi trầm luân  
 Hào quang chiếu rọi khắp cùng BẾN MƠ !...

Đài Bắc Mùa Đông  
 ● THỊ NGUYỄN

# Allgemeine Buddhalehre



Text von Hohehrwürdiger Thích Thiện Hoa  
Deutsche Übersetzung von Rev. Thích Như Điển

## KAPITEL V

---

### DIE FÜNF SITTENREGELN (PAÑCASTLA)

---

#### A. Zur Einführung

Auf die "Zufluchts"-formel folgt dann das feierliche Ablegen der für alle Laienanhänger der Buddhalehre verbindlichen fünf Gelübde oder Sittenregeln (pañcasīla). Sittenregeln (prātimoksa) bezeichnet die grundlegende moralische Gesetze eines von Buddha gewiesener Befreiungsweg Beschreitender.

#### B. Themen

- I. Bedeutungen von den Fünf Sittenregeln.
- II. Bestandteile der Fünf Sittenregeln.
  - 1) Abstehen vom Töten (Pānatipāta)
  - 2) Abstehen vom Nehmen des Nichtgegebenen (adinnādāna)
  - 3) Abstehen von unrechtem Wandel hinsichtlich der Sinnenlüste (kāmisumichācāra)
  - 4) Abstehen vom Lügen. (Musāvāda)
  - 5) Abstehen vom Rauschmitteln. (Sura-meraya-majja pamādashāra)

#### C. Schlußfolgerung

Buddha-Schüler, die die Sittenregeln nicht erfüllen, seien nicht mehr Buddhisten.

Nicht-Buddhisten mögen diese Sittenregeln auch ins Herz nehmen.



## DIE FÜNF SITTENREGELN

(PAÑCASTLA)

Nach der Zufluchtnahme zur Drei-Kleinode (Tri-sarāṇā) sollen buddhistische Laienanhänger das Leben nach der vom Sakyamuni Buddha aufgestellten grundlegenden Gesetzen nehmen, um den Befreiungsweg des Leidens und des Wiedergeburtprozesses zu beschreiten. Diese Gesetze sind die Fünf Sittenregeln (pañcasīla).

Die Taoisten folgen den drei Grundregeln sozialen Verhaltens: Pflichten als Herrscher, Vater und Ehemann und die fünf Haupttugenden: Menschlichkeit, Gerechtigkeit, Gesittung, Klugheit, Treue. Ein Taoist kann nicht ihre drei Grundregeln aufnehmen, und auf die fünf Hauptregeln des Taoismus verzichten; auch so kann ein Buddhist die Zuflucht zur Drei-Kleinode nehmen, und die fünf Sittenregeln vernachlässigen.

Jener, der mit innerem Entschluß die Zuflucht zur Drei-Kleinode nimmt, hat seinen Fuß auf die Stufe der Befreiungstreppe gesetzt. Wenn er die fünf Sittenregeln jedoch nicht befolgt, sei dieser Schritt nur auf den ersten Stufe, und dort bleibend; er könnte leider nicht die endgültige Befreiung erreichen.

Diese fünf Sittenregeln, welche alle Wesen nicht nur auf den Befreiungsweg des Buddha leitet, bringt auch Ordnung für den Staat, Ruhe für die Gesellschaft und Frieden in die Familie. Die fünf Sittenregeln sind unzweifelhaft moralische Grundsätze zur Entstehung der persönlichen und gemeinschaftlichen Glückseligkeit; sie sind unserer Lehrer in der Rückgangsperiode des Buddhismus, um uns zur Verrichtung von unheilsamen Aktivitäten zu verhüten. Sakyamuni Buddha hat uns deshalb seinen dringenden letzten Willen für seinen Eintritt ins Nirvāna überliefert:

"Nach meinem Eintritt ins Nirvāna sollen alle buddhistischen Praktiker die Sittenregeln als eigenen Lehrer würdigen; selbst wenn ich noch tausend Jahren auf dieser Welt existiere, um euch die Buddhalehre zu unterweisen, würde ich auch nichts anderes hinzufügen außer der gesetzlichen Grund-Sittenregeln".

Es gibt zahlreiche Sittenregeln, die vom Sakyamuni Buddha für Mönchsorden und Laiengemeinschaft erstellt wurden.

Bhikṣu (Mönche), Bhikṣuṇī (Nonne), Sāmaṇera (Novize), Sikkhāmaṇā (Novizin) gehören zu den Mönchsorden, sie erfolgen die besonderen Ordensregeln. Für buddhistische Laienanhänger dazu gehören Laienanhänger (Upasakā) und Laienanhängerin (Upasikā), gibt es nur Fünf Sittenregeln; wenn wir diese Fünf Sittenregeln aufrichtig beherrschen, würden sie uns und Anderen unbeschreibbaren Nutzen bringen.

### I. BEDEUTUNGEN VON FÜNF SITTENREGELN

Fünf Sittenregeln sind unerläßliche Grundlagen für das weitere Fortschreiten auf dem Heilsweg, sind fünf verbotene Disziplinen der Buddha-Jünger, welche Sakyamuni Buddha für sie erstellt hat. Fünf Sittenregeln dienen zur Verhütung von unheilsamen Gedanken, von bösen Reden, von üblen Handlungen.

Die sind also:

- 1) Abstehen vom Töten (pāṇatipātā)

- 2) Abstehen vom Nichtnehmen des Nichtgegebenen (adinnādānā)
- 3) Abstehen von unrechtem Wandel hinsichtlich der Sinnenlüste (Kāmisumicchācāra)
- 4) Abstehen vom Lügen (Musāvāḍā)
- 5) Abstehen vom Rauschmitteln (Sura-meraya-majja-pamādaṭṭhāna)

Diese fünf Disziplinen lassen sich auf dem Liebe-Güte-Geist, der Gleichheit beruhen, wurden allerdings aus dem Standpunkt zur Austreibung persönlicher Sünden, zum Hervorbringen von fester Sicherheit und wahren Frieden der Gesellschafts-Struktur errichtet.

Buddha verlangte von uns kaum, diese Sittenregeln streng zu befolgen, sowie er uns bestrafend bedroht, wenn wir sie verstoßen würden. Die Befolgung der Sittenregeln liegt ja an uns.

Buddhismus ist zwar an diesem Standpunkt ganz differenziert gegenüber anderen Weltreligionen, denn Buddha sei kein hoher Richter, der über jemanden Strafe wegen moralischen RegelverstosSES verhängt !

Ein gütiger bzw. böser Gedanke, eine sanfte oder grobe Rede, eine üble oder rechte Handlung tragen sich selbst den Samen der Auszeichnung oder Bestrafung. Buddha ist zwar nur ein klardenkender und liebgütiger Führer. Er weist uns darauf hin, wo der klar gangbare Weg und wo der gefährlich ungangbare Weg ist.

Es liegt jedoch an uns, den Weg aufzusuchen. Wenn wir den zweisten wählen, würden wir Unheilen begegnen; Buddha bringt kaum Unglück hervor, um über uns Strafe zu verhängen. Das Gerichtshof ist nämlich das Kausalgesetz. Jener, der heilig lebt, erntet Gutes, und im Gegenteil, Böses.

Fünf Sittenregeln sind gewiß fünf Schutzmauern, die unsere Verirrung auf dem unheilsamen Weg verhindern; sie sind wohl fünf Schranken, die unsere Stürze in die Tiefe während des Beschreitens auf dem vom Buddha gewiesenen Erlösungsweg zu unterbinden.

(Fortsetzung folgt)



# GEFANGENER DES VIETCONG

ERLEBNISSE EINES DEUTSCHEN  
IN SÜDVIETNAM

1963-1976

VON  
RUDOLF PETRI

## INHALT

Erster Teil  
Von Indien nach Südvietsnam

1. Von Indien nach Südvietsnam
2. Erster Aufenthalt in Saigon
3. Meine Mission für die Buddhisten Vietnams in Südasien
4. Kidnapping oder Mordversuch ? (in Colombo)
5. Seefahrt nach Malaysia
6. Von Singapur nach Saigon
7. Besuch in Japan
8. Wieder in Saigon

Zweiter Teil  
Zickzackreisen in Asien

09. Zickzackreisen in Asien
10. Begegnungen mit einem Geist
11. Die Riesenschlange
12. Ein kleines Wunder
13. Der Tiger von Vung Tau
14. Amerikaner wurde Buddhist
15. Der unsichtbare Geist
16. Der Fall Vung Tau's

Dritter Teil  
In Vietconghaft

17. In Vietconghaft
18. Selbstmordversuch im Kerker
19. Ich wurde Gefangener "Nummer Eins"
20. Drei Vietcongs in Kerkerhaft
21. Simulierter Selbstmordversuch
22. Tag der Freiheit
23. Wiedersehen mit Deutschland

Copyright C 1977  
Dr. R. Petri  
Reinbekerweg 50  
D- 2050 Hamburg 80

(Fortsetzung)

Nach einer Woche kam Herr R.C.A. wieder, diesmal in Zivil, er hatte den Dienst quittiert und machte vorläufig Urlaub; diese Zeit wollte er nun dazu benutzen, um den Buddhismus bei mir systematisch zu studieren. Er kam täglich für einige Stunden. Ich lehrte ihm vor allem Theravāda Buddhismus d.h. den angeblichen Urbuddhismus, wie ihn die Theravāda Sekte lehrte. Zum besseren Verständniss dieses Pāliwortes will ich nichtbuddhistischen Lesern die Hauptunterschiede der größten Schulen des Buddhismus erklären. Theravāda setzt sich aus zwei Wörtern zusammen; Thera bedeutet ältere und vada Lehre, also bedeutet Theravāda die ältere, ursprüngliche oder auch die Lehre der Älteren (Mönche). Eigentlich gehört diese Sekte zur Hinayāna-Schule, welche vor langer, langer Zeit aus 18 Sekten bestand welche aber bis auf die Theravādins wieder ausstarben. Der Theravāda wurde durch den Sohn des indischen Kaisers Asoka, ungefähr 200 Jahre nach Buddha, auf Ceylon eingeführt und konnte sich dort bis auf den heutigen Tag erhalten; aber nicht nur dies, buddhistische Missionare verbreiteten von Ceylon aus den Buddhismus in benachbarten Ländern und er ist auch bis zum heutigen Tage - trotz aller Widerwärtigkeiten, noch eine lebende spirituelle Kraft, aus der das sinhalaische Volk bewußt oder unbewußt schöpft. Der Pālikanon, der s.g. Tipitaka (Dreikorb) wurde auf Ceylon um das Jahr 29 vor unserer Zeitrechnung niedergeschrieben, denn bislang lernten die Mönche des Buddha den ganzen Kanon in Pāli auswendig! Es ist der einzige noch vollständig existierende buddhistische Kanon und es wird behauptet, daß es die ursprüngliche, ungemischte, reine Lehre des Buddha ist; dies ist sehr möglich, dennoch nicht ganz sicher. Solange wir die einst existierenden Kanons der anderen Sekten nicht entdecken, ist und bleibt die Einzigartigkeit des Pālikanons eine Streitfrage buddhistischer Gelehrter. Einen Sanskrit-Kanon im Sinne des Tipitaka gibt es indes nicht es gibt aber viele hunderte und tausende Übersetzungen aus dem Sanskrit ins Chinesische und Tibetische.

Ich gab Herrn R.C.A. die erste Weihe, die Upasākaweihe d.h. als ein Laienanhänger des Buddhismus, welcher gelobt, nach bestem Können die vorher erwähnten fünf Gelübde zu halten und an buddhistischen Feiertagen 8 oder sogar 10 solcher Gelübde. Gleichzeitig erhielt mein neuer Schüler einen aus dem Sanskrit Stammenden buddhistischen Namen. Ich war also der Guru eines Amerikaners und er der Chela (Schüler eines deutschen buddhistischen Oberpriesters geworden. Die kurze dazu gehörende Zeremonie hielt ich in Pāli, Sanskrit, Tibetisch und Englisch. Die Frau meines Schülers war ebenfalls gegenwärtig und nahm aufmerksam an der Andachtsstunde vor dem Buddhaaltar teil. Von dem Tage seiner Weihe an war Herr R.C.A. für mich nur noch der Chela Tāranātha (Tāra=Stern, nātha=Herr). Ich gab ihm diesen Namen zur Erinnerung an den einst berühmten tibetischen Historikers Lama Tāranātha, welcher eine Geschichte des Buddhismus in Indien schrieb, etwa im 10. Jahrhundert unserer Zeitrechnung.

## 15. DER UNSICHTBARE GEIST

Etwa einen Monat später ereignete sich folgendes: ich lag mit offenen Augen auf meinem Feldbett. Mein Zimmer war dunkel, pechschwarz, denn ich kann nur in dunklen Zimmern schlafen. Mein neuer Kater lag neben mir, ich streichelte sein schwarzes Fell und er schnurrte behaglich, bis er plötzlich die Haare sträubte, aufsprang und aus dem Zimmer verschwand. Fast im selben Augenblick danach fühlte ich kalte Luft über mir, obwohl Türen und Fenster geschlossen waren und ich vor lauter Hitze ohne Decke dalag. Was war das? Nun fühlte ich, wie etwas um mich fasste und durch den Mund in mich hineindringen wollte. Wie ein Blitz verstand ich, daß ein Geist von meinem Körper Besitz ergreifen wollte. Ich sträubte mich, ein Medium zu werden und sagte rasch ein Abwehrmantra in Sanskrit, und die Kälte und damit auch den Geist verschwanden sofort. Ich fühlte mich erleichtert. Sonderbarerweise wußte ich instinktiv, daß es ein weibliches Wesen gewesen war, welches von mir Besitz ergreifen wollte, denn es war mir gewesen als ob ich ein gewisses französisches

Parfüm spürte; aber vielleicht war dies nur Einbildung. Wie man sich denken kann, schlief ich diese Nacht nicht besonders gut, sondern war scharf wie ein Spitz auf der Lauer, denn wer wußte, ob der Geist es nicht noch einmal versuchen würde?

Am nächsten Tage war es wieder sehr heiss dennoch spürte ich mehrere Male wie kalter "Wind" links und rechts über meine entblösten Arme strich. Der Geist! Ein süßlicher Parfümgeruch bestätigte meinen Verdacht. Ich setzte mich an den Tisch und tat so, als ob ich den Geist ignorierte, aber er liess sich nicht vertreiben und wirklich, ich wollte ihm nicht vertreiben, sondern Verbindung mit ihm herstellen, aber wie? Ich sprach laut in französisch; keine Antwort, ich benutzte Englisch und diesmal bekam ich in meinem Kopf Antwort; der Geist sagte: "Ich bin Oß Nguyễn Thi Mai Lan, gestorben vor drei Jahren." Ich fragte: "Warum und wo?"



"In der Nähe von Vung Tau. Ich tötete mein illegitimes Baby und starb dabei selbst d.h. besser gesagt, mein Körper starb, mein ICH lebt noch - leider!"

"Also ist es richtig, daß es im eigentlichen Sinne keinen Tod gibt?"

"Ja, es stimmt, dieses mußte auch ich erfahren, früher habe ich über so etwas gelacht - denn ich war Studentin und sehr

modern in meinen Ansichten, die dennoch alle grundfalsch waren, obwohl sie aus Frankreich und Amerika stammten." Ich fragte weiter: "Wie alt sind Sie jetzt?"

"Ungefähr vierundzwanzig Jahre alt".  
"War der Vater des ungeborenen Kindes etwa ein Amerikaner?"

"Das ist richtig und gerade derum wollte ich abtreiben - mit einer langen Nadel, ich stach den Foetus und mich selbst, so ungeschickt war ich. Ich verblutete im Laufe der Nacht. "Wie fühlen Sie sich in der jetzigen Verfassung?"

"Ganz miserabel, ich möchte richtig sterben, doch wie ich von anderen Geistern erfahren habe, kann man nicht sterben, sondern man wird, ob man will oder nicht, wiedergeboren."

"Warum kommen Sie zu mir und warum wollten Sie gestern Nacht von mir Besitz ergreifen?"

"Ich hatte den Drang, mich Ihnen mitzuteilen, denn ich weiss genau, daß Sie keine Angst vor Geistern haben, außerdem sind Sie ja buddhistischer Mönch."

"Sie wollten vielleicht durch mich sprechen?"

"Ja, das stimmt, aber wie ich sehe, geht es auch ohne."

"Wie kommt es, daß ich kalte Luft und Parfüm verspüre, sobald Sie in der Nähe sind?"

"Leider weiss ich dies nicht genau, aber Parfüm, besonders französisches, habe ich immer sehr geliebt, vielleicht ist es darum, daß der Duft des Parfüms mir anhaftet. Wir haben weder Fleisch noch Blut, deshalb die Kälte, obwohl wir einen sehr feinen astralen Körper haben, den Sie bei mir nicht sehen können, zum Glück nicht, denn ich bin vollständig - nackt."

"Wie kommt denn das? Ich weiss, daß Geister meistens in dem Kleid erscheinen, welches sie im Tode trugen."

Der Geist des Fräuleins Mai Lan lachte und sagte: "Na eben deshalb; denn ich hatte nichts an, als ich den Abortversuch machte. Meine Eltern und Brüder haben mich so gefunden - schrecklich!"

"Können Sie, wenn Sie wollen, sichtbar werden?"

"Nein, dies kann ich nicht, es hängt von der Ebene ab, auf der man sich befindet."

"Haben Sie ein Gefühl, daß Sie bald wieder geboren werden?"

"Ja, das kabe ich seit einiger Zeit, vielleicht wird es bald geschehen, aber am Liebsten wollte ich wie Buddha das Nirvana erreichen, doch bis dahin habe ich wohl noch recht lange im Kreise der Geburten und des Sterbens zu wandern. Erst jetzt als sogenannter Geist wird mir die Wahrheit in der Lehre des Buddha klar, früher habe ich mich, wie schon gesagt, nie darum gekümmert. Ach, ich muß gehen!" Mit diesen Worten verschwand der vietnamesische Geist.

Für die Gegenwart dieses Geistes habe ich zwei Zeugen, einen Amerikaner und einen Vietnamesen; beide fühlten die Kälte und das Parfüm, aber sie konnten nicht mit dem Geist kommunizieren, ein Beweis dafür, daß man sozusagen auf der gleichen Wellenlänge wie der Geist sein muß.



Im Laufe von zwei Monaten bekam ich fast täglich Besuch dieses einsamen Geistes. Plötzlich war der Geist abwesend, er kam nicht mehr, höchstwahrscheinlich wurde er irgendwo wiedergeboren und ich hoffe in eine glückliche und intelligente Familie

Ich bekam Besuch eines amerikanischen Zivilisten, welcher vorher drei Jahre Militärdienst in Südvietsnam gemacht hatte; auch er war am Buddhismus, Spiritismus, Okultismus usw. interessiert und hatte schon eine Masse Bücher über diese Themen gelesen. Mr. D.P. wollte, daß ich ihn im Buddhismus unterrichte, ich stimmte sofort zu, denn ich sah, daß der junge Mann intelligent und ehrlich war.

Beim nächsten Besuch brachte er seine vietnamesische Frau mit, welche recht wenig Englisch sprach, aber ihr Mann konnte ziemlich gut Vietnamesisch, weil er immer mit Vietnamesen zusammen arbeiten mußte und zwar als ihr Ratgeber in Elek-

troniks. Kurz darauf weihte ich auch diesen Amerikaner als Upasaka Ananda 2; der erste Ananda wohnt in Singapur.

Im Juli 1972 liess Upasaka Taranatha ein sieben Meter hohes tibetisches Chörten (Stupa) bauen zum Andenken an den grossen ungarischen Gelehrten und Buddhisten Alexander Csoma de Körös (in ungarisch Csoma Körösi Sandor). Csoma wurde 1784 im Dorfe Körös in Transsilvanien (Siebenbürgen) als Sohn aristokratischer Gutsbesitzer geboren und studierte später in Wien und Göttingen Medizin; doch er verliess diese Studien, um sich der Philologie zu widmen mit dem Ziel, die Herkunft der Magyaren (Ungarn) zu erforschen und Csoma vermutete, daß die Urheimat seines Volkes sich in den Gebieten des Transhimalaya befindet. Der eifrige Forscher begab sich im Jahre 1820 auf den langen Weg nach Indien und Tibet. Er wanderte, mit Rucksack auf dem Rücken und Wanderstab in der rechten Hand mutig gegen Osten. Csoma war zu dieser Zeit erst 36 Jahre alt und noch voller Energie, darum gelang es ihm, Persien, Afghanistan, und den Pandschab und Kaschmir zu Fuss zu durchqueren, um sich im Klein Tibet d.h. in dem nun zu Indien gehörenden Ladakh niederzulassen. In Kanam in unmittelbarer Nähe der tibetischen Grenze wurde er in einem Lamakloster aufgenommen und studierte dort bis zum Jahre 1831 tibetisch und die Heiligen Schriften der Lamas; Csoma lebte, ohne zu klagen, in primitiven Verhältnissen und seine tägliche Speise war zumeist Buttertee. In den Jahren des Studiums hatte Csoma ein Englisch Tibetisches Wörterbuch geschrieben. Um dieses eventuell in Kalkutta herausgeben zu lassen, verliess er Ladakh und wanderte in Etappen nach dem fernen Bengalen. In Kalkutta wurde er dann Unterbibliothekar der Royal Asiatic Society of Bengal. Diese Gesellschaft gab dann auch sein Wörterbuch heraus, aber doch erst im Jahre 1834, nach dem man ein anderes von einem Missionar geschriebenes Wörterbuch als ungenügend befand. Csoma schrieb viele Artikel in dem Organ der Gesellschaft, meist über Lamaismus und alles Tibetische.

(Fortsetzung folgt)

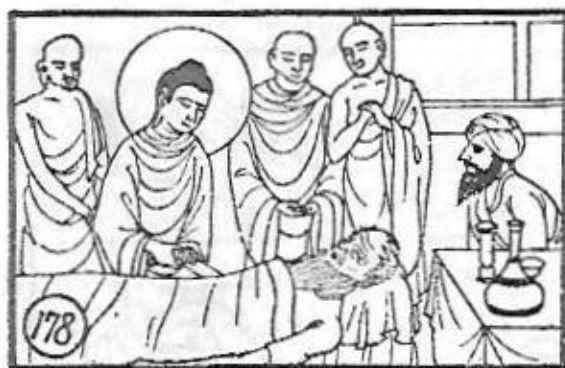
# Die illustrierte Geschichte Buddhas

Text von Hoàng Vân - Deutsche Übersetzung von Nguyễn Ngọc Tuấn

(Fortsetzung)



Eines Tages erweckte in Buddha, während er meditierte, eine Vorahnung, daß es seinem Vater, dem König Siddhodana, etwas passierte. Unmittelbar danach wurde ihm eine Botschaft übermittelt, daß sein königlicher Vater schwer erkrankte. Sofort machte er sich in Begleitung von Ananda, Nanda, Rahula und dem Hofgesandten auf die Heimkehr.



Siddhodana war schon 93 Jahre alt. Buddha wußte bereits, daß der Gesundheitszustand seines Vaters sich nicht verbessern werden konnte. Beim Wiedersehen mit Buddha freute sich der König. Am Krankenbett seines

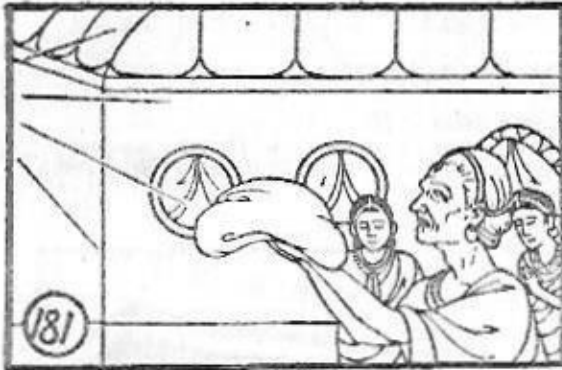
Vaters predigte Buddha über die Leere und die Nichtigkeit des Lebens sowie über das "Reine Land" im "Paradies des Westens" des Amida. Der König befolgte den Rat des Buddha, an Amitabha zu denken, den Namen des Buddha der unermeßlichen Lichtglanz zu sprechen und ihn um Erlösung zu bitten. Eine angenehme Duft verteilte sich in diesem Augenblick im ganzen Zimmer. Schmerzlos verließ der König das Leben und wurde im "Paradies des Westens" wiedergeboren.



Am Sarg des Königs, der für einige Zeit im Hof verblieb, nahmen alle Hofbeamten Abschied von dem Monarch. Am Tag der Beisetzung trug Buddha zusammen mit Nanda, Ananda und Rahula den Sarg bis zur letzten Ruhestätte. Seine rührende Akt der Pietät bewegte die himmlischen Götter. Deshalb kamen sie herab, um ihn zu stärken.



Tränend verfolgte die Bevölkerung Kapilavatthu Buddha mit den Augen. Nochnie war ihr Respekt für Buddha so hoch wie jetzt. Sie alle waren der Meinung, daß nicht nur seine weltlichen Verpflichtungen erfüllt hatte, sondern auch alle universelle Methode des Dharma verwirklicht.



Nach der Trauerzeremonie blieb der Buddha noch einige Tage in seiner Heimatsstadt. Bei der Gelegenheit überreichte ihm seine Stiefmutter Mahâprajâpatî als Opfergabe zwei neue Kassaya. Jedoch nahm er nur ein und bat sie, das andere an einem anderen Mönch zu geben.



Mahâprajâpatî äußerte sich mit dem Wunsch, zusammen mit 500 anderen Frauen Nonnen zu werden. Aber der Erhabene machte ihr klar, daß es in der Gemeinschaft keine weibliche Person gäbe und daß Frauen gleichzeitig ihr Glauben praktizieren könnten und dabei ihr Zivilleben weiter führen sollten. Mit Tränen in den Augen reichten die 500 Frauen das Gesucht mehrmalig. Aber der Buddha lehnte es strikt ab.



Um nicht weiter gestört zu werden, wechselte der Buddha seine Wohnstätte. Aber nach wie vor blieben die Frauen bei ihrem Entschluß. So ließen sie sich den Kopf kahl rasieren, sich eine Kutte legen und hinter dem Buddha her zogen.



Im neuen Domizil trafen sie Ananda, trugen ihm den Wunsch vor und baten ihn um Unterstützung. Dieser versprach ihnen diese Worte weiter an den Meister zu leiten. Nach mehrmaligem Versuch erhielt Ananda die





Der Vater einer wohlhabenden Familie hatte 7 Söhne. Sechs von ihnen folgten Buddha. Nur der Jüngste fuhr sein weltliches Leben weiter. Wie die Zeit schnell verging, sorgte sich der Vater für die Familiengründung des Jüngsten. Er bekam eine Frau, die zwar bildhübsch war, aber ihr Charakter war unertragbar. Denn sie zeigte sich ungehorsam gegenüber ihren Schwiegereltern und konnte die Lehre des Buddha nicht tolerieren.



Da sie sich nicht anpassen konnte, wollte die junge Frau immer zurück zu ihren Eltern gehen. Während dessen dachte der Schwiegervater schon daran, daß nur Buddha diese schwierige Situation retten konnte. Aber er wog immer noch nicht, dem Meister die Sache vorzutragen.



Das Familienverhältnis scheint sich zu verschlimmern. Die junge Frau benahm sich immer unmöglicher und weigerte sich, den Buddha zu sehen. Endlich ging der Vater zu Buddha, um Rat zu suchen. Aber als er vor dem Erhabenen stand, wußte dieser schon seine Absicht. Er versprach deshalb, morgen die Familie zu besuchen.



Als der Buddha kam, standen alle am Eingang, außer der Schwiegertochter, um ihn zu begrüßen. Der Vater war sehr wütend, aber Buddha sagte: "sei unbesorgt, deine Schwiegertochter werde schon bald freiwillig kommen, um mich zu begrüßen".

(Fortsetzung folgt)



# DAS WUNDER, WACH ZU SEIN

EIN MEDITATIONSHANDBUCH  
VON  
VEN. THICH NHAT HANH

aus dem Vietnamesischen ins Englische übersetzt  
von Mobi Quynh Hoa, aus dem Englischen ins Deut-  
sche übertragen von Hermann Schiewe

Englische Ausgabe: The Miracle of Being Awake -  
A Manual on Meditation for the Use of Young Acti-  
vists. Buddhist Publication Society, Kandy (Sri  
Lanka) 1976. The Wheel Publication Nos. 234 - 236.

(Fortsetzung von Viën Giác 19)

Deshalb ist nicht das Vertreiben irgendeines Gedankens oder das Verweilen bei ihm das Wichtige. Das Wichtige ist, sich des Gedankens bewußt zu sein. Diese Betrachtung ist keine Objektivierung des Geistes: Sie stellt keinen Unterschied zwischen Subjekt und Objekt her. Der Geist ergreift nicht den Geist, der Geist stößt den Geist nicht fort. Der Geist kann sich nur selbst betrachten. Diese Betrachtung ist keine Betrachtung irgendeines Objektes, das etwa außerhalb und unabhängig vom Betrachter wäre.

Erinnere Dich des Koans vom Zenmeister Bach An, der fragte: "Was ist der Ton einer klatschenden Hand?" Oder nimm als Beispiel den Geschmack und die Zungenerfahrungen: Was trennt den Geschmack von den Geschmacksknospen? Der Geist erfährt sich selbst direkt in sich selbst. Dies ist von besonderer Bedeutung, und deshalb benutzte der Buddha im Sutra der Achtsamkeit immer die Formulierung: "Achtsamkeit des Gefühls im Gefühl, Achtsamkeit des Geistes im Geist." Einige Leute haben gesagt, der Buddha habe diese Formulierung benutzt, um mehr Nachdruck auf solche Worte wie Gefühl und Geist zu legen, aber ich glaube, sie haben Buddhas Absicht nicht vollkommen erfaßt. Achtsamkeit des Gefühls im Gefühl ist Achtsamkeit des Gefühls unmittelbar im Gefühl, unmittelbar während das Gefühl erfahren wird, und sie ist gewiß nicht die Betrachtung irgendeiner Vorstellung vom Gefühl, die man erschafft, um dem Gefühl irgendein objektives, getrenntes, eigenes Dasein außerhalb von einem selbst zu geben. Achtsamkeit des Geistes im Geist heißt, der Geist erfährt die Achtsamkeit des Geistes im Geist. Die Objektivität eines außenstehenden Beobachters, der etwas untersucht, ist die Methode der Wissenschaft, aber sie ist nicht die Methode der Meditation. Deshalb ist die Vorstellung von dem Wächter und den Besuchern, die den Hauptgang des Geistes betreten und verlassen, nicht ausreichend, um die achtsame Beobachtung des Geistes angemessen zu verdeutlichen.

Der Geist gleicht einem Affen, der sich im Wald von Ast zu Ast schwingt, sagt das Sutra. Um den Affen bei einer plötzlichen Bewegung nicht aus den Augen zu verlieren, müssen wir ihn ständig beobachten - das Sutra sagt, eins mit ihm sein. Der Geist, der den Geist betrachtet, gleicht einem Gegenstand und dessen Schatten - der Gegenstand kann den Schatten nicht abschütteln, die zwei sind eins. Wohin der Geist auch geht, er liegt im Geschirr des Geistes. Das Sutra benutzt manchmal den Ausdruck: "Fessele den Affen!", wenn es darauf hinweist, den Geist unter Kontrolle zu bekommen. Aber die Vorstellung von dem Affen ist nur ein sprachliches Mittel. Wenn sich der Geist erst einmal unmittelbar und ständig seiner selbst bewußt ist, gleicht er nicht mehr einem Affen. Es gibt keine zwei Arten Geist: einen, der sich von Ast zu Ast schwingt, und einen anderen, der diesem folgt, um ihn mit einem Strick zu fesseln.

Der Mensch, der die Meditation ausübt, hofft gewöhnlich, 'in sein eigenes Wesen zu schauen', um die Erwachung zu erreichen.

Aber wenn Du gerade anfängst, warte nicht darauf, 'in Dein eigenes Wesen zu schauen'. Besser ist es vielmehr, auf überhaupt nichts zu warten. Warte insbesondere nicht darauf, den Buddha oder in irgendeiner Form die 'letzte Wirklichkeit' zu erblicken, während Du sitzt. Versuche in den ersten sechs Monaten nur, Deine Kraft der Meditation zu stärken, eine innere Ruhe und reine Freude zu schaffen. Man muß sich in dieser Weise bemühen. Du wirst Besorgnis abschütteln, Du wirst Dich völliger Ruhe erfreuen und Deinen Geist besänftigen. Du wirst erfrischt sein und einen weiteren und klareren Blick für die Dinge gewinnen, und Du wirst in Dir die Liebe vertiefen und verstärken. In der Meditation zu sitzen, ist genauso eine Nahrung für Deinen Geist, wie es Nahrung für Deinen Körper ist. Durch das Sitzen gewinnen sie Harmonie, sie fühlen sich leichter und sind befriedeter. Der Weg von der Beobachtung Deines Geistes bis zum Blick in Dein eigenes Wesen wird nicht zu uneben sein. Wenn Du erst einmal in der Lage bist, Deinen Geist zu beruhigen, wenn Dich erst einmal Deine Gefühle und Gedanken nicht mehr stören, dann wird Dein Geist an diesem Punkt anfangen, im Geist zu verweilen. Dein Geist wird den Geist auf eine direkte und wundervolle Weise unter Kontrolle bekommen, wobei nicht mehr zwischen Subjekt und Objekt unterschieden wird. Beim Trinken einer Tasse Tee wird sich der scheinbare Unterschied zwischen einem, der den Tee trinkt, und dem getrunkenen Tee verflüchtigen. Das Trinken einer Tasse Tee wird zu einer direkten und wundervollen Erfahrung, in welcher der Unterschied zwischen Subjekt und Objekt nicht mehr existiert. Ein zerstreuter Geist ist auch Geist, genauso wie Wellen, die sich kräuseln, auch Wasser sind. Wenn der Geist den Geist unter Kontrolle bekommen hat, wird irreführter Geist zu wahren Geist.

---

#### EINS IST ALLES, ALLES IST EINS

---

Quang, ich möchte hier ein paar Zeilen den Methoden widmen, die man anwenden könnte, um sich von beschränkten Anschauungen zu befreien und um die Furchtlosigkeit und das große Mitleid der Bodhisattvas zu gewinnen. Diese Methoden sind die Betrachtungen über die gegenseitige Abhängigkeit, die Unbeständigkeit und das Mitleid.

Während Du in der Meditation sitzt und nachdem Du Deinen Geist unter Kontrolle bekommen hast, kannst Du Deine Konzentration darauf richten, das Wesen der gegenseitigen Abhängigkeit bei bestimmten Objekten zu betrachten. Diese Meditation ist kein diskursives Nachdenken über die Philosophie der gegenseitigen Abhängigkeit: Sie ist ein Eindringen des Geistes in den Geist selbst, wobei das Konzentrationsvermögen dazu benutzt wird, die betrachteten Objekte dazu zu bringen, ihre wirkliche Natur zu offenbaren.

Diejenigen, welche die Vijñānavada-Lehre kennen, wissen, daß der Begriff 'Vijñāna' (Bewußtsein) sowohl Subjekt als auch Objekt des Wissens kennzeichnet. Das Subjekt des Wissens kann nicht unabhängig vom Objekt des Wissens existieren. Zu sehen bedeutet, etwas zu sehen, zu hören, etwas zu hören, ärgerlich zu

sein, über etwas ärgerlich zu sein, zu hoffen, auf etwas zu hoffen, zu denken, an etwas zu denken und so weiter. Wenn das Objekt des Wissens (das Etwas) nicht gegenwärtig ist, kann es kein Subjekt des Wissens geben. Der Übende meditiert über den Geist, und indem er das tut, ist er imstande, die gegenseitige Abhängigkeit des Subjektes des Wissens vom Objekt des Wissens zu erkennen. Wenn wir die auf den Atem gerichtete Achtsamkeit üben, dann ist das Wissen über den Atem Geist; wenn wir die auf den Körper gerichtete Achtsamkeit üben, dann ist das Wissen über den Körper Geist; wenn wir unsere Achtsamkeit auf Objekte außerhalb von uns richten, dann ist das Wissen von diesen Objekten ebenfalls Geist. Deshalb ist die Betrachtung des Wesens der gegenseitigen Abhängigkeit aller Objekte ebenfalls eine Betrachtung des Geistes.

Jedes Objekt des Geistes ist selbst Geist. Im Buddhismus werden die Geistesobjekte Dharmas genannt. Man unterteilt die Dharmas gewöhnlich in fünf Gruppen:

- 1) körperliche und physische Formen
- 2) Gefühle
- 3) Wahrnehmungen
- 4) Willensregungen
- 5) Bewußtsein

Diese fünf Gruppen werden die fünf Anhäufungen genannt. Die fünfte Gruppe, das Bewußtsein, enthält jedoch alle anderen Gruppen und ist die Grundlage ihrer Existenz.

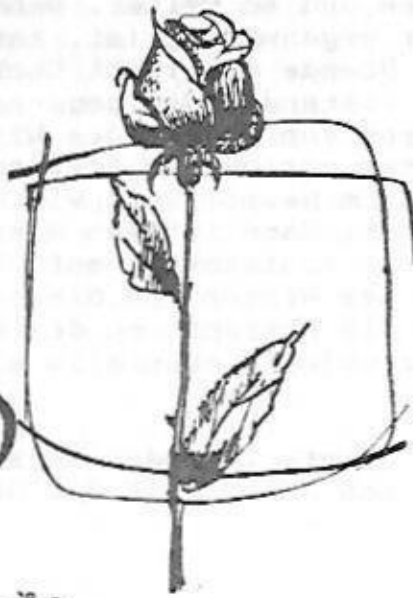
Die Betrachtung über die gegenseitige Abhängigkeit ist ein tiefer Blick in alle Dharmas, und sie hat das Ziel, zu deren wahrer Natur durchzustoßen, damit sie als Bestandteile der großen Masse der Realität gesehen werden und damit erkannt wird, daß diese große Realitätsmasse unteilbar ist. Sie kann nicht in Stücke geschnitten werden, die für sich selbst eigenes Dasein haben.

Das erste Objekt der Betrachtung ist unsere eigene Person, die Ansammlung der fünf Gruppen in uns selbst. Der Übende kontempliert gerade hier und jetzt über die fünf Gruppen, die ihn ausmachen.

In seinem Körper ist sich der Übende der Gegenwart von körperlicher Form, Gefühl, Wahrnehmung, Willensregungen und Bewußtsein bewußt. Er betrachtet diese 'Objekte', bis er erkennt, daß jedes davon eine enge Beziehung mit der Welt außerhalb von ihm hat: Existierte die Welt nicht, dann könnte auch die Ansammlung der fünf Gruppen nicht existieren. Denke zum Beispiel an einen Tisch. Die Existenz des Tisches ist durch die Existenz von Dingen möglich, die wir als 'Nicht-Tisch-Welt' bezeichnen könnten: durch den Wald, in dem das Holz wuchs und wo es geschlagen wurde, durch den Tischler, das Eisenerz, das zu Nägeln und Schrauben verarbeitet wurde, durch die zahllosen anderen Dinge, die Beziehung zum Tisch haben, angefangen bei den Eltern und Vorfahren des Tischlers, bis hin zu Sonne und Regen, die dem Baum das Wachsen ermöglichten. Wenn wir die Wirklichkeit des

Bitte lesen Sie weiter auf Seite 48

thơ



### Một lời Nguyễn

Xuân về trên chôn quê ai  
Cho người dân Việt quên thay lạnh lùng  
Gói tròn bao nỗi nhớ nhung  
Làm quà đạo vị tuyết cùng đơm hoa  
Nở trên cành trọi nồn nà  
Lời kính chào đón Phật đà vang vang  
Rước Ngài Di Lặc xuân sang  
Chùa chiến cung thỉnh ngút ngàn trâm hương  
Nhớ mười phương Phật xót thương,  
Dắt dừ nhân loại thoát đường tử sanh  
Lá kia còn có cây cành  
Con người quên cội cho đành lòng sao  
Ngày ngày tháng tháng qua mau  
Sắc son một nguyện trần lao đáp đền  
Xa nhà biển cả mộng mênh  
Thành tâm khấn Phật được lên đất liền  
Bây giờ gần gũi Thầy hiền  
Đệ huynh xum họp của Thiên gieo duyên  
Qua rồi lấm nổi truân chuyên  
Kính mong Phật tử xây nguyện ngôi chùa  
Kể công người của góp mua  
Xuân đi Thu đến bốn mùa chung lo  
Đủ đầy cơm áo ấm no  
Xác thân thông thả nhớ cho tinh thần  
Bên nào mình cũng nên cần  
Vun bồi để được phúc phần hậu lai  
Ngày mai lửa cõi trần ai  
Cổ công có quả Như Lai thương tình  
Độ lửa xa cõi U Minh  
Về gần bên Phật nghe kinh Liên Trì.

\* THÍCH NỮ DIỆU AN

### Nhớ Quê Nam

\* HỒ TRƯỜNG AN

Rồi có buổi ta về đất cũ  
Vườn mận xưa đơm nụ trắng cành  
Thăm giàn mướp rục nắng hanh  
Thêm yêu cải ngọt bát canh mẹ hiền  
Đôi bờ kinh nổi liền cầu gỗ  
Bãi phù sa bên đò ghe thuyền  
Vàm sông cồn bãi tiếp liền  
Mường đưa nước rậm, đò duyên gọi sấu.  
Ngoại trồng mười gốc cau Bà Diễm  
Nọc trâu vàng cuối bên nước trong  
Trâu cau đậm với vôi hồng  
Thắm duyên mùa cười, đẹp lòng lúa đôi  
Bùn mịn mát liếp bồi trồng chuối  
Nửa mảnh vườn rợp bưởi, quýt, cam  
Xoài thơm hương đất miền Nam  
Ới chua tặng khách về thăm quê nhà  
Rau cải thê cổ gà, cổ mực  
Mường đọc ngang đây ốc lác, bươu  
Từ ngày ông ngoại về hưu  
Sân nhà, chậu kiếng bén màu xanh tươi  
Rằm Hạ Ngươn tháng mười mau tối  
Vầng trăng trong mở lối hẹn hò  
Khoai lang, hạt mít lụi tro  
Thoảng trong gió mát thơm tho hương mùa  
Trên sân trăng vui đùa em bé  
Gạo quê hương sữa mẹ ngọt hiền  
Tuổi thơ đầy mộng thân tiên  
Đời xuôi êm ái bên triền sông xanh  
Tối lớn lên với tình yêu đất  
Nước ngựa nghiêng vui cất bước ai  
Mười năm dưới bóng quân kỳ  
Lưỡi vây đạn pháo sá gì thân trai ?  
Trên chiến đạo thầy phối ngang dọc  
Nẻo địa đầu lẫm lẫm quất Tứ Thân  
Mười năm theo bước hành quân  
San bằng chốt địch, bao lần vượt nguy  
Rồi vận nước tới khi tai biến  
Rợ Bắc kia tiến chiếm miền Nam  
Dập vùi, khổ ải dã cam  
Nhìn gương tráng sĩ núi Lam, thẹn mình  
Đường vượt biển, hải trình sóng gió  
Tìm tự do, đành bỏ quê hương  
Góc trời lưu lạc Tây phương  
Ngậm ngùi tưởng nhớ thiên đường ấu thơ  
Trông bốn phía mịt mờ tuyết trắng  
Hồn cảm hoài nhớ nắng Cà Mau  
Đêm mơ hương mít, hương cau  
Miệng thèm chén mấm, đĩa rau thừ nào.  
Ơi đất cũ làm sao trở lại ?  
Để được nghe gà gáy rạng đông  
Để trong phần nội hương đồng  
Ta tìm suối ngọt thắm lòng héo khô.

# Nghiệp thức chiêu cảm

NGUYỄN VIỆT QUANG

(tiếp theo)

Trên cõi sắc là cõi vô sắc gồm bốn tầng trời, cao nhất là tầng Phi tướng phi phitung xứ. Chúng sinh ở đây không còn hình hài nữa, chỉ còn tâm tưởng thôi. Tuy không có hình hài, nhưng vẫn có thọ mạng vì còn có cái Thức.

Như đã nói ở trên, bậc Tu Đà Hoàn có thể thấy một tiểu thiên thế giới từ cõi sở thiên trở xuống. Bậc Tu Đà Hàm có thể thấy trọn một tiểu thiên thế giới từ cõi Phi tướng phi tướng xứ trở xuống. Bậc A Na Hàm có thể thấy một cõi trung thiên. Bậc A La Hán có thể thấy một đại thiên thế giới. Sau đây là con số về mỗi thiên:

Một tiểu thiên gồm một ngàn thế giới nhỏ. Một ngàn tiểu thiên thành một trung thiên ( $1.000 \times 1.000 = 1.000.000$ ). Một ngàn trung thiên thành một đại thiên ( $1.000.000 \times 1.000.000 = 1.000.000.000.000$ ). Còn Tam Thiên đại thiên thế giới thì bằng ba lần cõi đại thiên.

Năm tầng trời chót của cõi sắc, tức là năm cõi Bất Hoàn thiên, là nơi cư ngụ tiêu dao của các thánh đấng của A Na Hàm (Bát lai). Còn bốn tầng trời cõi vô sắc là nơi cư ngụ của A La Hán. Các vị đạt thành quả này quanh năm suốt kiếp nhập cõi thiên đình, chỉ lấy cái Thức duy trì thọ mạng mà thôi. Nhưng dù sao, cái Thức vẫn là lớp sa mù che lấp Chân tâm. Thức là chặng cuối của ngũ uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức), người hành đạo cần phải vượt qua để đạt tới Phật quả, không nên an lạc trong cõi tam muội, ở đây để khỏi phải phụ bản hoài chủ Phật mỗi phùng là lúc nào cũng muốn chúng sinh đạt tới mức Chính Đẳng Chính Giác (Phật).

Ngoài ra, trong một tiểu thế giới ở khoảng giữa, chỗ 3 thế giới giáp nhau là vô gia địa ngục với đủ mọi hình phạt, để trừng phạt kẻ gây nhiều tội ác lúc còn sinh tiền. Vô gia địa ngục được nói nhiều ở trong Lăng Nghiêm Sám và nhất là ở Kinh Địa Tạng.

Nhưng chắc bạn cũng biết rằng, các quốc độ, các Tam thiên đại thiên đều như huyễn cả. Chúng số dĩ có, là do nghiệp lực của chúng sinh đó thôi. Những chúng sinh đồng một cộng nghiệp tốt sẽ ở trong một cảnh giới sung sướng như cõi Cực Lạc, hoặc các tầng trời từ trời Tứ Thiên Vương trở lên, hoặc quốc độ của các chủ Phật mười phương mà trong Kinh Hoa Nghiêm, nhất là ở phẩm "Như Lai Hiện Tướng" đã đề cập tới. Còn những chúng sinh nào có cộng nghiệp xấu đều bị ở trong cảnh giới xấu, trong một quốc độ ulla trước. Ở phẩm thứ năm, tức phẩm "Hoa Tạng Thế Giới" trong Kinh Hoa Nghiêm có nói:

*Có cõi không ánh sáng  
Đen tối nhiều lo sợ  
Đau khổ tựa đao đâm  
Kẻ thấy tự đau xót.*

hoặc :

*Có cõi rất đáng sợ  
Tiếng gào thét kêu khổ  
Tiếng rên rỉ não nùng  
Ai nghe cũng ghê sợ  
Đường địa ngục súc sinh  
Và đến cõi Diêm La.*

Cũng đồng thời thác sinh làm người, vậy mà tùy nghiệp lực, người sinh ở châu này, kẻ ở

sinh ở châu nọ. Vì ở bốn hướng của núi Tu Di có:

- Đông Thắng Thần Châu. Người khi chết, thân trung âm nếu được sinh về châu ấy thì sẽ thấy một cái hồ lớn mênh mông, chim hồng, chim nhạn rượt đuổi trên mặt nước. Châu ấy an vui, nên chúng sinh ở đó mãi đắm vui mà quên tu thân.

- Tây Ngưu Hóa Châu. Người khi chết, thân trung âm nếu được sinh về châu ấy sẽ thấy cái hồ, chung quanh có trâu bò gặm cỏ. Châu ấy giàu có, vẫn làm chúng sinh ở đó phế bỏ đạo hạnh.

- Bắc Cu Lô Châu, nếu thân trung âm được thác sinh về châu đó, sẽ thấy một cái hồ có súc vật, cây cối. Chúng sinh ở châu đó có thọ mạng dài, và sung sướng.

Ba châu Đông Thắng Thần Châu, Tây Ngưu Hóa Châu và Bắc Cu Lô Châu không có Phật pháp lưu hành.

- Nam Thiên Bộ, Châu, nếu thân trung âm được thác sinh về châu đó, sẽ thấy hiện ra cung điện huy hoàng. Ở đây Phật pháp đang lưu hành, chúng sinh ở đây có thể tu trị được. Nam Thiên Bộ Châu tức là cõi trần gian mà chúng ta đang sống. Phật pháp đang tiết lộ rất nhiều vì đã đến thời kỳ mạt pháp... Nhưng nếu chưa có thể tu Tịnh Độ để vãng sinh nơi cõi Cực Lạc của Đức A Di Đà, thì ngay từ bây giờ, ta phải lập thế nguyện, nếu khi chết không được vãng sinh vào cõi Cực Lạc thì được thác sinh ở quốc độ nào có Phật pháp lưu hành như nơi Nam Thiên Bộ Châu chẳng hạn.

Mỗi một nghiệp thức đã giới hạn nhân quả của loài chúng sinh tương ứng với nghiệp thức ấy. Như Cú sĩ Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng đã viết trong quyển "Lãng Kính Đại Thừa" cũng một dải suối, trong mà loài người thì thấy đó là dải suối; loài ngựa thì thấy một ngọn suối lữa; chỉ thiên thì thấy một dải kết băng châu ngọc, trên bao; còn loài rồng thì thấy đó là lâu đài bằng pha lê hay bằng thủy tinh. Và ta có thể suy ra, có loài chúng sinh không thấy gì cả, vì loài chúng sinh có nghiệp thức không tương ứng với quang minh dải suối ấy.

Bạn ơi, thôi đừng nói đầu xà. Loài người có thể thấy con kiến, nhưng con kiến bắt quả chỉ thấy bàn chân loài người là cùng. Mà đối với chúng bàn chân của chúng ta to cũng như chúng ta đối với một ngọn đồi hay trái núi. Loài kiến còn như thế đó, huống chi một loài chúng sinh nhỏ hơn con kiến tức là vi trùng hay con siêu vi trùng thì đối với bàn chân của chúng ta, chúng đã tìm thấy cả một quốc độ.

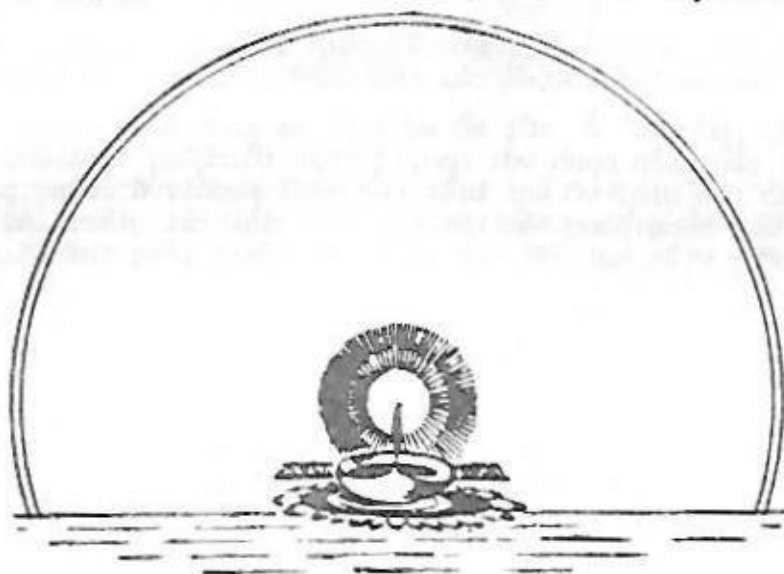
Trong các kinh Phật, thường thì khi giảng Kinh Hoa Nghiêm, các đệ tử của ngài, ngay ở trong Pháp hội, phải nhờ sức gia trì của Phật mới thấy được cảnh giới Hoa Nghiêm; trong Pháp hội giảng kinh Pháp Hoa cũng thế, nhờ Phật phóng quang minh nên chúng sinh trong Pháp hội mới thấy rõ các cõi Phật. Đó là Phật nâng đỡ nghiệp thức chiêu cảm của chúng sinh cho nghiệp thức đó nhẹ hơn, thanh thoát hơn để nhìn thấy các quốc độ đã từ lâu bị quan phạm phủ giới hạn. Thường thì trong các Pháp hội đó, qua mỗi giai đoạn, thường các chúng sinh tham dự được một số tam muội hoặc đắc một trong quả Tứ Thánh, vì họ ở kiếp trước có trồng căn lành với Phật, nên kiếp này được Phật nâng đỡ. Bởi vậy, không ai lấy làm lạ vào thời kỳ chính pháp, lúc Phật còn hoằng pháp, rất nhiều Phật tử chứng được các quả Tứ Thánh rất nhiều. Đó là do sự gia trì của Phật vậy. Và lại, thời kỳ chính pháp tuệ căn của chúng sinh còn thông lanh, nên dễ tu, dễ chứng, nghiệp thức chiêu cảm của họ không âm dộn, nặng nề.

Bạn ơi, thế giới tâm linh của chúng ta, đối với con người, còn nhiều mê vọng như chúng ta đây là thế giới vô sai biệt. Khoa học gia không sao cắt nghĩa thông suốt. Nhà phân tâm học Sigmund Freud cũng cố gắng đem nền móng tình dục lẫn sâu trong cõi tiềm thức đen thẫm để cắt nghĩa, để xếp loại từng thứ mặc cảm, từng thứ biến cố tâm trạng. Ông ta đã thành công được một phần nào. Nhưng có nhiều thứ ông không hề thấu triệt tới chẳng hạn như sự giải phóng tâm thức, những nghiệp thức trong vòng nhân quả tương ứng.

Bạn là người ham đọc văn chương Tây Âu, bạn ít khi thấy các nhà văn Tây Âu đã động tới cái thế giới vô sai biệt của kiếp nhân sinh. Nhưng, trong cuốn "Shidarta" của Hermann Hess, nhân vật chính trong truyện cứ lý luận với Đức Phật qua thế giới có sai biệt, qua hệ thống tư tưởng thuần lý thành ra ông ta chỉ là nạn nhân của cái óc tạm gọi là



thông minh của ông ta, và là nạn nhân của hệ thống lý luận sắc bén của ông ta. Nhưng ở các chương sau, nhân vật chính đã trải qua những chứng nghiệm dục lạc, những bản khoán đau khổ, đã tìm về một dòng sông yên tĩnh, sống một cuộc đời dửng dưng, lạnh nhạt, tìm được sự bình an cho tâm hồn. Và ở chương cuối, nhân vật chính lại bao rằng mình không thể tin tưởng tuyệt đối những gì Phật đã giảng, mà chính ngay ở nét mỉm cười của Phật đã gieo cho ông ta biệt bao sự huyền nhiệm của cái không cùng. Thế giới, vô sai biệt bắt đầu thể hiện ở chỗ đó. Làm sao cắt nghĩa nụ cười của Phật? Làm sao cắt nghĩa nụ cười của Ngài Ma Ha Ca Diếp khi Phật đưa lên một cành hoa? Nhưng Ngài Ma Ha Ca Diếp mỉm cười vừa khi Phật đưa lên cành hoa. Ngài đã đốn ngộ trong vận tốc tâm truyền tâm, trong khi đó nhân vật, chính của Hermann Hess khi gặp cái mỉm cười của Đức Phật phải đi trải qua bao chứng nghiệm khổ lụy mới, có một vài ý niệm mờ hồ về cái huyền nhiệm... Nhưng dù sao đi nữa, Hermann Hess đã dần thân trên con đường tìm về tử tướng Phật giáo. Cái thông minh của kẻ phạm phu vốn là cái sở tri chúng, chỉ làm cái nghiệp thức chiêu cảm của chúng ta thêm nặng nề trước ánh sáng đạo hạnh của Phật mà thôi.



Trong quyển "Chân Dung của chàng Dorian Gray", của Oscar Wilde, nghiệp thức chiêu cảm đã đưa cho chàng Dorian thấy tâm chân dung của mình vẽ trên khung vai bằng nét s ở n đầu rất đẹp như thiên thần khi tâm hồn chàng còn thanh thiện; nhưng khi chàng k i ê u ngạo, những tay vạ tội ác, tâm chân dung trên khung vai trở nên già nua, sâu khố, xấu xí. Trong truyện "Thằng Khùng" của Somerset Maugham, nhân vật chính vào đêm trăng n ó ng bức da nghe tiếng cười bên kia bức tường, trong khi chàng ta đau khổ, bất an, và tiếng cười đó thường trở về chàng ta trong những đêm trăng tròn, trong khi đó những n g với chung, quanh chàng, không hề nghe. Nhà khoa học thì cắt nghĩa đó là những ảo giác. Nhưng mà hỏi bạn thân mến, ai dám bảo cái ảo giác đối với chúng ta mà không, là sự thật của người khùng kia? Ai dám bảo rằng ông ta đã không nghe? Cuộc đời ta đối với kẻ phạm phu như chúng ta đều là thật vì ta phải sống trong đó; nếu có người sớm có ý niệm giác ngộ thì nó như huyền, còn với các bậc đã chứng ngộ đến mức toàn giác rồi thì đều là huyền. Ảo ảnh của một người hoàn toàn sống trong đó thì là do nghiệp thức chiêu cảm riêng biệt, của dòng sự đối với nó, trong khi đó cuộc đời vẫn là huyền đối với Phật mà là thật với kẻ phạm phu. Nếu như lời Cử sĩ Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng trong quyển Lăng Kinh Đại Thừa rằng: Tỷ dụ như tại một xứ sở heo lạnh nào đó, có chừng độ 200 ngàn người sống với nhau. Trong số, đó có người bị cái ảo giác, luôn luôn nhìn thấy một vật h i nh thù quái dị bỏ lổm ngổm chung quanh mình. Người đó kể chuyện cho kẻ khác nghe, thì kẻ khác đều cười, cho là ảo giác... Nhưng nếu tất cả 200 ngàn người ấy đều bị chung l ảo giác đó và bị liên miên, thì chắc là họ sẽ nghĩ rằng con vật quái dị có thể là có thật.

Cũng trong kho tàng văn chương nước nhà, truyện "Ảo Tượng", của Thiệu Chi (một bút hiệu

của thầy Nhật Hạnh) có nói về một cô gái bị hộp cá chua rớt trên đầu. Cô ta có thể thấy những việc xảy ra cách hai ba ngày hoặc hai ba tuần sau, cái cảnh trong ảo giác xảy ra như hết. những cảnh xảy ra trong vài ngày hay vài tuần sắp tới. Và một ông Huân Tước trong một truyện ngắn của Somerset Maugham, có thể cùng kẻ thù ông ta cùng đồng thấy họ gặp nhau trong cùng một cơn mộng và chiến đấu như hết ở ngoài đời. Đi xa hơn, trong "Đoạn Trường Tân Thanh", Vương Thúy Kiều được Đạm Tiên báo mộng nói ra về tương lai về nhân quả nghiệp báo. Trong "Hồng Lâu Mộng" của Tào Tuyết Cần, nhân vật chính là Giả Bảo Ngọc trong một giấc mơ, đã lạc vào Thái Hồ Huyền Cảnh, đã đọc cuốn "Kim Lăng Thập Nhị Thoa" để rõ số phận chị em nữ tử của mình mai sau. Và rồi số phận của mỗi hai nữ con gái đẹp (thập nhị thoa) đều xảy ra đúng như những gì đã biên chép trong sách "Kim Lăng Thập Nhị Thoa" kia. Trong cuốn "Kim Bình Mai" của Vương Nguyên Mỹ, trong một đêm ở chùa, người vợ lớn của Tây Môn Khánh là Ngô Nguyệt Nùng, đã thấy vong hồn của các hầu thiếp, con, rể, nữ tử của chồng mình nhờ phép giải oan của thiên sứ lần lượt đi vào nẻo đầu thai...

Bạn có thể cho rằng tôi lắm cảm, tin theo lời bịa của các nhà văn. Nhưng có sự bịa đặt nào ngoài nền tảng của sự thật, ngoài cái nền tảng kiên thực của con người đâu? Huống chi những lời bịa ấy phù hợp ở một số sự kiện mà kinh điển các tôn giáo đều nói tới. Song có điều mà tôi cần nhận mạnh với bạn, là Phật tử, chúng ta không nên cho là gì 'a khi chúng ta lạc vào thế giới vô sai biệt của loài người, và chúng ta không nên chôn chân khi chúng ta đang sống, đang nắm bắt, qua thế giới tri giác. Liễu Tuyền tiên sinh (Bồ Tùng Linh) há không viết hai câu thơ trong truyện "Giang Thành" hay sao?

*Kiếp trước không phải già  
Kiếp này chẳng phải chân...*

Tất cả đều như huyền, do tâm ta tạo ra. Kiếp người, cảnh giới ta đang sống, địa ngục, Niết Bàn đều do tâm ta, tạo ra. Ta đã tạo cho ta một nghiệp thực chiều cam để sống trơ cảnh giới tương ứng với nghiệp thức đó và chỉ có một con đường giải thoát; đó là con đường của Thanh Văn, của Duyên Giác đưa dẫn lên con đường của Bồ Tát Thừa, và sau hết là con đường Phật Thừa.

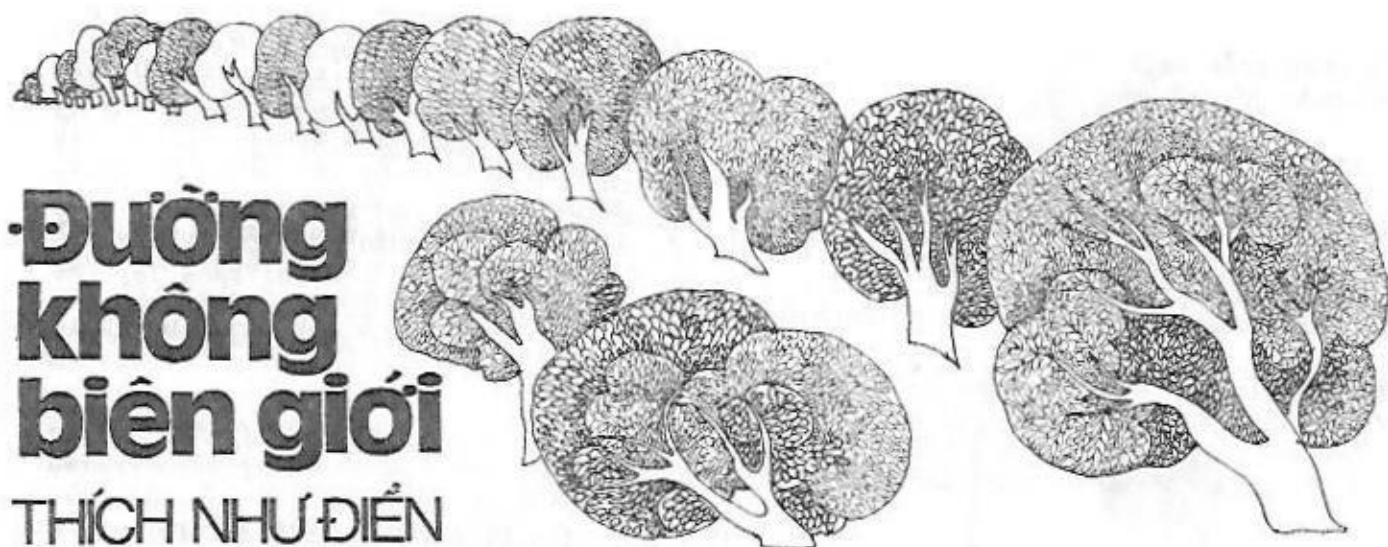
H E T

(Fortsetzung von Seite 43)

Tisches erfassen, werden wir erkennen, daß im Tisch selbst alle jene Dinge gegenwärtig sind, von denen wir normalerweise denken, sie gehörten zur 'Nicht-Tisch-Welt'. Wenn Du irgendwelche dieser Nicht-Tisch-Elemente wegnehmen und sie zu ihren Ursprüngen zurückbringen würdest - die Nägel zurück zum Eisenerz, das Holz in den Wald, den Tischler zu seinen Eltern - der Tisch würde nicht mehr existieren.

Ein Mensch, der beim Betrachten eines Tisches das Universum sehen kann, ist ein Mensch, der den Weg sehen kann. Der Übende meditiert über die Ansammlung der fünf Gruppen in sich selbst auf die gleiche Weise. Er meditiert über sie, bis er imstande ist, ihre Gegenwart in sich selbst zu sehen, und bis er erkennt, daß sein eigenes Leben und das Leben des Universums in enger Wechselbeziehung stehen. Wenn die fünf Gruppen zu ihren Ursprüngen zurückkehren, existiert das Selbst nicht mehr. In jeder Sekunde nährt die Welt die fünf Gruppen. Das Selbst ist von der Ansammlung der fünf Gruppen nicht verschieden. Ebenso spielt die Ansammlung der fünf Gruppen eine entscheidende Rolle bei der Gestaltung, Erschaffung und Zerstörung aller Dinge im Universum.

(Fortsetzung folgt)



# Đường không biên giới

THÍCH NHƯ ĐIỂN

(kỳ thứ 15)

Đã bao năm sống dưới mái Tổ Đình Phước Lâm yên ổn ấy. Bỗng chiến tranh trở mình trong cơn giông tố của thời đại. Biết bao nhiêu chiến sĩ áo nâu, kẻ đã ra đi, người còn ở lại, tạo cho cán cân mất thăng bằng của đời sống người Tăng sĩ với tương chaodứa muối.

Người dân xứ Quảng càng cực khổ bao nhiêu với ruộng vườn, thiên tai, hạn hán, thì nạn tu sĩ của xứ Quảng cũng bị ảnh hưởng lây. Trong kinh có dạy rằng: "Cái nghèo cũng là một cái tội" - nên biết đâu kiếp trước những người sinh ra nơi xứ nghèo này, đều đã tạo ra nhiều tội lỗi, nên kiếp này phải trả chướng?

Chùa chiền rất đẹp đẽ, nguy nga; nhợ ruộng vườn chung quanh chỉ toàn là cát trắng. Trông trông rất khó khăn và phải tốn lắm công nhiều sức mới có được chút hoa lợi cuối mùa. Món ăn chính của các chùa miền Trung xứ Quảng là nước tương, rau luộc, hoặc rau muống - chỉ có thể thổi - mà đó là ở giai đoạn mấy chục năm trước. Còn bây giờ chắc còn ưu bi khổ não hơn nữa.

Ở trong sự khốn khổ tột cùng của tâm thức con người thường hay đi tìm Tôn Giáo để nương tựa; nhưng khi vết thương đã chữa lành, để được mấy ai quý trọng phụng thờ! Nếu người nào đó, ở trong bất cứ một hoàn cảnh nào của thời đại, họ vẫn một lòng dẫu cho có phong ba bão tố hay dòng đời xuôi ngược, thay đổi đổi thay - người ấy đáng phục lắm. Vì họ đang mang một tâm hồn kim cương bất hoại.

Người đổi thay vợ đổi chồng, thay đen đổi

trắng - ấy là chuyện thường tình của thế gian. Nhưng không lẽ người tu theo Phật giáo bị ảnh hưởng ấy hay sao?. Câu trả lời để dành cho tất cả chúng ta - cho những người còn thao thức đến quê hương, tình người và Đạo pháp.

Rời ngôi Tổ Đình Phước Lâm, bạn có thể trực chỉ hướng Tây Bắc để đi đến Tổ Đình Vạn Đức. Ngôi chùa này nằm trong tận cùng của núi rừng xứ Quảng. Suốt ngày chỉ nghe thấy chim kêu và nước chảy, không có bóng dáng một người qua lại, ngoại trừ hình bóng của những chiếc áo nâu sồng đã nhuộm màu cùng năm tháng của những vị Tăng sĩ sống nơi chốn Già Lam này. Chung quanh ngôi Tổ Đình Vạn Đức không thấy một ngôi nhà nào, cũng chẳng thấy một thảo am nào của những người tu kín - chỉ núi và đồi trùng trùng điệp điệp, chồng chất lên nhau và kéo dài thăm thẳm tạo nên một cảnh đẹp của thiên nhiên trong phong vị của Đạo Thiên.

Kẻ nào muốn lánh tục vào đây chắc là hợp lắm. Nhưng lánh tục chưa đủ, mà phải lánh lòng trần là chuyện khó hơn. Biết đâu cảnh thiên nhiên này rất tốt cho những tâm hồn muốn thoát tục; nhưng rất khổ sở, dày vò, ray rứt cho những người chạy trốn cuộc đời, muốn chôn tất cả mọi mối tình vào tro bụi vắng. Cái gì con người chạy trốn, chúng thường hay đến quấy phá ta hoài. Ngược lại cái gì chúng ta muốn rứt bỏ chúng, chúng xa lìa ta trong muôn thuở. Đời là thế và cuộc đời chỉ có thế! Nên tu là chấp nhận tất cả và phải vượt qua tất cả. Tu là chấp nhận và đối diện với cuộc đời và đừng bao

giò chạy trốn cuộc đời. Vì càng chạy trốn thì cuộc đời sẽ rượt bắt ta.

Có nhiều người nghĩ rằng - qua bao m ò i tình đang dở, nên vào chùa để mong c h òn dấu kỷ niệm xưa vào nơi đáy lòng, và s ẽ quên đi tất cả; nhưng có ngờ dấu t i ếng chuông chùa thông thả ngân nga, như d e m mùi Thiên, làm tăng vẻ đẹp của thiên nhiên; nhưng càng làm cho tâm hồn của kẻ bị đời hắt hủi kia trở nên xốn xang và đau khổ. Tưởng rằng vào chùa để với đi những nỗi khổ, nhưng khổ khổ vẫn chất chồng - vichợ sanh ấy chưa dứt được vọng tâm với trần cảnh.

Bước đến cổng Tam Quan của Tổ Đình Vạn Đức thấy nước chảy, thông reo, chim ca, hoa nở - có nhiều người đã muốn đi tu; nhưng chỉ trong giây phút ấy. Vì :

"Lên chùa thầy Phật muốn tu,  
Về nhà thầy Mẹ công phu chưa đến".

Nhưng:

"Muốn đi tu công phu chưa có,  
Muốn lên chùa chuông mõ cũng không".

Hành trang của người tu chỉ có chuông và mõ, với kệ, với kinh, với nấu sòng áo và vài chiếc một tâm lòng thanh khiết hiển d ẫ n g cho đạo. Chỉ có thể thôi, dơn giản lắm; nhợ rất khó tìm trong chốn trần ai tục l ụ y này.

Cuộc đời đã chán chường, nhưng dường vào tu viện không thông dong như dường v ầ o tình sử. Mặc dầu có hoa thơm cỏ lạ d ẫ y; nhưng là tướng chao đũa muối, không phải là men ngọt của tình yêu. Biết chấp nhận như thế thì mới mong :

"Vui theo thế tục vui rồi khổ,  
Khổ để tu hành khổ hóa vui".

Càng đi sâu vào bên trong, khung cảnh uy nghi hùng vĩ của Đại Hùng Bửu Điện và 2 gian nhà Tà Hưu dựng lên ở hai bên, n h ư bao bọc bởi gió sùng và làm tăng nên vẻ thiên nhiên thoát tục nơi núi rừng c ồ quanh ấy.

Nơi đây một bóng sư già, một cây gậy trúc, một chén nước trà sẽ được mời gọi khách thập phương vào đây để lắng lòng trần tr y giấy lát, đàm đạo một vài mẩu chuyện Thiên - bạn sẽ thấy mình đang sống và được sống, biết bao trong cuộc đời tham sanh úy tứ này.

Bên trong chánh điện của Tổ Đình Vạn Đức

có thờ Tam Thế Phật - quá khứ, hiện t a i và vị lai - Những bàn thờ chính giữa được xếp theo Cửu phẩm liên hoa - chín t ử n g như hoa sen trên thế giới Cực Lạc. P h ĩa sau thờ Tổ và Chư Đại Lão Tổ Sư Hòa Thượ g truyền giáo cũng như khai sơn chùa. N ở i hậu đường có thờ chân dung của Ngài Nghĩa Huyền đại lão Tổ Sư - Người sáng lập Lâm Tế Tông bên Trung Quốc. Hai bên p h ư ở ng trưng dùng làm Tăng phòng và thờ phòng cho Tăng chúng.

Bước sang nhà trai, khách thập phương chiêm ngưỡng được dung nhan của vị Giám Trai sư già, người mình đen, trên tay cầm cái búa. Ý nói rằng vị này là người lo tiếp Tăng đồ chúng qua hạnh nguyện làm công v i ệc gánh nước bữa cùi cho chùa. Trong sử sách Phật Giáo không thấy có nơi nào nói Giám Trai sư già là Lục Tổ Huệ Năng - nhưng kể viết bài này đoán chắc là đúng. Vì N g ả Huệ Năng là con lai chủng, có nước da đen khi gặp Ngũ Tổ Hoảng Nhân chỉ làm c ồ n g tác xay lúa, bữa cùi già gạo cho Tăng chợ về sau được Ngũ Tổ truyền tâm ấn; nên các chùa Phật Giáo Đại Thừa - nhất là những Tổ Đình, vì muốn nhớ công ứ n của Ngài nên thờ tượng ấy chăng? Trong các chùa Phật Giáo Nguyên Thủy hầu như không thấy có - ngay cả hình tượng Đức Phật A Di Đà, Quan Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát... cũng vậy.

Sân vườn chùa bên sau thường rộng hơn hay bằng sân chùa phía trước. Thông t h ư ở ng theo người thế gian hay cất nhà lúi r a phía sau cho phía trước có phần đất nhiều hơn; nhưng ngôi chùa bao giờ cũng cất ngay ở chính giữa cục đất, để thấy rằng c h òn tâm của vũ trụ và vạn hữu nằm nơi ấy. Chùa không khoe khoang mặt tiền - mà tiền, hậu,



trung, thường, hạ, đều cân đối nhau, không có bên nào lấn át bên nào. Những ngôi chùa và nhà quê - mỗi chùa thường hay, có đào một hay nhiều cái giếng để lấy nước uống hoặc tưới rau cải trong vườn. Nước giếng cung cấp mọi nhu cầu cho Tổ Đình hay chùa trụ các công việc nấu nướng giặt giũ, ngay cả nước cúng Phật. Nhưng nhiều khi có chùa và không cúng Phật bằng nước giếng mà cúng bằng nước mưa hay những giọt sương mai - gọi là nước cam lồ. Cam là ngọt, lồ hay lộ là giọt sương mai. Tượng trưng cho sự trổ sạch của tâm hồn.

Tổ Đình Vạn Đức cũng như Tổ Đình Chùa Thánh và Phước Lâm được kiến trúc cùng kiểu giống hệt nhau. Tuy nhiên mỗi chùa đều có một sắc thái riêng biệt.

Chùa Chúc Thánh với lịch sử truyền của giòng Thiên Lâm Tế nơi xứ Quảng. Chùa Phước Lâm nguy nga, đồ sộ, nửa cổ, nửa tân, như chia sớt, như cộng hưởng giữa thành thoát u nhả và an nhiên tịch mịch của Chúc Thánh và Vạn Đức. Chùa Vạn Đức như đã nói trên - là một cảnh Thiền môn yên tĩnh nơi núi rừng xứ Quảng - là một phong cảnh thiên nhiên tuyệt mỹ nơi tận đáy của tâm hồn.

Tại Hội An còn các ngôi chùa khác như Long Tuyền, Viên Giác, Bảo Thắng và Tịnh Hội - là những ngôi chùa có lịch sử khoảng 100 năm trở lại đây nên lối kiến trúc có vẻ tân thời hơn so với 3 Tổ Đình trên đã có mặt trên quê hương xứ Quảng hơn 400 năm rồi.

Chùa Long Tuyền - sau này biến thành Phật Học Viện Long Tuyền - nơi đào tạo mầm non của giáo hội - cho những người tác nghiệp Lai sứ, hành Như Lai sứ. Trước chùa Long Tuyền có an trí pháp thân của Hòa Thượng Phổ Thoại trong một ngọn tháp 7 tầng. Hòa Thượng Phổ Thoại là một cao tăng và là lãnh tụ của Phật Giáo xứ Quảng riêng và Phật Giáo Việt Nam nói chung thời cận hiện đại mà trong quyển "Phật Giáo Việt Nam sử lược" của Thượng Tọa Thích Mật Thể đã có lần đề cập đến.

Chùa Viên Giác, trước đây là một ngôi đình của làng Cẩm Phố, sau này cúng rước cho Giáo Hội để biến thành một ngôi chùa. Ngày xưa có nhiều ngôi nhà biến thành chùa để thờ Phật gọi là: "Cái gia vi tự". Bây giờ chùa Viên Giác tại Hội An "Cái đình vi tự" có lẽ cũng trong ý nghĩa này.



Chùa Tịnh Hội trước đây là cơ quan hành chánh của Tỉnh Giáo Hội Quảng Nam - sau này được dời ra là chùa Pháp Bảo. Lấy pháp hiệu của Tổ Minh Hải để đặt tên cho ngôi chùa chung ấy. Chùa Pháp Bảo có lối kiến trúc rất tân thời; nhưng cũng không kém phần trang nghiêm cổ kính. Chùa này nằm ở trung tâm thành phố Hội An - nơi dễ liên lạc với những ngôi chùa khác và đồng bào Phật tử tại phố Hội cũng như trong Tỉnh.

Bên cạnh chùa Pháp Bảo là trường Trung Học Bồ Đề được xây dựng từ năm 1964, đến năm 1970 hoàn thành với 2 cấp bậc Trung Học đệ nhất cấp và đệ nhị cấp. Vị trí của ngôi trường này nằm trên một ngôi tháp Chăm đã bị hư hỏng qua bao cuộc biến đổi tang thương của thời đại. Công tháp Chăm vẫn còn đây; nhưng người Chăm không bao giờ còn thấy nữa ở quê hương nghèo đói này. Kinh đô Đố Bàn có lẽ là đây. Và hiện giờ này vẫn còn một vài vết tích ấy. Khó biết thời gian và năm tháng dần trôi có lẽ làm cho những chất liệu lịch sử này phai dần vào lãng quên của thời đại chăng? Dù đứng trước cảnh huống ấy, nếu ai có lòng hoài cổ, cũng không khỏi ngậm ngùi cho một dân tộc đã bị diệt vong trong một dân tộc khác ôi! Thế sự thăng trầm! Ôi! Quê hương, tình người và sông núi!!!

Đi về miệt của Đại, khách thập phương sẽ gặp một ngôi chùa Sư Nữ mang tên là Bảo Thắng Ni Tự - Tên này có lẽ rút từ Kinh mà có được. Chùa này cũng mới thành lập khoảng 50 năm trở lại đây. Ngôi chùa hùng vĩ trên một khu đất, có phong cảnh khá hữu tình. Nào non, nào nước, nào cảnh, nào người. Với bàn tay khéo léo của những Ni Cô, đã chăm bón vườn cây, cho đến chánh điện trai đường - nơi đây cũng sạch sẽ và thú lớp. Người dân bà ở thế gian tí mỉ, ngần ngại bao nhiêu, thì người tu trong của Đạo càng cao thượng và giải thoát bấy nhiêu. Nhưng mái tóc xanh đã đổi thành những trắng bạc dài - để niệm thành câu danh hiệu - Nam Mô A Di Đà Phật. Thời gian và năm tháng chất chồng - nhưng tâm lòng thanh tịnh của quý Ni Cô đã gieo vào câu Niệm Phật: "Lục Tự Di Đà vô biệt niệm, bất lao động n chi đạo Tây Phương" là thế đó.

Thời gian có trôi đi, không gian có ngưng lại lòng người Sư Nữ vẫn chấp chùng với lời kinh tiếng kệ; với Kinh, với Luật kệ chút bận lòng - mặc cho thế sự nhĩ ỉu nhường. Đã có nhiều vị Tăng sĩ xuất gia rồi hoàn tục; nhưng ít thấy vị Ni Cô nào đã đoạn cắt ái ân lại trở lại với gia đình. Phải chăng khi người dân bà đã quyết chí rồi thì chẳng bao giờ thay đổi được lòng dạ của họ?...

Quê hương ta giờ đây đã phủ mờ một lớp bụi, không phải bụi chính y của người tráng sĩ ra ngoài trận mạc, mà bụi của thời gian, bụi của cuồng ngồng và bạo lực, của tham tàn và của tục lụy thế gian. Nhưng ta có quyền hy vọng rằng một ngày mai đây trời sẽ sáng, mang lại thanh bình cho đất nước cho quê hương xứ Quảng nói riêng, cho tình người cho mọi đạo ở quê hương ta được thảnh thơi đua sắc thắm.

Viết về 1 quê hương của những anh hùng dân tộc Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Ôn Ich Khiêm... chỉ chúng tôi chưa đủ - những đó là một vài nét đại cương nhằm giới thiệu những nét đặc thù về chùa chiền và lãnh vực tinh thần của quê hương xứ Quảng. Hy vọng kỳ sau Đờng Không Biên Giới sẽ còn tiếp tục nữa để mang mọi người về chốn Thần Kinh - ở ở sông Hương, núi Ngự nơi xứ Huế êm đềm.

(còn tiếp)

## tiếp thu trang 28

lại chỉ công, bác ái tử bi dẫu trăm năm cũng như một ngày là Hữu Phú. Công việc cứu đời đến lúc hoàn toàn mỹ mãn là Nguyễn Cát.

Tương viết: Nguyễn Cát tại thượng, đã thành đã ở trên hết quê mà được Nguyễn Cát. Bởi vì công dụng của giếng cốt đưa nước lên trên, bây giờ đã đến vị trên hết ấy là công dụng Tịnh đã đến lúc Đại thành rồi.

Phụ chú.- Thông lệ trong dịch đến hào thượng cuối cùng thời phải biến, tốt cùng cực biến ra xấu, duy quê Tịnh không thay nghĩa bằng cực mà thủ nghĩa bằng chung. Tịnh chỉ chung, là nước đã đem về nhà, nên đến hào thượng là thành công, tượng trưng cổ chữ tại thượng là muốn cho đọc giả hiểu ý ấy.

Bây giờ bàn tóm cả sáu hào quê tịnh, văn lý rất tiếp tục ý nghĩa rất chiếu ứng với nhau, bởi vì tên quê Tịnh là mượn một vật mà ngụ ý vào đạo lý, ví dụ: như ở Chùa là cái giếng đạo lý, người mức được đạo lý hay không là do ở người, đạo lý là vô tang vô đắc, bất sanh bất diệt, người mức đạo lý phải có cái gàu tâm cho bền vững, sợi dây trí tuệ hạnh nguyện cho chắc chắn, đến lúc chung là: Hữu Phú, Nguyễn Cát.

Vậy nên trong sáu hào, hào thượng cuối cùng được Tịnh thu Nguyễn Cát, văn lý rất hay rất đúng, mà bảo rằng đạo lý với sự thực chẳng bao giờ trái nhau, mong đọc giả thâm nghiệm suy lý.

HẾT



## Nhắn tin

Tô Đình Chân con ông Tô Đình Chiêu đến lúc ngày 1/1984 muốn tìm anh Tô Đình Hải (Tây Đức), chị T. Lê Hằng (Pháp), cô T.Đ. Hoàng (Mỹ), T.B. Tuyết và các cô, bác, chú hiện ở Mỹ, Canada... Mọi thư tư và giúp đỡ xin liên lạc về Tô Đình Chân, 134 Aschridge Road - Darra 4076 Brisbane - Queensland - Australia.

# NGỌN ĐÈN

HỒ TRƯỜNG AN

Kính tặng MINH HÙNG NGUYỄN HỮU BÀNG

Hồi đó, mẹ Đạm Phương và Hằng Phương qua đời đã ba năm. Bà tục huyền thêm một lần nữa và bà kế mẫu của hai cô sinh thêm một gái đặt tên là Thắm Phương và cậu trai út tên Tuấn.

Hai chị em sống hủ hỉ bên cạnh bà nội, nên tránh khỏi cảnh mẹ ghê con chồng. Bà nội rất yêu hai cô cháu sớm mồ côi mẹ. Vòng tay bà đang rộng, rợp bóng mát thường yêu để che chở cho hai cô bé. Khi em Thắm Phương lên tám thì Đạm Phương đã được 12 tuổi, Hằng Phương lên mười một. Nhà của ba chỉ có anh Tướng là con bà vợ trước của ba, anh Lương đứa con rớt của ba được bà thừa nhận, bà vợ chót của ba và em Tuấn mà thôi. Bà nội thường than:

- Thằng con trai của tôi có số sát thế. Chưa đầy bốn mươi mà nó đã trải qua 3 đời vợ, bốn dòng con rồi.

Ba cô Phương sống dưới gối bà nội, nhà nh phúc trần trệ. Nội cho các cháu gái mặc áo quần vải trắng hoặc màu tươi sáng. Nội sẵn sóc răng, tóc và móng tay, móng chân các cháu. Nội siêng làm bánh, làm món ngon cho các cháu ăn, và cấm các cháu ăn quà bán ở ngoài chợ vì nội chê quà bày bán đã không tinh khiết mà còn bị ruồi lẩn làm ô nhiễm thêm.

Nội để dài nhưng lại khó khăn trong vấn đề vệ sinh và tín ngưỡng. Không bao giờ ở nội cho phép các cháu thổi tắt đèn, nên nội thương bao:

- Ngày xưa, có vị cô Phật có tên là Nhiên Đăng, ứng thân vào các ngọn đèn. Muốn tắt đèn, tụi bây nên dùng quạt mà tắt. Miếng tụi bây là miếng ăn thịt cá, ô uế lắm, dùng miếng hà hơi thổi đèn, mang tội chết. Thuở đó, dầu lửa khan hiếm. Ở thôn quê làm gì có đèn điện, nước đá? Trên bàn thờ bức hình A Di Đà Tam Tôn, ngọn đèn luôn luôn được chong sáng bên cạnh bình bông và đĩa quả tú. Nội dùng dầu dừa. Nhưng mấy cây dừa trong vườn không cung cấp đủ trái để nội nao cơm dừa và thẩn lấy dầu. Nội bần khoản

lắm. Bất cứ giá nào ngọn đèn ở bàn Phật phải được thắp sáng cả ngày lẫn đêm, năm này sang năm nọ. Dầu dừa, dầu phong khi đốt đèn, tỏa ra mùi thơm. Nhưng dầu dừa còn dùng để xúc tóc, và cùng với đậu phong nội dùng để chiên xào các món ăn chay và để thoa các thứ bánh chay như bánh ích, bánh qui, bánh bò, bánh cúng, bánh cầy trước khi đem hấp trong những chiếc xúng lớn.

Di ghê bảo nội:

- Bây giờ vào mùa lúa, ở đồng có nhều chuột. Chuột ăn lúa, thịt rất thơm. Vuờ rồi còn có rôtì mười con chuột, để cho cả nhà ăn, lúa chuột mập tròn có nhiều mỡ. Dân làm ruộng xứ mình ưa thắp đèn bằng mỡ chuột, mỡ cá...

Nội nhăn mặt, nguyệt nằng dẫu:

- Bắt chuột xé thịt rồi lấy mỡ để thắp đèn cúng Phật, đỡ khỏi mắc tội sát sanh? Nói vậy mà nghe được hay sao chớ?

Bà di ghê cắt húng, mặt đỏ rần, rồi nhìn bà cười chúm chím.

Thuở nào, dầu lửa rẻ, nội có thể chong đèn Hoạ Kỳ, loại đèn đốt lên có hình búp măng toa một khoang rộng ở nhà sau. Nội củi ng chị Lùn, người tớ gái có thể sấy cau khô, gỏi mắm, u' dậu nành để làm tương cho tới canh ba. Bốn bà cháu có thể quây quần bên mâm chè hoặc mâm cháo khuya. Nội kể chuyện "Tâm Cám", "Nàng Ưt", "Dương Ngọc" cho ba chị em nghe. Chuyện đời xưa bên cạnh quan niệm Trung, Hiếu, Tiết, Nghĩa còn nếu lễ n tình yêu quê hương, tình yêu ruộng đất. Cô Tâm nuôi cá trong ao, di chẵn trâu, di xúc cá. Nàng Ưt trồng rẫy dưa trước chõitranh. Nàng Dương Ngọc trồng khoai. Họ đều là thôn nữ. Đạm Phương thích chỉ khi nghe họ được Thái Tử cưới làm vợ, hưởng vinh hoa, phú quý, mặc áo gấm, đeo vòng vàng rồi cô ta ngủ ngáy khò khò. Riêng Hằng Phương thì thao thức, tưởng tượng đến thuở hàn vi của ba cô thôn nữ kia. Đời sống ở thôn quê suốt thời thơ ấu của họ chắc là thó mọng lắm. Họ cũng ăn mắm, ăn rau, hít thó g i ó

đồng, tấm nước phù sa. Vậy mà cứ sao họ lại đẹp, da trắng, tóc dài đậm đen? Tuy còn nhỏ, nhưng Hằng Phương thừa biết chị em cô đều có làn da trắng mịn, mày rất thanh anh, răng trắng khít khao. Cô không hiểu chuyên tình ái, nên không mơ đến một Thái Tử, một hoàng tử hay một công tử nào. Nhưng cô bé tin rằng mai sau chị em cô sẽ sung sướng, tuy không ở cung cấm hoặc chốn phồn hoa, nhưng cũng sẽ được mặc lụa là, được ăn uống cho ăn những món ăn hợp khẩu, được tắm mát mai trong phong vị của cuộc đời sẵn đã.

Dù có nghĩ ngợi lan man, nhưng Hằng Phương cũng ngủ thiếp đi. Đôi lúc thức dậy sớm, cô bé có thể nhìn ngọn đèn chong lư ở n toạ sáng trên bàn Phật. Trong ánh rọi mờ ảo, mùi nhang, mùi hoa, chúng trong bình, mùi trái chín chúng ở đĩa quả tứ, mùi chuối giũ trong lu khắp bốc ra ngan ngát. Ở dưới bếp, ánh đèn lẩn ánh lửa lò chiếu qua khung cửa, khe kẹt. Chị Lùn xay bột tứt kít. Nồi nấu cháo, pha trà, nung khế sặc, kho cá. Mùi cháo, mùi thức ăn cụng thoảng tới chỗ cô bé nằm. Bởi đó, khi nhìn ánh đèn, Hằng Phương có thể liên tưởng đến khung cảnh thân yêu, lồng bóng đá ng càn cù, quen thuộc của bà nội.

Đạo khan hiếm dầu lửa, mỗi đêm, bà nội thường tắt đèn sớm. Lúc trời có trăng bốn bề cháu thường trải chiếu bên thêm. Mọi người vừa thưởng trăng, vừa ăn mía, ăn khoai lủi, bắp nướng, ăn kẹo mạch nha trét từng vệt nâu đậm trên những chiếc bánh trắng nướng. Đôi lúc, nồi nung khế sặc, kho cá dưng, kho cá gộc để cho cá chấu chắm vào tương diêm dưa chua và ớt băm nhỏ.

Gặp lúc đêm tối trời, để làm công việc c khuya, nội cho thắp đèn khí đá. Đèn khí đá tuy sáng, nhưng đó là một thứ ánh sáng lạnh buốt, không được thân mật bằng ánh đèn dầu. Lại nữa đèn khí đá lại tiết ra mùi hôi, ánh sáng của nó quyen rũ nh ứng con thiêu thân, con mối cánh trắng nh ào lộn trong vùng chói chan để rồi chết thiêu, xác phơi ngổn ngang.

Dầu cá mè, mỡ cá chài cũng có thể thắp đèn được, nhưng có mùi tanh tươi bay khắp đó đây. Dầu, mỡ lẫn lộn nước nên lúc thắp thường nổ, reo tí tách ở đầu ngọn bấc. Nội bảo các cháu gái:

- Hồi xưa, nhà ông cô bà cô nghèo, nên các anh của nội và nội không được đi học. Giờ đây, nội chong đèn ở bàn thờ Phật, cầu Phật độ cho con cháu học hành thông minh, đầu óc sáng láng, có ba chữ để một khi ra đời kiếm gạo, kiếm cơm...

Một hôm nọ, sau khi dùng cơm trưa. Đạm Phương rủ Hằng Phương:

- Ở Đất Mả Voi có trồng nhiều cây mù u. Hột mù u có thể đem ép lấy dầu, đốt đèn để làm chớ.

Từ lâu Hằng Phương rất thích đến Đất Mả Voi. Đó là khu đất trước kia thuộc gia đình ông Bá Hộ Vàng, dùng để an táng dòng họ ông. Sau đó, ông bà Bá Hộ lần lượt khuất núi, lũ con cháu làm ăn thất bại, ly tán khắp nơi. Đất Mả Voi bị bỏ hoang. Hơn mười năm mở đã xanh rêu, cỏ rỗng châu, cỏ cú, cỏ gà mọc loan xa. Loại bìm sắn, cây trinh nữ cũng che rợp mặt đất. Chung quanh Đất Mả Voi, những cây mù u sống trên năm chục năm âm thầm tởa bóng mát. Tuy khu đất đã biến thành vùng hoang phế, nhưng những ngôi nhà vẫn còn chắc vì được xây bằng vôi trộn với đường hũ và nhựa cây ở dưới, chắc và cứng hơn bê tông cốt sắt hay đá hoa cương.

Hằng Phương thích đến vùng Đất Mả Voi vì ở đó có những cây bằng lăng thường trở hoa tím, những cây ngọc lan, hoàng lan bên khe nước trong. Hoa ngọc lan trở sau cơn mưa, thơm ngát cả một vùng. Khe nước trong chảy vào một đầm nước viền dây cây diên vĩ nở trở hoa vàng, và loáng thoáng mọc nhữ khóm hoa sen, hoa súng. Chính ở đầm nước này, có lần Hằng Phương theo chị Lùn đến câu cá và hôm đó chị được nhiều cá rô, cá lóc, cá sặc rần, cá sặc bươm. Vùng Đất Mả Voi tuy hoang vắng, nhưng có một hấp lực mãnh liệt với tâm hồn ngập tràn thơ mộng của Hằng Phương. Nhưng cô bé không dám đến đó một mình. Trng không khí yên tĩnh và lạnh lẽo như phảng phất có những hồn ma bóng quế. Mỗi cơn gió lạnh thổi tới làm cô bé tưởng như muôn nơi thơ của ma góp lại. Ngoài việc câu cá, hái bông ngọc lan, hoàng lan, Hằng Phương còn thích bẻ cọng bông súng, hoa diên vĩ về nấu canh chua, ngon không kém canh chuanấu bằng bạc hà (dọc mùng) hay bông so đũa.

Hằng Phương nhìn chị, rồi ngập ngừng:

- Em thích đến đó chơi, nhưng em sợ malam chớ ấy có nhiều mỡ mả.

Đạm Phương cười trấn an:



- Ban ngày làm gì có ma?  
 - Nhưng nội biết được thì chị em mình bị ăn đòn nứt dít.  
 - Ngày mai nội đi vào "ngon" thăm ruộng, tụi mình ở nhà mặc sức mà thả rong.  
 "Ngon" đây tức là ngon của dòng rạch chảy vào rạch Long Hồ, trước khi đổ ra sông C ở Chiên. Thành phố Vĩnh Long nằm ở vàm rạch Long Hồ, cách ngôi nhà tư dưỡng của nội 4 cây số.

Hôm sau, vừa ăn cơm trưa xong, nội lấy b a trái cam hồng mật, một mớ kẹo chuối chocác cháu rỗi bảo:

- Nội đi vào ngon thăm ruộng. Các cháu ở nhà đừng có phơi dẫu ngoài nắng mà m a ng bình. Chiếu nôi sẽ về, nôi mua bún về c h o các cháu chan với nước cá đuông kho.

Vừa khi nội khuất ở ngoài ngõ, Đạm Phương bắt hai em thay quần áo đen, rồi đó mỗi cô bé tay cầm rổ, đóng cửa nhà, cửa rào, hăm hờ tiến về vùng Đất Mạ Vôi.

Trời nắng gắt. Gió ở đồng ruộng đổ về thòm mùi lúa chín. Ba chị em vạch cỏ lướt trên nền gạch âm rêu lấm những trái mù u. Chỉ chừng giáp bả trầu là ba chị em đã l ư òm được ba rổ dầy. Thâm Phương chỉ một c ả y trứng cá ở cuối góc vườn:

- Kia, cây trứng cá. Lóng rày trứng cá sai trái, ở trường em, trứng cá dóm dầy trấichín đó. Chị em mình lai dặng đó xem sao.

Ba cô bé hôm đó bẻ trứng cá dầy cá sả cáitúi áo rộng, lại còn bẻ thêm ôi chua, trái mua (giống như trái sim), trái bình bát. Khi ba chị em trở về nhà thì nội vẫn chưa về. Nàng chưa chệch mái hiên. Ven khóm đứanước tiếng đổ quyen gọi ra rả. Đạm Phương d ế nghị:

- Nước chưa lớn. Tụi mình đi tát cá, h á i rau di.

Hằng Phương e dè:

- Nếu khi về nhà, nội thấy quần áo t ụ i mình dính dầy bùn sinh thì sao?

Đạm Phương cười nheo mắt:

- Em khờ quá. Khi tát cá xong, tui m i n h giặt quần áo đem phơi khô. Nàng hè là nắng gắt quần áo ứt phơi khô mây hồi.

Nội chỉ vắng nhà có một buổi mà ba chị em cô Phương đã thực hiện giấc mộng phiêu lưu của mình. Thật sự, ba chị em không thiết gì đến cá tép mà cá ba đã xúa được, hoặc bông súng, bông điên điên hay trái bình b á t, trái mua, trái trứng cá mà cá ba đã hái. Cá ba đã thêm đến Đất Mạ Vôi tứ lâu, d ấ xem nơi đó là chôn có nhiều cái kỳ bấrt quyến rũ.

Khi ba chị em về tới nhà thì nắng đã chệch khỏi mái hiên. Đạm Phương dẫn hai em:

- Khi nội về thì chị em mình nói trái và rau là do má con Tím cho, còn cá nẩy d o tụi mình câu được.

Hằng Phương hỏi:

- Còn mớ tép bạc nầy?

- Chị sẽ chấy tép rồi gộp chung vào m ở tép chấy cũ, nội không biết dẫu. Giờ t h i Hằng giặt quần áo rồi đem phơi. Chị t ấ m xong sẽ chấy tép. Còn con Thâm mau phơi mù u để ép lấy dẫu.

Đạm Phương tìm cục xà bông sả để tắm gội cho thòm, tẩy sạch mùi bùn sinh bám ở tóc ở da. Rồi đó cô bé làm tép, rồi chấy tép.

Khi nội và chị Lùn về tới nhà, thì áo quần đã khô, được Hằng Phương xếp vào r ư ớng, không quên thả vào đó hai thồi long nảo.

Nội khen mớ cá tươi, khen con bông súng, và hoa điên điên sồn sớ. Nội kho những con cá lụn vụn trong cái ơ dật, kho sáu con cá rô mập mập trong chiếc tô sành và chọn 3 con cá lóc to bằng cườm tay để nấu canh chua với bông điên điên và con bông súng.

Việc "phiêu lưu" của ba chị em tưởng dẫu chề được mắt nội, nếu chị Lùn không phát giác mớ tép chấy. Dẫu sao, Đạm Phương vẫn là đứa trẻ nít, nên chấy tép còn vung về. Lại nữa, đêm đó, Thâm Phương bị cảm nắng nóng mê man. Chị tốn mười phút điếu tra, n ộ i biết rõ tự sự. Nội bắt Đạm Phương và Hằng Phương nằm dài trên ván gỗ, đánh mỗi cô bé ba roi, bắt hai cô hứa chưa bỏ. Xong xà, nội xuống bếp chấy lại mớ tép, hăm lại ở c á kho lụn vụn và tô cá rô mè. Nội pha t r ả gừng và quế cay để hiệp với thuốc cảm Mao Phát Tán cho Thâm Phương uống chữa bệnh.

Đi ghé cận nhân với bà:

- Má chỉ vắng nhà có một buổi mà cô Tư, cô Năm nhà mình đã tác yêu, tác quái rồi. Kể vào thứ bắc trong hàng ngũ anh em thì Đạm Phương được lữ gia bôc gọi là cô Tư, còn Hằng Phương được gọi là cô Năm.



# KỶ NIỆM HỒNG

Chị Mỹ Nam thân yêu,

Paris lúc này đang giữa mùa đông, khá lạnh rồi đó. Vậy mà, đường phố vẫn tấp nập, nhất là khu 13, nơi tụ họp của người Á Châu. Họ đi thật nhanh để trốn những cơn mưa tuyết phớt nhẹ như bụi bay. Đây là khu em ở với các quán ăn, tiệm thực phẩm, tiệm tạp hóa bán toàn những sản phẩm, thực phẩm Á Châu. Porte de Choisy thật ra là khu người Tàu trong khi khu Maubert mới là khu của người Việt Nam. Em ở cao ốc, cứ vào mùa đông là em lười xuống phố. Căn phòng của em quay mặt về hướng một công viên, cả căn bệp cũng vậy. Ngày sao mà mau tối! Hết tuyết đổ tới mưa rồi rồi sa mù tỏa trắng đục, tiết trời giá lạnh, buồn lắm chị đi. Ngồi đây mà nhớ tới quê nhà, nhớ tới nắng ấm ở Gành Ráng, nhớ tới sóng biển, đảo San Hô cũng bầy chim én. Em muốn biến thành con chim én vào mùa rét bay về nơi đó tìm nắng ấm, gió biển và âm thanh của biển reo bất tuyệt.

Chị đi, hồi đó, sau hai năm nghỉ học, bất ngờ chị em mình gặp nhau ở Hải Phòng trên đất Bắc. Rồi đó, chị em mình đi viếng Vịnh Hạ Long. Vịnh Hạ Long với những chòm đá lơ lửng giữa vùng biển phẳng lặng, ít khi nổi sóng. Chị em mình cho chiếc thuyền chèo chậm chậm luôn qua những khe đá. Khi chúng mình vào trong Thạch Động thì bên ngoài đã đổ mưa to. Sấm chớp nổ lœ liên hồi. Sóng biển vỗ vào gộp đá tảng đập ào ạt. Bên trong Thạch Động tối mờ. Nhờ những ánh đuốc của du khách mà chị em mình được ngắm thạch nhũ buồng thông trắng xóa, phản chiếu ánh đuốc. Trên vách đá là những bài thơ lưu niệm đủ mọi màu mực. Em cũng để trên vách vài hàng chữ, giờ thì em quên mất rồi.

Chị Mỹ Nam, tiếc rằng chị em mình không có cơ hội được đeo đuổi theo nghiệp cầm ca; vậy mà chưa ai yêu bộ môn cải lương bằng chị em mình. Bốn mươi năm trôi qua, chị cũng như em vẫn thích đi xem cải lương mỗi khi có dư chút đỉnh thì giờ. Hồi còn học ở trường bà sơ ở Qui Nhơn, Bạch Trang và chị được chị Ngọc Trâm giao những vai mỹ nhân sắc nước hương trời để đóng tuồng do nhà trường tổ chức. Còn em thì bị giao những vai hề, vai tướng cướp về mặt quần quên như con chó vện, trông chẳng giống ai, mới hai con giáp chẳng giống con giáp nào. Ấy vậy khi chị Ngọc Trâm chọn người diễn tuồng "Triệu Trinh Nương", em được thủ vai bà Triệu Âu mặc áo vàng, đi hài nhưng ửng cao, buộc dây ngọc đai, oai phượng lẫm lẫm. Bạch Trang và chị không dám thủ vai nữ tướng. Chị vốn hợp những vai ôn ỉn, lẳng lờ, được giao vai bà Đinh Nữ Vỹ, chị dâu của Triệu Âu, vì đồ kỳ cổ em chông mà tư thông với giặc Tàu để mưu hại quân khởi nghĩa chông xâm lăng, nhưng âm mưu bại lộ bị Triệu nữ tướng chém rung đầu. Bạch Trang vốn chuyên thủ vai thương cảm, được giao vai người đàn bà bị tướng Tàu bắt làm tỳ thiếp, nhưng cô lòng yêu nước, giúp đỡ nghĩa quân để rồi bị chết trong cuộc loạn lạc. Đó là lần đầu em được thủ vai chánh, nhưng Bạch Trang và chị nổi đình nổi đám đầu cô kèm gũ em.

Cũng ở Qui Nhơn, các nhân sĩ, những nhà tài măt trong tỉnh cô tổ chức đêm hát giúp các cơ quan từ thiện, chị được thủ vai Hàn Tô Mai, em được thủ vai Đào Tam Xuân trong vở tuồng "Trầm Trinh An". Em gồng mình làm đào võ, để thưng lên ngựa, cất giọng ròn rảng, gõ găm cho điệu bộ thật oai, mồ hôi tuôn đầm áo giáp, cổ họng rất vì hết lớn khi n g he tin chông là Trinh An bị cô ả Hàn Tô Mai mưu hại. Vai này cũng giống như vai Triệu Âu; em đã từng xem bà Bảy Nam thủ vai nữ tướng như Tiêu Anh Phụng, Đào Tam Xuân, Mộc Quế Anh nên cứ bắt chước theo bà và khi nhận được những tràng vỗ tay của khán giả là một ngất ngư. Bạch Trang kỳ đó giả trai làm Trinh An đã làm cho khán giả thưng cảm. Em không sao khỏi tưng cười là trước khi tập tuồng, em và chị xích mịch nhau. Đến màn Đào Tam Xuân về trào, bắt Hàn Tô Mai xử tội; Hàn Tô Mai trốn dưới ngai vàng của vua, bị Đào Tam Xuân

phát giác, bị lôi ra để Đào Tam Xuân xử tội lẳng trỉ. Lúc đó, thay vì nắm tay kéo chĩa em ghệt tóc chị, bảo hai hoa cài đầu cùng trâm thoa rơi tung tóe. Chị vừa đồng t u ông vừa che quạt chei em và vì tức giận nên chị khóc như mưa, như gió. Khán giả vốn ghét vai Hàn Tô Mai; nhưng chính nhờ màn khóc này, qua vai Hàn Tô Mai, chị được khán giả hoan nghinh nhiệt liệt. Khi vào hậu trường, em cảm phục tài chị, xin lỗi chị, được chị tha thứ.

Cũng trên đất Bắc, có một thời kỳ chị em mình ở gần Nhà hát Tây cùng một căn phòng trọ khách sạn Yên Tân. Một hôm, được tin gánh Phi Phụng từ Saigon ra diễn, chị em mình chọn xem tuồng "Phụng Nghi Đình". Tối hôm đó, Phùng Hà thủ vai Lữ Bố, Nam Phi trong vai Điều Thuyền, nghệ sĩ Năm Định (chồng bà Bé Bự) thủ vai Đông Trác. Nhìn họ, đồng tuồng, chị em mình cảm thấy xấu hổ; tài nghệ chị em mình mà có nhảm nhò chị với những nghệ sĩ chuyên nghiệp đứng vào hàng thượng thặng. Sau này, bà Phùng Hà thường tổ chức hát hội, đi về n tuồng "Phụng Nghi Đình" với toàn nữ ban. Bà luôn thủ vai Lữ Bố với năm năng Điều Thuyền qua năm màn diễn. Hôm đó, chị em mình cũng có đi xem. Ở màn đầu, bà Thanh Tùng thủ vai Điều Thuyền lay trắng sáng, câu cho đất nước bình an; bà đẹp kiều sa, hơi cạ khán khán thật ấm. Ở màn hai, nữ nghệ sĩ Kim Chung thủ vai Điều Thuyền giỡn mặt Lữ Bố thật lẳng, thật tình tứ. Ở màn ba, nữ nghệ sĩ Kim Cúc đóng vai Điều Thuyền ve vãn Đông Trác thật điêu luyện đúng mức. Đến màn thứ tư, kỹ nữ Kim Cương thủ vai Điều Thuyền trổ lớp, nhờ nhều để mê hoặc Đông Trác lại càng tuyệt vời hơn, làm khán giả cười từng chập. Ở m à n chót, nữ nghệ sĩ Kim Lan đẹp như tranh tô nữ, diễn tả vai Điều Thuyền trước Phụng Nghi Đình vừa bí hiểm, vừa lẳng, vừa hào hùng, thật đáng đồng tiền bát gạo. Vai Đông Trác thử giao cho nữ nghệ sĩ Kim Thoa hoặc nam nghệ sĩ Trường Xuân; nhưng chắc chửa ai quan đĩ ông Năm Định qua vai này. Muốn làm một nghệ sĩ trình diễn đầu phải đĩ. Phải có Tô đĩ, phải có tài năng và kinh nghiệm. Chị em mình trước sau vẫn là tài tử vì yêu nghệ thuật mới leo lên sân khấu mà thôi.

Hồi còn đi học, chị thuộc vào hạng con ông cháu cha; còn em chỉ là con người Tàu lai chuyên nghề hát thuốc bắc và làm rầy. Chị đã làm cho bạn bè bất mãn vì chị ý cha mình làm Tham tá. Khi đến trường chị đi bằng xe kéo sơn đen có gong đồng bóng loáng. Vào lớp chị nhộng nhều với bà sơ. Hễ có con nào chọc chị giận, chị cũng hăm he về nhà mếc, b a chị để ông ta bỏ tù. Con đó cho một gong mới thôi. Em cũng có vài lần đụng chạm với chị. Thế mà, nhờ tánh ái mộ ca kịch cải lương, chị và em cảm thấy càng ngày càng gần gũi nhau hơn và thương yêu thành thật với nhau hơn.

Hồi đó, em liếng thoảng, nghịch ngợm nên ít được mấy anh nam sinh mê mẩn. Chị và Bạch Trang thì khởi nổi; họ mê cả hai như điếu đổ. Chị thì kiều sa, quý phái. Bạch Trang thì đẹp và sâu mộng như đào thương Bích Hợp. Có lần, chị bảo em:

- Huyền Châu đâu có đến nổi nào. Nếu em bớt liếng khi thì cũng ra vẻ tình tứ như ai. Trường mình có bốn cô nổi bật là Ngọc Trâm, Bạch Trang, Mỹ Nam và em nữa đó.

Chị Mỹ Nam, khi viết đến đây, em mừng tưởng lại bài biên Gành Răng xưa với những tầng dĩa dĩa bởi trong gió lộng, với hàng thông vể lên nên trời nét đậm và sắc sảo. Thở đó em vừa đi học vừa phụ giúp má em vun tưới sớ rầy. Những ngày nghỉ học, em phải phụ với má em tưới những cây cải, bỏ những bó rầy, bó hoa để sáng hôm sau, má em đem rau và hoa ra bán ở ngoài chợ. Hồi em mới bốn tuổi được cha mẹ nuôi trả về nhà cha mẹ ruột, suốt mấy năm đầu, ngày nào em cũng bị ba má em la rầy vì tội nghịch ngợm; gần tuổi dậy thì má lúc nào em cũng rần mấc như con trai. Má em rên:

- Chắc theo cái vẹo này thì con Huyền Châu khó lấy chồng.

Ngoại em phân nản:

- Con gái gì mà ham leo trèo, cưỡi giỡn; chắc mu bà nấn lộn.

Cạnh nhà em có cây me keo lâu đời, gốc to, nhánh lá sum suê; mỗi năm đến mùa đĩ có trái chín, có thể hái đem ra chợ bán cả gánh. Cây me keo đây gai nhọn. Cha mẹ lấy rựa p h ác bớt gai và lột vên trên cao, che mái như một cái chõi canh, mà nắng gì cũng có thể làm chõ ở được. Có một cái thang cao gần hai thước để leo lên chõi.

Mỗi chũa nứt, ba em giam em ở trên đó. Khi em leo lên chõi rồi thì cha rút thang để

cho em khỏi đi phá làng phá xóm, phá miếu phá chùa, để cha khỏi bị hàng xóm máng vốn vì em thường hay đánh lộn với lũ con họ.

Cây me keo chỉ cao bao nhiêu đó, đối với em mà nhằm nhờ gì. Em tuột xuống cái một; và tới chừng leo lên chồi, em chỉ cần hai tay ôm gốc, hai chân kẹp vào thân cây, để ọt như treo cau, treo dừa.

Một hôm em quen thói, tuột xuống đất vào xóm chơi với tụi con Lan. Quen thói chơi gác, em bị tụi nó vây đánh, và một mình em chống cự, chạy trốn chết về nhà. Khi về tới, em đã thấy ba em đứng sẵn dưới gốc me keo, tay cầm chiếc roi mây. Ba má con Lan cũng đứng sẵn ở đó, mặt hầm hừ. Em hoảng hồn, đứng chết trân, tay chân lạnh ngắt. Cha em hét:

- Huyền Châu vào nằm trên bộ ván mau.

Em riu riu vâng lệnh. Ba em nhíp roi lên mông đít em, hài tội:

- Huyền Châu tại sao con dám trốn khỏi chồi mà không xin phép ba? Tại sao con dám đánh con Lan sưng môi tũ vũ như vậy?

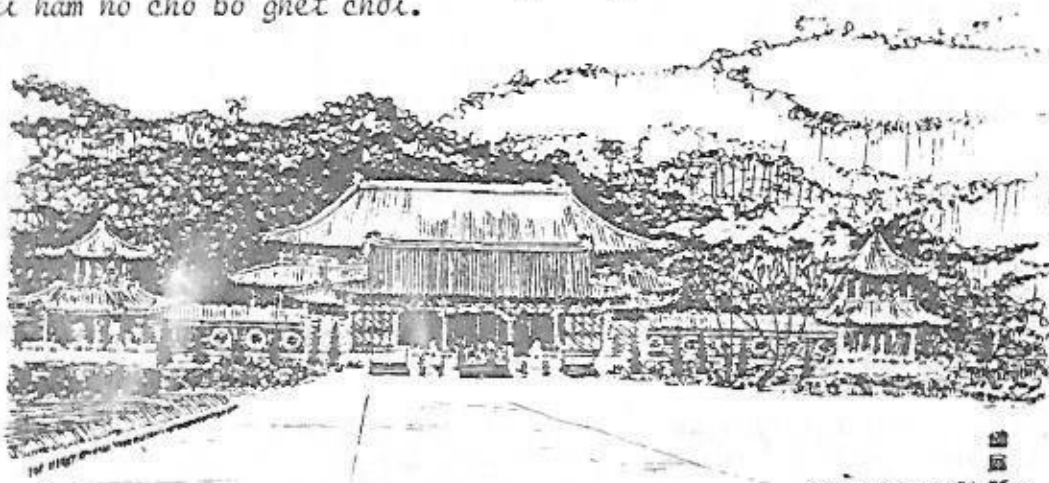
Em lạnh mồm lạnh miệng:

- Đâu phải chỉ một mình con Lan, tụi nó bốn đứa ỷ đồng hành hung con. Con đánh ráo trời hết á. Tụi nó chửi con nặng lắm, nói con là con của Chết luộc.

- Ừ, thì con là con người Minh Hương, không phải là con Chết hay sao mà con hành hung chúng nó?

Em ức lắm, rống lên khóc, cãi lại:

- Tại ba không biết. Chết luộc mà nói lái thì thành chuột lệt. Rồi con Lan chê con là con nuôi ông thầy phủ thầy làng Hương Thạnh, chê mặt con tròn và sưng phồng cái bánh bò, chê con xấu như Chung Vô Diễm, dữ như con mẹ Chàng Tinh. Bởi vậy, con nổi sùng, đây c ù i chỗ vô quái hãm nó cho bỏ ghét chơi.



CHÙA QUI NHƠN 1805

Bạch Trang lúc đó cũng có mặt. Á ta thấy em lẻo lự quá cũng phát ghét nên nạt em vì á thừa biết em ưa chơi gác thiên hạ lại hay xỉ xon nữa:

- Im cái miệng lại, sắp bị ăn đòn mà cũng còn tia lía. Nếu còn lẻo lự bị ăn thêm một chục roi nữa.

Em ngồi dầy xĩa xối Bạch Trang:

- Nè, lát nữa, tới lượt mày nghe tao hài tội.

Cha em hét lớn bắt em nằm dài:

- Năn đừng có hồn. Con Trang là vai chi, sao con dám kêu nó bằng mày xưng tao. Con giỏi chạy tội lắm mà. Còn một tội nữa là tại sao con dám để thằng Tuấn, lục trong ruột náo náo lây tiền? Con gái gì mà dữ như con gấu ngựa vậy?

- Con đâu có giắt tiền thằng Tuấn. Con làm việc nghĩa mà ba. Chính mắt con thấy thằng Tuấn chơi chán lẽ với thằng Ngọc. Thằng Tuấn gian lận ăn hết tiền thằng Ngọc. Thấy thg Ngọc đứng khóc, con chịu không nổi nên con ra tay để cho thằng Ngọc có tiền đi mua dầu lửa kéo bị má nó đánh đòn. Trước khi ra tay, con cũng cố năn nỉ thằng Tuấn trả tiền cho thằng Ngọc; nó ỷ lớn chửi con là con Chết luộc.

Nhận thấy cha em có vẻ tin lời, em khoe:

- Thằng Tuấn còn hầm nếu con còn lộn xộn, nó sẽ đánh cho con học máu. Con nổi nóng xấn lại gần nó. Nó khinh thường con là trẻ nít nên không để phòng. Con vung chân mặt móc vào

xem tiếp trang 66

# Hạnh phúc của Thi

Yên Nữ Hiền Thủy

(tiếp theo)

Thế rồi ngày thứ hai đã chấm dứt, chuông reo báo hiệu tan giờ, Học sinh òạt tranh nhau ra khỏi lớp. Dọn xong tập vở vào cặp Thi theo các bạn ra về. Vừa đến cổng trường Thi gặp chị Hoàng Uyên chị Hai của Bích Thuyền đứng đợi. Thi chào chị và hỏi: "Chị Uyên ơi! Thi nghe Lan Thảo và Thủy Trang báo Thuyền nó bị sốt phải không chị?". Chị Uyên trả lời: "Đúng đây Thi à, Thuyền nhắn với chị báo Thi chiều nay sang chơi với nó". Chị Uyên vừa nói xong thì chị Liên Hương cũng vừa đến đón Thi về. Thi vội vã trả lời chị Uyên: "Đạ, chiều nay Thi qua chị à". Thi vội chào chị Hoàng Uyên và vội gót theo chị Liên Hương lại chỗ đậu xe. Đầu đó xong xuôi hai chị em đạp xe về nhà.

Cơm trưa xong, sau khi làm bài tập ở nhà, Thi xuống lầu xin mẹ đi qua thăm Bích Thuyền. Sau khi nhận chuông, chị Thu Nhi ra mở cửa cho Thi vào, rồi đưa Thi lên phòng B. Thuyền lúc này cô bé còn đang mê ngủ. Thi đi nhẹ nhẹ đến bên giường cô bé khẽ ngồi xuống bàn học của nó. Tò mò Thi nhìn vào mảnh giấy cô để trên bàn có hàng chữ viết còn lem nhem nước: "Giận Diễm Thi vô bờ, hôn Diễm Thi vô kể, buồn này không bao giờ nguôi!". Đọc hàng chữ đó Thi đã hiểu được tâm tư Bích Thuyền, thì ra vì cô bé ghen với Thanh Thảo mà dâm ra tức giận Thi. Thật là tính nhỏ nhen của trẻ con. Thi giất mình vì tiếng trở mình của cô bé. Nhưng rồi nó thiếp ngủ trở lại, gian phòng thật im lìm tĩnh thoàng có vài con chim xanh đến bên cửa sổ hót líu lo trên nhánh cây sừ.

Ngồi một lát, Thi đi thật nhẹ đến bên giường Bích Thuyền, khẽ ngồi xuống bên cạnh cô bé nó vẫn thờ dề. Thi đặt nhẹ bàn tay mình lên trán nó, thì ra nó sốt thật, đúng như lời chị Hoàng Uyên đã nói với Thi ban sáng. Bất giác đôi môi nhỏ mấp mái thắm gọi: "Thi ơi Thi vội vàng nắm lấy bàn tay cô bé khẽ nói với nó: "Bích Thuyền nè! Tỉnh đây đi Thuyền có Thi đến chơi với Thuyền". Cô bé từ từ mở mắt và hỏi: "Thi đến từ bao giờ đây?". Vội trả lời nó: "Thi đến từ lúc Thuyền còn ngủ cơ!". Thuyền nắm tay Thi nói tiếp: "Thi nè Bờ có giận Thuyền không?". Thi đáp: "Giận gì cơ?". Thuyền nói: "Thi giận hôm nọ dichơi Tết Trung Thu đó". Thi vuốt tóc cô bé an ủi và nói: "Thi chả bao giờ giận Thuyền đâu! Nghe Thi đáp cô bé mỉm cười sung sướng mà hỏi lại: "Thật nhé Thi...". Thi nắm tay Bích Thuyền hai đứa bạn nhỏ nhìn nhau tràn đầy hạnh phúc như hôm nào hai đứa mới quen nhau. Chiều xuống dần...

Sáng nay trời trở lạnh bất ngờ! Có lẽ do cơn mưa kéo dài dằng từ đêm hôm qua, giờ chỉ còn lại những làn bụi bay lất phất trong màn sương dày đặc phủ kín lên phố Sài Thành đang dầm chìm trong ướt át và lạnh lẽo của những ngày sắp lập đông. Không khí ở nơi đây hôm nay có vẻ dễ thương không khác gì với thành phố mù sương Đà Lạt. Thi chợt buồn buồn mắt nhìn về một phương trời xa xăm nào đó... Trong bồi hồi lẫn xúc động với lá thư đang cầm trên tay đã bị nhàu nát từ lúc nào. Lá thư của Thanh Thảo gọi cho Thi sáng hôm qua, đây cũng là lần đầu tiên cô bé viết thư cho Thi kể từ khi chia tay hôm nọ. Thanh Thảo mở đầu thư bằng một câu rất dễ thương mà Thi cảm động đến rơi nước mắt lúc bóc thư ra xem...

Biên Hòa, ngày...

Chị Diễm Thi thương yêu của bé Thảo,  
Chị Thi ơi! Từ ngày chị em mình chia tay đến nay cũng khá lâu rồi chị nhỉ. Sao hôm nay Thảo thấy nhớ chị ghê đó, vì vậy Thảo mới cố gắng "nặn" ra vài chữ cho nó thành m ộ t

lá thư viết bằng những dòng nước mắt với bao tình cảm chân thành của đứa em bé nhỏ ở phương trời xa như những lời nhắc nhở lại dĩ vãng hôm nào mà hai chị em mình ngồi ở dưới gốc mận tâm sự nhau nghe. Chị thương của Thảo, những kỷ niệm đẹp hôm đó nó sẽ ngồi mãi trong ký ức Thảo không làm sao có thể quên được, đâu rằng đất Sài Thành hoa lệ có nhiều thú vui mà chị đã chóng quên!!! Tuy nhiên Thảo vẫn nhớ mãi mãi...

Chị của Thảo, dù rằng chị lưu lại nội đây thành phố quê mùa mộc mạc nghèo nàn này chị độ vài hôm nhưng chị đã ban cho Thảo thật nhiều hạnh phúc, giá như chị là chị ruột của Thảo thì chắc Thảo sẽ là người sung sướng nhất đời phải không chị Diễm Thi của bé Thanh Thảo? Dù đó là lần đầu tiên Thảo gặp chị nhưng sao Thảo thấy thân thiện với chị ngay, thế sao Thảo không thể nói hết ra đây trong lá thư nhỏ bé này...

Thảo chỉ giữ và ghi nhớ trong ký ức Thảo nhiều hơn Thảo nói ra đây với chị. Đã nhiều lần Thảo muốn viết lên những gì của chúng mình cho chị nhưng sao khi cầm bút viết... rồi nửa chừng lại bỏ. Thảo thấy mình có miệng nhưng không nói lên được tình cảm của mình đối với bạn mình lúc ấy??? ... Rồi để bây giờ muốn tâm sự tỏ bày thì không còn ở gần chị nữa!

Chị Diễm Thi ơi, Thảo không muốn làm mất nhiều thì giờ của chị vì chị phải học bài nữa cơ. Thôi đã hơn mười một giờ rồi chị cho phép Thảo được đứng bút nơi đây đi ngủ kẻo mai còn đi học. Cuối thư Thảo thường chúc chị Thảo luôn luôn vui vẻ, tuổi trẻ, gặp nhiều may mắn và nhất là chị học nhiều điểm giỏi nhé...

Em của chị  
HOÀNG THI THANH THẢO

Đồng hồ khẽ gõ tích tắc báo hiệu bây giờ sáng. Thôi sắp đến giờ đi học rồi, Thi giắt mình chui ra khỏi mền sửa soạn tập sách để đến trường. Thế rồi một tuần chóng qua nhìn trên lịch ngày mai là chủ nhật đi sinh hoạt Thi mỉm cười sung sướng. Đi học về, sau khi ăn cơm chiều, làm bài tập Thi ủi sơ lại bộ đồ đạc cho ngày mai. Đầu đó xong xuôi Thi thong thả leo lên giường nằm đọc tiếp chuyện cổ tích "Tâm Cám"...

Mặt trời đã lên cao, với những sắc hoa đua nở trong vườn, tiếng chim hót vang dậy trên cành cây làm Thi chợt thức giấc. Cánh cửa phòng xịch mở, mẹ bước vào nhìn Thi và hỏi: "Bố hôm nay con không đi sinh hoạt sao?". Thi đáp lời mẹ trong giấc ngủ: "Đi chỗ mẹ, vì hôm nay là ngày hạnh phúc nhất trong tuần của con mẹ". Mẹ tiếp lời: "Thi nhanh lên cô a, đi tắm rồi thay đồ mẹ đánh bính tóc cho". Nghe mẹ bảo Thi chuồn lẹ vào buồng tắm. Mười lăm phút sau Thi ra nhìn mẹ cười xòa. Bây giờ mẹ đã ngồi sẵn ở đầu giường, tay cầm chiếc lược đồi mồi và cạnh bà có chiếc hộp con chứa những dụng cụ làm dáng của Thi. Thay đồ xong, Thi đến bên giường ngồi ngay ngắn để mẹ làm tóc cho Thi. Vừa chải tóc mẹ vừa nói: "Thi này, mẹ đi chợ Sài Gòn thấy có bán nõ màu xanh nước biển lợt trông đẹp mắt mà con chưa có nên mẹ mua hai thuốc để hôm nay thắt nõ cho con đó". Vừa nói tay mẹ thoăn thoắt thắt, phút chốc Thi đã có hai cái bính thật xinh...

Mẹ với tay sửa lại cổ áo cho Thi và nói: "Xong rồi cô nường, lại kiếng xem có vừa ý không? Nhìn vào gương trông thật đẹp, thật đúng như lời mẹ nói Thi vui sướng ôm chầm lấy mẹ mà hôn và trả lời: "Đẹp tuyệt vời, mẹ yêu quý nhất đời của con. Mẹ gỡ tay Thi bà nói tiếp: "Hử! Cô khéo nịnh. Thôi lẹ lên đi keo trẻ bây giờ". Nhìn đồng hồ Thi vội chào mẹ con đi. Bà nhìn theo cho đến bóng Thi vừa khuất dạng dưới cầu thang.

Vừa đến cổng chùa Thi đã thấy bọn Như Hương, Bích Thuyền, Tô Nga, Bảo Thủy, Miên Trường, Hạ Vũ ... đứng đợi trước sân. Thấy Thi đến tụi nó reo lên: "Chà! Diễm Thi hôm nay xinh ghê nhé". Anh chàng Miên Trường nhìn Thi ngơ ngẩn. Hạ Vũ buột miệng nói: "Diễm Thi hôm nay trông đẹp hơn thường ngày, Miên Trường nhỉ?" Nghe Hạ Vũ nói, chàng ta giắt mình gật đầu tỏ vẻ đồng ý lời Hạ Vũ vừa nói. Còn Bảo Thủy cười nheo mắt nói: "Này Thi, a i đánh bính thắt nõ cho bố mà xinh thế kia?" Thi nhìn các bạn ra vẻ kiêu hãnh thông thả trả lời Bảo Thủy, mẹ Thi đó.

# VỤ ÁN THỊ LỘ

PHONG HUNG

(tiếp theo)

Đối với Lê Lợi, Nguyễn Trãi không những là một công thần đầu công, mà còn là bạn tù khi nằm gai nếm mật. Câu "Lê Lợi vì quân, Nguyễn Trãi vì thân" ít nhiều ám chỉ điều này.

Lê Thái Tổ đã đến công hết sức xứng đáng cho các khai quốc công thần; dưới mắt khách quan thật hợp lý. Nhưng việc bình định giặc Minh khai quốc đúng nghiệp để đầu phải chỉ có Nguyễn Trãi duy nhất đóng góp? Liệu mình chúa có Lê Lai, Trần Tuy Đông có ông chém tướng đoạt kỳ còn có Đinh Lễ, Trần Chi Lăng Liễu Thăng rơi đầu nhờ Lê Sát, t ướng công không nhỏ. Lê Thái Tổ không làm sao thỏa mãn tất cả mọi người vì mỗi bộ chỉ một Thượng thư, mỗi triều một Tể tướng. Trong thâm tâm ai cũng nghĩ mình lập công đầu Miêng định chung, cần đai áo mào, uy quyền và ăn sủng vậy mà có hạp lúc phi thương. Sự ganhty và dèm xiêm của các bạn đồng liêu gây hai cái chết cho Tá tướng quốc Trần Nguyễn Han và Thái úy Phạm văn Xảo đối với Quan, phuc, hầu Nguyễn Trãi nhen nhúm rồi; việc giao tế của Nguyễn Trãi đối với họ không biết thâm thiết hay lột lột ra sao.

Về già, Nguyễn Trãi thể xác và tinh thần mệt mỏi, quy ẩn ở Côn Sơn, vui với thiên nhiên Lê Thái Tổ cũng đã mất (Lê Thái Tông lên thay). Nguyễn Trãi sống ăn dật cho đến ngày gặp Thị Lộ.

Nguyễn Trãi có âm mưu hoặc ý định thì vua Lê Thái Tông không?

Mục đích duy nhất khi âm mưu thì vua là để soạn ngôi. Công tác thì vua không dễ dàng và nhanh chóng, chỉ có thể xảy ra khi triều vua đó đã suy vi, như cuối triều Lý, Lý Chiêu Hoàng công chúa mới 7 tuổi, quyền bính lọt cả vào tay Trần Thủ Độ. Hoặc như cuối đời Trần, Hồ Quý Ly đã vị cánh, triều đình quan lại thiếu số không kết hợp được để phản kháng... Đàng này, Nguyễn Trãi đã tư quan về hưu ẩn, xa lánh triều đình. Ông lại già nửa mệt mỏi, chỉ muốn yên thân, không tham vọng chính trị.

"Côn Sơn có suối nước trong,  
Ta nghe suối chảy như cung đàn cầm.  
Côn Sơn có đá tảng vâng,  
Mưa tuông đá sạch ta nằm ta chơi."

(Côn Sơn ca)

Ông sống với cơm rau nước lá yên thân và không cần muốn chung nghìn tử nên việc thì vua để đoạt ngôi không hợp lý.

Bắt buộc hay tự nguyện khi cho Thị Lộ theo Lê Thái Tông về triều, Nguyễn Trãi dù phật lòng cũng giữ phân tời trung hề mỗi không ồn. Đối với một đại thần thời tiên đế, Lê Thái Tổ như Nguyễn Trãi, thì Lê Thái Tông (lúc bấy giờ mới lên 20 tuổi) chỉ là kẻ hậu sinh. Nguyễn Trãi bất lực nhìn sự xoay vần thế bất lợi về mình, thêm lữ nịnh thân hậu sinh lúc trước ông không buồn để ý, giờ đây họ lên mặt cây quyền.

Cây muốn lặng, gió không ngừng. Nguyễn Trãi "cò thế" trong phút bốc đồng bị mật g i ao phò cho Thị Lộ công tác thì vua Lê Thái Tông dễ thỏa lòng ghen hờn, dĩ nhiên ông cũng dự biết hậu quả. Vì mưu thân cao trĩ này không đại gì giao cho Thị Lộ, một cô gái tâm thường dù thông minh, thì hành công tác trọng đại như vậy.

BI CÁO THỨ HAI: NGUYỄN THỊ LỘ

Không ai biết xuất xứ Thị Lộ trừ Nguyễn Trãi và những người đồng thời ở Tây Hồ, sử không chép. Xuyên qua bài thơ đối đáp duy nhất giữa Nguyễn Trãi và Thị Lộ, người đời phỏng đoán là nàng gốc ở Tây Hồ, thuộc giới công thương, làm nghề bán chiếu gon, tuổi từ

16 đến 18 (trăng tròn lẻ), độc thân. Ngoài tài ứng đối, Thi Lô chắc phải đẹp hay ít nhất có nhan sắc, sắc xảo hay phúc hậu, hoặc có duyên nào đó làm Nguyễn Trãi mang về làm hầu thiếp, và vua Lê Thái Tông say đắm, dù gặp một lần, đến đời mang nặng luôn về triều. Chỉ một lần gặp Nguyễn Trãi, Thi Lô làm lão già nghề si này thương mến, và cũng 1 lần gặp Lê Thái Tông, Thi Lô cũng dự khả năng chính phục vì vua trẻ này say mê.

Đối với Thi Lô thì Nguyễn Trãi, lão quan già này là bạn tri âm tri kỷ, một người bạn cầm thư tuyệt vời. Nhưng còn thì tuổi tác chênh lệch, tuổi đang xuân thì làm vợ lẽ lão quan già một mối thế xác lẫn tinh thần, cuộc sống gò chân phụ phụ quá không lâu gì làm hứng thú.

Gặp Lê Thái Tông, vị vua trẻ đa tình, thập niên cầu hạn ngộ vũ phùng (nặng hạn mười năm gặp mưa rào) e rằng nhu cầu đời hỏi nàng quá độ.

Tại sao Thi Lô "được" "bị" vua Lê Thái Tông mang theo về triều?

"Có lẽ", Thi Lô lợi dụng cơ hội duy nhất, dùng khả năng nhan sắc quyến rũ vua Lê Thái Tông để thoát khỏi Nguyễn Trãi. Thời đó, là vợ lẽ, dù chồng chết không có lẽ tái giá, phải thủ tiết thờ chồng, như là thế giá uy quyền của Nhập nội hành khiến Nguyễn Trãi Thi Lô biết ngày gần đó, nàng sẽ trở thành góa phụ trẻ của bậc công thân quyền uy, địa vị có tiếng không có miếng bắt nàng thủ tiết suốt đời theo nề nếp nho phong. Ngoài Lê Thái Tông ra, không ai dám ngấm nghề nàng được.

Theo Lê Thái Tông về triều, với sự sủng ái của vua, Thi Lô đương nhiên bước lên hàng vương phi, gia đình nàng cũng sẽ hưởng lộc vua, hàng xóm khen là tổ tiên nàng chôn nhâm khu đất mặt phụng phát phi tần, một cuộc sống vương giả trước mắt, giống trường hợp bà chúa Chè Đăng thì Huệ thời Trịnh sau này.

"Có lẽ", trời ban cho Thi Lô tài sắc làm vua say đắm, dù trái với sự mong mỏi của nàng và nàng vẫn còn thờ Nguyễn Trãi với đạo phu thế trọn vẹn. Nàng bị Lê Thái Tông bắt ứ c bách theo về triều. Nguyễn Trãi còn không dám hé môi, nàng làm gì hơn được, nên phò mệnh cho trời.

Thi Lô có chủ tâm hạ sát Lê Thái Tông không?

Chủ tâm thì vua chắc Thi Lô không bao giờ dám nghĩ. Phận cỏ nội hoa hèn, diên kiến Long nhan còn rung rẩy, nói chi đến thì vua. Khi theo về với Lê Thái Tông, Nguyễn Trãi có ở giao phó hay dặn dò nàng điều gì? Một liều thuốc độc? Giá thuyết này, không xác đáng. Nếu ngộ độc, ngụ ý và triều thần cần về tai hành cùng đã phát giác. Sự chệp binh nên vua băng bất ngờ. Hoặc giá Thi Lô vì thủy chung tuyệt đối với Nguyễn Trãi đã liều mình dùng đến gươm hạ sát vua Lê? Lại một giá thuyết. Liều nàng dự khả năng can đảm cầm gươm thì vua không? Suốt đời nàng quen dệt chiếu gòn. Ngoài ra còn cần về và không ai được mang binh khí đến gần vua. Chỉ có hai cách thì vua vừa kể, nếu có chức khác mà không bị khám phá, duy có Nguyễn Trãi bày vẽ mới xong. Thi Lô yếu đuối không thì hành nổi.

#### NAN NHÂN: VUA LÊ THÁI TÔNG

Vì vua trẻ này lên ngôi lúc 11 tuổi, không thừa hưởng trọn vẹn đức độ tài năng của tiên đế Lê Thái Tổ, người khai sáng đế nghiệp Lê triều. Lúc lên ngôi, quyền hành trong tay Phụ Chính Lê Sát, chức Đại Tư Đồ; tuy Lê Sát ít học. Lê Thái Tông thông minh, sau thời gian lên ngôi đã dám thân chinh, thâu hết quyền hành về tay mình, giết luôn lòng thần Lê Sát, đẹp giặc và sửa đổi lễ lễ, thi cử. Có điều Lê Thái Tông còn trẻ, hào thẳng, không người phụ tá giỏi, thường đam mê tú sắc. Nguyễn Trãi đã về hưu nên liên hệ không thăm thiết như thời Lê Thái Tổ. Triều đình tâu vua điều gì? Có lời hay bắt lợi cho Nguyễn Trãi? Một vì vua ghé thăm công thân thời tiên đế sau cái chết của Lê Sát bạn đồng nghiệp liêu với Nguyễn Trãi là nghĩa gì?

Nguyễn Trãi cho Thi Lô ra hầu Lê Thái Tông, hay chính vua vô tình gặp Thi Lô? hay cần thân tâu yết về Thi Lô? Rất nhiều nghi vấn đặt ra. Thi Lô nhan sắc đến độ nào? Có bản chiếu gòn hơn hẳn bao nhiêu vương phi mỹ nữ trong cung vua hay sao? Hành động mang Thi Lô về có phải là lời cảnh cáo Nguyễn Trãi, rằng quyền uy ngày trước ông đã mất, hãy xem gương Đại Tư Đồ Phụ Chính Lê Sát.



Lý do gì vua Lê Thái Tông băng thình lình, khi ấy bên cạnh có ai, ngoài Thị Lộ? H a i mươi tuổi đầu, với đoàn tùy tùng cận vệ đầy đủ, hành cung không đủ ấm cho Lê Thái Tông Nếu phong hàn chắc ngự y thừa khả năng chữa, khỏi, không ai chết vì đi đường mệt mỏi. Lê Thái Tông đi duyệt binh ở Chi Linh về, phải đầy đủ sức khỏe, nếu không, cuộc d u yết binh đã được hoãn lại. Chết vì nọc rắn của Thị Lộ nghe hoang đường, thời bấy giờ c á c quan và tôn thất tin không? Không ngộ độc chết, thì chỉ vì tẩu quả chén và sắc quá độ.

(còn tiếp 1 kỳ)

## Quảng cáo

. Đại Nhạc Hội Hoài Hương sẽ được t ồ chức vào ngày thứ bảy 23.6.84 lúc 15 giờ chiều tại rạp Robert Schumann Saal - Ehrenhof 4 4000 Düsseldorf, do các nghệ sĩ Thái Hiền, Kim Anh, Huyền Châu, Gia đình Phạm Duy, Hương Lan, Duy Quang và bannhac lũng danh Saigon Dreamer's trình diễn. Giá vé 25 DM và 30 DM. quý vị nào muốn có vé xin liên lạc về địa chỉ: Vũ Duy Toại Im Ardeyatal 1 5810 Witten. Tel. 02302/63989



## tiếp thu trang 60

Loay hoay mà đã đến tám giờ anh D. chị V. và các anh chị thiếu nam thiếu nữ cũng vừa đến. Sau khi tụng kinh nổi chánh diện cả bọn ồ ạt kéo nhau ra sân. Anh D. vừa ra, v à thời kèn tập hợp các đội oanh vũ lại. Anh đứng giữa và nói: "Các em đội sen hồng v à sen xanh chuẩn bị thi lên lớp. Các em nhớ học kỹ lại phần giáo lý bậc oanh vũ thí dụ như "Ý nghĩa huy hiệu hoa sen", Ba điều luật Oanh Vũ, Phưởng châm của đoàn đại kháinhữ vậy. Hôm nay anh mắc bận họp các anh thiếu niên, chốc lát sẽ có chị Thụy Loan sẽ d ẽ n đây thay anh sinh hoạt với các em.

Anh D. vừa đi khuất, Bích Thuyền nắm tay Thi và nói: "Lát nữa, chị Thụy Loan đến t u i mình kể, nghị chị ấy kể chuyện cho mình nghe nha mấy bồ? Cả bọn đôi oanh vũ đồng nháy mắt thoa thuận. Mười lăm phút sau chị Thụy Loan đến trong chiếc áo dài màu lam t h a thướt, trên áo chị gắn huy hiệu hoa sen, tay xách cái giỏ cũng màu lam lại thêu h u y hiệu hoa sen mà Thi hằng mơ ước. Bây giờ, các ban đã chia nhau ngồi thành vòng t r òn. Chị Thụy Loan bước vào giữa vòng, tuổi cười và nói: "Các em ngoan quá nhỉ. Bây giờ các em muốn chơi trò gì thì phát biểu. Chị vừa nói đến đây cả bọn oanh vũ đồng thanh lato "Chị Thụy Loan ời, kể chuyện cho chúng em nghe nhé". Chị nhìn bọn Thi khe nói: "Suyt, các em đừng la to chú, chị V. rầy bây giờ đó. Để từ từ chị nhớ lại chứ. Thôi được, chị sẽ kể chuyện Ngài Trưởng giả Pháp Quân cho các em nghe nhé. Các em trong bốn đội bảnhau ngồi thật yên lặng chăm chú nhìn chị... Nuốt nước miếng chị Thụy Loan bắt đầu v à o chuyện...

Thuở xưa, ở nước Phóng Bát có một ông Trưởng Giả tên là Pháp Quân nhà giàu nhất nước ấy. Vô ông sinh được một đứa con trai, nhân gặp lúc ấy nhà vua đi xuất quân đánh trần nên đặt tên là Tiên Na... Sau đó bà lại sinh thêm một cậu nữa giữa lúc nhà vua thắng trần bèn đặt tên cho đứa con trai thứ là Thăng Quân...

(còn tiếp)

Bệnh Thâm Phương không bớt. Bà nghĩ là bệnh thường hẳn, nên đưa cô Sáu nhà ta đi đến phòng mạch bác sĩ ngoài chợ Vĩnh Long. Quả vậy! Thâm Phương vương bệnh đó. Trong cơn mê li bì, cô bé thường nói lầm nhảm:

- Ba rồi mù u, Dâu mù u thấp đèn cúng Phật. Di ghê khóc rồi day nghiến:

- Cũng tại hai con chi trời ơi đất hỡi, mà con gái tui mắc bình năng. Vùng Đất Mả Vôi là vùng đất âm hồn. Con gái tui bị tà ma khuấy phá.

Ba cau mày:

- Tại nó ăn bậy nên trúng bệnh, chớ tà ma nào khuấy phá?

Nội la ắt:

- Tui nó đi lược mù u ép dầu để thấp đèn cúng Phật, lẽ nào tà ma dám khuấy phá nó hay sao?

Dầu mù được vắt ra sên sệt. Từng chiếc chột nâu nâu được bỏ ra, bày lớp cơm màu vàng nhạt, chỉ Lùn giã cơm hột mù u thật nhuyễn phối chung hai củ năng là có dầu rớt. Ngọn đèn thờ ở bàn Phật vẫn được chong sáng. Đạm Phương và Hằng Phương quỳ trước tranh A Di Đà Tam Tôn cầu nguyện cho cô em được tai qua nạn khỏi.

Thâm Phương suốt cả tháng ròng chỉ uống sữa và nước xúp rau đậu, nhưng đã chữa được dần dần bình phục. Nhưng ngay khi cơn sốt dần lui, Thâm Phương vẫn còn mệt mỏi thường xuyên. Một hôm, trong giấc mê, cô bé thấy mình lạc vào vùng Đất Mả Vôi. Cũng vẫn những ngôi mộ đó, nhưng có hoang bìm bìm và cây trâm nữ biến mất, chỉ còn những phiến gạch tàu sạch bóng, phối màu nâu đỏ. Hàng cây mù u rơi từng trái xuống gạch, biến thành những ngọn đèn, búp thuốc thơm như ngọn đèn chong trên bàn Phật. Khắp nơi tha ma mộ địa, đèn nổi lên như sao sa trong vùng mờ mờ ảo ảo. Một người đàn bà mặc áo trắng đến bên cô bé, khuôn mặt giống như mặt Đức Quan Thế Âm Bồ Tát trong bức hình A Di Đà Tam Tôn. Người đàn bà phẩy tay áo, một luồng gió mát như phả vào mặt, vào tóc, vào da thịt cô bé, nên cô cảm thấy khoan khoái. Người đàn bà ầu yếm vuốt tóc cô bé bảo:

- Đừng bắt cá, bắt tép ở đây nghe bé. Bé còn ngây thơ, bé bong mà sớm nhúng tay vào cuộc sát sinh hay sao?

Thâm Phương vụt có cảm giác hụt hẫng như bị bẻ bóng rồi ném ra xa. Cô giật mình tỉnh giấc mê, bắt gặp khuôn mặt đầm đìa nước mắt của bà nội kẻ gần khuôn mặt mình. Tiếng mẹ Thâm Phương vang vang:

- Nó đã tỉnh rồi. Tạ ơn Trời Phật, cơn nóng cũng đã dịu bớt.

Trong đêm đầu tiên mà Thâm Phương không mê sáng, còn lại chút ít dầu mù u, nội cũng rót vào thếp đèn trên bàn Phật. Thâm Phương ngắm ngọn đèn, lòng như nở hoa, dù dầu óc cô bé còn vằng vắt, xây xậm, mồm miệng cô đắng nghét. Trong không khí tôn nghiêm, vắng lặng, lang vàng mùi nhang thơm ngát, loại nhang bạch đàn mà nội mua ở tiệm làm nhang gần chùa đầu cầu Thiêng Đức. Trên đầu ngọn bắc, ánh lửa rung rung. Nội ở a tưng kinh Cầu An trong đó có chú Đại Bi, chú Tiêu Tai Cát Tường và kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa. Tiếng mõ gõ dồn dập theo giọng cầu kinh, thỉnh thoảng đệm những tiếng chuông thanh tao, lanh lảnh. Dưới bếp, chỉ Lùn đang sắc thuốc, mùi thuốc bắc hăng hắc trộn vào mùi nhang thơm.

Đạm Phương, Hằng Phương và bé Tuấn mặc áo trắng màu khói nhang, cúc cung lễ bái trước bàn Phật. Ngoài việc cầu cho Thâm Phương chóng bình phục, Hằng Phương còn cầu vong hồn mẹ có linh phù hộ cho 2 chị em mình. Người mẹ đã sớm lìa đời, mà mặt mũi của bà trong những tấm ảnh để lại thật hiển hậu và thủy mỹ. Nhưng ngay trong giờ phút quỳ trước bức tranh A Di Đà Tam Tôn Hằng Phương tưởng tượng mặt mẹ mình giống như hình Đức Quan Thế Âm, với cái nhìn âu yếm, với nét mỉm cười tươi sáng và hiền dịu. Cô bé tin chắc rằng mẹ mình luôn luôn ở bên cạnh mình chằng những phù hộ cho 2 chị em mình mà còn phù hộ cho những kẻ mà cô bé thương yêu.

Khi Thâm Phương bình phục, bà di ghê cũng bớt eo óc, xéo xắt hai chị em. Anh Tường và anh Lương thường đến thăm Thâm Phương. Bà di ghê cần dặn lũ con trai của chồng:

- Các con đến thăm em, nhớ đừng cho em ăn bậy, nó ăn bậy sẽ bị chết vì lung ruột.

Anh Tường năm đó mười sáu tuổi, tiếng đã vờ bẻ, trở nên ồ ồ. Anh thường cầm tay Thâm Phương, kể cho cô bé nghe sự tích con đom đóm. Cô bé mở cặp mắt đen huyền theo dõi câu chuyện cổ công chúa độ kỳ nhân của người chị xinh đẹp của mình, lên án cái xấu chuỗi ngọc màu nhiệm của chị vất đi vì xấu chuỗi ngọc này hề kẻ nào xấu xí đeo vào cũng trở thành mỹ nhân. Trời phạt bất công chúa hóa thành con đom đóm; đêm đêm đom đóm tự thắp, sáng mình mây cuả mình đi tìm chuỗi ngọc. Nghe xong câu chuyện, Thâm Phương trầm ngâm bao anh Tường

- Em mà như cô chị, em sẽ chia một nửa chuỗi ngọc cho cô em. Còn nếu em là cô em em sẽ không tranh giành chuỗi ngọc làm gì.

Thấm Phương lúc nào mà chẳng hiền dịu, chẳng tốt bụng? Hằng Phương nghĩ rằng con người như Thấm Phương làm sao đoán mệnh cho được. Nhìn em xanh như tàu lá, Hằng Phương cảm thấy mình có lỗi vì đã không ngăn cản em để em đi đang nắng dầm nước suốt cả buổi trưa.

Riêng Đạm Phương, cảm thấy mình có lỗi nặng hơn hết vì đã xuôi hai em làm nhệch chuyện mà bà nội đã ngăn cấm. Cô ta ra ngọan ngoãn, khuất phục bà dì ghê. Nhưng lúc đi ngôi canh chừng Thấm Phương, cô ta sẵn sóc bé Tuấn thay thế cho đi. Khi mọi người trong nhà đều tin chắc Thấm Phương tại quabệnh khỏi, cô có cảm tưởng mình trút khỏi vai gánh nặng nghìn cân.

Bé Tuấn sau khi nghe anh Tường kể chuyện con đom đóm và chuỗi ngọc, liền đi ở i đêm đêm, bắt đom đóm bỏ vào lọ thủy tinh, dậy nút lại, đem tặng Thấm Phương. Cô bé không bằng lòng:

- Tuấn bắt đom đóm bỏ vào chai dậy nút, rui đom đóm chết thì Tuấn sẽ mang tội sát sinh. Hãy thả đom đóm ra đi, để cho nó đi tìm chuỗi ngọc; nếu nó tìm được rồi, nó sẽ hoá kiếp đom đóm, trở thành ngọc với như chị em mình.

Tuấn đâu có tiếc hùi hụi, cũng đành mônút thủy tinh cho đom đóm bay ra ngoài vườn. Từ sáu tuổi, Thấm Phương dù chưa hiểu rõ đạo Phật, vậy mà cô bé không hề giết licon sâu, cái kiếng nào. Có lần đi ghé mua chuỗi xích về làm thịt. Khi đi đem xích cất cố, lư xích như chấp hai tay van lạy. Trước cảnh tượng đó, Thấm Phương khóc ngất, nước mắt chan hòa mặt mũi. Từ đó, cô bé khệ bao giờ rờ tới thịt xích. Dì ghê có biệt tài là m món xích xào lạng, xích xào nghệ và cà r y cay, xích chiên bơ... Nhưng chỉ nhìn d i a thịt xích thôi, mặt mày Thấm Phương tángắt cô bé muốn ngất xỉu. Từ đó, mỗi khi mổ gà, làm cá, đi ghé hoặc chị Lùn đều làm khuất mặt Thấm Phương. Nội thường bảo:

- Con Thấm có căn tu.

Khác với mọi đứa trẻ, khi bình phục lầdồi ăn chèo chèo, Thấm Phương ngoan ngoãn, bà nội và mẹ cho gì thì cô bé ăn nấy. Bà nội vừa khi thấy cháu gái có thể ăn uống như thường bèn nấu cho cô bé một tô cháo thịt.

Trên mâm cơm dành cho Đạm Phương và Hằng Phương, nội dọn một tô canh rau tập tàng nấu tôm thịt, một mẻ cá bông trứng kho tiêu một đĩa tôm kho tàu nước gạch đỏ ớt, một đĩa sườn heo nướng thơm ngào ngạt. Nội kêu chị Lùn đến ăn chung với các cháu. Riêng nội, nội dùng cơm chay với đĩa nấm tràm kho nước tương, một đĩa rau luộc và 1 đĩa muối sả ớt.

Sau bữa cơm, nội hái lá sả, lá bưởi, lá t ử bi về nấu nước tắm gội, rồi thí phát d ể trợn lời van vái cầu cháu sớm tiêutai trừ bệnh.

Ngọn đèn chong trên bàn Phật vẫn đượctiếp tục cháy sáng. Hôm trước, bà đã đi khắp xóm thuê lư tré lướm mù u chừng ba chiếc thg gia để ép lấy dầu. Dầu mù u cũng có m u i thơm không thua các loại hương du nhứdầu tổ hợp bao nhiêu.

Ngọn lửa trên bấc cứ cháy mãi, soi rõ nhữ cuộn khói nhang eo lá lướt qua, sáng rúc trong tâm tư ba cô cháu gái. Hằng Phương tự nghĩ về kỳ bải trường tới, cô bé sẽ đọc truyện tàu cho nội nghe, nói thơ Lục Vân Tiên, Phạm Công Cúc Hoa cho nội giải muộn. Dầu sao, cô bé cũng đã biết đọc, biết viết rồi, và may mắn khỏi bị mù chữ. Nội đã hấp đèn chong ở bàn thờ Phật là cầu cho các cháu học hành sáng dạ thì tại sao Hằng Phương không biết đọc truyện cho nội nghe để nội đỡ vất vả vì phải mượn chị Tám Hồ ở cuối xóm đọc truyện cho nội giải muộn lúc nội rảnh rang. Ngọn đèn ở bàn Phật đã rọi một ánh sáng vào tâm hồn Hằng Phương. Đó là ý tưởng đưa nội vào các tâm gương trung, hiếu, tiết, nghĩa rải rác trg truyện tàu, truyện thơ mà vì mù chữ, nội muốn xem mà khó tìm dịp xem một cách dễ dàng.

Hồ Trường An



cặp giò nó cho nó té ngã, tay trái con cầm tay trái nó vắn treo, còn tay mặt con lọi vào ba sườn nó. Nó đau điên, tá hỏa tam tinh; thừa dịp đó con ngồi lên lưng nó, xáng cho nó mấy bạt tai cho nó xiêng liêng, luôn tiện con móc ruột nái nó lấy tiền trả cho thằng Ngoc.

Ai này đều cười rộ lên. Mà em xen vào:

- Được rồi, con chạy tội cũng có lý. Để rồi ba má hỏi lại, nếu con lẻo lự đặt điều là sẽ lãnh một trăm cái roi mây. Còn thêm một tội nữa là con dám viết thơ tình dùm cho cô Hai viết xong mỗi bức, con đòi cô trả cho con năm xu. Con còn con nít, hi mũi chĩa s a c h, biết ai tình ai tiếc gì mà viết thư? Con bày đặt chuyện mèo mả cho người khác, xấu lắm. Mà cũng kỳ, nó mà biết văn chương, văn hoa gì mà viết thư chớ? Cái thư con nít gì mà tình quái, ranh mãnh vậy cả?

Em định chánh liền:

- Con ăn cắp văn trong tiêu thuyết của hai ông Hồ Biểu Chánh và ông Phú Đức. Con đâu có đòi tiền; tại cô Hai thấy con viết thư mùi tởm ở trường sống nên mới cho con tiền để mua lược cái và chỉ thêu.



Chị Mỹ Nam, hồi còn bé, sợ đi em tình quái, nghịch ngợm như vậy là tại em yên chí mình xấu xí, lớn lên chẳng có ma nào đi coi mặt, chẳng có anh chàng nào tổ tình hoặc câu hôn. Vậy mà từ khi được làm bạn thân với chị, em mới biết mình "cũng không đến nỗi n à o". Chị dạy em những cử chỉ, những dáng điệu để lôi kéo sự chú ý của mấy anh nam sinh ở trường nam tại tỉnh nhà. Chị dạy em tĩa bột dưới chân mày mọc hờn. Chị dạy em mượn may những chiếc áo ôm eo ôm ngực cho thân thể được vẻ mềm mại, duyên dáng. Bà ngoại hải lòng

- Càng lớn lên con Châu cũng ra vẻ yêu điệu đó chớ.

Chị còn nhớ chút, cô lần gánh xiếc Tạ Duy Hiền ở ngoài Bắc vào Qui Nhơn. Họ che lều trên sân Xóm Bầu để trình diễn. Đó là gánh xiếc lớn nhất ở đất Bắc. Em rủ Bạch Trang đến xem những khi tới rạp, em phải thú thiết với nó rằng em không có tiền. Em nói cứng:

- Mấy cứ đứng đây. Tao lại đóng chủ gác cửa. Tao làm sao thấy kệ tao miễn tội mình vào xem hát được thì thôi.

Bạch Trang không biết nói sao, đứng ngơ ngẩn, mặt buồn hiu, sau khi nguyệt em một cái toé lửa. A đâu cô lạ gì tật nói lão của em; lão thiên, lão địa từ Bà Rịa lão vô. Trong rạp, tiếng vỗ tay rền như sấm. Bạch Trang quĩnh lên, giục em:

- Mau lên Châu. Họ đã trình diễn rồi đó.

Em đi lại gần chủ gác cửa. Thấy chủ mập lù, gương mặt hung dữ mà em phát ngán. Nhưng em cố bặm gan đến trước mặt chủ, cười mơn:

- Chú có cần châu giúp gì không?

Chủ gác cửa lạnh lùng lắc đầu. Em vẫn cười thiệt tươi:

- Chú à, chú có muốn châu làm trò cho chú coi hay không?

Chàng đỡ chú trả lời rằng chịu hay không chịu, em ngồi xuống ôm hai chân và lộn mềo rồi chống hai tay xuống đất, đưa hai chân lên trời, nhưng vẫn giữ cho đầu không khỏi mặt đất. Và với cái tư thế đó, em xê dịch bằng tay, miệng tĩa lia:

- Nè chú, đây là trò trồng chuối ngược. Chú coi được không?

Chủ ta cười lớn và vỗ tay khen:

- Chà chà, con bé này giỏi quá, làm trò xiếc được lắm. A, còn trò gì nữa không? Thứ biểu diễn xem nào.

Còn nhiều nữa. Nè chú xem đây.

Em lấy cây tre đang chắn ngang cửa, tay mặt em cầm một đầu cây, chân mặt đá vào đầu cây kia. Khi cây tre văng ra, em lấy tay mặt chụp cây lại và múa may tự tung ngũ h o à nh. Tiếng vỗ tay chung quanh em dòn dã. Thử ra, những khán giả đến trẻ còn đứng lại xem em giờ trò khi. Nhưng họ cũng không quên thưởng tiền cho em. Thế là em có đủ tiền mua hai cái vé và còn thừa tiền để mua bánh kẹo nhai ngau ngáu suốt buổi trình diễn.

Chị Mỹ Nam, đó chị xem. Từ nhỏ, em đã có thiên bẩm khác thường như vậy. Đó là báo hiệu em phải xông xáo một khi lửa khởi gia đình để bước ra đời lập nghiệp.

Chị còn nhớ chăng một buổi chiều chửa nhứt trên bãi biển Đồ Sơn? Lúc đó, mặt trời đã chìm dần sau núi, ánh hoàng hôn chiếu sáng nền trời màu cam và làm cho núi trở thành màu đen, cánh rừng biến thành vết mực tàu. Ngoài khơi, sương khói bay lảng vảng. Trên Hòn Dâu, ánh đèn chớp tắt liên hồi. Chị em mình cùng ngồi trên bãi cát, ngắm trời nước mênh mông. Em đang mơ lại bãi biển Gành Ráng ở quê nhà. Chị ngồi sát bên em, nhìn cánh bướm thấp thoáng ngoài khơi, nước mắt rưng rưng:

- Châu đi, không có gì suong sướng hơn khi còn sống với cha mẹ. Tôi đã xa nhà hai năm rồi để theo chồng. Như Châu biết, chồng tôi là người Pháp; con gái mà lấy chồng địch thì bị làng nước khinh rẻ. Cảnh nhà tôi gặp hồi ly tán. Ba tôi lấy vợ bé, mà tôi mắc bệnh rồi từ trần. Anh Thành tôi đi qua bên Tây đâu quân đánh tụi giặc Đức. Tôi sống chính chồng. Còn có ai thân thuộc ở Qui Nhơn đâu nữa mà về nơi đó? Mỗi chiều chửa nhứt nào tôi cũng ra bãi biển này để vọng về bãi biển Gành Ráng, để mơ tưởng lại những tầng dứa lông giò, xóm chài với những mái tranh lợp xúp, ánh đèn chớp tắt trên đảo San Hô, hàng thông reo bên bờ cát trắng...

Lúc đó em muốn khóc. Em cũng xa gia đình. Em bỏ gia đình với cha mẹ đã già yếu mà còn phải cuốc xới sỏi rẫy, mảnh vườn để sinh nhai. Em đang tròn mối tình đầu vì hai bên đều

khác tôn giáo, không cùng một giai cấp. Em gồng mình với cuộc kiếm sống khe khắt, làm vợ bé cho một người lớn tuổi, tánh hẹp hòi, ghen tương.

Khi màn trời đổi màu đen sẫm, mảnh trăng thượng huyền nhô lên khỏi mặt biển và t h ù y triều lên khỏi một khoảng cát xa, hai chị em mình ngậm ngùi ra về. Chiếc xe ô tô c h a y lằm lụi dưới bầu trời chan hòa ánh trăng và nạm sao lấp lánh. Từ Đồ Sơn, chị lái q u a Kiên An, băng qua Cầu Bào tức là xóm Khâm Thiên rồi về tới khách sạn Yên Tân. Em đã khóc trên vai chị suốt lộ trình khi nghĩ đến những ngày phải đường đâu sắp tới.

Chị Mỹ Nam, giờ đây em ở kinh đô ánh sáng Paris. Em đâu có một bãi biển để hưởng vọng về Gành Ráng. Em đâu còn bên vũng niềm tin để trở về khu xóm chài bên bờ biển thướt ầu thơ. Đáng rắng em luôn tin tưởng sẽ trở về Việt Nam, những người thân thuộc ở cố hương lớp thì chết, lớp xiêu lạc, còn ai ở đó để em về thăm?

Ở bên Mỹ, chị chắc được tin tức con Ngọc và con Ân là bà con bạn dì của em? Chị còn nhớ Ngọc là dâu của ông thượng gia Lâm Thanh Căn ở đàng Gia Long, thị xã Qui Nhơn? V à o khoảng năm 1970, hai cô con gái của Ngọc làm cho số Mỹ và gia đình họ cuốn gói qua Mỹ trước ngày 30.04.75. Vào năm 1972 em có về lại Qui Nhơn thăm con Ân, những năm ngoài một vài bạn bè em cho em biết nó cùng với gia đình đi chui được và hiện đang định cư bên Mỹ.

Khi nào có dịp đến Paris nghỉ hè, xin chị nhớ ghé thăm em. Hai bà già mà cùng ngồi nhắc chuyện xưa, chắc chắn là thú vị. Chị, qua tâm ảnh vừa gói cho em, háy còn đẹp, nếu hóa trng khéo cũng có thể leo lên sân khấu bỏ túi nào đó để thủ vai Hàn Tô Mai. Riêng em, s ứ c khoẻ em hao hực nhiều, chắc không thủ vai nữ tướng nơi đâu. Còn hơi sức đâu mà hét, m à cất giọng ròn rảng để thướng lên ngựa? Em cũng không còn phần khởi đồng vai hề, tướng cướp, chọc cười khán giả.

Mỗi kỳ Tết, ở quận Paris 12, nhóm Phong Trào Thanh Niên Hành Động Xã Hội có tổ chức tiệc tất niên. Buổi lễ có chào quốc kỳ, có phút mặc niệm các anh hùng vị quốc vong thân. Những khi đốt hương trên bàn thờ tổ quốc, vốn là niên trướng, em được cử ra niệm hương. Mỗi lần thấp hương là mỗi lần em khóc không sao cưỡng được. Ngày về sao mà thăm thăm, chị Mỹ Nam ơi! Nhưng nếu không tin tưởng nó thì cuộc đời chúng ta còn có gì để bám víu nữa đâu? Em đứng bết nghe chị. Nhớ viết thư cho em đều đều.

Thương nhớ chị nhiều  
HUYỀN CHÂU

# Trang Giáo lý GDPT Bậc Chánh Thiện

## Mười hai NHÂN DUYÊN

### I.- ĐỊNH NGHĨA CHỦ NHÂN DUYÊN

1). Nhân duyên: Năng lực phát sanh làn nhân các trợ duyên giúp cho năng lực được phát sanh là duyên. Ví dụ: Hạt cam có năng lực phát sanh cây cam là nhân: đất, nước, không khí, ánh sáng v.v... là những trợ duyên giúp cho hạt cam được phát sinh và trưởng là duyên.

2). Duyên sanh hay duyên khởi: Nhân duyên cũng có nghĩa là duyên sanh hay duyên khởi

a- Duyên sanh: là chỉ cho sự vật khi đủ duyên thì được phát sanh. Ví dụ: Cái trứng là do đủ các duyên (tức các nguyên liệu) như đất sét, nước, ánh nắng mặt trời, nhân công v.v... giúp nhau tạo thành cái trứng.

b- Duyên khởi: là chỉ sự quan hệ, sanh khởi của sự vật. Sự vật sanh khởi đều có quan hệ và làm duyên sanh khởi cho nhau. Ví dụ: Cây cam có quan hệ đến hạt giống cam, và chính hạt giống cam đã làm duyên sanh khởi cho cây cam. Trái cam có quan hệ đến cây cam và chính cây cam đã làm duyên sanh khởi cho trái cam. Sự vật, cái này quan hệ với cái kia, cái kia quan hệ với cái khác... và cũng như thế, cái này làm duyên sanh khởi cho cái kia, cái kia làm duyên sanh khởi cho cái khác v.v... (trùng trùng duyên khởi). Do sự quan hệ và sanh khởi như vậy, mà sự vật được thành tựu.

### II.- HÀNH TƯỚNG MƯỜI HAI NHÂN DUYÊN

12. Nhân duyên là Vô minh, Hành, Thức, Danh sắc, Lục nhập, Xúc, Thọ, Ái, Thủ, Hữu, Sanh, Lão tử.

1). Vô minh: Mê lầm, tối tăm, không sáng suốt. Nghĩa là đối với ngoại cảnh (sự vật) không nhận chân được thực tướng của chúng là giả dối, vô thường mà cho là thực có, là vĩnh viễn; đối với nội tâm không nhận chân được tự tâm là thanh tịnh, luôn luôn quay cuộn theo vọng tâm phân biệt (ý thức). Nhân thức

mê mờ như vậy gọi là vô minh. Chính vô minh này là nguồn gốc gây nên mọi kết quả khổ đau cho nhiều đời nhiều kiếp và nó là căn bản của 11 môn sau này:

2). Hành: Hành động chỉ cho những nghiệp lực của phiền não. Vì nhân vô minh nên có những hành động bất thiện, sai lầm và chính những hành động này, là sợi giây gút chặt ta vào vòng đau khổ.

Hai môn Vô minh và Hành trên đây, nếu đem phối với nhân quả 3 đời thì chúng thuộc về nghiệp nhân quả khứ. Nghĩa là, do hai môn này làm nhân để kết thành quả báo trong hiện tại.

3). Thức: Vọng thức phân biệt. Nghĩa là do Vô minh và Hành ở trên, nên kết thành những sự phân biệt, hiểu biết sai lầm. Vì sự hiểu biết, phân biệt này, nên chấp có năng có sở. Năng là mình, sở là ngoại vật. Do sự chấp trước này nên sinh lòng bảo thủ thân mạng và những tâm niệm vui, buồn, thương, ghét... cũng do đó mà sinh ra.

Thức này là một trong 3 điều kiện cần yếu "thọ, noãn, thức" để thọ thai và tạo thành thân mạng.

4). Danh sắc: Danh sắc là tổng báo thân của loài hữu tình khi còn ở trạng thái tạng. Nhờ có tâm thức (danh) và tinh huyết của cha mẹ (sắc) hòa hợp tương tựa với nhau, nên thai chất mới dần dần được sanh trưởng, không bị tiêu diệt.

5). Lục nhập: Sáu trần tiếp nhập với sáu căn gọi là Lục nhập. Nghĩa là sáu căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) của cái thai tuy chưa trực tiếp tiếp xúc sáu trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) bên ngoài, nhưng có thể gián tiếp tiếp xúc do sinh khí sáu trần của người mẹ truyền vào nuôi dưỡng, do đó thai mới sống và được sanh trưởng.

6). Xúc: Xúc chạm đối đãi. Nghĩa là s a u khi thái chất rá đổi, các giác quan (căn) đã tiếp xúc với ngoại cảnh (trần), nhưng vì còn nhỏ, các giác quan còn yếu, chưa có thể tiếp nhận và phân tích ngoại cảnh 1 cách đầy đủ và tinh tế được, nên trong g i a i đoạn này gọi là xúc.

7). Thọ: Lãnh thọ. Đây là giai đoạn đứa bé đã được 7, 8 tuổi kể từ khi ra đời. Bây giờ vẫn tiếp thọ ngoại cảnh đã có p h ã n tiến bộ nghĩa là đứa bé đã biết tủi khóc trước những điều trái ý, biết vui c ứ b i trước những cảnh vừa lòng v.v... Năm môn thức, danh sắc, lục nhập, xúc, t h o trên đây, nếu đem phối với nhân quả 3 đời thì chúng là quả báo hiện tại do nghiệp nhân quả khứ vô minh, hành gây nên.

8). Ái: Tham ái. Đã biết khóc tủi t r úc những điều trái ý, biết vui cười trước nhữ cảnh vừa lòng, như thế tức là đã biết vui buồn, thương ghét và do đó sinh lòng tham ái, đắm trước theo những gì tốt đẹp ưa thích, ruồng bỏ những gì xấu xa chán ghét.

9). Thu: Giành giữ lấy. Nghĩa là do lòng tham ái, đắm trước nên những gì tốt đẹp ưa thích thì cố giành giữ lấy, và chính vì sự giành giữ này mà gây nên muôn vàn tội lỗi vậy.

10). Hữu: Hậu hữu. Nghĩa là do hai môn Ái và Thu làm nghiệp nhân, nên phải tiếp nối thọ sanh thân hậu hữu; để chịu những quả báo sanh tử đau khổ trong 3 cõi. Ba môn: ái, thủ và hữu sau đây, nếu đ e m phối với nhân quả trong 3 đời thì 3 môn này thuộc về nghiệp nhân hiện tại để tạo lấy quả báo Sanh, Lão, Tử ở tương lai.

11). Sanh: Sanh mạng. Chi chung cho tổng báo thân của loài hữu tình (tâm và sắc); trong ấy gồm cả thể chất (vật lý) và tinh thần (tâm lý) sống còn trong một thời gian tùy theo hành nghiệp của sinh mạng ấy quyết định.

12). Lão tử: Lão là chỉ cho giống s i nh mạng đã hầu tàn. Đến giai đoạn này t h ã n thể đã mòn mỏi, tinh thần đã suy nhược, tất cả sinh lực trong người đã dần d ã n khô cạn. Tử là chết, là kết chung g i ò ng sinh mạng của một đời người. Hai môn sanh, lão tử trên này, là quả báo đời vị lai vậy.

### III. - PHÂN LOẠI VÀ CÔNG NĂNG MƯỜI HAI NHÂN DUYÊN

#### 1). Phân loại

a- Hoặc: Là chỉ cho trạng thái mê mờ của tâm lý, nên nhân định nội tâm, n g oai cảnh rất sai lầm, không sáng suốt. Vô minh ái, thủ là phản ảnh của tâm lý ấy.

b- Nghiệp: Chỉ cho những hành đ ò ng sai lầm phát ra ở thân, tâm. Hành và hữu là phản ảnh của những nghiệp động tác ấy.

c- Khô: Quả báo đau khổ do n g h iệp nhân mê mờ (vô minh, ái, thủ) và hành đ ò ng sai lầm (hành, hữu) gây nên. Thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, sanh, lão tử là quả báo phản ảnh của những nghiệp nhân mê mờ và hành động sai lầm nói trên.

#### 2). Công năng:

a- Muốn chấm dứt luân hồi sanh tử thì phải đoạn trừ nguyên nhân "hoặc" và "nghiệp". Nghĩa là muốn thoát ly quả báo hiện tại và tương lai, thì phải đoạn trừ nghiệp nhân hữu lậu. Vô minh, hành, ái, thủ, hữu, là những nghiệp nhân hữu lậu. Nhưng nghiệp nhân nếu đã đoạn trừ, thì quả báo thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, sanh, lão tử không còn tiếp nối sanh khởi nữa.

b- Khi đã nhận định sáng suốt nghĩa là vọng tâm không còn sanh khởi và công tu tập để đoạn trừ các nghiệp nhân h ữu lậu (hoàn diệt) nói trên, thì không còn bị trôi lăn vào giòng sanh tử (lưu chuyển) và trí giác sẽ được phát hiện hoàn toàn.

c- Các vị Duyên giác khi còn ở nhân địa tu hành, nhờ chuyên tinh nghiên cứu; quan sát, tu tập theo 12 nhân duyên này mà các nghiệp nhân hữu lậu được đoạn t r ừ, chấm dứt được vòng luân hồi sanh tử và chứng được quả vị Bích Chi Phật (quả vị giác ngộ cao nhất của Tiểu Thừa).

### IV. - PHẬT TƯ ĐỐI VỚI GIÁO PHÁP 12 NHÂN DUYÊN

1). Giáo pháp 12 nhân duyên cho ta thấy rõ sự thật của sự vật. Về không gian sự vật chỉ là sự hòa hợp của tâm lý và vật lý (vô ngã); về thời gian sự vật chỉ là sự nối tiếp giữa quá khứ và tương lai (vô thường). Vì thế, cho nên sự vật không phải là một bản thể cố định (về thời gian) và đơn độc (về không gian).

2). Hiểu rõ những nghiệp nhân căn bản tạo thành sinh mạng và nhận rõ những sự biến đổi của sinh mạng từ đời quá khứ đến đời vị lai.

*xem tiếp trang 78*

# Trợ cấp "GARANTIEFONDS."

Hiện nay chưa có một tài liệu nào cho biết chính xác về tình trạng học vấn và nghề nghiệp của người Việt tỵ nạn tại CHLB Đức. Tuy nhiên theo tin tức của cơ quan Otto Benecke Stiftung, và qua các bản tường trình về vấn đề người tỵ nạn của một số tiểu bang thì tình trạng học vấn và nghề nghiệp của người Việt tỵ nạn không được khả quan lắm. Tình trạng trên thật sự cũng tùy thuộc vào nhiều yếu tố khách quan như tình hình kinh tế, t u ôi tác, hoàn cảnh v.v... Nhưng điều này dù sao cũng là điều đáng buồn, vì nếu d ã n trí là yếu tố quyết định sự phát triển của một quốc gia, thì tình trạng học vấn và nghề nghiệp của một nhóm người thiểu số sống nhỏ trên một nước khác - như n g. Việt tỵ nạn chẳng hạn - cũng đóng vai trò quan trọng trong việc xác định tư thế, việc ổn định đời sống của nhóm người đó ở quê người. Trong một công trình k h ão cứu xã hội về vấn đề người ngoại q u ốc tại thành phố Hannover, người ta đi đến một kết quả khá ngạc nhiên là người Nam Tư (Jugoslawe), dù cũng là thợ khách (Gastarbeiter) như những nhóm người khác đến từ Tây Ban Nha, từ Thổ Nhĩ Kỳ, từ Hy Lạp, ... nhưng cuộc sống của họ rất ổn định, ít gặp khó khăn, được dân Đức công nhận, vì đến hai phần ba số người Nam Tư tại Hannover là thợ chuyên môn (Facharbeiter). Thật sự người Việt tỵ nạn không p h ãi thiếu người có nghề nghiệp, hoặc có trình độ học vấn. Tiếc là nghề nghiệp của đa số không được công nhận. Tinh thần hiếu học của người Việt cũng rất cao. Trừ một số người quá lớn tuổi, hầu như tất cả những người tỵ nạn mới vừa đến Đức đều tỏ ý muốn đi học. Không học chữ thì cũng ráng học cái nghề. Một thời gian sau đó (muốn ban đầu của nhiều người không thực hiện được vì gặp quá nhiều khó khăn trợ cuộc sống mới. Cũng có nhiều người muốn đi học nhưng chẳng biết học gì, ở đâu, ai trợ cấp để giúp các bạn trên giải quyết một phần nào những khó khăn của mình, chúng t ãi

xin trình bày sau đây một số kiến t h ùc cần bản về trợ cấp Garantiefonds.

## 1/ Trợ cấp Garantiefonds là loại trợ cấp gì ?

Trợ cấp Garantiefonds là một loại trợ cấp của Chính phủ Liên Bang dành cho người tỵ nạn còn trẻ và những thanh thiếu niên gốc Đức từ các nước Đông Âu hồi hương. Mục đích của trợ cấp Garantiefonds là để giúp đỡ những người này hội nhập dễ dàng vào đời sống tại đây, nhất là về các lãnh vực học vấn, nghề nghiệp và xã hội.

## 2/ Ai được hưởng trợ cấp Garantiefonds ?

Tất cả những người Việt tỵ nạn (Kontin - gentflüchtlinge) đều được hưởng trợ c ã p Garantiefonds nếu hội đủ các điều k i ện sau.

## 3/ Điều kiện để được hưởng trợ cấp Garantiefonds :

- Kể từ lúc nộp đơn xin trợ cấp Garantiefonds (viết tắt là GF) không được quá 35 tuổi.
- Trong vòng 24 tháng kể từ ngày đến Đức phải làm đơn xin trợ cấp GF.
- Có đủ khả năng theo học một ngành nghề mà bạn xin theo học. Những ngành nghề này phải giúp bạn sau này hội nhập v ão cuộc sống tại đây.

## 4/ Tương quan giữa trợ cấp Garantiefonds và các loại trợ cấp khác.

Trợ cấp GF là một loại trợ cấp thứ y ế u. (nachrangig) so với các loại trợ cấp khác. Bạn chỉ xin được trợ cấp GF để ăn học nếu bạn không nhận được các loại trợ cấp khác (như học bổng Bafög hay trợ cấp của Ty Lao Động). Tuy nhiên trong thời gian bạn chờ đợi các cơ quan khác quyết định về đơn xin trợ cấp của bạn, trợ cấp GF h ãy nói đúng hơn quỹ Garantiefonds sẽ ứng trước cho bạn một số tiền để sinh sống. Thí dụ: Từ khi nộp đơn cho đến khi nhận được học bổng Bafög thông thường bạn phải



chợ ít nhất là ba tháng. Trong thời gian này bạn có thể làm đơn xin các cơ q u an phụ trách về trợ cấp GF ứng trước cho bạn một số tiền sinh sống. Điều kiện để nhận được tiền ứng trước là bạn phải nộp giấy chứng minh đã làm đơn xin học bổng Bafög. Trong trường hợp học bổng Bafög (hay các loại trợ cấp khác) ít hơn mức trợ cấp GF, bạn có thể nộp đơn xin số tiền sai biệt tại các cơ quan phụ trách về trợ cấp GF.

#### 5/ Có thể xin trợ cấp Garantiefonds để đi học những ngành gì ?

Bạn có thể nhận được trợ cấp GF nếu bạn:

a) đi học nghề (Berufsausbildung) theo chương trình học nghề đã được quy định, kể cả việc đi làm thực tập để đi học nghề

b) đi học tại các trường phổ thông, các trường dạy nghề (allgemeinbildende Schule berufsbildende Schule und schulische Lehrgänge), hoặc tham dự các khóa học tiếng Đức, các khóa học ôn lại kiến thức văn hóa của mình. Bạn sẽ không được hưởng trợ cấp GF nếu bạn đi học trường Grundschule và trường Hauptschule. Có trợ cấp ngoại lệ nếu bạn đi học các trường đặc biệt dành cho người ngoại quốc hay ty nạn như Förderschule, Förderinternat (để lấy Hauptschulabschluss).

c) tham dự các khóa tu nghiệp (Fortbildung) dành cho những người đã có n g h ề nghiệp, những cần tu nghiệp, bổ túc k i ến thức chuyên môn thêm để đi làm việc, hay để đạt đến trình độ nghề nghiệp cao hơn. Bạn chỉ được tham dự các khóa tu nghiệp này, nếu nghề cũ của bạn tại Đức khi được công nhận tương đương, hay là vì lý do chính trị tại Việt Nam bạn không thể đi học những khóa tu nghiệp thuộc loại này. Các khóa tu nghiệp trên phải được các cơ quan liên hệ công nhận.

d) tham dự các khóa chuyển nghề (Umschulung), nếu bạn ở Đức không thể đi làm lại nghề cũ của mình, hay là vì lý do c h ính trị tại Việt Nam bạn không thể đi học được nghề trên.

e) tham dự những khóa học Đức ngữ đặc biệt để đi học nghề hay để đi làm.

f) tham dự những khóa học để đi học Đại học, chẳng hạn các khóa Đức ngữ, các lớp Dự bị Đại học, các khóa luyện thi Tú tài đặc biệt...

g) đi học Đại Học.

h) tham dự những khóa học Đức ngữ đặc biệt dành cho những người đã tốt nghiệp

Đại học ở Việt Nam để đi làm lại nghề cũ của mình.

Cơ quan Otto Benecke Stiftung có trách nhiệm xét cấp trợ cấp GF cho những khóa học từ f) đến h). Những khóa học khác từ a) đến e) là lãnh vực trách nhiệm của Thành phố hay Tỉnh (Landkreis).

#### 6/ Thời gian được hưởng trợ cấp Garantiefonds.

Thời gian được hưởng trợ cấp GF tối đa là 36 tháng kể từ khi nhận được trợ cấp, hay nói đúng hơn kể từ ngày bắt đầu khóa học (ngoại lệ là 48 tháng nhưng rất rất hiếm). Điều này có nghĩa là thời gian chờ đợi giữa các khóa học cũng bị tính vào thời hạn 36 tháng trên.

Thí dụ: Sau khóa học tiếng Đức căn bản 8 tháng bạn phải ở nhà 4 tháng chờ đi học những khóa học khác. Trong thời gian chờ đợi này bạn không được hưởng trợ cấp GF. Dù vậy thời gian 4 tháng chờ đợi vẫn bị tính vào thời hạn 36 tháng của trợ cấp GF. Vì tính chất giúp đỡ hội nhập của trợ cấp GF, bạn sẽ không nhận được trợ cấp này nữa sau 60 tháng kể từ ngày bạn đến Đức. Bạn cũng không nhận được trợ cấp GF nếu bạn bỏ ngang khóa học của bạn mà không có lý do chính đáng. Trong trường hợp bị b ị nh hay sinh để có những điều quy định riêng.

#### 7/ Trợ cấp Garantiefonds gồm có những khoản nào ?

Trợ cấp Garantiefonds gồm có:

- tiền học (Ausbildungskosten)
- tiền sinh sống (Kosten des Lebensunterhalts)
- và tiền nhu cầu đặc biệt (Sonderbedarf)

#### 7.A/ Tiền học gồm những khoản tiền gì ?

Tiền học gồm có:

- a) tiền trường, tiền học thêm, tiền lệ phí thí cử
- b) tiền mua sách vở (tối đa 15 DM 1 tháng)
- c) tiền sắm dụng cụ để học (tối đa 15 DM một tháng)
- d) tiền xe đi học và tiền xe về t h ần gia đình (nếu đi học xa nhà)

#### 7.B/ Tiền sinh sống gồm có những khoản tiền gì ?

Tiền sinh sống gồm có:

- a) tiền ở (Unterbringung)
- b) tiền ăn (Verpflegung)

c) tiền tiêu(notwendige persönliche Bedürfnisse)

. Những bạn nào trên 16 tuổi ở chung với cha mẹ trong thời gian đi học chỉ được lãnh tiền ăn tiêu mỗi tháng là 125,00 DM (nếu thiếu Ty Xã hội sẽ bù thêm).Tiền nhà không được cấp.Những bạn nào dưới 16 tuổi cũng có trường hợp trên thì không được nhận tiền sinh sống.Điều này đối với nhg gia đình đang sống nhờ vào trợ cấp xã hội không quan trọng.

. Những bạn nào phải đi học xa, không thể ở chung với cha mẹ, thì được lãnh tiền ăn tiêu mỗi tháng với mức gấp đôi số tiền tiêu chuẩn hàng tháng để sống của trợ cấp xã hội(xin xem bài Trợ cấp xã hội trong báo Viên Giác số 19).Ngoài ra bạn sẽ được lãnh trợ cấp tiền nhà theo tiêu chuẩn sau

- 140 DM một tháng nếu nơi bạn ở không có trường Đại học.
- 160 DM một tháng nếu thành phố bạn ở có trường Đại học.

Có trường hợp ngoại lệ nếu tiền thuê nhà của bạn cao hơn mức trên.Nếu tiền thuê nhà của bạn thấp hơn mức trên thì bạn chỉ nhận được số tiền thuê nhà thực sự của bạn.Ngoài ra nếu nhận được tiền trợ cấp thuê nhà(Wohngeld) bạn phải hoàn trả số tiền trợ cấp đó cho cơ quan cấp GF.

. Trong trường hợp bạn ở trong một trường nội trú(Internat) thì bạn chỉ nhận được tiền tiêu với mức một phần ba của tiền tiêu chuẩn hàng tháng để sống của trợ cấp xã hội.Tiền ăn ở của bạn sẽ được cơ quan có trách nhiệm chuyên trách cho trường nội trú.

. Những bạn đi học nghề và nhận được trợ cấp học nghề của Ty Lao động(Thí dụ: trợ cấp B A B), hay tiền học nghề của chủ hãng thì sẽ không nhận được tiền sinh sống của trợ cấp GF.

7.C/ Tiền nhu cầu đặc biệt gồm có những khoản tiền nào ?

Tiền nhu cầu đặc biệt gồm có tiền để trả các lệ phí phiên dịch, thi thực, công nhận bằng cấp, tiền bảo hiểm sức khỏe... Để hiểu rõ thêm về cách tính tiền trợ cấp GF xin bạn xem các thí dụ sau :

Thí dụ I: Anh A(20 tuổi) sống với n g ười anh ruột tại Stuttgart(tiêu ban Baden-

Württemberg) và đang theo học khóa Đức ngữ căn bản tại trường Volkshochschule.Anh A nộp đơn xin trợ cấp GF tại Ty Xã hội Thành phố Stuttgart và nhận được trợ cấp GF hàng tháng như sau:

tiền học phí(thí dụ)	20 DM
tiền sách vở( " )	15 DM
tiền đi xe Bus " )	40 DM
tiền ăn tiêu	624 DM
tiền thuê nhà (phần Anh A)	160 DM
tiền bảo hiểm sức khỏe	50 DM

Tổng cộng ... 909 DM

Sau khi học xong khóa Đức ngữ Anh A xin đi học trường Berufsschule.Thí khi nộp đơn cho đến khi nhập học, anh A phải ở nhà 4 tháng. Trong thời gian này anh A lãnh trợ cấp xã hội.Sau khi nhập học, anh A phải làm ở n xin học bổng Bafög.Nếu học bổng Bafög ít hơn số tiền trợ cấp GF(909 DM) anh A sẽ nhận được số tiền sai biệt từ Thành phố.

Thí dụ II: Anh B(16 tuổi) học nghề tại một trường nội trú dạy nghề ở Thành phố München.Anh B nhận được trợ cấp GF hàng tháng như sau :

tiền sách vở(thí dụ)	15 DM
tiền sắm dụng cụ " )	15 DM
tiền tiêu	104 DM

Tổng cộng ... 139 DM

Tiền ăn ở và tiền bảo hiểm sức khỏe được cơ quan liên hệ chuyên trách cho trường nội trú.Nếu so sánh với anh A thì anh B nhận được ít tiền hơn.Nhưng trong việc học thì anh B dễ thành công hơn vì được trường nội trú lo lắng tất cả mọi chuyện : từ ăn ở, giải trí cho đến các thủ tục giấy tờ , dạy thêm, hướng dẫn v.v...

8/ Trường hợp bạn có tài sản hay tiền thu nhập.

Trong thời gian đi học được lãnh trợ cấp GF nếu bạn có tài sản hay tiền thu nhập (chẳng hạn qua việc đi làm thêm), thì tiền thu nhập của bạn sẽ được cơ quan liên hệ tính để khấu trừ.

9/ Trường hợp vợ, chồng, cha mẹ của bạn có tài sản hay tiền thu nhập.

Tài sản và tiền thu nhập của những người có trách nhiệm nuôi dưỡng bạn(vợ, chồng, cha

mẹ) không liên hệ gì đến trợ cấp GF của bạn. Thí dụ: Vợ bạn lãnh được trợ cấp GF dù chồng đi làm có lương đủ nuôi gia đình. Sau 36 tháng hưởng trợ cấp GF mà bạn vẫn còn tiếp tục nhận được GF, thì lúc đó mới có vấn đề tính toán tiền thu nhập của người thân vào việc cấp trợ cấp GF.

#### 10/ Làm đơn xin trợ cấp Garantiefonds ở đâu? Như thế nào?

Tùy theo ngành và khóa học của bạn (xem lại số 5), bạn phải làm đơn xin trợ cấp GF tại cơ quan Otto Benecke Stiftung, hay tại Thành phố, Tỉnh nơi bạn đi học. Nói nhận đơn xin trợ cấp GF thường lấy Xã hội của thành phố hay tỉnh. Theo kinh nghiệm của chúng tôi thì bạn ít gặp khó khăn khi nộp đơn tại các văn phòng đại diện của cơ quan Otto Benecke Stiftung, vì lối làm việc tại đây có tiêu chuẩn rõ ràng, có hệ thống quy củ. Tại các Thành phố, Tỉnh bạn phải chuẩn bị kỹ càng trước khi đi nộp đơn: chẳng hạn giấy tờ phải đầy đủ, đơn phải trình bày rõ ràng. Nhớ đừng quên những chữ sau đây: die Beihilfe nach den Allgemeinen Verwaltungsvorschriften über Beihilfe zur Eingliederung junger Aussiedler, junger Zuwanderer aus der DDR und Berlin (Ost) sowie junger ausländischer Flüchtlinge - 50g. Garantiefonds - (AVV-GF). Đây là "họ tên chính thức" của trợ cấp GF.

Vì trợ cấp GF là loại trợ cấp được cấp phát tùy theo sự quyết định của thành phố, cho nên tốt hơn hết bạn đến một văn phòng cố vấn xã hội dành cho người tỵ nạn, hay người dân gốc Đức hồi hương (Beratungsstelle für Kontingentflüchtlinge für Asylberechtigte, für Spätaussiedler) để được cố vấn hướng dẫn giúp đỡ trước cũng như sau khi đi nộp đơn. Những điều chúng tôi trình bày trên đây là những vấn đề căn bản của trợ cấp GF. Có những trường hợp ngoại lệ, những điều quy định chuyên môn và lối áp dụng những điều khoản quy định về GF trên thực tế chúng tôi trong một bài báo không thể trình bày tất cả được. Địa chỉ các văn phòng cố vấn bạn có thể hỏi các cơ quan làm công tác xã hội tại địa phương như Deutsches Rotes Kreuz, Arbeiterwohlfahrt, Diakonisches Werk, Caritas. Trong trường hợp nơi bạn ở không có các văn phòng cố vấn

trên, bạn có thể biên thư về báo Viên Giác ghi rõ những thắc mắc và nguyện vọng của bạn, chúng tôi sẽ cố gắng giúp đỡ bạn. Nếu không trả lời được thư riêng, chúng tôi sẽ trả lời chung trên những số báo kỳ tới.

#### TÓM LẠI :

Trợ cấp GF là một giúp đỡ quý báu của chính phủ Đức dành cho những bạn mới nhập tịch trên đường học văn cũng như nghề nghiệp. Chẳng hạn những bạn trẻ thuộc lứa tuổi trên dưới 15, 16 có thể xin trợ cấp GF để theo học các trường trung học đặc biệt, các trường nội trú (tiền lệ phí ăn học ở những trường này khá cao) để được hưởng dẫn giúp đỡ tận tình trong việc học. Hay đối với những bạn thuộc lứa tuổi "nửa chừng xuân" (từ 23, 24 tuổi trở lên) muốn đi học nghề, tu nghiệp hay chuyên nghề thì trợ cấp GF là một loại trợ cấp lý tưởng để thực hiện ý muốn trên.

Tuy nhiên bạn cần lưu ý rằng trợ cấp GF chỉ lý tưởng và quý báu cho bạn nếu bạn biết "xử dụng" nó. Vấn đề rắc rối ở đây là trợ cấp GF chỉ được cấp trong vòng 36 tháng và chấm dứt sau 60 tháng kể từ ngày bạn đến Đức. Nếu không biết tính toán hoạch định cho mình một chương trình học rõ ràng thì thời gian 36 tháng quá ngắn để bạn thực hiện được ý muốn của mình. Trong trường hợp lý tưởng bạn phải chuẩn bị, lập cho mình một chương trình ăn học ngay từ khi mới đến nước Đức. Điều này đối với một số bạn đã quá trẻ, những bạn có thể giúp đỡ hướng dẫn cho thân nhân bạn bè của mình mới vừa đến Đức. Chúng tôi tin rằng, nếu bạn và thân nhân của bạn có khả năng, cố ý chí và lập kế hoạch đúng thì trợ cấp GF sẽ giúp các bạn thành công.

Một điều sau cùng không kém quan trọng bạn cần lưu ý là nên "xử dụng" trợ cấp GF cách hợp lý, đúng với mục đích và ý nghĩa của nó. Như đã trình bày ở trên, trợ cấp GF tương đối rộng rãi, có thể giúp bạn yên tâm học hành không lo nghĩ về vấn đề tài chánh. Điều này cũng có thể đưa đến ý nghĩ nguy hiểm là trợ cấp GF có thể giúp bạn có tài chánh, mà không cần lo nghĩ đến việc học; hoặc lúc lập cho mình một chương trình học thì yếu tố tài chánh là yếu tố quyết định; thời gian học, ngành học, mục tiêu học chỉ là vấn đề phụ. Gần đây cơ quan Caritas vừa phổ biến một bản duckết

công tác làm việc xã hội giúp đỡ người tỵ nạn Đông Nam Á (hay nói đúng hơn là người Việt vì người Cam Bốt và người Lào là thiểu số không đáng kể) tại tiểu bang Nordrhein-Westfalen. Một trong những nhân xét của các nhân viên xã hội Caritas là trợ cấp của chính phủ Đức dành cho người tỵ nạn Á Châu quá dồi dào, đã đưa đến những kết quả không tốt như thái độ không thích đi làm việc, không thích hoạt động. (Cũng theo bản đức kết trên một trong những nguyên nhân đưa đến việc giảm thành tích học hành của học sinh tỵ nạn tại một sở trường trung học Förderschule ở Köln là trợ cấp dồi dào G.F). Và một trong những đề nghị của họ là giảm bớt tất cả các loại trợ cấp, từ Arbeitslosengeld, Arbeitslosenhilfe cho đến trợ cấp G.F, xuống ngang với mức trợ cấp xã hội để người tỵ nạn khỏi có tính ỷ lại, không chịu đi làm việc. Chúng tôi hoàn toàn không đồng ý với quan điểm của nhân viên xã hội Caritas tại tiểu bang Nordrhein-Westfalen. Những nhân xét chủ quan một chiều, những nhận định dựa trên căn bản lấy thiểu số làm tiêu biểu cho đa số của nhân viên Caritas chúng tôi không muốn phân tích ở đây. Dù sao sự kiện này cũng làm chúng tôi phải suy nghĩ nhiều. Trong hoàn cảnh kinh tế khó khăn hiện tại, không ai lấy làm ngạc nhiên nếu những điều khoản quy định về trợ cấp G.F được thay đổi lại như trước năm 1979. Đó là trợ cấp G.F chỉ dành cấp cho những người dân gốc Đức hồi hương (Spätaussiedler) và những người được công nhận tỵ nạn chính trị (Asylberechtigte). Dân tỵ nạn Việt Nam (Kontingentflüchtlinge) không được hưởng đặc quyền trên. Đây là 1 điều thiệt hại lớn cho tập thể người Việt tại CHLB Đức.

Quyền lợi bao giờ cũng đi đôi với bổn phận. Chỉ nghĩ đến quyền lợi mà quên bổn phận không sớm thì muộn quyền lợi cũng sẽ bị mất. Không những mất quyền lợi của cá nhân mình, mà đến cả quyền lợi của thân nhân, của những người Việt sống đến Đức, của tất cả người Việt trên nước Đức này. Bạn nghĩ sao ?



### THÁNG TƯ ĐEN

*Tháng tư làm thơ đen  
Trong vườn đầy tuyết trắng  
Ai ? Đắm đôi chân gầy  
Mang đa phiên cay đắng*

*Trời tháng tư không nắng  
Trong căn phòng im lặng  
Với đôi bàn tay gầy  
Viết lên đầy trang giấy*

*Tháng tư ngày ngục tù  
Mắt em buồn ứ rừ  
Nông trường kinh tế mới  
Giờ hồn ai yên ngủ !*

*Tháng tư ngày điêu linh  
Đánh mất ánh bình minh  
Trên hoa đồng cỏ chết  
Tan nát cả gia đình*

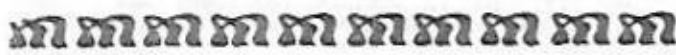
*Tháng tư giờ lại đến  
Còn có nhớ ? hay quên !  
Quê hương mình đau khổ  
Người giết người từng đêm*

*Tháng tư năm Ất Mão  
Rách nát mảnh dư đồ  
Do bọn người mãi quốc  
Làm giặc cướp thủ đồ*

*Chín năm trời đau khổ  
Ai ? gục chết chiến hào !  
Người tử binh bại trận  
Ngồi nhặt lá vàng khô*

*Ba mươi tháng tư đen  
Trong sân vườn tuyết trắng  
Viết bài thơ khổ lời  
lấy thành dòng lệ đắng.*

**\*** THANH SƠN (Ravensburg)



## Điểm sách

Cáo thơ lần giờ trước đèn

# Phép lạ trong "Phép lạ của sự TỈNH THỨC"



Nguyễn Đạo

### XIN THỬ

Rằng, xin mượn câu thơ của ông Nguyễn Du làm đề tựa đề mà lúc kết thúc thì n h ở ông Du Nguyễn nói giùm:

Lời quê chấp nhật đồng dài,

Mua vui cũng được một vài trống canh.

Rằng, đây là những tạp ghi của một người trẻ nhân đọc cuốn sách trên (đã tạp thì không có nguyên tác gì cả). Hơn nữa ai đó có lần nói đại ý là: kẻ đọc sách cũng là kẻ hòa điệu cùng tác giả và cùng s á ng tác một lần nữa. Đã sáng tác mà n g uyên tác thì còn gì là sáng tạo.

Rằng bây giờ ta đang mang kiếp sống vong quốc của những người Do Thái trước đây, giữa bao nhiêu cái ồn ào này mà còn cùng bàn luận với nhau được con đường tìm về chân như thế này là đã quý hóa lắm rồi. Ít nhất trong ta vẫn còn cái gì của ta.

Chúng ta đã vượt qua khỏi tai họa của Cộng Sản là một điều may mắn. Nhưng bên cạnh đó ta lại phải đương đầu với 1 thảm họa mới to lớn gấp mấy lần, đó là cái xã hội đầy cảm dỗ của bao thứ vật chất này. Cộng Sản có thể giết chết phần thể xác của ta nhưng không thể nào làm sạch được những gì trong tâm hồn ta. Nhưng nếu cái chung quanh ta hiện nay, ngày một n g ấy hai nó sẽ găm nhâm thật êm dịu và ngọt ngào cả linh hồn mình mà mình không hay. Thứ nghĩ nếu ngày nào đó mình trở về lại Việt Nam với tình trạng đói nghèo n h ư hiện nay thì liệu mình sống nổi không? Phải đề phòng!

Nếu hình ảnh đau khổ của quê hương mình là hình ảnh một con người không cơm ăn áo mặc, không có cả tiếng nói; thì ngược lại hình ảnh một con người của xã hội Âu Châu ngày nay là hình ảnh của những con người hấp tấp vội vã, chơi với chạy theo những đồ vật máy móc, sợ hãi sự t r ở ng rỗng hieu quanh và sợ hãi cả chính mình. Rồi lại có laptop đầy nó bằng Video, băng nhạc Disco, băng những cú chạy xe t h ưc mạng với những chiếc xe thời trang, băng bia rượu vân vân và vân vân. Riết rồi làm phụng tiện ầy chính là mình. Đã có những đồng bào mình ở trong số người đó. Buồn thay!

Ngược lại ở thái cực khác cũng có người muốn tu, nhưng có lẽ chẳng thoát ra cái nô lệ của bao nhiêu thứ phụng tiện c h ưng quanh nên lại muốn tu theo lối cấp t ở c như Computer: bấm một cái nút tâm linh là có thể bay vút lên không như kiểu p h ưm Kungfu. Thật là vạn sự nan giải, bất khả t ư nghị.

Ái bây giờ rồi cũng phải đi làm, hoặc đi học, hoặc lý do này nọ mà bận rộn với công việc của mình. Ngay cả ở chùa cũng thấy lu bu nhiều công việc mới lạ chứ không thông dong tự tại như ngày xưa ở Việt Nam. Bởi vậy phải có phương pháp thích nghi, t h ư mới mong tìm được phép lạ.

Thứ bất chước như người đi câu ngày xưa, dờn Tân bên Tàu, có yui chân bước đến bên Võ Lăng thì mới biết thế giới thần tiên của đám dân tránh nạn bạo Tân ngàn năm về trước, họ sống không liên lạc gì với thế giới bên ngoài; như hai câu thơ của Thượg Sĩ Huệ Trung:

Đi !

Nhược giả bất nhân mê dịch nạn

Hồ vi đắc đảo võ Lăng khê ?

Trúc Thiên dịch :

Ơi !  
Già chẳng mê theo bờ lau lách  
Làm sao đến được bến Võ Lăng  
Bờ lau lách bây giờ thì tràn khắp. Cứ bước  
vào thử xem sao.

### PHÉP LẠ LÀ ĐI TRÊN MẶT ĐẤT :

Có thể do những thói quen phát xuất từ những nhu cầu vật chất chung quanh đã làm chúng ta có khi quên mất cả chính mình. Đó là điều đau đớn không gì bằng ! Cũng có thể chúng ta đã để niềm tin của chúng ta phiêu lưu vượt khỏi cả trí tưởng tượng của chúng ta ! Chúng ta đã đánh mất tất cả những gì từ đời sống, nhân cách và cả Phật-trong-chúng-ta. Đức Phật đã từng dạy: "Kẻ nào nhân ngay lối ta nói không suy xét túc, là kẻ hầy báng ta. Các người phải từ thầy được lên mà đi". Chúng ta đã quá tham lam, không tìm tở ở đạo Phật bằng thái độ của kẻ muốn câu đạo giải, thoát, mà bằng thái độ của kẻ mưu ôn chiêm hủu đạo Phật. Sẽ không có gì cản trở đạo Phật để chúng ta chiêm hủu. Sau 49 năm thông dong đây đó thuyết pháp độ sanh ; đức Phật đã nói: Ta chưa từng nói một lời nào.

Hãy trở về với Phật-trong-chúng-ta.  
"Anh đi những bước đi vững chắc trên con đường đất đỏ hai bên có viền cỏ xanh và khởi CHÁNH NIỆM trong trí anh, ý thức được là mình đang đi trên con đường đó, c q n đường dẫn tới làng. Anh tập trung ý tưởng vào đôi tượng quán chiếu duy nhất ấy: tôi đang đi trên con đường đầu làng. Trời tanh hoặc trời mưa, đường khô hay đường lầy lội anh cũng duy trì chánh niệm. Có người niệm Phật như một cái máy trong lúc tâm ý đi phiêu lưu xa thực tại ngoài ngàn dặm. Tôi nghĩ niệm Phật như thế còn tệ hơn là không niệm Phật..."

... Người ta thường nghĩ rằng đi trên mặt nước hay đi trên than hồng là thực hành phép lạ. Tôi nghĩ phép lạ không phải là đi trên mặt nước hay đi trên than hồng mà là đi trên MẶT ĐẤT. Hằng ngày ta thực hiện phép lạ mà ta thường không hay biết..."  
(trang 19)  
Chỉ đơn giản như thế!

Trong mỗi chúng sanh đều có Phật tánh. Phải cùng nhau đánh thức Phật tánh trong chúng ta để cùng vui trong niềm vui của đạo giải thoát. Đừng cầu mong những phép

lạ kinh thiên động địa của bọn làm trò ảo thuật.

### BỒI THẾ RỬA CHÉN CŨNG LÀ ĐẠO :

Ta cũng gặp trong tác phẩm này anh chàng Steve mà có lần tác giả có nói tới trong "Nẻo về của 9". Câu chuyện như sau: Steve với hai đứa con là Mickey và Zoë. Từ khi cặp vợ chồng Steve-Marie có thêm cháu Zoë thì cô họa sĩ Marie phải buông bút vì cứ phải luôn luôn loay hoay c h o đứa bé. Lo đến độ nửa đêm giắt mình thức giấc và vợ quá mệt nên bảo Steve đến xem chừng thú Zoë còn thở không. Nhiều khi Steve nói: "thì mới một giờ t r ước đây nó đang thở mà! Không lý do gì b a y giờ nó hết thở". Rồi do những thúc bách bức thiết của cuộc sống: phải chia thì giờ đến sở, chơi với con, giúp vợ việc nhà Steve đã tìm ra phương pháp cho mình: "Nhưng bây giờ tôi không còn chia thì giờ như vậy nữa. Tôi lấy luôn thì giờ của Marie và của Mickey làm thì giờ của tôi. Khi tôi học bài chung với Mickey tôi không có ý niệm: Đây là thì giờ tôi dành cho Mickey, sau khi xong việc này tôi mới thật có thì giờ cho tôi. Trái lại tôi tìm cách sống cho tôi trong khi học bài với Mickey. Tôi chia sẻ sự có mặt của nó. Tôi tìm được hứng thú trong khi học bài với nó, và như thế là thì giờ CHO NÓ trở thành thì giờ CỦA TÔI. Đối với Marie, cũng vậy. Bất ngờ tự nhiên tôi có VỐ SỔ THI GIỜ CHO TÔI". (trang 11)

Đó là câu chuyện về một người Tây phương không phải là Phật tử ở cái xứ ngựa x e như nước áo quần như nệm này. Tác giả viết là đã kể câu chuyện trên trong một buổi giảng kinh Quán Niệm và muốn nói là ta cũng có thể học Phật pháp ở cả những nơi không phải là Phật tử:

"Tôi nhớ lại câu nói quen thuộc trong Phật giáo Đại Thừa: Phật pháp tức là thế gian pháp (phương pháp của Phật cũng là phương pháp của cuộc sống) và Phật pháp tại thế gian, bất ly thế gian pháp (phương pháp của Phật áp dụng trong cuộc sống không tách rời sự thực tiễn của cuộc sống). Vậy ta có thể nói: Phương pháp của kinh Quán Niệm cũng dính liền với sự thực tiễn của Steve, phải không?" (trang 13)

Đọc giả chúng ta có thể đọc ở phần s a u của tác phẩm Kinh Quán Niệm và đôi chiếu

với hành động của Steve. Ví dụ đoạn: "... khi đi tới hoặc đi lui, hành giả cố chiều dụng ý thức sáng tỏ của mình về sự đi tới đi lui ấy; khi nhìn trước, nhìn sau, cúi xuống, vươn lên, hành giả cũng chiều dụng ý thức sáng tỏ ấy; khi mặc áo, mang bát, hành giả..." (trang 90)

Đối với cá nhân tôi, là một người đọc, tôi càng tâm đắc hơn câu chuyện của anh chàng người Mỹ Jim Forest và cái thuyết rửa bát này.

"Mùa Đông năm kia Jim qua đây chơi. Tôi thương hay rửa bát sau khi ăn cơm xong trước khi lên ngồi uống trà. Một tối Jim đòi rửa bát. Tôi nói: rửa thì rửa, nhưng phải BIẾT CÁCH rửa. Jim nói: bộ thầy nói tôi không biết cách rửa chén sao. Tôi nói: có hai cách rửa chén. Cách thứ nhất là rửa để cho xong, cách thứ hai là rửa không phải là để cho xong. Jim thích quá nói: tôi sẽ chọn cách thứ hai, rửa để mà rửa thôi. Từ đây Jim hay dành rửa chén. Tôi trao "trách nhiệm" cho anh ta trong cả tuần. Sau đó về xứ, anh đã tuyên truyền chủ nghĩa "rửa bát để mà rửa bát" trong nhiều bài báo. Anh đã tuyên truyền nhiều quá, ngay cả trong gia đình nữa khiến Laura cười bảo anh: ở dưới bếp chỉ còn chén bát sạch, nếu anh thích thì sao anh không xuống đem chén bát sạch ra mà rửa lại một lần nữa đi?" (tr. 14)



Tôi - người viết bài này - không có may mắn đọc được mấy bài báo của anh Jim. Cũng chẳng may gặp cuốn "Phép lạ của sự tĩnh thức" này quá trễ. Mà nếu trước đây có gặp thì chưa chắc tôi đã "thâm" được bài học này, nếu không có thời gian (dù rất ngắn) ở tại chùa Viên Giác. Bếp chùa thì nhỏ, mà lúc nào cũng đầy chén bát... đờ. Từ 5 giờ sáng đã thấy mặt nó rồi. Lúc đầu thì tôi cũng hơi bực mình. Nhưng nhìn lại những người chung quanh như bác B., bác N., cô P. và những người khác rửa vẫn làm hoài, có khi còn nhiều gấp bao nhiêu lần mà cũng vẫn vui vẻ cả. Tôi nghĩ, mình không làm thì

những người khác cũng làm và vui vẻ làm, chừa vẫn tập nập đồng người lui tới, vẫn cứ trở gan cùng tuế nguyệt, có sao đâu. Một Phật, tế ra tôi đã có cơ duyên ở gần nhưg bậc tôn túc của đạo... rửa chén mà tôi có mặt cũng như mù nên chẳng hay biết. Giật mình! Đến bây giờ tôi vẫn cứ thâm ng hí mải, phải chăng chính họ đã thông truyệt được tinh thần Kinh Quán Niệm: khi rửa bát mà ý thức được rõ ràng sự kiện chính mình đang rửa bát, Phải chăng chính họ là những người ý thức được phép lạ trên tất cả những phép lạ: đi trên mặt đất?

Cái ma chướng nào trước đây cứ bám mắi lấy chúng ta. Chúng ta đã về cuộc đời trổ những chiếc khung bát khắ thẳng vọt, chg ta đã bày ra những định kiến và cứ k h ú khự òm lấi nó. Cứ coi Lục Tổ Huệ Năng chỉ bừa củi và bừa củi năm này tháng nọ mà đã đốn ngộ.

Từ bên mê đến cửa tỉnh không thể nào đem ý niệm hình học để đo, cũng không thể dùng đơn vị thời gian mà lường được. Cuộc sống vẫn trôi qua như ngọn đèn bạch lạp, có lúc sẽ tắt. Không từ đến cuối cuộc đời mà cũng đã nói: Trôi chảy mãi đêm ngày không ngừng nghỉ như thế này ư! (thệ giả như từ phù, bát xá trú da); và chính Ngài cũng đã phủ nhận tất cả những gì Ngài đã nói. Trg cuốn Nho Giáo của Trần Trọng Kim có kể câu chuyện (tr. 101):

Ngài (Khổng Tử) bảo thầy Tử Công rằng: "Dư dục vô ngôn" (ta muốn không nói).

Thầy Tử Công thưa: "Tư như bất ngôn, tắc tiêu tứ hà thuật yên" (nếu Phu Tử không nói thì để tư biết nói vào đâu?).

Ngài nói rằng: "Thiên hà ngôn tại! T ú thời hành yên, bách vật sinh yên. Thiên hà ngôn tại!" (Trời có nói gì đâu! Bôn m ù a chuyện vận, trăm vật sinh nở. Trời có nói gì đâu?)

Trời đất vạn vật vẫn xoay vần. Đường t u rộng mở cả tâm vạn bốn ngàn pháp môn, nhg từ chung vẫn từ cái "Tâm Phật Phật tâm" của con người, hay như tác giả đã nói ở trên: "Phật pháp tại thế gian, bất ly thế gian giác". Kể cả chuyện rửa chén cũng vậy...

#### LỜI THUA CUỐI :

Tác giả cuốn sách - Thượng Tọa Nhất Hạnh - là người mà hầu như người Việt nào cũng có lần nghe đến. Thế nhưng tôi có lúc tìm trong nhiều tài liệu về tiểu sử tác giả thì tuyệt nhiên chưa tìm thấy một t a i

liệu nào. Theo chỗ chúng tôi biết thì tác giả là người đã sáng lập Viện Cao Đẳng Phật Học (sau này là Đại Học Vạn Hạnh), sáng lập Phong Trào Thanh Niên Phụng Sự Xã Hội, là giáo sư đại học của nhiều đại học tại Việt Nam, Hoa Kỳ, Hòa Lan. Tác giả có mặt trong mọi lãnh vực: văn hóa, xã hội, tôn giáo. Tác giả đã cho xuất bản nhiều tác phẩm (có lẽ lên đến hàng mấy chục tác phẩm) đủ mọi đề tài từ Triết học, Phật học Xã Hội học v.v... đến văn học, thi ca.

Theo suy nghĩ cá nhân tôi, có lẽ tác phẩm của Nhất Hạnh là tác phẩm được dịch nhiều nhất ra nhiều loại ngoại ngữ khác nhau (không có cứ liệu chính xác). Riêng cuốn PHÉP LẠ CỦA SỰ TỈNH THỨC, CẨM NANG TU THIÊN DÀNH CHO NHỮNG NGƯỜI TRỞ CHUỘNG HOẠT ĐỘNG đã được dịch sang tiếng Anh, Pháp, Hòa Lan, Thái và tiếng Đức. Bản tiếng Đức đang in trên báo Viên Giác do Hermann Schwiewe dịch với tựa đề: Das Wunder, wach zu sein; ein Meditationshand buch.

Sách dày 116 trang. Gồm 3 phần chính. Phần đầu như thể loại tùy bút gồm nhiều tiêu đề nhỏ, ví dụ như Lâm hòa bình với mũi quýt, Hãy là nụ cười, Du ngoạn trên nhũ đọt sống sanh tử v.v... (gồm 19 tiêu đề). Phần hai là ba mươi một bài thực tập về quán niệm, và phần cuối là Trích kinh lục.

Tác phẩm viết thật nhẹ nhàng. Có khi như một lời tâm tịnh, có khi là một mẩu chuyện nhỏ, có khi sắc bén như chiếc dao nhọn vach tan bức màn vô minh của chúng ta. Ngồi đọc nhận thấy rai rác ở cùng khắp, tác phẩm phân trí và hành kết chặt với nhau như một thể đồng nhất.

Tác phẩm đưa ta về con đường sáng tạo: sáng-tạo-lại một thế giới mới trong chính cái thế giới của chính chúng ta; đặc biệt là đối với những người trẻ. Ở đó ta có thể tìm thấy mọi dòng mối chỉ là một mặt trời mỗi mây trôi thoải là một công án Thiền của thời đại hôm nay.

Để kết thúc (vì không biết nói đến bao giờ thì mới hết), chúng tôi xin trích bài thơ Sinh Tử của tác giả (theo Thủ Tâm Dấu Chân Trên Cát). Theo tác giả cuốn T T D C T C, thì bài thơ này được viết trong một buổi họp về tôn giáo ở Tích Lan năm 1974, vì các đại biểu và các lãnh tụ tôn giáo cứ phát biểu lý thuyết quá nên Thượng Tọa ngồi làm bài thơ như sau:

Sinh Tử  
Sinh sinh, sinh tử sinh  
tử sinh sinh sinh tử  
tử sinh sinh, sinh tử  
tử sinh tử, sinh sinh.

Được dịch nghĩa tiếng Việt như sau:

Tử bao nhiêu đời rồi (sinh sinh) sinh tử đã phát sinh (sinh tử sinh).  
Sinh tử này (tử sinh) kéo theo sự phát sinh (sinh) của sinh tử khác (tử sinh).  
Khi quan niệm về sinh tử phát sinh (tử sinh sinh) thì đó là sinh tử (sinh tử).  
Và khi quan niệm về sinh tử mất (tử sinh tử) thì sự sống chân thực mới phát sinh ra được (sinh sinh).

Bài thơ 4 câu, chỉ vận vần 2 chữ sinh và tử. Đáng suy ngẫm lắm thay...

. Nhất Hạnh - Phép lạ của sự tỉnh thức, cẩm nang tu Thiền dành cho những người trẻ hoạt động. Pháp, Lá Bối, 1976.

tiếp theo trang 69

3). Sự vật không phải do tạo hóa, tự nhiên hay vô nhân mà có ra, trái lại sự vật đều do nhân duyên sanh khởi, tồn tại và biến diệt.

4). Tóm lại, khi đã thấy rõ sự thật của sự vật là vô thường (thời gian) vô ngã (không gian) thì có thể từ bỏ được vọng tâm tham trước; hiểu rõ những nghiệp nhân căn bản tạo thành sinh mạng và sự biến đổi của sinh mạng, thì có thể chuyển đổi được nghiệp quả xấu xa trở thành tốt đẹp; và khi đã nhận rõ sự vật chỉ là biến trạng của nhân duyên không phải do tạo hóa v.v... dựng nên, thì có thể cải tạo được cuộc đời đầy khổ đau trở thành an vui tự tại.

Là Phật tử đối với Giáo pháp 12 nhân duyên này, chúng ta cần phải nghiên cứu, quan sát và chuyên tâm tu tập, đồng thời khuyến khích mọi người nghiên cứu, quan sát và tu tập như mình, để cùng được thoát ly sự sống chết luân hồi và được giải thoát an vui.

(còn tiếp)



# thơ



## TRUNG TÂM V.H.P.G.V.N

TRUNG, đại, tiêu thừa ba pháp môn  
TÂM quý thâu đạt đại căn khôn  
VĂN tài đạo mẫu soi tánh Phật  
HÒA ra pháp diệu rọi tâm không  
PHẬT tâm bốn tánh tìm chơn ngã  
GIAO lý tùy duyên thoát sắc không  
VIỆT kiều xa xứ duy trì đạo  
NAM bang chờ đợi Hội Mây Rồng.

\* HÀ PHƯỚC THẢO

## NGÀY KẾT HẠ

Mây lành lấp lánh trăng sao  
Mỗi duyên thì tử ngọt ngào đơm bông  
Phủ xuân triều mộ tịnh phòng  
Đành xin lối hẹn tạ lòng Thi Nhân  
Nam Giao kết hạ tâm chân  
Lần theo ánh đạo vượt tầng biển khơi  
Liên hoa khoe sắc tuyết với  
Tịnh Tâm trăm đóa đón mời cổ nhân  
Bút đào tạ bạn đồng song  
Hột thơ văng bóng gieo vần thư tha.  
Sen tạ Mai thay đã mấy lần  
Vườn thơ lối hẹn với Thi nhân  
Mình niên dư lễ Tam Thiên hiệu  
Khai hạ vào đàn Ngũ Bách xuân.

\* CHUNG ANH  
Sài Gòn 1962

## BÀI KÊ LẦN CHUỐI TRĂNG 108 QUẢ

Quả trước đức Phật Thích Ca  
Ở đầu thương đỉnh độ hoài ai ai  
Bảy quả là thất Như Lai  
Tương niệm tiếp dẫn mọi loài mọi phương  
Tám quả là Bát Kim Cương  
Bốn quả Bồ Tát ngày thường độ ta  
Sáu quả là Lục Ba La  
Tứ bi hỷ xả ấy là thiên lương  
Bốn quả là Tứ Thiên Vương  
Ba mươi ba quả Thiên Đàng chư Thiên  
Mười tám quả chư địa viên  
Thập bát địa ngục cứu miền trầm luân  
Tám quả đồ bát nan thân  
Một quả Thiên địa trọng ân thay là  
Một quả Long thần hộ ta  
Hai quả cha mẹ sinh ra thân này  
Năm quả năm Phật tòa đài  
Mười quả chư Phật ở rày mười phương  
Một trăm tám quả rõ ràng  
Năm ngôi đi đứng, niệm thường niệm lâu  
Trong kinh Phật dạy rất mau  
Hết tin đạo Phật thân sau được toàn.

\* CHUNG ANH sưu tầm

## HƯ KHÔNG

\* THUY KIM (Ravensburg)  
Đỉnh cao, lũng thấp, uai phiến  
Trên cao ta đứng như miền hư không  
Hồn trôi theo gió mênh mông  
Tìm ngôi tịnh Đâu phiêu bồng trời sương  
Tháng Tư đen vạn tang thương  
Những năm lưu lạc tha hương ê chề  
Dư âm vang vọng mỗi mê  
Núi nghiêng nghiêng đứng hồn quê nghẹn lời  
Nhìn theo chiếc lá tàn rơi  
Lạ người, lạ cảnh, mù khơi một mình  
Biển đông giống bão hải trình  
Vực sâu năng rung ân tình với ta  
Thế gian trong cõi ta bà  
Hư hư, thực thực, như là trong mơ  
Gió ơi! xin gọi vần thơ  
Quê nghèo cố quốc hoang sơ tiêu điều  
Tâm thân căn cõi tịch liêu  
Nghe trong vũ trụ những chiều Đông Sơ  
Gẫm suy tuệ gác đến bờ  
Trong tâm hạnh ngộ huyền cơ nhiệm mầu  
Thế gian là cuộc bể dâu  
Lợi danh, cát bụi, công hầu còn không?  
Ngàn xưa cái kiếp phiêu bồng  
Ngàn sau thoát kiếp hư không trở về.

# GIA CHÁNH CHAY

MINH LOAN phụ trách

## Canh khoai mỡ

**A. VẬT LIỆU:** 1 củ khoai mỡ loại trắng  
1 miếng tàu hủ tươi  
200 g chả lụa  
1 lá tàu hủ ky  
1 cây poireau  
1 ít rau om, ngò gai

**GIA VỊ :** Đường, muối, bột ngọt, tiêu, dầu ăn.

**B. CÁCH LÀM:** Tàu hủ bóp nhỏ, poireau xắt nhuyễn. Cho dầu ăn, vào chảo dơi nóng, đoạn để poireau vào khử vàng xong cho tàu hủ vào chà với một chút màu gạch tôm, gia vị đường, muối, bột ngọt, tiêu cho vừa ăn (gia làm tôm băm). Tàu hủ ky chiên vàng từng miếng. Bắc một nồi nước hên một lít nêm sớ đường, muối, bột ngọt. Khoai mỡ gọt vỏ, rửa sạch nạo bằng dao hay muỗng cũng d ư ợc. Nước sôi, lấy muỗng cà phê múc từng c u c cho vào nồi, phần còn lại một ít thì cho luôn vào nồi khuấy đều tay. Khoai vừa chín tới, cho tàu hủ chà ban này với tàu hủ ky chiên, nêm nêm lại cho vừa ăn, hạ lửa riu-riu. Chả lụa xắt miếng bằng hai ngón tay. Ngò gai, rau om rửa sạch xắt nhuyễn. Xong múc khoai mỡ ra tô sắp lên mặt canh năm bảy miếng chả lụa, bên trên nêm một chút rau om, ngò gai, và sau cùng rắc lên m ộ t chút tiêu cho thơm.

## Tàu hủ kho

**A. VẬT LIỆU:** 1 miếng tàu hủ tươi  
1 cây poireau  
1 trái ớt chín  
1 muỗng cà phê nước màu  
2 muỗng súp nước tương (Maggi)

**GIA VỊ :** Đường, muối, bột ngọt, tiêu, dầu ăn.

**B. CÁCH LÀM:** Tàu hủ xắt từng miếng dày hơn 1 cm, khía chéo sớ trên mặt. Poireau l ắ y phần trắng băm nhuyễn, với ớt gia vị đường muối, bột ngọt, tiêu, nước màu, nước t ứ ợng ướp vào tàu hủ đoạn để hai mươi phút cho thấm. Bắc chảo nóng cho vào 4,5 muỗng súp dầu ăn đoạn cho tàu hủ vào chiên sớ hai mặt xong vớt ra. Phần dầu còn lại t r ơ ng chảo, cho poireau vào khử vàng kế chophần nước ướp tàu hủ còn lại, tiếp đến tàu hủ vào kho chung, ban đầu lửa to, sau bớt lại còn riu riu. Gia vị cho vừa mặn ngọt. Xong múc ra đĩa rắc lên một chút tiêu. Món này ăn với cơm nóng và rau, giá (hoặc rau, cải luộc) rất ngon theo khẩu vị nhà quê.

(Kỳ tới : "GỐI CUỐN")



# Tin tức

● Sau Tết Nguyên Đán và Rằm Tháng Giêng Giáp Tý, thế theo lời mời của Hội Phật Giáo Quan Âm Montréal Canada, nên Đại Đức từ Đức trụ trì chùa Viên Giác Hannover đã đến làm lễ rằm Thượng Nguyên, thuyết pháp và hướng dẫn Quý Đạo Hữu cũng như quý Phật tử nơi đây về cách thức thực tập chuông mõ và giáo lý.

Niệm Phật Đường Quan Âm nhờ vào sự góp công góp sức của bà con Phật tử, nên trong thời gian ngắn đã mua được một khu đất ở khang trang 50m x 30m tọa lạc tại Côte de Neige trị giá 50.000 Canada đô la. Nơi đây rất thuận tiện cho việc lui tới lễ bái, nguyện cầu của đồng bào Phật tử. Hội cũng đang kêu gọi đầu tư, tiến hành việc xây chùa và hy vọng với tiến trình này, Hội sẽ cử hành lễ an vị Phật chùa mới vào tháng 10 sắp đến.

● Trong thời gian lưu trú tại Canada, Đại Đức đã cùng với 40 Đạo Hữu và Phật tử thuộc Niệm Phật Đường Quan Âm đã hành hương đi Ottawa, thăm viếng và lễ Phật tại chùa Từ Ân.

Trước khi rời Montréal để đi Chicago, Đại Đức có ghé thăm chùa Liên Hoa và mạn đàm Phật sự với Hòa Thượng Thích Tâm Châu tại tịnh thất của Ngài.

● Đại Đức Thích Thiện Quang trụ trì chùa Quang Minh tại Chicago cũng đang vận động xây dựng chùa Quang Minh ở địa điểm khác. Nhân chuyến viếng thăm chùa của Đại Đức trụ trì chùa Viên Giác, đã kêu gọi đồng bào Phật tử góp công, sức vào Phật sự thiêng liêng này, đã được đồng đạo đồng bào Phật tử nhiệt liệt hưởng ứng. Chùa Viên Giác tại Tây Đức cũng đã đóng góp vào quỹ xây dựng chùa này 1.000,00DM.

Vào ngày 6.03.84 Đại Đức trụ trì đã về lại Hòa Lan để sau đó về lại Tây Đức.

● Ngày 11.03.84 vừa qua tại Tịnh thất của Ni Cô Diệu Hạnh (Barntrup) có khoảng 70 đồng bào Phật tử từ khắp mọi nơi vân tập về để làm lễ cầu an, thực tập chuông mõ, nghe thuyết pháp và thưởng thức chương trình văn nghệ do các em oanh vũ và thanh thiếu niên Phật tử thực hiện.

Nhân buổi lễ này Ni Cô Diệu An cũng đã kêu gọi bà con Phật tử đồng góp vào việc xây dựng ngôi chùa Viên Giác trong tương lai. Mọi người đã hoan hỷ ủng hộ, cúng dường số tịnh tài lên đến trên 4.000,00DM.

● Ngày 17.03.84 tại chùa Phật Giáo Đức Hamburg có khoảng 70 đồng bào Phật tử đến tham dự buổi lễ Phật đản kỷ. Trong giờ ở thuyết pháp, Đại Đức Thích Như Điển đã diễn giảng phần còn lại của lần trước về "Kiếp sống nhân sinh theo tinh thần Phật Giáo".

● Tại chùa Viên Giác Hannover cứ mỗi tháng 2 lần vào chủ nhật thứ nhất và chủ nhật thứ 3 đều có cử hành lễ cầu an, cầu siêu, sám hối v.v... Lần này nhằm ngày 16.2 âm lịch - tháng có nhiều lễ vía nhất trong năm, nên đã cử hành lễ vía Xuất Gia của Đức Phật thật trang nghiêm trọng thể. Sau lễ vía, Đại Đức trụ trì chùa Viên Giác có giảng về ý nghĩa xuất gia của Đức Phật và tường trình chuyên công du Phật sự tại Canada cũng như Mỹ quốc vừa qua cho đồng bào Phật tử tham dự lễ nghe. Hôm đó có khoảng 50 Phật tử về tham dự lễ.



● Một giới đàn Sa Di và Tỷ Kheo được tổ chức tại chùa Hoa Nghiêm - Pháp - dưới sự chủ trì của Hòa Thượng khai giới của Hòa Thượng Thích Trung Quán, đã được diễn ra vào ngày 25.3 vừa qua.

Đại Đức trụ trì chùa Viên Giác cũng đã đến chùa Hoa Nghiêm và tham gia trong giờ đi đàn này.

● Ngày 31.3 và 1 tháng 4/84 vừa qua Ban Chấp Hành Hội Phật tử Tây Đức đã họp tại chùa Viên Giác nhằm kiểm điểm những hoạt động trong thời gian qua và hoạch định những

chương trình làm việc cho những năm tới, đặc biệt là kỳ lễ Phật Đản sắp đến này.

#### CHƯƠNG TRÌNH THÁNG 4 VÀ THÁNG 5 NĂM 1984

- Vào ngày 7.4.84 sẽ có buổi lễ Phật cho đồng bào Phật tử vùng Uelzen.

- Ngày 14.4.84 sẽ có buổi lễ Phật cho đồng bào Phật tử vùng Stuttgart và phụ cận do Trung Tâm Độc Lập tổ chức.

- Ngày 15.4.84 sẽ có lễ Phật cho đồng bào Phật tử vùng Sindelfingen.

- Cứ 3 tháng 1 lần tại Norddeich có buổi lễ Phật định kỳ cho đồng bào. Lần lễ Phật tới nhằm vào 3 giờ chiều ngày 28 thg 4/84 Kính mong quý vị tham gia đông đủ.

- Bắt đầu tháng 5 cho đến giữa thg 6/84 là mùa Phật Đản - nên chư Đại Đức Tăng Ni tại Đức sẽ tham dự một số địa phương như sau:

- Ngày 5.5/84 Lễ Phật Đản tại Đan Mạch.
- Ngày 12.5/84 Lễ Phật Đản tại Niệm Phật Đường Khánh Hòa - Tây Đức.
- Ngày 13.5/84 Lễ Phật Đản tại Na Uy.
- Ngày 20.5/84 Lễ Phật Đản tại Niệm Phật Đường Quan Âm - Montréal - Canada.
- Ngày 25, 26 và 27/5/84 Lễ Phật Đản tại Hannover.

Tướng cái lương nổi tiếng "Dương G ư ở m Nguyễn Bá" sẽ do các nghệ sĩ tài danh sau đây trình diễn: Chí Tâm, Phương Thảo, Minh Tâm, Tài Lương, Mỹ Hòa, Anh Tuyết, Ngọc Lưu, Hùng Tiến, Hoàng Téo, phần nhạc đệm có Minh Thanh, Thiệu Phong, Trần Ngọc Mỹ. Các kếp phụ có Duy Thăng và Hoàng Trọng. Giấy vào cửa sẽ có tại chùa trước 1 tuần đêm văn nghệ trình diễn. Quý vị ở xa có thể đặt vé trước. Giá vé đồng hạng 30 DM cho mỗi người vào cửa.

Trong 30 DM này được dự tính như sau:

- . 10 DM lo trang trải tiền thù lao cho các nghệ sĩ và tiền phòng ốc.
- . 20 DM ủng hộ việc xây dựng ngôi chùa Viên Giác và Quý vị nào tham gia trong 3 ngày lễ sẽ đóng thêm 20 DM lễ phí cho sự ăn thức và ngủ nghỉ. Nếu chỉ tham gia một ngày sẽ đóng lễ phí 10 DM.

Đề bảo đảm sự yên lặng trong khi lễ Phật và trong đêm cái lương mong quý vị Đ a o

Hữu cũng như những Phật tử đang mang theo các cháu nhỏ dưới 10 tuổi. Vì hàng năm vẫn xảy ra những việc ngoài ý muốn của Ban Tổ Chức. Kính mong quý vị thông cảm cho.

- Ngày 28.5.84 là ngày nhập hạ an cư. Năm nay, ngoài chư Đại Đức Tăng Ni tại Đức còn có Đại Đức Thích Nhuận Chơn và Đại Đức Thích Thiện Huệ từ chùa Khánh Anh cũng sang nhập hạ an cư. Trong suốt thời gian an cư 3 tháng - cứ mỗi thứ bảy từ 9 giờ sáng đến sáng chủ nhật tại chùa đều có tổ chức lễ Thọ Bát Quan Trai cho các Phật tử tại gia. Hàng ngày tại chùa đều có nghi lễ quá đường, niệm Phật, kinh hành, ngồi thiền v.v... và cũng trong thời gian an cư này chư Đại Đức Tăng sẽ hướng dẫn quý vị Phật tử tại gia về nghi lễ, chuông mõ, giáo lý cũng như học hỏi những kinh nghiệm tu hành. Quý vị Phật tử tại gia nào muốn tham gia chương trình tu học trên, xin liên lạc về chùa từ nay cho đến ngày nhập hạ bằng điện thoại để biết thêm chi tiết. Và từ ngày nhập hạ trở đi xin liên lạc bằng thư (Muốn rõ hơn về việc An Cư Kiết Hạ, xin xem bài "9 nghĩa việc an cư kiết hạ" có đăng trong số này).

- Ngày 2 và 3 tháng 6/84 Phật Đản tại Hòa Lan và Bordeaux.

- Ngày 9.6/84 lễ Phật Đản tại Lyon.

- Cuối cùng ngày 17.6/84 sẽ là lễ Phật Đản do chùa Khánh Anh Paris tổ chức.



#### THÔNG CÁO

\* Đại lễ Phật Đản năm nay tại Hannover ngoài những chương trình thường lệ như mọi năm, có một số anh em thanh niên Phật tử trẻ dự định tổ chức một cuộc đấu bóng bàn giao hữu vào ngày thứ bảy 26.5/1984, Vậy các cá nhân và các đoàn thể nào muốn tham gia cuộc đấu trên, xin có mặt trong ngày Đại lễ để tham dự.

\* Trong thời gian qua quyển sách "Hướng dẫn khai thuế" do Ban Xã Hội Hội SV và KB Phật tử ân hành đã được bà con chiểu cổ

rất nồng nhiệt. Ấn bản lần thứ nhất đã hết. Xin quý vị nào cần, cố gắng đợi đến lần tái bản vào cuối năm 84 và đầu 85. Kỳ nh  
mong quý vị thông cảm cho.

\* Quyển sách "Cuộc đời của người Tăng Sĩ" do Thượng Tọa Thích Bảo Lạc và Đại Đức Thích Như Điển biên soạn bằng hai thứ tiếng Việt-Đức. Sách dày 350 trang, bìa in 4 màu, đẹp lung lay. Do Bộ Nội Vụ Cộng Hòa Liên Bang Tây Đức tài trợ. Quý vị nào muốn có sách trên, xin gửi thơ và tem về chùa để gửi biếu quý vị. Việc ứng hộ xin tùy hỷ. Số in chỉ 1.000 cuốn. Sau 3 tuần phát hành chỉ còn 400 cuốn. Vậy mong quý vị hãy liên lạc sớm để có sách - nhất là những người Phật tử Việt Nam muốn giới thiệu Đạo Phật Việt cho người Đức, nên có quyển sách này.

\* Quyển "Kiến Thức Căn Bản Phật Giáo" do Thượng Tọa Thích Bảo Lạc biên soạn - Phật Học Viện Quốc Tế tại Hoa Kỳ xuất bản năm 1983 1.000 cuốn. Đến đầu năm 84 đã hết và chùa Khánh Anh đã tái bản 1.500 cuốn để đáp ứng nhu cầu học Phật của Phật tử. Sách dày hơn 500 trang. Giá tương ứng 20 DM. Sách có phát hành tại chùa Khánh Anh và chùa Viên Giác.

\* Quý xây dựng chùa Viên Giác cho đến nay sau 7 tháng hoạt động của chùa cũng như của đồng bào Phật tử địa phương, kể cả tiền cúng dường và Hội Thiện lên đến 135.000,00 DM. Trong số đó có vị đã chuyển tiền trước, có vị chưa, chờ đến khi kết thúc sẽ cúng dường. Mong rằng với công đức to lớn này, kính mong quý vị Phật tử xa gần chiêu mộ cho, để Tây Đức chúng ta có được một ngôi chùa như ý nguyện.

## GIẢI BÓNG BÀN THÂN HỮU MÙA PHẬT ĐÀN 2528

Trong những lần Đại Lễ Phật Đản và Vu Lan vừa qua, chúng tôi nhận thấy có những khoảng thời khắc có thể tạo những sinh hoạt nhỏ, ngoài chương trình Đại Lễ chính do đó những gian hàng thông tin, chợ phiên, tiệc nạn v.v... được thiết lập.

Tuy thế cũng không đáp ứng đủ nhu cầu của thanh thiếu niên về tham dự. Để những Anh Em trẻ, không có phân sự trong việc tổ chức có những sinh hoạt lành mạnh, chúng tôi sẽ tổ chức một giải bóng bàn "thân hữu" vào ngày thứ 7. (26.5.1984)

- Từ lúc 9.00 sáng đến 17.00 chiều, tại Jugendzentrum Linden.

- Giải này không có tiêu chuẩn quốc tế, vì phương tiện và hoàn cảnh có giới hạn. Mong tất cả các bạn trẻ thông cảm (chỉ có 3 bàn, phòng chật hẹp, ...)

- Thẻ lệ ghi tên: hạn chót là ngày 1.05.1984 (sau đó sẽ khóa số).

- Các người tranh giải sẽ tự ngồi chung với nhau vào ngày thứ bảy lúc 8.00 giờ sáng để thành lập ban trọng tài và chia trận đấu.

Ban tổ chức Đại Lễ sẽ cử người điều khiển và hướng dẫn, những người đã ghi tên không có mặt đúng lúc 8.00 giờ sẽ bị loại bỏ.

- Sẽ đấu theo tiêu chuẩn vòng loại.

- Giải thưởng sẽ được phát tại chùa sau nghi lễ Phật Đản.

(Mọi chi tiết xin liên lạc qua điện thoại số 05131.95002)

## Quảng cáo

Thứ bảy 12.5.84 16 giờ Thứ bảy 12.5.84

CHƯƠNG TRÌNH VĂN NGHỆ VĨ ĐẠI

với sự tham dự của ba đoàn vũ công uyển nghiệp Cam Bốt - Lào - Thái và nhiều ca sĩ tên tuổi Việt Nam - Lào - Trung Hoa : Chế Linh - Thanh Mai - W. Dithavong - So Savoeun - Shine Mai Ly - Rasa Menaka Indrdevi - Folklorique Lao.

Sau chương trình văn nghệ là phần dạ vũ do ban nhạc nổi tiếng tại Pháp GTI phụ trách.

STADTHALLE DÜSSELDORF

12. MAI 1984

Mua vé và mọi liên lạc :  
NGUYỄN THANH HÀ Tel. 02151 754876  
Bückerfeldstr. 14, 4150 Krefeld 1

# Phuong danh qui Đạo Hữu Phật Tử ủng hộ

## Bất thường

(Tính đến ngày 26 tháng 3 năm 1984)

PT Nguyễn Ngọc Đăng(Minden-Dützen)20DM.  
Cầu siêu hưởng linh Nguyễn thị Sâm PD  
Hồng Trục 50DM.ĐH Tô Mỹ Hạnh 20DM.Đ.Hữu  
Phạm văn Chưởng 20DM.ĐH Lê thị Lan(Wun-  
storf)20DM.ĐH Nguyễn văn Minh(Schwein-  
furt)50DM.ĐH Nguyễn Ngọc Lân(München)50  
DM.ĐH Chan Swee Ching(Nordenham)10DM.ĐH  
Lok Peng Fong(")20DM.ĐH Huỳnh Thanh Tùng  
(Uelzen)10DM.ĐH Huỳnh thị Thanh Thúy(")  
10DM.ĐH Nguyễn thị Tứ(Sindelfingen)30DM  
ĐH Trần Phúc Hiền(")10DM.ĐH Nguyễn thị  
Thanh Nhân(Uelzen)20DM.ĐH Đố Tân Phát  
(")20DM.ĐH Quách Hùng(Nordenham)20DM.ĐH  
Lâm Đại Sanh(Nienburg)20DM.ĐH Đố thị Cúc  
20DM.ĐH Nguyễn thị Việt Tâm(Düsseldorf)  
20DM.ĐH Nguyễn văn Kiên(")30DM.PT Ngô  
Bôn(Dörentrup)50DM.PT Nguyễn văn XiếuPD  
Thiện Thông 20DM.ĐH Đố văn Chánh(Uelzen  
20DM.ĐH Cam+Ngô(Berlin)50DM.ĐH Kỳ Kinh  
Chi(Helmstedt)20DM.ĐH Lâm Minh Đức(Fil-  
derstadt)20DM.ĐH Phạm văn Dũng 20DM.ĐH  
Nguyễn thị Teo(Düsseldorf)20DM.ĐH Đố Lệ  
Uyên(Sindelfingen)20DM.ĐH Trần Quang Lân  
(Neuhausen)100DM.ĐH Lưu Cẩm 20DM.ĐH Đố  
Chánh Dân(Sindelfingen)20DM.ĐH Viên Kim  
Huy(")70DM.ĐH Hélène Antony(D'seldorf )  
50DM.ĐH Ngô văn Quốc(")50DM.ĐH Đặng văn  
Danh(")20DM.ĐH Trần Kế Cường(Nordenham)  
20DM.ĐH Nguyễn Ngọc Tru(Seelze)10DM.ĐH  
Nguyễn thị Lý(Göttingen)10DM.ĐH Lê thị  
Tứ(")10DM.ĐH Trần thị Bông(Norden)20DM.  
ĐH Nguyễn Hữu Hạnh(Uelzen)50DM.ĐH Phạm  
Hồng Sáu(Lingen/Ems)50DM.ĐH Hồ A Sang  
(Recklinghausen)25DM.ĐH Lâm Kim Liên(M  
gladbach)30DM.ĐH Hà thị Mai(")10DM.ĐH Hữu  
Trần Bản Vinh(Hildesheim)10DM.ĐH Âu Đức  
Toàn(Braunschweig)20DM.ĐH Ngô văn Chi(D'  
seldorf)20DM.ĐH Nguyễn thị Lan(Essen)50  
DM.ĐH Trần văn Sáu(Uelzen)10DM.ĐH Thái  
thị Thu(Hamel)10DM.ĐH Tạ Ngọc P h ưởng  
(Hamburg)20DM.ĐH Nguyễn văn Minh(Braun-  
schweig)10DM.ĐH Trần văn Sang(Dörentrup  
50DM.ĐH Liêu Mạnh(Helmstedt)10DM.ĐH Trần  
Minh Châu(Wunstorf)5DM.ĐH Đinh thị Toàn  
Antony(D'seldorf)20DM.ĐH Hà Lê(M'glad-  
bach)10DM.ĐH Lý Phước 20DM.ĐH Nguyễn v.  
Nữ(Clausthal-Zell)20DM.ĐH Trần V.Quang  
(Barntrop)50DM.ĐH Huỳnh thị Mai(Uelzen)

20DM.ĐH Nguyễn Hữu Thiện(Braunschweig)20  
DM.ĐH Nguyễn thị Hương(Minden)20DM.Đ.Hữu  
Tăng Ngu Sơn(Stadthagen)20DM.ĐH Đố Lệ  
Uyên 20DM.ĐH Phan văn Quang(Hamburg)10DM  
ĐH Phan Lệ Minh(")10DM.ĐH Tăng Hồng Sướng  
(Bad Oldesloe)50DM.Fam.Karl+Gái Bartos -  
zezyck(Lüdenscheid)150DM.ĐH Lôi Cung Mạnh  
20DM.ĐH Tăng Quốc Lượng(Hannover)20DM.ĐH  
Tăng Quốc Cở 20DM.ĐH Lý Vĩnh Cường 40DM.  
ĐH Tô Ty 100DM.ĐH Huỳnh thị Khiêm(Hamburg  
30DM.ĐH Lê văn Hiền(D'seldorf)20DM.ĐH Bùi  
Xuân Thao(Baden-Baden)100DM.ĐH Phạm Quốc  
Việt(Recklinghausen)50DM.ĐH Nguyễn Ngọc  
Đăng(Minden)20DM.ĐH Phạm văn Phụng(Hil-  
desheim)40DM.ĐH Dương Sang(Helmstedt) 20  
DM.ĐH Nguyễn văn Nam(Braunschweig)30DM .  
ĐH Trương Nam Hoa(Aachim)100DM.ĐH Dương  
Cầm Mậu(Braunschweig)20DM.ĐH Ngô Quế Chi  
(")40DM.ĐH Lý Chân Lợi(Salzbergen)50DM .  
ĐH La Cửu 50DM.ĐH Châu Ngọc Lan(Braunsch-  
weig)50DM.GĐPT Tuệ Hoa(")100DM.ĐH Châu v.  
Dương(Neustadt)10DM.ĐH Dương thị Bê Tứ  
(")10DM.ĐH Lý Vĩnh Cường(Alfeld)20DM.GĐP  
T Lê Quang Tướng 30DM.ĐH Lê thị Kim Hoàng  
(Büchesburg)30DM.ĐH Nguyễn văn Linh(See-  
ze)50DM.ĐH Trần Duyệt Như(Braunschweig )  
40DM.GĐH Lê Đức Khiêm(Laatzten)50DM.ĐH  
Thanh Nguyên(Hannover)10DM.ĐH Chu Khu An  
(Spring)50DM.PT Văn Công Tuấn(Hannover )  
300DM.ĐH Nguyễn Thanh Nhung(Dortmund) 20  
DM.ĐH Lê Chăng(Düsseldorf)30DM.ĐH Lương  
Nai(Aachim)30DM.ĐH Huỳnh Thiết Huệ(Helm-  
stedt)30DM.ĐH Lâm Cam(Braunschweig)10DM.  
ĐH Giang Xâu(Salzburg-Äo)10DM.ĐH Lục Chân  
Huỳnh(Aachim)20DM.ĐH Tướng Phướng +Nguyễn  
văn Luận(Seelze)20DM.ĐH Nguyễn văn Hậu  
(D'seldorf)20DM.ĐH Đố văn Lợi(")40DM. PT  
Thị Vân(Kiel)hồi hưởng hưởng linh thân  
mẫu Lê thị Bông 200DM.ĐH Nguyễn Hữu Kiêm  
(Sindelfingen)20DM.ĐH Nguyễn văn Phong  
(Hildesheim)100DM.ĐH Phan Bình Minh(Dort-  
mund)20DM.ĐH Dương thị Quy(Essen)20DM.ĐH  
Chung Dinh(Schüttorf)50DM.ĐH Vũ Thanh Tân  
(Bühl-Baden)20DM.GĐ Thái thị Sáu(Reutlin-  
gen)10DM.ĐH Trần Tú Anh(")10DM.ĐH Lê Hiệp  
(")10DM.ĐH Nguyễn thị Tuyết(")20DM.Đ.Hữu  
Trần văn Huyền(")10DM.ĐH Võ thị Dương  
Minh(")20DM.ĐH Trần Kim Thi(")10DM.Đ.Hữu  
Phùng Phú(")10DM.ĐH Lê thị Xuân(")10DM .  
ĐH P. thị Nhiêu(Tegelen-Hoia Lan)50 Guld .

ĐH Lữ Tô' Nguyệt(Tegelen-Hođa Lan)25 Guld.  
 ĐH Vương Thủy Lệ(Köln)30DM.Đạohủ Hộ Đat  
 (Pforzheim)50DM.ĐH Trần Huệ(Oldenburger)20  
 DM.ĐH Lưu Châu(Kiel)50DM.ĐH Võ thị Kiều  
 Oanh(Suisse)62.26DM.ĐH Nguyễn Đức Hạnh  
 (Oberhausen)20DM.ĐH Phan thị Bình Minh  
 (Dortmund)20DM.ĐH Lê Phước Non(München )  
 50DM.ĐH Cham Chân Tông(Ao)50DM.ĐH Nguyễn  
 Danh Phượng(Stuttgart)30DM.ĐH Hà Đức Vinh  
 (Weißenthurn)30DM.ĐH Nguyễn Luân(Bonn)50  
 DM.ĐH Trần thị Diệu Hoa(Ravensburg)20DM.  
 ĐH Tôn Thất Đình(Berlin)50DM.ĐH Nguyễn  
 thị Hạnh(Braunschweig)100DM.ĐH Trần Đat  
 Vinh(Hildesheim)40DM.ĐH Ngô Anh Mỹ 50DM.  
 PT Diệu Hạnh(Paris)30OFF.Cô Hồ Ngọc Hoa  
 (Paris)100FF.ĐH Chung A Sang(Pforzheim )  
 20DM.ĐH Đoàn Văn Thới(")100DM.ĐH Nguyễn  
 thị Tốt(TX-USA)60US.ĐH Huỳnh Phú Minh  
 (Suisse)50Frs.ĐH Nguyễn Lệ Anh(Stade) 20  
 DM.ĐH Vương Cường(Lichtenstein)20DM. ĐH  
 Voong Siu Khâm(Moers)50DM.ĐH Châu Tam  
 Muội(")50DM.ĐH Lý Át(Papenburg)50DM. ĐH  
 Nguyễn Văn Hào(Aachen)30DM.ĐH Nguyễn thị  
 Long(Rheine)40DM.ĐH Phùng Kim Liên(Lar -  
 vik Na Uy)100DM.ĐH Quách Hán Kiên (Dor-  
 sten)50DM.ĐH Nguyễn Chấn(Chicago-USA) 10  
 US.ĐH Minh Nghiệp(")30US.ĐH Diệu Quang  
 (")20US.ĐH Diệu Ngọc(")20US.ĐH Diệu Nhân  
 20DM.ĐH Diệu Đat 50DM.Hội PG Ottawa-Hull  
 142Can.ĐH Thiện An và ĐH Chí Pháp 100Can.  
 ĐH Trưởng Tôn Châu(Gießen)150DM.ĐH Đặng  
 Văn Khoa(Kiel)100DM.ĐH Phan Ngọc Anh(Ber-  
 lin)30DM.ĐH Tăng Bích Phân(Lingen/Ems)50  
 DM.ĐH Nguyễn Văn Lý(Tennenbronn)50DM. ĐH  
 Trung Hữu Lợi(Wittmund)60DM.ĐH Trần Dươg  
 Vinh(Bonn)200DM.ĐH Nguyễn Thanh Túy (Reck-  
 linghausen)100DM.ĐH Trần thị Tuy(Dort -  
 mund)100DM.ĐH Nguyễn Văn An(Viersen)30DM  
 ĐH Trần Sang(Würzburg)50DM.ĐH Vương Khánh  
 Giảng(Oberhausen)66DM.ĐH Lâm Hồng Nguyễn  
 (Aachen)30DM.ĐH Tô Văn Phước(München) 20  
 DM.ĐH Huỳnh thị Mai Trâm 50DM.ĐH Thâm Xây  
 Vã(Bochum)40DM.ĐH La Cứu 10DM.ĐH Chu Hoãg  
 Kim Anh 20DM.ĐH Thái thị Thu(Hameln)20DM  
 ĐH Lương Tuệ Hoa 20DM.ĐH Lương Mỹ Ngọc  
 100DM.ĐH Lương Mỹ Nường 10DM.ĐH Lo Hing  
 Pong và Lương Dũng 50DM.ĐH Phạm Hữu Phước  
 (Burbach)20DM.ĐH Phạm Tùng(Braunschweig )  
 20DM.PT Minh Không(Lausanne-Thuy Sĩ) 100  
 FrS.PT Đào Đình Xuân(Hamburg)hội hướng  
 hướng linh Nguyễn Văn Châu 200DM.ĐH Tiêu  
 Phú Hùng và Gia đình(Idar-Oberstein)20DM  
 ĐH Trịnh Văn và Gia đình(")20DM.ĐH Viên  
 Á Nhi và Gia đình(Koblenz)20DM.ĐH Trịnh  
 Minh Tài và Gia đình(Kastellaan)20DM. ĐH  
 Nguyễn Hồng Kỳ(Marseille)100FF.ĐH Nguyễn

Thế Tâm(Paris)200Fr.ĐH Huệ Hòa(")200Fr .  
 Gia đình ĐH Thàng Trạch(Wuppertal) hội  
 hướng hướng linh thân mẫu Trịnh Tuyết Anh  
 650DM.ĐH Trịnh Mậu(Hamburg)20DM.ĐH Đ à o  
 Hữu Chí(")20DM.ĐH Hà Ngọc Anh (Kalten-  
 kirch)10DM.ĐH Quách Chí(Hamburg)10DM. ĐH  
 Lý Vĩnh Lợi(")20DM.ĐH Phan Ngọc Lan(")20  
 DM.ĐH Nguyễn thị Thuồng(")20DM.ĐH Lương  
 Ngọc Dân(")50DM.ĐH Ngô Thoai Bình(Bad I-  
 burg)100DM.ĐH Nguyễn thị Nguyệt(Mannheim  
 30DM.ĐH Lê Hữu Khải(Tastrup-Đan Mach)100  
 kr.ĐH Nguyễn Khắc Cần(München)hội hướng  
 chủ hướng linh quả vãng 300DM.ĐH Vũ Vương  
 Muội Muội và Chuyên Đàm(Stade)50DM.ĐH Hữu  
 Phùng Nguyễn Nhi(")50DM.G.Đình Lý Duy Bân  
 (Landstuhl)40DM.ĐH Võ thị Lê(M'gladbach)  
 20DM.ĐH Hoàng Tuấn Dũng(München)100DM.ĐH  
 Nguyễn Văn Thi(Tennenbronn)50DM.ĐH ông bảo  
 Phật tư Hamburg hội hướng hướng linh Lâm  
 Hải 400DM.Thầy Thích Phật Đao(Pháp)100FF  
 ĐH Phạm Nam Sơn và ĐH Ngọc Hiền(NY-USA )  
 30US.ĐH Trần thị Huỳnh Mai(Pforzheim) 20  
 DM.ĐH Diệu Bảo(Paris)100FF.ĐH Chí Hướng  
 (")50FF.

## Định kỳ

ĐH Nguyễn Văn Trức(Hannover)300DM/6tháng  
 ĐH Phạm Quốc Việt(Recklinghausen)50DM .  
 ĐH Nguyễn Thanh Túy(")120DM/1-12/84.ĐH Hữu  
 Nguyễn Bình Dương(Lünen)40DM/1-2/84.ĐH Hữu  
 Grimahldhi(Paris)300FF/1-6/84.ĐH Đoàn thị  
 Thanh Tú(")300DM/1-6/84.ĐH Lý Diệu Anh  
 (Vechta)75DM/2-4/84.ĐH Đoàn thị Thanh Tú  
 (Créteil-Pháp)300FF/1-6/84.Đạo hủ Hộ Văn  
 Nguyễn Paris)300FF/1-6/84.ĐH Hữu Grimahldhi  
 (")300FF/1-6/84.ĐH Nguyễn Lưu(")300FF/1-  
 6/84.ĐH Tứ Sánh(Aachen)240DM/1-12/84. ĐH  
 Phạm Đăng Dung(Lindenberg/Allg.)50DM/ 3/  
 84.ĐH Lâm Thành(Lingen/Ems)45DM/3-4-5/84  
 ĐH Lý Diệu Anh(Vechta)25DM/ 3/84.ĐH Phạm  
 Đăng Anh Tuấn(Kassel)20DM/ 2/84.

## Cúng dường xây Chùa

ĐH Vũ Quang Tú(Seelze)đợt 2/100DM.ĐH Ng.  
 Văn Linh(")150DM.ĐH Tô Mỹ Hạnh 1000DM.ĐH  
 Trần Đình Khải 50DM.ĐH Lâm Kim Liên (M'  
 gladbach)50DM.ĐH Hà Lê(")50DM.ĐH Tạ Ngọc  
 Hoa(Wedel)100DM.ĐH Lý Thanh Tân(Braunsch-  
 weig)150DM.ĐH Lê Văn Hiền(D'seldorf) 100  
 DM.ĐH Nguyễn Thanh Túy(Recklinghausen )  
 500DM.ĐH Lê Chàng(D'seldorf)200DM.Đạohủ  
 Huỳnh Lê Minh(Neuss)50DM.ĐH Võ thị Bạch  
 Tuyết(")50DM.ĐH Nguyễn Văn Linh(Seelze )

150DM.ĐH Nguyễn thị Giới(Neuss)30DM.ĐH Đỗ  
 văn Lợi(D'seldorf)200DM.ĐH Lại thị Hiếu  
 (")100DM.ĐH Trần văn út(Schramberg)100DM.  
 ĐH Phú Kim Anh(")400DM.Đ. Hữu Vũ văn Hùng  
 (Furtwangen)10DM.ĐH Loan Wolfe(Wiesbaden)  
 50US.ĐH Nguyễn thị Tư Qui(St.Georgen)50DM  
 ĐH Nguyễn thị Sười và Trần thị Số(")50DM.  
 ĐH Nguyễn văn Trầg(")20DM.ĐH Nguyễn Ngọc  
 Thành(")20DM.ĐH Triệu Viên Minh(")20DM.ĐH  
 Trương thị Văn và Lưu thị út(")20DM.Đ Hữu  
 Triệu Minh Chí(")20DM.ĐH Lê Thọ Hăng(")20  
 DM.ĐH Trương Quốc Việt(")30DM.ĐH Huỳnh văn  
 Hiệp(")10DM.ĐH Đặng Ngọc Trần(")20DM.ĐH Hữu  
 Lưu Minh(")20DM.ĐH Trịnh Lệ Hương(")20DM.  
 ĐH Lâm Kiêm Huệ(")20DM.ĐH Nguyễn Kỳ Sướng  
 (")20DM.ĐH Phạm thị Lộc(Wilhelmshaven) 20  
 DM.ĐH Nguyễn thị Thọ(Aachen)100DM.ĐH Phạm  
 thị Nhiều(Tegelen-Hoia Lan)100Guld.ĐH Phạm  
 thị Thương(")100Guld.ĐH Thái Grieves Diệu  
 Tường(Virginia USA)80US.ĐH Hữu Nguyễn Chỗn  
 (Chicago-USA)10US.

GĐĐH Diệu Bích và ĐH Thị Pháp Huỳnh Phước  
 Bằng 2.000,00Can.đô Ia.ĐH Nguyễn văn Chính  
 30Can.ĐH Nguyễn Quang Di 200Can.ĐH Trần  
 Hữu Long và Tâm Anh 300Can.ĐH Lê văn Thu  
 150Can.ĐH Hồ Sĩ Dũng 20Can.ĐH Trần t h j  
 Hương 20Can.ĐH Huỳnh thị Tâm 10Can.ĐH Hữu  
 Diệu Bửu 20 Can.ĐH Đức Phước 10Can.ĐH Lê  
 văn Cở 20Can.ĐH Trần văn Đức 30Can.ĐH Hữu  
 Đăng Tân Nam 10Can.ĐH Lê Quang Minh 30Can.  
 ĐH Tôn Nữ Tâm Giảng 50Can.ĐH Diệu Huệ 150  
 Can.ĐH Nguyễn Minh 10Can.ĐH Phạm thị Ngọ  
 30Can.ĐH Huỳnh Ngọc Trọng 30Can.ĐH Hữu Đình  
 Xuân Thảo 50Can.và 20US.ĐH Mã thị Sang 30  
 Can.ĐH Nguyễn Bình Tuyên 80Can.ĐH Trần Nhã  
 Nguyễn 10Can.ĐH Lý Lan Phượng 10Can.Đ. Hữu  
 Trần Thị Hiệp 40Can.ĐH Lê Huy Nhâm 20Can.  
 ĐH Phan Trọng Hàm 50Can.ĐH Lâm Xuân Quang  
 20Can.ĐH Lâm Tô Bông 10Can.ĐH Tôn Thất Xứng  
 100Can.ĐH Nguyễn Xuân Quang 50US và Niệm  
 Phật Đường Quan Âm 500Can.

ĐH Nguyễn văn An(Viersen)20DM.ĐH Lý Huỳnh  
 Dũng(Stuttgart)20DM.Ni Cô Diệu Ân và Ni Cô  
 Diệu Hạnh(Barnttrup)200DM.ĐH Trần Ngọc Thận  
 PD Minh Hiếu(")100DM.ĐH Trịnh Khả Thắng(")  
 100DM.ĐH Vương Hội(")50DM.ĐH Nguyễn v ấ n  
 Phát(Hiddenhausen)50DM.Một Phật tử tại Ba.  
 dolynhausen 100DM.ĐH Nguyễn văn Xem(Hid-  
 denhausen)40DM.ĐH Lê Cảnh Tú(Minden)50DM.  
 ĐH Trí Minh và Hiền Ngọc(Hameln)200DM. ĐH  
 Trịnh Minh Tân và Diệu Bằng 200DM.Ấn danh  
 200DM.ĐH Nguyễn Hoàng Minh(Hiddenhausen )  
 20DM.ĐH Nguyễn Thành Toàn(Barnttrup)10DM .  
 ĐH Trần văn Quang PD Thiện Nguyên 1.000DM  
 ĐH Nguyễn văn Xiếu PD Thiện Thông 1.000DM

ĐH Huỳnh thị Vĩnh(Barnttrup)50DM.ĐH Trần  
 văn Sáng(Dörentrup)600DM mỗi năm cho đến  
 khi nào chùa cất xong.ĐH Phạm Xuân Phúc  
 (Dörentrup)50DM.ĐH Nguyễn Hữu Tuấn(")200  
 DM.Cu Đổng Cửu(Barnttrup)100DM.ĐH Lê văn  
 Thành(Dörentrup)50DM.ĐH Nguyễn văn S ó n  
 (Dörentrup)mỗi tháng 10DM cho đến khi nào  
 chùa cất xong. .GĐ Nguyễn Ngọc  
 Đuờg và Đào thị Thu Thủy - Ngọc Đăng DM  
 500.ĐH Trịnh Mậu(Hamburg)400DM.ĐH Huỳnh  
 Trương Sanh(")400DM.ĐH Hồng Phước(") 500  
 DM.ĐH Nguyễn Công Lợi(")400DM.ĐH Phan Bôn  
 (")500DM.ĐH Trần Cho(")100DM.ĐH Đặng Hữu  
 Hào(")500DM.ĐH Lâm Đức(")500DM.ĐH Nguyễn  
 Hữu Thị Mũng Chí(Oberhausen)200DM.ĐH Lê  
 Hữu Khai(Tastrup-Đan Mạch)200Kronne.ĐH Hữu  
 Tú Sánh(Aachen)60DM.Đổng bảo Phật tử vùng  
 München 960DM.

## Báo Viên Giác

PT Nguyễn Ngọc Đăng(Minden-Dützen)20DM .  
 ĐH Nguyễn văn Kiên(D'seldorf)20DM.ĐH Hữu  
 Helene Antony(")20DM.ĐH Lâm Kim Liên (M'  
 gladbach)20DM.ĐH Trần thị Hiền(Clausthal  
 20DM.ĐH Hà Lê(M' gladbach)10DM.ĐH Nguyễn  
 Ngọc Đăng(Minden)20DM.ĐH Nguyễn văn Lương  
 (D'seldorf)20DM.ĐH Nguyễn văn Sáu(Wil'  
 helmshaven)30DM.ĐH Hà Kiến Hưng (Osna-  
 brück)100DM.ĐH Lê Đức Khiêm(Laatzten)20DM  
 ĐH Nguyễn thị Phương Liên(Suisse)100FF .  
 ĐH Đoàn thị Thuận(")100FF.ĐH Vương Thủy  
 Lê(Köln)17DM.ĐH Thái Grieves Diệu Tường  
 (Virginia-USA)20US.ĐH Mã thị Kim H ồ n g  
 (Nettetal)10DM.ĐH Diệu Hiếu(Chicago USA)  
 50US.ĐH Nguyễn Quang Di(Montréal-Canada)  
 20Can.GĐĐH Hồ Ngọc Tuấn 20 đđ ĐH Nguyễn X.  
 Quang 30US.ĐH Nguyễn văn An(Viersen)10DM  
 ĐH Thái văn Châu(Paris)200Fr.Ấn danh(Bad  
 Iburg)100DM.ĐH Giang Lăng Hĩa(Hamburg)20  
 DM.ĐH Nguyễn thị Hồng(Langenthal-Suisse)  
 ĐH Lê Hữu Thắng(Niefern Vorort)20DM.ĐH Hữu  
 Huỳnh Lý(Aachen)20DM.ĐH Diệu Thuận(Paris  
 300FrF.ĐH Phạm thị Nghệ(CA USA)10US.

Mọi sự cúng dường, ủng hộ, Quý vị có t h ệ  
 gửi thẳng về chùa trong bao thư hoặc qua  
 1 trong 2 số Konto của ngân hàng Deut-  
 sche Bank Hannover như sau:Chùa ViênGiác  
 Konto Nr.8650228. BLZ 250 700 70.Hoặc số  
 Konto Cong.d.Verein.Vietn.Buddh.Kirche e.  
 V. 865 74 70. BLZ 250 700 70.

Xin thành thực cảm ơn quý vị.



CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN 2528 NĂM TẠI HANNOVER ĐƯỢC TỔ CHỨC TỪ NGÀY  
25.-27 THÁNG 5 NĂM 1984

Thứ sáu ngày 25-5-1984:

- 15:00 Các Ban Văn Nghệ, Ban Trai Soạn tập trung tại Jugendzentrum Hannover  
Badenstedterstr. 41. Tel. 0511-445 835 và tại chùa Viên Giác, Eichel -  
kampstr. 35A, 3000 Hannover 81. Tel. 0511-864638.
- 18:00 Cơm tối
- 20:00 - Họp Ban Tổ Chức tại Jugendzentrum  
- Thuyết pháp tại chùa Viên Giác do Thượng Toạ Thích Minh Tâm d i ễn  
giảng và xem phim Việt Nam.
- 24:00 Chối tịnh

Thứ bảy ngày 26-5-1984:

- 07:00 Công phu tại chùa
- 08:00 Điềm tâm
- 09:00 Các Phái Đoàn về tham dự Đại Lễ tại Jugendzentrum và tại chùa
- 10:00 - Lễ cầu an, thuyết pháp và lễ Quy Y Tam Bảo tại chùa. (Quy y nào xin  
Quy Y Tam Bảo, xin có mặt vào giờ này)  
- Ban Chấp Hành Hội Phật Tử họp tại Jugendzentrum
- 12:00 - Ngọ trai, và lễ tiễn Linh chiế hương Linh quả vãng thơ tại chùa.
- 14:00 - Thuyết pháp tại chùa do Thượng Toạ Thích Minh Tâm và chư tôn Hòa  
Thượng, Thượng Toạ, Đại Đức thuyết giảng.
- 15:30 - Diễn giảng tại Jugendzentrum do Đại Đức Thích Như Điền đảm trách.
- Tổng dật tại rạp hát Aegi
- 17:00 - Cơm tối  
- Di chuyển sang rạp hát Theater am Aegi
- 19:00 Đêm văn nghệ mừng Phật Đản 2528 năm do sự đóng góp của Ban Văn Nghệ  
Hội Phật Tử Tây Đức và Đoàn cải lương Năm Châu đến từ Paris cùng các  
nghệ sĩ lừng danh trình diễn trong vở tuồng "ĐƯỜNG GIÒM YÊN BÀ", với  
nhiều tiết mục cảm động trong tình đời nghĩa đạo, do các nghệ sĩ sau  
đây thực hiện: CHÍ TÂM, PHƯƠNG THANH, MINH TÂM, TÀI LƯƠNG, MỸ HÒA, A N H  
TUYẾT, NGỌC LƯU, HÙNG TIẾN, HOÀNG TIẾP, và Ban nhạc đệm gồm có: MINH THANH  
THIỆU PHONG, TRẦN NGỌC MỸ. Các kếp phụ như: DUY THẮNG, HOÀNG TRỌNG.....
- 21:00 Nghỉ giải lao
- 23:30 Đêm Văn Nghệ chấm dứt.

Chủ nhật ngày 27-5-1984:

- 07:00 Công phu tại chùa
- 08:00 Điềm tâm
- 09:00 Di chuyển từ Jugendzentrum về chùa
- 10:00 - Cử hành Đại Lễ Phật Đản chính thức dưới sự chứng minh Đạo Sư của Hòa  
Thượng Thích Trung Quán viện chủ chùa Hoa Nghiêm tại Pháp và chư tôn  
Hòa Thượng, chư Thượng Toạ, Đại Đức Tăng Ni  
- Tụng kinh mừng Khánh Đản  
- Cảm niệm ngày Đại Lễ
- 12:00 Lễ cúng dường trai Tăng, dâng tỳ vật dụng.
- 15:00 Thả thực cô hồn
- 16:00 Hôn mả



# MỪNG NGÀY PHẬT ĐẢN

HOAN HI'

Y MAI và ĐĂNG LÊ NGUYỄN

Ngày rằm tháng tư sáng tươi về đây . Trời bình  
Ngày rằm tháng tư chúng ta mừng vui . Mừng hào  
minh ngàn chim liú lo vờn cây . Ngày trần gian vui  
quang bừng soi sáng nói ngàn phương . Mừng trần gian u  
đón Đức Phật Tử Tôn . Trong nắng mai huy hoàng mừng  
tôi không còn đau thương . Bao chúng sanh vui mừng ngày....  
ngày Đản Sanh . ( Ngày ) ...rằm tháng tư . Nam  
Nam  
Mô Bồn Sư Thích Ca Phật Đà . Nam Mô Bồn  
Mô chúng con kính xin lay ngài . Nam Mô chúng  
Sư Thích Ca Phật Đà . Hào quang đã sáng soi về muôn  
con kính xin nguyện cầu . Cầu cho muôn chúng sanh đời đời  
lời biển khơi ngàn trùng dương lướt trôi niềm tin khắp nơi  
hết khô' đau và từ đây sông....  
Nam....  
...trong ánh sáng Đạo vàng .